

Số: 8255 /TB-CTHADS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Về việc thi hành án**

Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 47 và khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 259/2025/HS-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 504/2024/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 299/2025/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2025, 310/2025/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2025, 365/2025/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2025 và 451/2025/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2025 cùng của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 3699/QĐ-CTHADS ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo:

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thi hành nội dung Buộc bà Trương Mỹ Lan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ số tiền 30.081.509.700.000 đồng và khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho 43.108 đương sự.

Quá trình tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được 40.535 Đơn của đương sự cung cấp thông tin tài khoản và các tài liệu liên quan đến thực hiện chi trả tiền bằng hình thức chuyển khoản.

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đề nghị 2.573 trường hợp đương sự chưa nộp đơn nhanh chóng gửi Đơn về Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt, thực hiện tổng hợp gửi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục chi trả khoản tiền bà Trương Mỹ Lan bồi hoàn theo tỉ lệ thanh toán.

Nội dung Đơn cung cấp thông tin gồm:

(i) Đơn đề nghị nhận thông báo về thi hành án trên Trang thông tin điện tử Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh và nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản (bản chính);





**DANH SÁCH ĐƯƠNG SỰ CHƯA CÓ ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN CÁ NHÂN VÀ TÀI KHOẢN**  
(Kèm theo Thông báo về việc thi hành án số /TB-CTHADS ngày 26/6/2025 của Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh)

| STT | STT THEO PHƯƠNG TỤC BÁN AN | STT PHU LƯC | Họ và tên              | Địa chỉ                                                               | Mã V/AI phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|----------------------------|-------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1   | 13.442                     | 1C          | VŨ ANH TOÀN            | 30 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG BẾN THÀNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 5.759    | 575.900.000             |
| 2   | 13.480                     | 1C          | NGUYỄN KIỀU GIANG      | 192E TRẦN QUANG KHAI P TÂN ĐỊNH QUẬN 1 TPHCM                          | ADC-2019.01   | 6.397    | 639.700.000             |
| 3   | 13.503                     | 1C          | PHẠM MINH PHÚ          | 162 KP2, PHƯỜNG THỚI AN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2019.01   | 10.555   | 1.055.500.000           |
| 4   | 13.513                     | 1C          | NGUYỄN THỊ THO         | 49/64/36 ĐƯỜNG SỐ 51, PHƯỜNG 14, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH   | ADC-2019.01   | 1.918    | 191.800.000             |
| 5   | 13.520                     | 1C          | NGUYỄN THỊ TUYẾT       | 50/18 ĐƯỜNG 6 LONG TRƯỜNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH   | ADC-2019.01   | 1.919    | 191.900.000             |
| 6   | 13.540                     | 1C          | NGUYỄN THỊ KIỀU THƠ    | SỐ 4 ĐƯỜNG SỐ 2 C/X BÌNH THỚI, P8, QUẬN 11, TP. HỒ CHÍ MINH           | ADC-2019.01   | 1.925    | 192.500.000             |
| 7   | 13.542                     | 1C          | VŨ PHẠM NAM            | 258 NGÕ 28 NGỌC HÀ, P ĐỐI CÁN, Q. BÀ ĐÌNH, TP HÀ NỘI                  | ADC-2019.01   | 4.797    | 479.700.000             |
| 8   | 13.551                     | 1C          | TRỊNH THỊ VĂN THANH    | 84 LẠCH TRAY, LẠCH TRAY, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                         | ADC-2019.01   | 1.918    | 191.800.000             |
| 9   | 13.584                     | 1C          | HUỲNH THỊ ĐỆT          | 53/17/3 ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, TPHCM                      | ADC-2019.01   | 2.876    | 287.600.000             |
| 10  | 13.589                     | 1C          | LÊ NHẬT MAI            | 31/213 ĐÔNG KHÊ, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                                 | ADC-2019.01   | 1.917    | 191.700.000             |
| 11  | 13.598                     | 1C          | LÊ VĂN LỘC             | 2A HẸN MẶC TỬ PHƯỜNG TÂN THÀNH QUẬN TÂN PHÚ TPHCM                     | ADC-2019.01   | 1.917    | 191.700.000             |
| 12  | 13.626                     | 1C          | TRẦN THỊ ÁNH NGUYỆT    | 234 NGUYỄN TRUNG TRỰC, VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, KIÊN GIANG       | ADC-2019.01   | 1.920    | 192.000.000             |
| 13  | 13.656                     | 1C          | HOÀNG THỊ CHÂU         | TỔ 3, KHU 3, THANH SƠN, UÔNG BÍ, QUẢNG NINH                           | ADC-2019.01   | 2.246    | 224.600.000             |
| 14  | 13.661                     | 1C          | BÙI THỊ THỤY           | XÃ TRUNG HÃ, HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP HẢI PHÒNG                          | ADC-2019.01   | 2.874    | 287.400.000             |
| 15  | 13.696                     | 1C          | LÊ THỊ THÚY TRANG      | 2/3 KP TÂN HÒA, P ĐỒNG HÒA, TP DĨ AN, T BÌNH DƯƠNG                    | ADC-2019.01   | 5.750    | 575.000.000             |
| 16  | 13.699                     | 1C          | NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG | TRẦN PHÚ, ĐỒNG NGÀN, TỬ SƠN, BẮC NINH                                 | ADC-2019.01   | 6.705    | 670.500.000             |
| 17  | 13.701                     | 1C          | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 59 NGÕ TẮT TỔ PHƯỜNG 21 Q BÌNH THẠNH TPHCM                            | ADC-2019.01   | 47.882   | 4.788.200.000           |
| 18  | 13.721                     | 1C          | NGUYỄN TỔ NỮ           | CC MIZUKI PARK, MP3 XÃ BÌNH HƯNG H BÌNH CHÁNH TPHCM                   | ADC-2019.01   | 14.746   | 1.474.600.000           |
| 19  | 13.748                     | 1C          | VŨ THỊ HIỀN            | SỐ 10/1/1 MINH KHAI, P MINH KHAI HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG              | ADC-2019.01   | 8.707    | 870.700.000             |
| 20  | 13.761                     | 1C          | VŨ THỊ LAN             | 37D HẠ LÝ, HẠ LÝ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                | ADC-2019.01   | 1.914    | 191.400.000             |
| 21  | 13.764                     | 1C          | CÔNG THỊ MINH HIỀN     | 10 NGÕ 13 NGUYỄN ĐỨC CẢNH P TƯỜNG MAI Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI           | ADC-2019.01   | 2.489    | 248.900.000             |
| 22  | 13.775                     | 1C          | LƯƠNG THỊ HIỀN         | TỔ 5, P ĐỀ THÁM, TP. THÁI BÌNH, T. THÁI BÌNH                          | ADC-2019.01   | 5.359    | 535.900.000             |
| 23  | 13.783                     | 1C          | LÊ NGỌC MY             | 489/3 Q.11A, KP2, P LINH XUÂN, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                      | ADC-2019.01   | 3.202    | 320.200.000             |



| STT | STT THEO PHU LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                            | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 24  | 13.802                  | 1C          | NGUYỄN THÀNH NHÂN      | 498 BÀ HẠT, PHƯỜNG 8, QUẬN 10, TP HCM                              | ADC-2019.01   | 4.784    | 478.400.000             |
| 25  | 13.803                  | 1C          | TRẦN THỊ THÚY          | 20 ĐƯỜNG 10, KP6, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC, TP HCM          | ADC-2019.01   | 2.392    | 239.200.000             |
| 26  | 13.833                  | 1C          | TRẦN NGỌC SƠN          | 1506 - 17T10 KDTM Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                      | ADC-2019.01   | 1.914    | 191.400.000             |
| 27  | 13.844                  | 1C          | NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN | 18 NGUYỄN VIỆT XUÂN, P. PHƯỚC LONG, TP. NHA TRANG, T. KHÁNH HÒA    | ADC-2019.01   | 2.865    | 286.500.000             |
| 28  | 13.861                  | 1C          | LÊ THỊ BÉ              | 40 TRƯỜNG CÔNG, PHƯỜNG 14, TÂN BÌNH, TP HCM                        | ADC-2019.01   | 1.913    | 191.300.000             |
| 29  | 13.882                  | 1C          | ĐIỀN THỊ MỸ LIÊN       | 449/32/5 LÊ QUANG ĐỊNH PHƯỜNG 5 Q BÌNH THẠNH TP HCM                | ADC-2019.01   | 6.694    | 669.400.000             |
| 30  | 13.896                  | 1C          | NGÔ BÍCH THANH         | SỐ 2 LÊ THỊ HÀ, KHU PHỐ 8, THỊ TRẤN HỐC MÔN, HUYỆN HỐC MÔN, TP HCM | ADC-2019.01   | 4.782    | 478.200.000             |
| 31  | 13.898                  | 1C          | LƯU THỊ KIM CHUNG      | ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG TÂN KIẾNG, QUẬN 7, TP HCM                      | ADC-2019.01   | 3.347    | 334.700.000             |
| 32  | 13.907                  | 1C          | TĂNG TƯỜNG TỬ          | 246 TRẦN PHÚ, P.09, Q.5, HCM                                       | ADC-2019.01   | 4.782    | 478.200.000             |
| 33  | 13.924                  | 1C          | TRIỆU VĂN SƠN          | 302/17 NGÕ QUYỀN, PHƯỜNG 08, QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH              | ADC-2019.01   | 4.273    | 427.300.000             |
| 34  | 13.930                  | 1C          | ĐẶNG THỊ THÀNH         | 63 G2/60 LƯƠNG KHÁNH THIÊN, CẦU ĐẤT, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG          | ADC-2019.01   | 3.824    | 382.400.000             |
| 35  | 13.962                  | 1C          | NGUYỄN VĂN HÒA         | 109/47 ẤP MỚI 2, TRUNG CHÁNH, HỐC MÔN, TP. HCM                     | ADC-2019.01   | 2.390    | 239.000.000             |
| 36  | 13.963                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH  | THÔN NAM HƯNG XÃ VŨ LẠC TP THÁI BÌNH T THÁI BÌNH                   | ADC-2019.01   | 6.757    | 675.700.000             |
| 37  | 13.966                  | 1C          | ĐOÀN THỊ TUYẾT         | SỐ 5A/55 NGUYỄN ĐỨC CẢNH, AN BIÊN, LÊ CHÂN, TP HẢI PHÒNG           | ADC-2019.01   | 1.912    | 191.200.000             |
| 38  | 13.971                  | 1C          | NGUYỄN QUỲNH CHI       | 11/1A XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH, PHƯỜNG 17, Q BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH  | ADC-2019.01   | 1.911    | 191.100.000             |
| 39  | 13.977                  | 1C          | HOÀNG VĂN TẠO          | 13 NGUYỄN VĂN TRỖI, P NGOC TRẠO, TP THANH HÓA, T THANH HÓA         | ADC-2019.01   | 2.198    | 219.800.000             |
| 40  | 13.978                  | 1C          | PHẠM VĂN SƠN           | SỐ 84 LẠCH TRAY, P LẠCH TRAY, Q NGÕ QUYỀN, TP HẢI PHÒNG            | ADC-2019.01   | 4.968    | 496.800.000             |
| 41  | 13.985                  | 1C          | BÙI THỊ THẠCH HOA      | 27/6A HƯNG LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM, HỐC MÔN, TP HỒ CHÍ MINH                | ADC-2019.01   | 9.554    | 955.400.000             |
| 42  | 13.999                  | 1C          | LÊ THU HẰNG            | HỮU TRUNG, HỮU HÒA, THANH TRÌ, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 6.280    | 628.000.000             |
| 43  | 14.002                  | 1C          | NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN   | 211/8B, ĐƯỜNG NG 3/2 P HƯNG LỢI Q NINH KIỀU TP CẦN THƠ             | ADC-2019.01   | 2.866    | 286.600.000             |
| 44  | 14.009                  | 1C          | ĐỖ THUY DƯƠNG          | SỐ 16/237 CÁT BÌ, TDP E1, CÁT BÌ, HẢI AN, HẢI PHÒNG                | ADC-2019.01   | 5.732    | 573.200.000             |
| 45  | 14.010                  | 1C          | NGUYỄN THỊ MINH HIẾU   | 148/2 ĐƯỜNG 4, P HIỆP BÌNH CHÁNH, Q THỦ ĐỨC, TP HCM                | ADC-2019.01   | 4.777    | 477.700.000             |
| 46  | 14.023                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HIỀN        | 44A HOÀNG HOA THÁM, P.12, Q. TÂN BÌNH, TP. HCM                     | ADC-2019.01   | 1.911    | 191.100.000             |
| 47  | 14.025                  | 1C          | NGUYỄN PHƯƠNG LY       | DI TRẠCH, XÃ DI TRẠCH, H HOÀI ĐỨC, TP HÀ NỘI                       | ADC-2019.01   | 1.928    | 192.800.000             |
| 48  | 14.027                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THU LOAN    | 219 HỒNG LẠC, PHƯỜNG 10, Q. TÂN BÌNH, TP HCM                       | ADC-2019.01   | 6.687    | 668.700.000             |
| 49  | 14.035                  | 1C          | VŨ THỊ MINH NGỌC       | 47 THÀNH MỸ, PHƯỜNG 8, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM                       | ADC-2019.01   | 1.911    | 191.100.000             |
| 50  | 14.036                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THÚY LINH   | CỤM 13, XÃ VINH QUỲNH, H THANH TRÌ, TP HÀ NỘI                      | ADC-2019.01   | 1.911    | 191.100.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                | Mã Trai/phiếu | Số vùng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|-------------------------|
| 50  | 14.036                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THÚY LINH  | CỤM 13, XÃ VINH QUYNH, H THANH TRÌ, TP HÀ NỘI                          | ADC-2019.01   | 1.911   | 191.100.000             |
| 51  | 14.049                  | 1C          | LÊ HUY CHÍNH          | P4D1 PHU TT KIM LIÊN P KIM LIÊN Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI                    | ADC-2019.01   | 1.963   | 196.300.000             |
| 52  | 14.058                  | 1C          | LÊ THỊ MÃM            | 179/41, KP4, TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12, TP HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2019.01   | 7.830   | 783.000.000             |
| 53  | 14.069                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN   | 04/14/93/72 LẠCH TRAY, P ĐỒNG HẢI, Q LÊ CHÂN, TP HẢI PHÒNG             | ADC-2019.01   | 2.387   | 238.700.000             |
| 54  | 14.076                  | 1C          | LÊ VĂN DƯƠNG          | 45C ẤP 5, XUÂN THỜI SƠN XÃ XUÂN THỜI SƠN H HỒC MÔN TPHCM               | ADC-2019.01   | 3.820   | 382.000.000             |
| 55  | 14.086                  | 1C          | NGUYỄN THỊ KHÁNH DUNG | 58 LÊ MINH XUÂN PHƯỜNG 8 Q TÂN BÌNH TPHCM                              | ADC-2019.01   | 4.774   | 477.400.000             |
| 56  | 14.090                  | 1C          | TỔNG THỊ ĐÔNG         | 3/22B KP TÂN LONG, P TÂN ĐÔNG HIỆP, TP DĨ AN, T BÌNH DƯƠNG             | ADC-2019.01   | 3.000   | 300.000.000             |
| 57  | 14.091                  | 1C          | ĐỖ THỊ KIM THANH      | LƯƠNG NGHĨA, LONG MỸ, HẬU GIANG                                        | ADC-2019.01   | 2.387   | 238.700.000             |
| 58  | 14.101                  | 1C          | ĐÀO TRIỆU TRUNG       | 259 VÕ VĂN TÂM, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2019.01   | 2.864   | 286.400.000             |
| 59  | 14.110                  | 1C          | BẠCH THỊ KIM HOA      | 861/84/1 TRẦN XUÂN SOẠN, KP4, PHƯỜNG TÂN HƯNG, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 1.910   | 191.000.000             |
| 60  | 14.119                  | 1C          | BÙI THỊ TUYẾT NGÀ     | 491/43 HUỖNH VĂN BÁNH PHƯỜNG 13 Q PHÚ NHUẬN TPHCM                      | ADC-2019.01   | 3.818   | 381.800.000             |
| 61  | 14.130                  | 1C          | NGUYỄN THỊ MINH       | 102/1 NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. THẮNG TAM, TP. VŨNG TÀU                    | ADC-2019.01   | 1.910   | 191.000.000             |
| 62  | 14.133                  | 1C          | TRẦN THỊ VU           | TỔ BA TÂN MAI HOÀNG MAI HÀ NỘI                                         | ADC-2019.01   | 2.863   | 286.300.000             |
| 63  | 14.155                  | 1C          | ẬU HOÀNG HÀ           | 69 ĐƯỜNG 11, KHU DC BÌNH HƯNG, BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH             | ADC-2019.01   | 2.002   | 200.200.000             |
| 64  | 14.177                  | 1C          | PHẠM NGỌC TẠO         | 10/188 CHỢ HÀNG, DƯ HÀNG KINH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                      | ADC-2019.01   | 2.001   | 200.100.000             |
| 65  | 14.179                  | 1C          | VÕ TIẾN DŨNG          | 121 THỊ SÁCH, P. NGUYỄN VĂN CỬ, TP QUY NHƠN, T BÌNH ĐỊNH               | ADC-2019.01   | 3.601   | 360.100.000             |
| 66  | 14.194                  | 1C          | NGÔ THỊ HƯƠNG         | 12/2/897 ĐL TÔN ĐỨC THẮNG SỞ DẦU Q. HỒNG BÀNG                          | ADC-2019.01   | 5.001   | 500.100.000             |
| 67  | 14.206                  | 1C          | ĐÀO TRƯỞNG SAN        | 213 LẦU 2, CALMETTE, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TPHCM            | ADC-2019.01   | 1.997   | 199.700.000             |
| 68  | 14.228                  | 1C          | PHAN THỊ THU HỒNG     | 63C VẠN KIẾP PHƯỜNG 3 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM                            | ADC-2019.01   | 25.000  | 2.500.000.000           |
| 69  | 14.236                  | 1C          | ĐÀU THỊ THANH NHÂN    | 3A3 ĐƯỜNG 30/4 P XUÂN KHÁNH Q NINH KIỀU TP CẦN THƠ                     | ADC-2019.01   | 1.965   | 196.500.000             |
| 70  | 14.262                  | 1C          | TRƯƠNG THỊ MỸ HẠNH    | 8 NGUYỄN HIẾN, PHƯỜNG 4, QUẬN 3, TP. HCM                               | ADC-2019.01   | 3.418   | 341.800.000             |
| 71  | 14.267                  | 1C          | TRẦN VIỆT UY          | 10/71/14 PHÚ VIÊN, BỒ ĐỀ, LONG BIÊN, HÀ NỘI                            | ADC-2019.01   | 7.191   | 719.100.000             |
| 72  | 14.280                  | 1C          | PHẠM THỊ LÂM          | 212B/D16 NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, QUẬN 1, TPHCM            | ADC-2019.01   | 4.159   | 415.900.000             |
| 73  | 14.284                  | 1C          | ĐẶNG THỊ THÁI HÒA     | P708 N10 HÀ ĐỒ, P DỊCH VỌNG, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI                     | ADC-2019.01   | 6.682   | 668.200.000             |
| 74  | 14.291                  | 1C          | TRỊNH THỊ THÚY        | SN 05 ĐIỆN CƠ P ĐỒNG THỌ TP THANH HÓA TỈNH THANH HÓA                   | ADC-2019.01   | 1.999   | 199.900.000             |
| 75  | 14.298                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THOAN      | 104/23 TRẦN BÁ GIAO, PHƯỜNG 5, GÒ VẤP, TP HCM                          | ADC-2019.01   | 3.497   | 349.700.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 76  | 14.303                  | 1C          | CAO THỊ ÁNH HỒNG     | 20/17 PHAN ĐĂNG LƯU, TỔ 8, PHƯỜNG 6, BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01   | 4.996    | 499.600.000             |
| 77  | 14.308                  | 1C          | TRẦN MINH HÙNG       | 521/62A TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG 14, Q TÂN BÌNH, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 3.796    | 379.600.000             |
| 78  | 14.313                  | 1C          | ĐẶNG THỊ NGÀ         | 23/14 PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG, P11, Q5, TPHCM                             | ADC-2019.01   | 1.997    | 199.700.000             |
| 79  | 14.323                  | 1C          | DƯƠNG THỊ TÂN        | 84D TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH   | ADC-2019.01   | 6.961    | 696.100.000             |
| 80  | 14.333                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THÂN      | 237/14/20 PHẠM VĂN CHIỂU, PHƯỜNG 8, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 1.996    | 199.600.000             |
| 81  | 14.346                  | 1C          | LƯƠNG THỊ LÝ         | 200 ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, TPHCM                               | ADC-2019.01   | 2.994    | 299.400.000             |
| 82  | 14.406                  | 1C          | TRƯƠNG THỊ LÝ        | 1387/4/6 HUỖNH TẤN PHÁT, TỔ 40, KP4 P PHÚ THUAN QUẬN 7 TPHCM           | ADC-2019.01   | 1.995    | 199.500.000             |
| 83  | 14.415                  | 1C          | NGUYỄN ĐÀO GIA BẢO   | 175 LÊ TRỌNG TẤN, P HÒA PHÁT, Q CẨM LỆ, TP ĐÀ NẴNG                     | ADC-2019.01   | 2.194    | 219.400.000             |
| 84  | 14.425                  | 1C          | LÊ THỊ HỒNG THÚY     | 320 DƯƠNG QUẢNG HÀM, PHƯỜNG 05, QUẬN GÒ VẤP, TP HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 2.991    | 299.100.000             |
| 85  | 14.430                  | 1C          | NGUYỄN HỮU MY        | TIỀN BÌNH, TT TIỀN KỲ, H TIỀN PHƯỚC, T QUẢNG NAM                       | ADC-2019.01   | 1.998    | 199.800.000             |
| 86  | 14.432                  | 1C          | CHÂU YẾN PHỤNG       | 104/7 HUỖNH MẮN ĐẠT, PHƯỜNG 02, QUẬN 5, TP HCM                         | ADC-2019.01   | 3.986    | 398.600.000             |
| 87  | 14.444                  | 1C          | NGUYỄN THÚY LINH     | 7/51 ĐÀO ĐỎ, THƯỢNG LÝ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                           | ADC-2019.01   | 1.993    | 199.300.000             |
| 88  | 14.451                  | 1C          | NGUYỄN THỊ MINH THÚY | C807 CC ĐẤT PHƯƠNG NAM 2411 CHU VĂN AN PHƯỜNG 12 Q BÌNH THẠNH TPHCM    | ADC-2019.01   | 4.981    | 498.100.000             |
| 89  | 14.456                  | 1C          | NGUYỄN MINH TRÍ      | 101/45 NGUYỄN CHÍ THANH PHƯỜNG 9 QUẬN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH          | ADC-2019.01   | 4.990    | 499.000.000             |
| 90  | 14.474                  | 1C          | NGÔ THỊ HƯỜNG        | 39 ĐƯỜNG 17, KP5, P BÌNH CHIỂU, TP THỦ ĐỨC, TP.HỒ CHÍ MINH VN          | ADC-2019.01   | 1.995    | 199.500.000             |
| 91  | 14.481                  | 1C          | TRẦN THỊ TRÚC HƯƠNG  | 9 CX TRẦN VĂN KỶ PHƯỜNG 14 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM                       | ADC-2019.01   | 3.965    | 396.500.000             |
| 92  | 14.482                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HỒNG      | 91C LÝ NAM ĐẾ, P CỬA ĐÔNG, Q HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 2.988    | 298.800.000             |
| 93  | 14.484                  | 1C          | TRẦN GIA PHƯỚC       | 21/38/1A CHIẾN LƯỢC, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG, QUẬN BÌNH TÂN TPHCM         | ADC-2019.01   | 2.990    | 299.000.000             |
| 94  | 14.488                  | 1C          | NGUYỄN THỊ SINH      | 67 ngõ 592 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội                | ADC-2019.01   | 3.984    | 398.400.000             |
| 95  | 14.501                  | 1C          | TRƯƠNG KIM NGỌC      | 110/8/5 - 110/8/7 BÀ HOM, PHƯỜNG 13, QUẬN 6, TP HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 3.000    | 300.000.000             |
| 96  | 14.518                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HOA       | 163/1 NƠ TRANG LONG, PHƯỜNG 12, QUẬN BÌNH THẠNH, TPHCM                 | ADC-2019.01   | 4.461    | 446.100.000             |
| 97  | 14.527                  | 1C          | NGUYỄN THÀNH TUYẾN   | 216/26/13 ĐƯỜNG 3/2, P HƯNG LỢI Q NINH KIỀU TP CẦN THƠ                 | ADC-2019.01   | 2.986    | 298.600.000             |
| 98  | 14.548                  | 1C          | MAI TUYẾT HẠNH       | 66/2 NHIỆU TỬ, P7, Q PHÚ NHUẬN, TP.HCM                                 | ADC-2019.01   | 5.150    | 515.000.000             |
| 99  | 14.555                  | 1C          | BUI CONG TUAN        | 16/89 NGUYỄN THIÊN THUẬT, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TPHCM                      | ADC-2019.01   | 3.978    | 397.800.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                                | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 100 | 14.559                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH | 1K HƯNG PHÚ, PHƯỜNG 9, QUẬN 8, TP.HCM                                                  | ADC-2019.01   | 2.990    | 299.000.000             |
| 101 | 14.567                  | 1C          | TRẦN THẾ TÔNG        | 149/11A, HUỖNH THỨC KHẮNG, P. AN NGHIỆP, Q. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                     | ADC-2019.01   | 1.989    | 198.900.000             |
| 102 | 14.570                  | 1C          | ĐÀM THỊ NGÀ          | SỐ 841 THIÊN LÔI, KÊNH DƯƠNG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                       | ADC-2019.01   | 1.989    | 198.900.000             |
| 103 | 14.600                  | 1C          | LƯƠNG VĂN QUẾ        | 101-CS TT GIẢNG VÕ, P. GIẢNG VÕ Q. BA ĐÌNH TP HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 2.983    | 298.300.000             |
| 104 | 14.605                  | 1C          | NGUYỄN THANH HẰNG    | 195/SF BÌNH THỜI, P.9, Q.11, TP.HCM                                                    | ADC-2019.01   | 3.976    | 397.600.000             |
| 105 | 14.622                  | 1C          | VÕ THỊ PHƯƠNG LOAN   | 453 LÝ THƯỜNG KIỆT, THỐNG NHẤT 1, DĨ AN, TP DĨ AN, BÌNH DƯƠNG                          | ADC-2019.01   | 1.990    | 199.000.000             |
| 106 | 14.632                  | 1C          | TRỊNH THỊ HẠNH       | 163 NGUYỄN VĂN CỬ, PHƯỜNG 2, QUẬN 5, TP.HCM                                            | ADC-2019.01   | 2.982    | 298.200.000             |
| 107 | 14.642                  | 1C          | PHẠM THỊ DƯ          | 207 TRẦN VĂN ĐANG, P.11, QUẬN 3, TP HCM                                                | ADC-2019.01   | 1.988    | 198.800.000             |
| 108 | 14.648                  | 1C          | HÀ MẠNH HÙNG         | 112/37 CHIẾN THẮNG, PHƯỜNG 9, Q. PHÚ NHUẬN, TP.HCM                                     | ADC-2019.01   | 1.990    | 199.000.000             |
| 109 | 14.652                  | 1C          | ĐÀO THỊ CHI          | 745/5/1 LẠC LONG QUÂN PHƯỜNG 10 QUẬN TÂN BÌNH TP.HCM                                   | ADC-2019.01   | 4.470    | 447.000.000             |
| 110 | 14.660                  | 1C          | NGUYỄN VĂN ĐÀ        | 72A9/2 NGUYỄN VĂN LINH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                             | ADC-2019.01   | 2.584    | 258.400.000             |
| 111 | 14.662                  | 1C          | NGUYỄN NGỌC LIÊN HOA | 27 ĐƯỜNG 6, KDC BÌNH ĐĂNG, P6, Q8, TP.HCM                                              | ADC-2019.01   | 4.463    | 446.300.000             |
| 112 | 14.663                  | 1C          | DIỆP NGỌC ĐAN THUỶ   | D14BIS NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN 1, TP.HCM                             | ADC-2019.01   | 1.988    | 198.800.000             |
| 113 | 14.669                  | 1C          | TRẦN THỊ THU NGÀ     | 235/40 NAM KỶ KHỞI NGHĨA, PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, TP HCM                            | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 114 | 14.675                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGHĨA     | SỐ 116, KHÔM 2, PHƯỜNG 2, THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TRÀ VINH                                 | ADC-2019.01   | 2.485    | 248.500.000             |
| 115 | 14.687                  | 1C          | LÊ THỊ THÚY          | THÔN TRUNG TÂY, XÃ HOẰNG PHÚ, H HOẰNG HÓA, T THANH HÓA                                 | ADC-2019.01   | 1.988    | 198.800.000             |
| 116 | 14.698                  | 1C          | NGUYỄN THỊ ĐOANH     | 64/151 HẢI THƯƠNG LÂN ÔNG, P.ĐÔNG VỆ, TP. THANH HÓA, THANH HÓA                         | ADC-2019.01   | 1.987    | 198.700.000             |
| 117 | 14.711                  | 1C          | NGUYỄN THỊ LƯƠNG     | XOM 7 XA PHÚC THO H NGHI LỘC T NGHE AN VN                                              | ADC-2019.01   | 2.681    | 268.100.000             |
| 118 | 14.718                  | 1C          | NGUYỄN THANH QUANG   | PHƯỚC QUANG, TUY PHƯỚC, BÌNH ĐỊNH                                                      | ADC-2019.01   | 8.255    | 825.500.000             |
| 119 | 14.741                  | 1C          | LAI THỊ QUẾ ANH      | 151/7G HÀN HẢI NGUYỄN, PHƯỜNG 2, QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2019.01   | 2.978    | 297.800.000             |
| 120 | 14.742                  | 1C          | NGUYỄN THỊ TUYẾN     | SỐ 6 NGÕ 85 TRUNG KÍNH P. TRUNG HOÀ Q. CẦU GIẤY TP HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 3.831    | 383.100.000             |
| 121 | 14.772                  | 1C          | TƯỜNG LÊ THANH TUYẾN | 227/20 GỖ DẦU PHƯỜNG TÂN QUÝ QUẬN TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH                              | ADC-2019.01   | 1.987    | 198.700.000             |
| 122 | 14.774                  | 1C          | NGUYỄN THÀNH CHUNG   | 28 ĐƯỜNG 101, KHU PHỐ 2, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 3.970    | 397.000.000             |
| 123 | 14.792                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN  | SỐ 34 PHẠM BÁ TRÚC, QUANG TRUNG, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                  | ADC-2019.01   | 1.985    | 198.500.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                       | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 124 | 14.816                  | 1C          | NGUYỄN THỊ MỘNG TRINH | 447 KHA VẠN CÁN, P. HIỆP BÌNH CHÁNH, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                        | ADC-2019.01   | 2.420    | 242.000.000             |
| 125 | 14.823                  | 1C          | TRẦN QUANG ĐỨC        | 15/26 NGUYỄN THIÊN THUẬT, P. 24, BÌNH THẠNH, TP HCM                           | ADC-2019.01   | 7.927    | 792.700.000             |
| 126 | 14.824                  | 1C          | NGUYỄN NGỌC HƯỜNG     | 139/43/2 ĐƯỜNG 9, KP5, PHƯỜNG LINH TÂY, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 5.951    | 595.100.000             |
| 127 | 14.843                  | 1C          | CHIÊM YẾN TUYẾT       | 40 LONG SƠN, PHƯỜNG LONG BÌNH, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                              | ADC-2019.01   | 4.958    | 495.800.000             |
| 128 | 14.853                  | 1C          | NGUYỄN MAI THU HỒNG   | 57 NGUYỄN DU PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1 TPHCM                                     | ADC-2019.01   | 3.968    | 396.800.000             |
| 129 | 14.860                  | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM NHUNG  | TỔ 8, PHÚ LIỄN, KIẾN AN, HẢI PHÒNG                                            | ADC-2019.01   | 9.908    | 990.800.000             |
| 130 | 14.867                  | 1C          | NGUYỄN THANH DANH     | 66/29 LÊ ĐẠI HÀNH PHƯỜNG 7, QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2019.01   | 1.982    | 198.200.000             |
| 131 | 14.907                  | 1C          | LÊ THÀNH HỒNG VIÊN    | 46/3A KP BÌNH ĐƯỜNG 3, P. AN BÌNH, TP ĐĨ AN, BÌNH DƯƠNG                       | ADC-2019.01   | 2.450    | 245.000.000             |
| 132 | 14.908                  | 1C          | LẠI HOÀNG SƠN         | B4/7 ẤP 2, XÃ VINH LỘC B, H BÌNH CHÁNH, TP HCM                                | ADC-2019.01   | 3.962    | 396.200.000             |
| 133 | 14.912                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH      | A22.08 TẦNG 22, 290 AN DƯƠNG VƯƠNG, PHƯỜNG 4, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH         | ADC-2019.01   | 4.854    | 485.400.000             |
| 134 | 14.926                  | 1C          | TRẦN THỊ NGỌC NỮ      | 26 BẠCH ĐẰNG, P. PHƯỚC HIỆP, TP BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU                  | ADC-2019.01   | 2.971    | 297.100.000             |
| 135 | 14.930                  | 1C          | TRƯƠNG THANH HUYỀN    | TRẦN QUÝ KIỂM, TỔ 14 DV, P DỊCH VỌNG, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI                   | ADC-2019.01   | 1.981    | 198.100.000             |
| 136 | 14.949                  | 1C          | NGUYỄN TRÁC HIÊN      | 126/2A TRƯƠNG VINH KÝ, PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ, TÂN PHÚ, TP HCM                    | ADC-2019.01   | 1.980    | 198.000.000             |
| 137 | 14.965                  | 1C          | ĐÀO THỊ THU HÀ        | 243 AN LẠC 1, P SỞ DẦU, QUẬN HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG                          | ADC-2019.01   | 2.376    | 237.600.000             |
| 138 | 14.971                  | 1C          | NGUYỄN MINH NGỌC      | 20 ĐỒ TÂN PHONG, PHƯỜNG 9, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                              | ADC-2019.01   | 1.980    | 198.000.000             |
| 139 | 14.992                  | 1C          | TRẦN THỊ MÀNG         | 0.45.7 CHUÔNG DƯƠNG, KP2, P LINH CHIỂU, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 14.834   | 1.483.400.000           |
| 140 | 14.993                  | 1C          | TRẦN QUÍ LAN          | 513/3 GIA PHỒ, PHƯỜNG 3, QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2019.01   | 1.978    | 197.800.000             |
| 141 | 15.000                  | 1C          | TRẦN THỊ BÌNH         | P512 B21 P KIM LIÊN Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI                                       | ADC-2019.01   | 2.533    | 253.300.000             |
| 142 | 15.028                  | 1C          | NGÔ THỊ TUYẾT VÂN     | MP 18/112A KP7, PHƯỜNG TÂN CHÁNH HIỆP, QUẬN 12, TPHCM                         | ADC-2019.01   | 1.978    | 197.800.000             |
| 143 | 15.072                  | 1C          | NGUYỄN THỊ TÂM        | 9/196 PHƯỜNG LƯU, ĐỒNG HẢI 1, HẢI AN, HẢI PHÒNG                               | ADC-2019.01   | 4.245    | 424.500.000             |
| 144 | 15.073                  | 1C          | NGÔ THỊ NAM           | SỐ 16/18 CÙ CHÍNH LAN, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                   | ADC-2019.01   | 1.975    | 197.500.000             |
| 145 | 15.078                  | 1C          | LÊ VĂN PHÁT           | 81/25 PHẠM PHÚ THỦ, PHƯỜNG 11, Q TÂN BÌNH, TPHCM                              | ADC-2019.01   | 5.923    | 592.300.000             |
| 146 | 15.089                  | 1C          | LÊ THỊ HUỲNH TIẾN     | F12/8 ẤP 6A VINH LỘC A, XÃ VINH LỘC A, H BÌNH CHÁNH, TPHCM                    | ADC-2019.01   | 1.974    | 197.400.000             |
| 147 | 15.090                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HẠNH       | 364/2 NGUYỄN DUY DƯƠNG PHƯỜNG 9 QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 1.975    | 197.500.000             |
| 148 | 15.103                  | 1C          | TRẦN VĂN PHƯỚC        | 193/135 NGUYỄN CƯ TRINH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 4.934    | 493.400.000             |
| 149 | 15.117                  | 1C          | VÕ THỊ MỸ             | 134 HUỲNH NGỌC HUỆ, P AN KHÊ, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG                         | ADC-2019.01   | 1.974    | 197.400.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                      | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 150 | 15.137                  | 1C          | NGUYỄN THỊ CHÍN       | 44 DƯƠNG THỊ XUÂN QUỲ, MỸ AN, NGŨ HÀNH SƠN, ĐÀ NẴNG          | ADC-2019.01   | 4.440    | 444.000.000             |
| 151 | 15.167                  | 1C          | PHAN MINH DŨNG        | 156 LÊ VĂN PHẠM PHƯƠNG 5 TP MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG           | ADC-2019.01   | 4.930    | 493.000.000             |
| 152 | 15.168                  | 1C          | NGUYỄN NGỌC BÉ        | 198/2 PHÙ ĐÌNH, PHƯỜNG 16, QUẬN 8, TP.HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 1.963    | 196.300.000             |
| 153 | 15.179                  | 1C          | TU TỔ HOA             | 236/17 HÒA HẢO, PHƯỜNG 2, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH     | ADC-2019.01   | 2.958    | 295.800.000             |
| 154 | 15.184                  | 1C          | TRƯƠNG NGỌC THÀNH TÚ  | 84 LƯƠNG THẾ VINH, PHƯỜNG TÂN THỜI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP.HCM | ADC-2019.01   | 2.958    | 295.800.000             |
| 155 | 15.187                  | 1C          | NGUYỄN THỊ LƯỢN       | SỐ 27/53 PHẠM NGŨ LÃO, TP HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG          | ADC-2019.01   | 2.041    | 204.100.000             |
| 156 | 15.198                  | 1C          | NGHIÊM ĐÌNH HÒA       | 405 NGUYỄN THÁI BÌNH, PHƯỜNG 12, Q. TÂN BÌNH, TP HCM         | ADC-2019.01   | 6.404    | 640.400.000             |
| 157 | 15.203                  | 1C          | TRẦN THỊ HƯƠNG        | TỔ 3, P. TIỀN PHONG, TP. THÁI BÌNH                           | ADC-2019.01   | 4.930    | 493.000.000             |
| 158 | 15.204                  | 1C          | NGUYỄN VĂN CƯỜNG      | SỐ 339 LÊ LỢI, NGŨ QUYỀN, TP HẢI PHÒNG                       | ADC-2019.01   | 7.882    | 788.200.000             |
| 159 | 15.205                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THỦY TRANG | 47 ĐƯỜNG 29 KP2 P LINH ĐỒNG TP THỦ ĐỨC TP HCM                | ADC-2019.01   | 1.971    | 197.100.000             |
| 160 | 15.235                  | 1C          | LÊ THỊ ANH TUYẾT      | 14 NGÁCH 38 NGŨ LỆNH CƯ, P THỔ QUAN, Q ĐỒNG ĐA, TP HÀ NỘI    | ADC-2019.01   | 2.030    | 203.000.000             |
| 161 | 15.245                  | 1C          | PHẠM THỊ VIỆT CHINH   | TỔ 9 P NGỌC THUY Q LONG BIÊN TP HÀ NỘI                       | ADC-2019.01   | 1.969    | 196.900.000             |
| 162 | 15.250                  | 1C          | HOÀNG THỊ THÚY VÂN    | KHOI YÊN SƠN P HÀ HUY TẬP TP VINH T NGHỆ AN                  | ADC-2019.01   | 1.969    | 196.900.000             |
| 163 | 15.254                  | 1C          | LÝ NGỌC YẾN           | 19 DƯƠNG TỬ GIANG PHƯỜNG 14 QUẬN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH     | ADC-2019.01   | 8.368    | 836.800.000             |
| 164 | 15.258                  | 1C          | NGUYỄN THỊ BÍCH DUY   | SỐ 7/53/288 ĐIỆN BIÊN PHỦ, ĐIỆN BIÊN, BA ĐÌNH, HÀ NỘI        | ADC-2019.01   | 2.166    | 216.600.000             |
| 165 | 15.286                  | 1C          | NGŨ THỊ THU THỦY      | 219A An Bình Phường 7 Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh           | ADC-2019.01   | 1.968    | 196.800.000             |
| 166 | 15.291                  | 1C          | TRẦN KIM MAI          | 241/9 THÁI PHIÊN, PHƯỜNG 8, QUẬN 11, TP HCM                  | ADC-2019.01   | 1.968    | 196.800.000             |
| 167 | 15.301                  | 1C          | HOÀNG THỊ NGUYỆT      | SỐ 10/5 KỶ ĐỒNG, HOÀNG VĂN THỤ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG         | ADC-2019.01   | 4.721    | 472.100.000             |
| 168 | 15.314                  | 1C          | NGUYỄN THỊ SƯƠNG      | 44/2H NGUYỄN ANH THỦ XÃ BÀ ĐIỂM H HỐC MÔN TP HCM             | ADC-2019.01   | 19.668   | 1.966.800.000           |
| 169 | 15.321                  | 1C          | PHẠM THỊ THU HÀ       | 11 LẠCH TRAY, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG                           | ADC-2019.01   | 3.933    | 393.300.000             |
| 170 | 15.326                  | 1C          | TRINH MỸ LINH THƯ     | 44 BÀ HUYỆN THANH QUAN P VĨNH LỢI TP RẠCH GIÁ T KIÊN GIANG   | ADC-2019.01   | 3.933    | 393.300.000             |
| 171 | 15.338                  | 1C          | VŨ THỊ CHUỐT          | AN DƯƠNG, AN ĐỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG                       | ADC-2019.01   | 4.915    | 491.500.000             |
| 172 | 15.357                  | 1C          | LÊ KIM KHAI           | 127/24 TRỆT, MAI XUÂN THƯỢNG PHƯỜNG 4 QUẬN 6 TP. HCM         | ADC-2019.01   | 2.950    | 295.000.000             |
| 173 | 15.369                  | 1C          | HOÀNG THỊ LỊCH        | 103 K2 THÀNH CÔNG, P THANH CÔNG, Q BA ĐÌNH, TP HÀ NỘI        | ADC-2019.01   | 2.555    | 255.500.000             |
| 174 | 15.382                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THẢO       | SỐ 53 PHÚC LONG, HẠ LỸ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                 | ADC-2019.01   | 4.912    | 491.200.000             |
| 175 | 15.387                  | 1C          | VŨ DUY TIẾN           | 32 KIM ĐỒNG P RẠCH DỪA TP VŨNG TÀU T BÀ RJA - VŨNG TÀU       | ADC-2019.01   | 2.220    | 222.000.000             |
| 176 | 15.396                  | 1C          | NGUYỄN NGỌC MINH      | 18/13 LẠCH TRAY, P LẠCH TRAY, Q NGŨ QUYỀN, TP HẢI PHÒNG      | ADC-2019.01   | 1.963    | 196.300.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                  | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 177 | 15.404                  | 1C          | NGUYỄN VĂN HÙNG       | SỐ 76 KIẾN THIẾT SỞ DẦU, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                            | ADC-2019.01   | 1.962    | 196.200.000             |
| 178 | 15.418                  | 1C          | NGUYỄN PHÚ QUÝ        | 166/26 LÊ LỢI PHƯỜNG 3 QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 2.942    | 294.200.000             |
| 179 | 15.420                  | 1C          | LÊ XUÂN CƯỜNG         | ĐAN NÊ 2, YÊN THO, YÊN ĐỊNH, THANH HÓA                                   | ADC-2019.01   | 5.884    | 588.400.000             |
| 180 | 15.429                  | 1C          | NGUYỄN VĂN MINH       | 428 NGÕ 119 ĐƯỜNG GIÁP BÁT P GIÁP BÁT Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 4.903    | 490.300.000             |
| 181 | 15.442                  | 1C          | HUỶNH KIM HÙNG        | K408/H16/32 HOÀNG ĐIỀU, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                                | ADC-2019.01   | 1.960    | 196.000.000             |
| 182 | 15.445                  | 1C          | ĐOÀN THỊ HOA          | 17 HỒNG PHÚC, PHƯỜNG NGUYỄN TRUNG TRỰC, QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI             | ADC-2019.01   | 2.842    | 284.200.000             |
| 183 | 15.451                  | 1C          | TRẦN THUY QUỲNH       | 114 HÀNG GAI, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                          | ADC-2019.01   | 1.960    | 196.000.000             |
| 184 | 15.466                  | 1C          | ĐOÀN THỊ NGỌC HÀ      | 20 NGÁCH 123/1 THUY KHUÊ P THUY KHUÊ Q TÂY HO TP HÀ NỘI                  | ADC-2019.01   | 4.898    | 489.800.000             |
| 185 | 15.485                  | 1C          | ĐÀO THỊ PHƯƠNG YẾN    | NHÀ 3 NGÕ 139/1 NGUYỄN VĂN CỪ, NGỌC LÂM, LONG BIÊN, HÀ NỘI               | ADC-2019.01   | 1.958    | 195.800.000             |
| 186 | 15.488                  | 1C          | PHẠM THỊ VUI          | 270/116 PHAN ĐÌNH PHÙNG, PHƯỜNG 1, QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 1.958    | 195.800.000             |
| 187 | 34                      | 1C          | NGUYỄN PHI LONG       | 43 YÊN ĐỒ, PHƯỜNG TÂN THANH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH         | ADC-2019.01   | 33.838   | 3.383.800.000           |
| 188 | 41                      | 1C          | Nguyễn Văn Định       | 236 ĐỀ THẨM, Q1, TP HCM                                                  | ADC-2019.01   | 3.995    | 399.500.000             |
| 189 | 43                      | 1C          | NGUYỄN HỒNG ANH       | FA3, CC HƯNG VƯỢNG 3, P. TÂN PHONG, Q7, TP.HCM                           | ADC-2019.01   | 15.730   | 1.573.000.000           |
| 190 | 76                      | 1C          | TRƯƠNG THỊ THỊNH      | 2 Đồng Nai, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM                              | ADC-2019.01   | 11.000   | 1.100.000.000           |
| 191 | 80                      | 1C          | NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH  | 61/29 CỎ GIANG, P CẦU ÔNG LÃNH, Q1, HCM                                  | ADC-2019.01   | 1.946    | 194.600.000             |
| 192 | 103                     | 1C          | NGUYỄN THỊ ANH        | 52 NGUYỄN BÀ TỔNG, PHƯỜNG 12, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM.                      | ADC-2019.01   | 14.272   | 1.427.200.000           |
| 193 | 107                     | 1C          | NGUYỄN THỊ THẢO       | 4 LÔ B, QUANG VINH, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI                                   | ADC-2019.01   | 2.915    | 291.500.000             |
| 194 | 125                     | 1C          | HÀ THỊ KIM THÚY       | 5, TRẦN KHÁNH DƯ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 1.953    | 195.300.000             |
| 195 | 137                     | 1C          | PHẠM TẤN KHÔI         | 37 Đường 3278A Phạm Thế Hiển, P.7, Q.8, TP. HCM                          | ADC-2019.01   | 4.852    | 485.200.000             |
| 196 | 140                     | 1C          | LÝ PHƯỚC SANH         | 834 LÔ B, T.4 BẾN CHUÔNG DƯƠNG, P CẦU KHO, Q1, TP HCM                    | ADC-2019.01   | 6.000    | 600.000.000             |
| 197 | 141                     | 1C          | NGUYỄN THỊ ĐIỂM       | 28/17 KP TAM ĐA, P. TRƯỜNG THANH, QUẬN 9, TP HCM                         | ADC-2019.01   | 2.800    | 280.000.000             |
| 198 | 193                     | 1C          | LÊ THỊ NGUYỆT         | 256/B/25 LẠC LONG QUẨN, P8, Q. TÂN BÌNH, TP. HCM                         | ADC-2019.01   | 8.256    | 825.600.000             |
| 199 | 196                     | 1C          | NGUYỄN HỮU THÀNH      | 45/20 DUY TÂN, P.8, Q.TÂN BÌNH, HCM                                      | ADC-2019.01   | 9.673    | 967.300.000             |
| 200 | 199                     | 1C          | HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC   | 456/37D CAO THẮNG, P12, Q10, TP.HCM                                      | ADC-2019.01   | 5.416    | 541.600.000             |
| 201 | 222                     | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH LOAN | 1A TT TRƯỞNG CHU VĂN AN, NGHĨA TÂN, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                     | ADC-2019.01   | 2.690    | 269.000.000             |
| 202 | 235                     | 1C          | HOÀNG THỊ KHÁNH TRANG | 510 HẬU GIANG, P12, QUẬN 6, TPHCM                                        | ADC-2019.01   | 4.890    | 489.000.000             |
| 203 | 350                     | 1C          | DƯƠNG HÙNG HẢI        | SỐ 93 THUY KHUÊ, TÂY HỒ, HÀ NỘI                                          | ADC-2019.01   | 4.130    | 413.000.000             |
| 204 | 380                     | 1C          | ĐỒNG THỊ THỊNH        | 368/165 ĐÀ NẴNG, LẠC VIỆT, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG                          | ADC-2019.01   | 7.944    | 794.400.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên           | Địa chỉ                                                              | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 205 | 393                     | 1C          | ĐỖ THỊ HẠNH         | 60 NGÕ 126 KIM NGƯU, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                            | ADC-2019.01   | 1.970    | 197.000.000             |
| 206 | 400                     | 1C          | NGUYỄN LAN HƯƠNG    | 64/49/7 NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 4.855    | 485.500.000             |
| 207 | 438                     | 1C          | HÀ THỊ THANH BÌNH   | 41 LÔ E (3 NGÁCH 283/2) TRẦN KHÁT CHÂN, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI         | ADC-2019.01   | 14.930   | 1.493.000.000           |
| 208 | 443                     | 1C          | NGUYỄN VĂN XƯƠNG    | 207 BẠCH MAI, PHƯỜNG BẠCH MAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                  | ADC-2019.01   | 2.491    | 249.100.000             |
| 209 | 453                     | 1C          | NGUYỄN THÚY HÒA     | 65B CỐNG VI, PHƯỜNG CỐNG VI, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 5.666    | 566.600.000             |
| 210 | 486                     | 1C          | NGÕ THỊ THƠ         | 59 BẠCH ĐẰNG, NHA TRANG                                              | ADC-2019.01   | 5.819    | 581.900.000             |
| 211 | 551                     | 1C          | HỒ VĂN KIẾN         | 10 LÔ E 3 KP2 P TÂN PHONG QUẬN 7 TP HCM                              | ADC-2019.01   | 16.440   | 1.644.000.000           |
| 212 | 589                     | 1C          | NGUYỄN THÀNH MỸ     | 56 TÂN CANH, PHƯỜNG 1, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 7.757    | 775.700.000             |
| 213 | 613                     | 1C          | ĐINH THỊ BIỂN       | P104B NHÀ E, TT THUỐC LÁ THẮNG LONG, THƯỢNG ĐÌNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI | ADC-2019.01   | 1.912    | 191.200.000             |
| 214 | 711                     | 1C          | VÕ THỊ QUÍ          | 60/24 TÂN TUẤN TÂY P. TÂN THUẬN TÂY QUẬN 7 TPHCM                     | ADC-2019.01   | 2.990    | 299.000.000             |
| 215 | 728                     | 1C          | PHẠM THỊ LÊ         | THÔN 1 HẢI THÀNH, DƯƠNG KINH, HẢI PHÒNG                              | ADC-2019.01   | 1.972    | 197.200.000             |
| 216 | 754                     | 1C          | ĐOÀN THỊ LAN        | 53 TỔ 6 LÂM HÀ KIẾN AN, HẢI PHÒNG, VIỆT NAM                          | ADC-2019.01   | 5.269    | 526.900.000             |
| 217 | 783                     | 1C          | LÝ KHIẾT QUỲNH      | 306 THOẠI NGỌC HẦU, P. PHÚ THẠNH, Q.TÂN PHÚ, TPHCM                   | ADC-2019.01   | 10.906   | 1.090.600.000           |
| 218 | 787                     | 1C          | HUỲNH THỊ THÚY LIỄU | 445 ĐIỆN BIÊN PHỦ, P3, Q3, TP HCM                                    | ADC-2019.01   | 6.058    | 605.800.000             |
| 219 | 788                     | 1C          | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO  | 143 BIS/3 HƯNG PHÚ, P8, Q8, TP HCM                                   | ADC-2019.01   | 2.113    | 211.300.000             |
| 220 | 791                     | 1C          | PHAN THỊ HỒNG LỘC   | 341 CMT8, P12, Q10, TP HCM                                           | ADC-2019.01   | 32.039   | 3.203.900.000           |
| 221 | 800                     | 1C          | TRƯƠNG THANH THUY   | 31 ĐƯỜNG 11, KDC HIM LAM 6A BÌNH HƯNG, BÌNH CHÁNH TP.HCM             | ADC-2019.01   | 29.010   | 2.901.000.000           |
| 222 | 806                     | 1C          | NGUYỄN THỊ HẢI HÀ   | TDP HOÀNG 15, CỎ NHUẾ 1, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 5.442    | 544.200.000             |
| 223 | 810                     | 1C          | NGUYỄN THỊ CẦN      | 4/6 PHẠM NGỌC THẠCH, P.9, TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU         | ADC-2019.01   | 12.425   | 1.242.500.000           |
| 224 | 852                     | 1C          | NGUYỄN HOÀNG VIỆT   | 9/8 NGUYỄN VĂN QUẢ, P.ĐỒNG HƯNG THUẬN, Q.12, TP.HCM                  | ADC-2019.01   | 2.738    | 273.800.000             |
| 225 | 853                     | 1C          | NGUYỄN TRUNG NGHĨA  | SỐ 40 ĐOÀN TRẦN NGHIỆP, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 10.439   | 1.043.900.000           |
| 226 | 859                     | 1C          | ĐÀO TUẤN LONG       | 23/3 ĐINH TIẾN HOÀNG, PHƯỜNG 3, QUẬN BÌNH THẠNH, HỒ CHÍ MINH         | ADC-2019.01   | 1.930    | 193.000.000             |
| 227 | 879                     | 1C          | CHÂU LƯƠNG XUÂN     | 278/2 TỔ HIẾN THẠNH P.15 Q.10 TP HCM                                 | ADC-2019.01   | 5.261    | 526.100.000             |
| 228 | 1.000                   | 1C          | HOÀNG THỦY TRANG    | M7-14 CAO ỐC H2, HOÀNG DIỆU, Q4, TP HCM                              | ADC-2019.01   | 35.880   | 3.588.000.000           |
| 229 | 1.006                   | 1C          | NGUYỄN QUỐC TUẤN    | Phường Lê Lợi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An                                 | ADC-2019.01   | 29.000   | 2.900.000.000           |
| 230 | 1.018                   | 1C          | LÊ THỊ MINH LÝ      | 052 TRẦN PHÚ, KP 1, LẠC ĐẠO, PHAN THIẾT, BÌNH THUẬN                  | ADC-2019.01   | 1.925    | 192.500.000             |
| 231 | 1.032                   | 1C          | ĐẶNG NGỌC DUNG      | SỐ 58B ĐỒNG TÂM, ĐỒNG TÂM, Q. HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                   | ADC-2019.01   | 2.745    | 274.500.000             |
| 232 | 1.070                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MẶN      | 50B CHÂU LONG, TRÚC BẠCH, HÀ NỘI                                     | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                       | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 233 | 1.084                   | 1C          | NGUYỄN TRUNG TRỰC     | 449G/1 LÊ QUANG ĐỊNH, P.5, Q.BÌNH THẠNH.TP HCM                | ADC-2019.01   | 4.982    | 498.200.000             |
| 234 | 1.130                   | 1C          | PHẠM THỊ LAN          | 10 P206 CC HOA LƯU, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                      | ADC-2019.01   | 2.494    | 249.400.000             |
| 235 | 1.142                   | 1C          | NGUYỄN THỊ TÂM        | 7 NGÕ TÂN LẠC, PHƯỜNG TRƯỞNG ĐỊNH, HÀ NỘI                     | ADC-2019.01   | 1.994    | 199.400.000             |
| 236 | 1.162                   | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC LAN   | 45/13 DƯƠNG BẮ TRẠC, PHƯỜNG 1, QUẬN 8, TPHCM                  | ADC-2019.01   | 1.498    | 149.800.000             |
| 237 | 1.173                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG | SỐ 62B NGÕ TRUNG PHỤNG - ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI                     | ADC-2019.01   | 1.995    | 199.500.000             |
| 238 | 1.176                   | 1C          | NGUYỄN VÕ KỲ ANH      | 7 NGÕ 52 YẾN LẠC, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                        | ADC-2019.01   | 1.966    | 196.600.000             |
| 239 | 1.180                   | 1C          | NGUYỄN THỊ TÂM        | SN95 TỔ 44 PHỐ CHU VĂN AN . QUANG TRUNG TP THÁI BÌNH          | ADC-2019.01   | 2.587    | 258.700.000             |
| 240 | 1.185                   | 1C          | ĐÀO THỊ HUỆ           | SỐ 26 NGÕ HÒA BÌNH - THỔ QUAN - ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 2.074    | 207.400.000             |
| 241 | 1.227                   | 1C          | CHU THỊ HIỀN          | 18 HỒ SEN, DƯ HÀNG, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG                        | ADC-2019.01   | 4.818    | 481.800.000             |
| 242 | 1.242                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MAI        | 137/46 TRẦN ĐÌNH XU, P NGUYỄN CỰ TRINH, QUẬN 1, TPHCM         | ADC-2019.01   | 2.484    | 248.400.000             |
| 243 | 1.244                   | 1C          | ĐỒNG THỊ XUÂN THANH   | 210 QUANG TRUNG, Q HÀ ĐỒNG, HÀ NỘI                            | ADC-2019.01   | 5.098    | 509.800.000             |
| 244 | 1.291                   | 1C          | NGÕ KIM BẢO           | 16/18/4 NGHĨA PHÁT, P. 6, Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 245 | 1.317                   | 1C          | VÕ THỊ MINH CHÍ       | 12A LÝ NAM ĐẾ, HÀNG MÃ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                     | ADC-2019.01   | 13.222   | 1.322.200.000           |
| 246 | 1.352                   | 1C          | NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN  | 65B4, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG PHÚ KHUƠNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE | ADC-2019.01   | 5.650    | 565.000.000             |
| 247 | 1.367                   | 1C          | NGUYỄN HỮU TÂM        | XÃ PHÚC THỌ, HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN                     | ADC-2019.01   | 6.770    | 677.000.000             |
| 248 | 1.369                   | 1C          | TRƯƠNG THỊ HOA        | 259/31 CMT8, P7, Q.TÂN BÌNH, TP.HCM                           | ADC-2019.01   | 44.396   | 4.439.600.000           |
| 249 | 1.410                   | 1C          | ĐINH VĂN QUỲ          | 87A LÝ THƯỜNG KIỆT, HÀ NỘI                                    | ADC-2019.01   | 5.475    | 547.500.000             |
| 250 | 1.464                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH  | 119 KP ĐỒNG BA, P. BÌNH HÒA, TP.THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG          | ADC-2019.01   | 5.913    | 591.300.000             |
| 251 | 1.510                   | 1C          | PHẠM THỊ VÂN          | 6 NGÁCH 50/6 PHỐ CHÍNH KINH, THANH XUÂN, HÀ NỘI               | ADC-2019.01   | 12.631   | 1.263.100.000           |
| 252 | 1.589                   | 1C          | NGUYỄN NGỌC PHI       | 311/2 TRƯỜNG CHINH, Q.CẨM LÊ, TP ĐÀ NẴNG                      | ADC-2019.01   | 21.392   | 2.139.200.000           |
| 253 | 1.593                   | 1C          | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VINH | SỐ 36 HÀM LONG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                             | ADC-2019.01   | 15.961   | 1.596.100.000           |
| 254 | 1.630                   | 1C          | ĐỖ NGỌC BẢO           | ĐƯỜNG AN BÌNH XÃ AN ĐỒNG H AN DƯ'NG TP HẢI PHÒNG              | ADC-2019.01   | 2.749    | 274.900.000             |
| 255 | 1.640                   | 1C          | TRẦN QUỐC DÂN         | 85/5 TRẦN CHÁNH CHIỂU, P14, Q5, TP HCM                        | ADC-2019.01   | 2.995    | 299.500.000             |
| 256 | 1.673                   | 1C          | HÀ HỢP Ý              | 124/20 XÓM ĐẤT, P8, Q11, TPHCM                                | ADC-2019.01   | 1.985    | 198.500.000             |
| 257 | 1.713                   | 1C          | VƯƠNG THỊ HẢO         | 175 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội                            | ADC-2019.01   | 1.993    | 199.300.000             |
| 258 | 1.724                   | 1C          | PHẠM THỊ MINH HIẾU    | 185 ĐƯỜNG 8, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG LINH XUÂN, QUẬN THỦ ĐỨC, HCM   | ADC-2019.01   | 1.993    | 199.300.000             |
| 259 | 1.732                   | 1C          | HUỶNH THANH HẬU       | 138/2 TẬP ĐOÀN 6B, P. TÂN TẠO A Q. BÌNH TÂN TPHCM             | ADC-2019.01   | 2.376    | 237.600.000             |
| 260 | 1.734                   | 1C          | Nguyễn Ngọc Luyến     | Số 9 ngách 80/15 Nhân Hoà, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN         | ADC-2019.01   | 2.342    | 234.200.000             |
| 261 | 1.735                   | 1C          | NGUYỄN VĂN NGÂU       | 187/30 MINH PHỤNG, PHƯỜNG 9, QUẬN 6, TPHCM                    | ADC-2019.01   | 29.015   | 2.901.500.000           |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                             | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 262 | 1.758                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HUỲNH LINH  | 2A-19 C/C CAO TĂNG PHÚ MỸ P. PHÚ MỸ Q.7 TP HCM VIỆT NAM             | ADC-2019.01   | 4.978    | 497.800.000             |
| 263 | 1.785                   | 1C          | LÊ THỊ NGỌC DUNG       | 518/2/3 LÊ VĂN SỸ, PHƯỜNG 11, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HCM                | ADC-2019.01   | 3.940    | 394.000.000             |
| 264 | 1.801                   | 1C          | NGUYỄN THÁI BẢO PHƯƠNG | 43/1F CỐNG LỖ, P.15, Q. TÂN BÌNH, TPHCM                             | ADC-2019.01   | 2.588    | 258.800.000             |
| 265 | 1.831                   | 1C          | HUỲNH THỊ THANH VÂN    | 205 NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. HÒA KHÁNH BẮC, Q. LIÊN CHIẾU, TP. ĐÀ NẴNG | ADC-2019.01   | 2.008    | 200.800.000             |
| 266 | 1.853                   | 1C          | VÕ THỊ KIM LIÊN        | 350 NGUYỄN SƠN, PHƯỜNG PHÚ THO HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH   | ADC-2019.01   | 34.052   | 3.405.200.000           |
| 267 | 1.855                   | 1C          | THÁI VĂN BÌNH          | 167 HOA LAN, PHƯỜNG 02, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HCM                      | ADC-2019.01   | 31.460   | 3.146.000.000           |
| 268 | 1.878                   | 1C          | ĐẶNG THỊ NGÂN          | K11A F209 BÁCH KHOA, HÀ NỘI                                         | ADC-2019.01   | 1.989    | 198.900.000             |
| 269 | 1.896                   | 1C          | QUÁCH VU ANH           | 232/3 HẸM NGUYỄN HUỆ, KHÓM 1, P2, TP CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP            | ADC-2019.01   | 4.803    | 480.300.000             |
| 270 | 1.912                   | 1C          | CHRISTOPHER C LIU      | TÒA NHÀ A2, 10 MAI CHÍ THO, PHƯỜNG THỦ THIÊM, QUẬN 2, TPHCM         | ADC-2019.01   | 3.974    | 397.400.000             |
| 271 | 1.919                   | 1C          | NGUYỄN QUỐC HOÀNG      | B8 MỸ HÒA 2, XUÂN THỚI ĐỒNG, HỒC MÔN, TPHCM                         | ADC-2019.01   | 11.927   | 1.192.700.000           |
| 272 | 1.925                   | 1C          | LÊ NGỌC SANG           | 175A ĐƯỜNG 2, KP1, P. TÁNG NHƠN PHÚ 8, Q.9, TP.HCM                  | ADC-2019.01   | 2.484    | 248.400.000             |
| 273 | 1.927                   | 1C          | HÀ NGUYỄN              | 2 NGÁCH 6 NGÕ GỐC ĐỀ, MINH KHAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI               | ADC-2019.01   | 8.176    | 817.600.000             |
| 274 | 1.942                   | 1C          | TRẦN HỒNG ANH          | HÒA MỤC, TỔ 31, TRUNG HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 12.535   | 1.253.500.000           |
| 275 | 1.954                   | 1C          | PHẠM THỊ THANH         | P1910 CT3A ĐT VĂN QUÁN, P. PHÚC LA, Q. HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 2.134    | 213.400.000             |
| 276 | 2.006                   | 1C          | ĐẶNG KIM PHƯƠNG        | 2E/2 ĐƯỜNG 34 KHU DÂN CƯ BÌNH PHÚ, P.10, Q.6, TP HCM                | ADC-2019.01   | 5.776    | 577.600.000             |
| 277 | 2.014                   | 1C          | TRẦN THỊ YẾN           | P2A - 47 PHƯỜNG BÁCH KHOA, HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 8.734    | 873.400.000             |
| 278 | 6                       | 1B          | NGUYỄN PHI LONG        | 43 YẾN ĐỒ, PHƯỜNG TÂN THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH    | SET.H2025     | 11.694   | 1.169.400.000           |
| 279 | 19                      | 1B          | PHẠM THỊ HỒNG          | VIỆN KHLN, ĐỒNG NGẠC, TỨ LIÊM, HÀ NỘI                               | SET.H2025     | 9.838    | 983.800.000             |
| 280 | 46                      | 1B          | HOÀNG KIM LOAN         | 87 NGÕ QUỲNH, THANH NHÂN, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                      | SET.H2025     | 2.983    | 298.300.000             |
| 281 | 96                      | 1B          | ĐÀM ANH DŨNG           | 111 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, P. 10, Q. GÒ VẤP                              | SET.H2025     | 1.921    | 192.100.000             |
| 282 | 108                     | 1B          | Phạm Ngọc Xuân         | 188 CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                                | SET.H2025     | 14.637   | 1.463.700.000           |
| 283 | 137                     | 1B          | NGUYỄN VĂN YẾN         | TỔ 5 PHƯỜNG LONG BIÊN, LONG BIÊN, HÀ NỘI                            | SET.H2025     | 2.268    | 226.800.000             |
| 284 | 161                     | 1B          | NGUYỄN TRUNG TRỰC      | 449G/1 LÊ QUANG ĐỊNH, P.5, Q. BÌNH THẠNH. TP HCM                    | SET.H2025     | 9.990    | 999.000.000             |
| 285 | 229                     | 1B          | NGUYỄN HỮU HƯNG        | 778/4 NGUYỄN KIỂM, PHƯỜNG 4, Q. PHÚ NHUẬN, TPHCM                    | SET.H2025     | 9.566    | 956.600.000             |
| 286 | 234                     | 1B          | TRẦN NGỌC THANH        | 23 HÀNG ĐÀU, ĐỒNG XUÂN, HÀ NỘI                                      | SET.H2025     | 7.020    | 702.000.000             |
| 287 | 271                     | 1B          | VÕ THỊ KIM LIÊN        | 350 NGUYỄN SƠN, PHƯỜNG PHÚ THO HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH   | SET.H2025     | 4.952    | 495.200.000             |
| 288 | 316                     | 1B          | BÙI MINH THANH         | 37 ĐƯỜNG SỐ 10, P. BÌNH AN, QUẬN 2, TP. HCM                         | SET.H2025     | 2.000    | 200.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                                          | Mã Trai phiếu | Sốtragung | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------|
| 289 | 417                     | 1B          | HỒ THỊ TOÀN            | 497/83/40 THỐNG NHẤT, PHƯỜNG 16, QUẬN GÒ VẤP, TP HỒ CHÍ MINH                     | SET.H2025     | 4.806     | 480.600.000             |
| 290 | 465                     | 1B          | ĐOÀN THỊ MAI           | 313 LÔ S, CHUNG CƯ NGÕ GIA TỰ, PHƯỜNG 2, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH          | SET.H2025     | 9.707     | 970.700.000             |
| 291 | 499                     | 1B          | ĐOÀN THỊ THANH         | 93 PHẠM NGŨ LÃO, P PHẠM NGŨ LÃO, TP HẢI DƯƠNG, HẢI DƯƠNG                         | SET.H2025     | 3.000     | 300.000.000             |
| 292 | 519                     | 1B          | TRẦN THỊ THANH MAI     | B2-1207, SỐ 1 BẠCH ĐẰNG PHƯỜNG 2 Q TÂN BÌNH TPHCM                                | SET.H2025     | 9.764     | 976.400.000             |
| 293 | 557                     | 1B          | ĐỖ THỌ GIÃ             | TDP XUÂN LỘC 3, XUÂN ĐÌNH, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                                   | SET.H2025     | 9.685     | 968.500.000             |
| 294 | 594                     | 1B          | NGUYỄN THỊ KIM CÚC     | 19B/35 PHAN VĂN TRỊ, P.12, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM                                 | SET.H2025     | 2.200     | 220.000.000             |
| 295 | 596                     | 1B          | PHẠM MINH HẢI          | 12/4A ẤP 4,X.NHỊ BÌNH,HM,TP.HỒ CHÍ MINH                                          | SET.H2025     | 19.280    | 1.928.000.000           |
| 296 | 598                     | 1B          | NGUYỄN THỊ LƯỢT        | 543B Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phú Nhuận, TPHCM.                                   | SET.H2025     | 12.973    | 1.297.300.000           |
| 297 | 671                     | 1B          | NGUYỄN THỊ MINH CHÂU   | 123 YÊN LẠC, VĨNH TUY, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                                      | SET.H2025     | 12.000    | 1.200.000.000           |
| 298 | 685                     | 1B          | NGUYỄN THỊ HÒA         | TỔ 8, PHÚ ĐIỀN, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                                              | SET.H2025     | 2.974     | 297.400.000             |
| 299 | 709                     | 1B          | HOÀNG THỊ VUI          | 155 HUỖNH VĂN BÁNH, P12, Q. PHÚ NHUẬN, TP,HCM                                    | SET.H2025     | 1.991     | 299.100.000             |
| 300 | 742                     | 1B          | LƯU THỊ TỔNG           | 1105 CT1 TẦNG 11 CT1 KHU NHÀ Ở CC SKYLIGHT, 125D MINH KHAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI | SET.H2025     | 16.274    | 1.627.400.000           |
| 301 | 811                     | 1B          | PHẠM THỊ SÁU           | 1.205 C/C ĐÀO DUY TỬ, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                  | SET.H2025     | 9.861     | 986.100.000             |
| 302 | 820                     | 1B          | TRƯƠNG NGUYỄN THỊ DẶNG | TỔ 51, P. THANH BÌNH, Q. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG                                   | SET.H2025     | 3.019     | 301.900.000             |
| 303 | 900                     | 1B          | VŨ VIỆT DUY            | 3B VẠN BẢO, LIÊU GIAI, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                                           | SET.H2025     | 9.800     | 980.000.000             |
| 304 | 955                     | 1B          | PHẠM THỊ THU HƯƠNG     | MP 64/1 KHU PHỐ 7 P TÂN THỚI NHẤT QUẬN 12 TP HỒ CHÍ MINH                         | SET.H2025     | 9.694     | 969.400.000             |
| 305 | 1.022                   | 1B          | NGUYỄN THỊ THU         | 11 PHỦ ĐỒNG, PHƯỜNG 11, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH                                  | SET.H2025     | 4.830     | 483.000.000             |
| 306 | 1.069                   | 1B          | VŨ THỊ BÌNH            | SỐ 68/97/96 CHỢ HÀNG, DƯ HÀNG KÊNH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                           | SET.H2025     | 7.000     | 700.000.000             |
| 307 | 1.076                   | 1B          | PHẠM HUY KHOA          | 90 ĐƯỜNG DC9,P.SƠN KỲ,Q.TÂN PHÚ,TP.HỒ CHÍ MINH                                   | SET.H2025     | 5.006     | 500.600.000             |
| 308 | 1.213                   | 1B          | PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG   | XÓM MỚI, THÔN HẬU, P DỊCH VỌNG HẬU, Q.CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI.                       | SET.H2025     | 9.900     | 990.000.000             |
| 309 | 5                       | 1F          | PHẠM ĐĂNG QUAN         | 63/15A Đ. PHAN TÂY HỒ, TDP 76 KP 3, P.7, Q. PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH           | SNW-2018.10   | #####     | #####                   |
| 310 | 8                       | 1E          | NGUYỄN HỒNG ANH        | FA3, CC HƯNG VƯỢNG 3, P. TÂN PHONG,Q7, TP.HCM                                    | ADC-2018.09.1 | 8.700     | 870.000.000             |
| 311 | 26                      | 1E          | ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG   | SỐ 35 HẸM 33/20 VÂN CHƯƠNG 2, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09.1 | 1.989     | 198.900.000             |
| 312 | 40                      | 1E          | HÀ THỊ KIM THỦY        | 5, TRẦN KHÁNH DƯ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                           | ADC-2018.09.1 | 1.970     | 197.000.000             |
| 313 | 41                      | 1E          | HỒ THỊ ĐỊNH            | SỐ 43B HOÀNG HOA THÁM, VĨNH PHÚC, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09.1 | 1.955     | 195.500.000             |
| 314 | 44                      | 1E          | LÊ THÀNH KHÔI          | 17/4 Nam Hoà, Phước Long A, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh                           | ADC-2018.09.1 | 2.364     | 236.400.000             |



| STT | STT HỌ<br>PHU LỰC<br>BẢN | STT<br>phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                               | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được<br>bồi thường |
|-----|--------------------------|----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------------------|
| 315 | 77                       | 1E             | NGUYỄN THỊ NGỌC       | TỔ 14 LĨNH NAM, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09.1 | 1.980    | 198.000.000                |
| 316 | 103                      | 1E             | PHẠM HOÀNG DŨNG       | 32/5 ĐĂNG VĂN NGŨ, P.10, Q. PHÚ NHUẬN, HCM                            | ADC-2018.09.1 | 8.832    | 883.200.000                |
| 317 | 123                      | 1E             | NGUYỄN LAN HƯƠNG      | 64/49/7 NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                            | ADC-2018.09.1 | 2.960    | 296.000.000                |
| 318 | 126                      | 1E             | HOÀNG TỬ HÙNG         | 349/129 LÊ ĐẠI HẠNH, P13, QUẬN 11, HCM                                | ADC-2018.09.1 | 3.780    | 378.000.000                |
| 319 | 251                      | 1E             | ĐOÀN THỊ LAN          | 53 TỔ 6 LÂM HÀ KIẾN AN, HẢI PHÒNG, VIỆT NAM                           | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000                |
| 320 | 265                      | 1E             | NGUYỄN THỊ HẢI HÀ     | TDP HOÀNG 15, CỔ NHUẾ 1, BẮC TỨ LIÊM, HÀ NỘI                          | ADC-2018.09.1 | 23.486   | 2.348.600.000              |
| 321 | 267                      | 1E             | NGUYỄN THỊ CĂN        | 4/6 PHẠM NGỌC THẠCH, P.9, TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU          | ADC-2018.09.1 | 12.710   | 1.271.000.000              |
| 322 | 273                      | 1E             | CHU THỊ KIM CHI       | 469/7E NGUYỄN KIỂM PHƯƠNG 9 QUẬN PHÚ NHUẬN HỒ CHÍ MINH                | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000                |
| 323 | 283                      | 1E             | NGUYỄN HOÀNG VIỆT     | 9/8 NGUYỄN VĂN QUÁ, P.ĐỒNG HƯNG THUẬN, Q.12, TP.HCM                   | ADC-2018.09.1 | 2.769    | 276.900.000                |
| 324 | 288                      | 1E             | NGUYỄN MINH HIỀN      | SỐ NHÀ 2 C8C TT ĐẠI HỌC KTQD P ĐỒNG TÂM Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI      | ADC-2018.09.1 | 6.308    | 630.800.000                |
| 325 | 337                      | 1E             | HOÀNG THUY TRANG      | M7-14 CAO ỐC H2, HOÀNG DIỆU, Q4, TP HCM                               | ADC-2018.09.1 | 10.411   | 1.041.100.000              |
| 326 | 369                      | 1E             | TÀ THỊ MẶN            | SỐ 30 PHỐ HÀNG ĐỒNG, HÀ NỘI                                           | ADC-2018.09.1 | 14.548   | 1.454.800.000              |
| 327 | 385                      | 1E             | LÊ THỊ LAN HƯƠNG      | SỐ 29 VĂN CHƯƠNG, HÀ NỘI                                              | ADC-2018.09.1 | 6.858    | 685.800.000                |
| 328 | 546                      | 1E             | NGUYỄN THỊ HOÀNG ÁNH  | 119 KP ĐỒNG BA, P. BÌNH HÒA, TP. THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG                 | ADC-2018.09.1 | 1.973    | 197.300.000                |
| 329 | 591                      | 1E             | NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH    | 63/5 KP4, P. TĂNG NHƠN PHÚ B, QUẬN 9, HCM                             | ADC-2018.09.1 | 4.000    | 400.000.000                |
| 330 | 615                      | 1E             | Phùng Tập             | P8 Nhà ĐT/T NM Cao Su Đường Sắt, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội          | ADC-2018.09.1 | 1.985    | 198.500.000                |
| 331 | 621                      | 1E             | NGUYỄN VĂN NGẪU       | 187/30 MINH PHỤNG, PHƯỜNG 9, QUẬN 6, TPHCM                            | ADC-2018.09.1 | 19.582   | 1.958.200.000              |
| 332 | 643                      | 1E             | VÕ THỊ KIM LIÊM       | 350 NGUYỄN SƠN, PHƯỜNG PHÚ THỌ HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH     | ADC-2018.09.1 | 4.436    | 443.600.000                |
| 333 | 644                      | 1E             | THÁI VĂN BÌNH         | 167 HOA LAN, PHƯỜNG 02, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HCM                        | ADC-2018.09.1 | 7.200    | 720.000.000                |
| 334 | 651                      | 1E             | QUÁCH VU ANH          | 232/3 HẸM NGUYỄN HUỆ, KHÓM 1, P2, TP CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP              | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000                |
| 335 | 659                      | 1E             | TRẦN THỊ TUYẾT PHƯƠNG | P318 T1 TT 59 NGỌC KHÁNH HÀ NỘI                                       | ADC-2018.09.1 | 2.995    | 299.500.000                |
| 336 | 672                      | 1E             | VŨ THỊ NHÂN           | P1/2 NHÀ 8 KHU TT ĐHKQTĐ, P TRƯỜNG ĐÌNH, Q HAI BÀ TRUNG, TP HÀ NỘI    | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000                |
| 337 | 767                      | 1E             | TỔNG MỸ ĐỨC           | 24 ẤU CƠ, K1, P2, TP.SA ĐÉC, ĐỒNG THÁP                                | ADC-2018.09.1 | 1.981    | 198.100.000                |
| 338 | 768                      | 1E             | NGUYỄN THỊ HẰNG       | Tổ 16, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                                      | ADC-2018.09.1 | 4.622    | 462.200.000                |
| 339 | 791                      | 1E             | LƯƠNG THỊ YẾN         | 6/49 HAI BÀ TRƯNG, AN BIÊN, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG                        | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000                |
| 340 | 1.057                    | 1E             | MAI NHƯ NGỌC          | 58/2 THÀNH THÁI, P12, Q10, TP HCM                                     | ADC-2018.09.1 | 3.402    | 340.200.000                |
| 341 | 1.079                    | 1E             | TRẦN THỊ HỒNG ANH     | SN 46 YÊN DUYÊN, YÊN SỞ, HOÀNG MAI, HÀ NỘI.                           | ADC-2018.09.1 | 2.674    | 267.400.000                |
| 342 | 1.087                    | 1E             | NGUYỄN THỊ MÃO        | SỐ 288 KHU A NGÕ 109 TRƯỜNG CHINH - PHƯƠNG LIỆT - THANH XUÂN - HÀ NỘI | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000                |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                 | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 343 | 1.102                   | 1E          | NGUYỄN TẤN XUÂN TRANG | 267 VÕ VĂN TẤN, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2018.09.1 | 2.500    | 250.000.000             |
| 344 | 1.132                   | 1E          | NGÔ ĐÌNH CHUNG        | THÔN TẢ QUAN, XÃ DƯƠNG QUAN, HUYỆN THỦY NGUYỄN, HẢI PHÒNG               | ADC-2018.09.1 | 6.904    | 690.400.000             |
| 345 | 1.191                   | 1E          | ĐOÀN THỊ MAI          | 313 LÔ S, CHUNG CƯ NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 2, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09.1 | 12.824   | 1.282.400.000           |
| 346 | 1.206                   | 1E          | NGUYỄN THANH TÙNG     | 87/5 TRẦN HỮU TRANG, P.110 Q. PHÚ NHUẬN, HCM                            | ADC-2018.09.1 | 9.958    | 995.800.000             |
| 347 | 1.231                   | 1E          | VÕ THỊ KIM XUYẾN      | 167 HOA LAN, PHƯỜNG 02, QUẬN PHÚ NHUẬN, HCM                             | ADC-2018.09.1 | 2.456    | 245.600.000             |
| 348 | 1.235                   | 1E          | NGÔ LÊ MINH NGỌC      | 710/35 LŨY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THÀNH, QUẬN TÂN PHÚ, TPHCM              | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |
| 349 | 1.249                   | 1E          | TRẦN THỊ DIỆU HUYỀN   | PHÚ TRINH, PHAN THIẾT, BÌNH THUẬN                                       | ADC-2018.09.1 | 2.760    | 276.000.000             |
| 350 | 1.257                   | 1E          | LÝ NGỌC LANG          | 297/20 HẬU GIANG, PHƯỜNG 5, QUẬN 6, TP. HCM                             | ADC-2018.09.1 | 1.991    | 199.100.000             |
| 351 | 1.273                   | 1E          | LỤC YẾN ĐỆ            | 132 LÔ I C/C NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 2, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000             |
| 352 | 1.274                   | 1E          | VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO    | SỐ 58/63 PHỐ CẨM, GIA VIÊN, NGÔ QUYỄN, HẢI PHÒNG                        | ADC-2018.09.1 | 2.957    | 295.700.000             |
| 353 | 1.316                   | 1E          | PHAN ĐOÀN NGỌC PHƯƠNG | K115/28A ÔNG ÍCH KHIÊM, ĐÀ NẴNG                                         | ADC-2018.09.1 | 2.954    | 295.400.000             |
| 354 | 1.322                   | 1E          | LÊ VŨ DIỆU THÚY       | số 18 ngõ 234 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội    | ADC-2018.09.1 | 2.460    | 246.000.000             |
| 355 | 1.351                   | 1E          | LÊ THỊ HỒNG LIÊN      | 6 NGHÁCH 234/4 BẠCH ĐẰNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                             | ADC-2018.09.1 | 2.596    | 259.600.000             |
| 356 | 1.419                   | 1E          | NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÀ  | 177 TẦNG 18 ĐƠN NGUYỄN 7, CC MỸ PHƯỚC, PHƯỜNG 2, Q BÌNH THẠNH, TPHCM    | ADC-2018.09.1 | 1.962    | 196.200.000             |
| 357 | 1.438                   | 1E          | TRẦN THỊ KIM KHÁNH    | 557/7 QL13 KP5, P HIẾP BÌNH PHƯỚC, Q THỦ ĐỨC, TPHCM.                    | ADC-2018.09.1 | 3.431    | 343.100.000             |
| 358 | 1.439                   | 1E          | TRƯƠNG TIỂU GIANG     | 77 NGÕ 42 THÀNH CÔNG - BA ĐÌNH - HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09.1 | 7.270    | 727.000.000             |
| 359 | 1.451                   | 1E          | VĨNH THÀNH            | 418 LÔ II CƯ XÁ THANH ĐÀ, PHƯỜNG 27, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH   | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000             |
| 360 | 1.536                   | 1E          | NGÔ QUANG TIẾN        | 2 HÉM 559/86/17 KIM NGƯU, VĨNH TUY, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                | ADC-2018.09.1 | 2.301    | 230.100.000             |
| 361 | 1.607                   | 1E          | TRẦN THỊ HÀ           | 505/5A LÊ HỒNG PHONG PHƯỜNG 2 QUẬN 10 TPHCM                             | ADC-2018.09.1 | 1.984    | 198.400.000             |
| 362 | 1.613                   | 1E          | HÍ TIẾT LINH          | 304/3 TỈNH LỘ 10 P BÌNH TRỊ ĐÔNG Q BÌNH TÂN TPHCM                       | ADC-2018.09.1 | 3.481    | 348.100.000             |
| 363 | 1.614                   | 1E          | ĐẶNG TRẦN THANH XUÂN  | 164/31A TRỊNH ĐÌNH TRỌNG, P PHÚ TRUNG, Q TÂN PHÚ, TP HỒ CHÍ MINH        | ADC-2018.09.1 | 1.982    | 198.200.000             |
| 364 | 1.629                   | 1E          | PHẠM THỊ SÁNG         | 71 BÌNH PHÚ, KP2, P TAM PHÚ Q THỦ ĐỨC TP HCM                            | ADC-2018.09.1 | 2.078    | 207.800.000             |
| 365 | 1.634                   | 1E          | NGUYỄN THỊ KIM ĐỊNH   | 98 TT MÁY ĐÈN CHƯƠNG DƯƠNG- HOÀN KIẾM- HÀ NỘI                           | ADC-2018.09.1 | 3.938    | 393.800.000             |
| 366 | 1.649                   | 1E          | NGUYỄN THỊ LOAN       | SỐ 23, HÀNG ĐỒNG, HÀ NỘI                                                | ADC-2018.09.1 | 2.181    | 218.100.000             |
| 367 | 1.651                   | 1E          | ĐÀO THỊ TÌNH          | 201 nhà D14b TT dệt 8/3, Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội                | ADC-2018.09.1 | 1.983    | 198.300.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BÀN ĂN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                     | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 368 | 1.665                   | 1E          | HOÀNG MINH GIANG      | SỐ 32 NGÕ AN SƠN, ĐẠI LA, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                              | ADC-2018.09.1 | 1.983    | 198.300.000             |
| 369 | 1.666                   | 1E          | TRẦN THỊ PHƯƠNG       | 102 ĐỂ TÔ HOÀNG, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                       | ADC-2018.09.1 | 7.903    | 790.300.000             |
| 370 | 1.674                   | 1E          | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO    | 37 HÀNG NGANG P HÀNG ĐÀO Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI                              | ADC-2018.09.1 | 3.518    | 351.800.000             |
| 371 | 1.684                   | 1E          | NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI  | 11B/23/157 PHÁO ĐÀI LẮNG, HÀ NỘI                                            | ADC-2018.09.1 | 1.981    | 198.100.000             |
| 372 | 1.686                   | 1E          | NGUYỄN THỊ NHÂM       | 473 KIM NGƯU, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                          | ADC-2018.09.1 | 2.972    | 297.200.000             |
| 373 | 1.689                   | 1E          | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | ẤP CÂY SỘP, TÂN AN HỘI, CÚ CHI, TP.HCM                                      | ADC-2018.09.1 | 3.467    | 346.700.000             |
| 374 | 8                       | 1A          | NGUYỄN HỒNG ANH       | FA3, CCHUNG VƯỢNG 3, P, TÂN PHONG, Q7, TP.HCM                               | QT-2018.12.1  | 2.000    | 200.000.000             |
| 375 | 23                      | 1A          | HÀ THỊ KIM THÚY       | S, TRẦN KHÁNH DƯ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                      | QT-2018.12.1  | 1.924    | 192.400.000             |
| 376 | 24                      | 1A          | HỒ THỊ ĐÌNH           | SỐ 43B HOÀNG HOA THÁM, VĨNH PHÚC, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                           | QT-2018.12.1  | 2.887    | 288.700.000             |
| 377 | 60                      | 1A          | HOÀNG TỬ HÙNG         | 349/129 LÊ ĐẠI HÀNH, P13, QUẬN 11, HCM                                      | QT-2018.12.1  | 23.100   | 2.310.000.000           |
| 378 | 151                     | 1A          | NGUYỄN THỊ THANH HÀ   | 20 NGÁCH 12 NGÕ TÔ HOÀNG, CẦU ĐIỀN, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                    | QT-2018.12.1  | 1.915    | 191.500.000             |
| 379 | 221                     | 1A          | PHẠM THỊ MỸ           | 31 LÊ ĐỘ, P. Xuân Hà, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng                                 | QT-2018.12.1  | 2.500    | 250.000.000             |
| 380 | 251                     | 1A          | ĐÌNH NHƯ KHOA         | TỔ DÂN PHỐ TRƯỞNG NGỌC, THỊ TRẤN PHONG SƠN, CẨM THỦY, THANH HÓA             | QT-2018.12.1  | 2.888    | 288.800.000             |
| 381 | 252                     | 1A          | HOÀNG THỊ THU         | 209/44 LÊ VĂN SỸ, P.13, Q.3, TP.HỒ CHÍ MINH                                 | QT-2018.12.1  | 1.950    | 195.000.000             |
| 382 | 333                     | 1A          | VŨ THỊ NGỌC DUNG      | 12-T9, 83B Lý Thường Kiệt, P. Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà nội              | QT-2018.12.1  | 5.340    | 534.000.000             |
| 383 | 336                     | 1A          | TRẦN THỊ THU HIỀN     | 198 LÔ 22 CỤM 9 P ĐÔNG KHÊ, Q NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                          | QT-2018.12.1  | 15.181   | 1.518.100.000           |
| 384 | 343                     | 1A          | NGUYỄN TẤN THỌ        | 404B ĐIỆN BIÊN PHỦ, KHÓM 3, PHƯỜNG 6, TP TRÀ VINH                           | QT-2018.12.1  | 24.855   | 2.485.500.000           |
| 385 | 347                     | 1A          | TRẦN THỰC LAN         | 187/30 Minh Phụng, Phường 9, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh                  | QT-2018.12.1  | 5.300    | 530.000.000             |
| 386 | 385                     | 1A          | NGUYỄN HỒNG HÀ        | 318/20 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 17, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH            | QT-2018.12.1  | 3.000    | 300.000.000             |
| 387 | 393                     | 1A          | NGUYỄN TIẾN AN        | 157 TỔ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MAI-HÀ NỘI                                          | QT-2018.12.1  | 5.758    | 575.800.000             |
| 388 | 456                     | 1A          | LÊ THỊ PHƯƠNG         | ĐỒNG NGUYỄN - TỪ SƠN - BẮC NINH                                             | QT-2018.12.1  | 2.593    | 259.300.000             |
| 389 | 458                     | 1A          | nguyễn hồng hà        | 32 NGÕ 127 ĐƯỜNG VĂN CAO LIÊU GIAI, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                         | QT-2018.12.1  | 7.633    | 763.300.000             |
| 390 | 473                     | 1A          | HỒ THỊ TOÀN           | 497/83/40 THỐNG NHẤT, PHƯỜNG 16, QUẬN GÒ VẤP, TP HỒ CHÍ MINH                | QT-2018.12.1  | 3.250    | 325.000.000             |
| 391 | 503                     | 1A          | KHA MỸ TUYẾN          | 28 LÊ LAI, PHƯỜNG BẾN THÀNH, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH                         | QT-2018.12.1  | 1.953    | 195.300.000             |
| 392 | 521                     | 1A          | NGUYỄN THỊ THANH THÚY | NHÀ SỐ 2, ĐƯỜNG SỐ 9, KDC KHANG AN, PHƯỜNG PHÚ HỮU, QUẬN 9, TP. HỒ CHÍ MINH | QT-2018.12.1  | 3.000    | 300.000.000             |
| 393 | 552                     | 1A          | HOÀNG THỊ LÂN         | 165/14 BA VÂN, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH              | QT-2018.12.1  | 4.400    | 440.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BÀN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                                   | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 394 | 585                     | 1A          | PHAN THỊ PHONG         | 05 CAO THẮNG, TP QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH                                 | QT-2018.12.1  | 1.920    | 192.000.000             |
| 395 | 591                     | 1A          | VŨ THỊ THẨM            | 93/26 TRẦN TẤN, PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ, QUẬN TÂN PHÚ, TP HỒ CHÍ MINH          | QT-2018.12.1  | 1.990    | 199.000.000             |
| 396 | 603                     | 1A          | HOÀNG THỊ THỊ          | SỐ 1 NGÕ 943 GIẢI PHÓNG, GIÁP BẮT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                      | QT-2018.12.1  | 6.963    | 696.300.000             |
| 397 | 632                     | 1A          | ĐOÀN THỊ VÂN ANH       | SỐ 1 Ngách 12/47 Phố Đào Tấn, Cống Vị, Ba Đình Hà Nội                     | QT-2018.12.1  | 2.483    | 248.300.000             |
| 398 | 692                     | 1A          | VŨ MINH TUẤN           | 108K7 TT BÁCH KHOA, BÁCH KHOA, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                       | QT-2018.12.1  | 3.178    | 317.800.000             |
| 399 | 746                     | 1A          | NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG | SỐ 24 TRẦN HƯNG ĐẠO P PHAN CHU TRINH Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI                | QT-2018.12.1  | 2.290    | 229.000.000             |
| 400 | 755                     | 1A          | PHẠM THỊ THANH         | 145/14 TỔ 5, KPII, P PHƯỚC LONG B, QUẬN 9, TPHCM                          | QT-2018.12.1  | 3.900    | 390.000.000             |
| 401 | 767                     | 1A          | PHẠM THỊ KIM DUNG      | 9/89 AN ĐÀ, P ĐĂNG GIANG, Q NGÕ QUYỀN, TP HẢI PHÒNG                       | QT-2018.12.1  | 5.002    | 500.200.000             |
| 402 | 770                     | 1A          | NGUYỄN THỊ MINH CHÂU   | 123 YÊN LẠC, VĨNH TUY, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                               | QT-2018.12.1  | 3.982    | 398.200.000             |
| 403 | 823                     | 1A          | PHẠM BÍCH THU          | Căn hộ C12.D1 C/c Thủy Lợi 4, số 205 Nguyễn Xi, P26, Q, Bình Thạnh, TPHCM | QT-2018.12.1  | 1.927    | 192.700.000             |
| 404 | 831                     | 1A          | NGUYỄN THANH YẾN       | 19A Hồ Biểu Chánh, P.12, Q.Phú Nhuận, TPHCM                               | QT-2018.12.1  | 4.336    | 433.600.000             |
| 405 | 847                     | 1A          | PHẠM THỊ XUYẾN         | ẤP 4 XÃ PHƯỚC TUY H CĂN ĐƯỢC T LONG AN                                    | QT-2018.12.1  | 1.926    | 192.600.000             |
| 406 | 853                     | 1A          | NGUYỄN VŨ MINH         | SỐ 39 LK13 TỔNG CỤC 5 XÃ TÂN TRIỀU, H THANH TRÌ, HÀ NỘI                   | QT-2018.12.1  | 19.259   | 1.925.900.000           |
| 407 | 867                     | 1A          | NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH     | 46 TRẦN MINH QUYỀN, PHƯỜNG 11, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH             | QT-2018.12.1  | 6.998    | 699.800.000             |
| 408 | 879                     | 1A          | PHẠM MINH TUẤN         | SỐ 92 TỔ 2A, PHƯỜNG GIÁP BẮT, QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI                   | QT-2018.12.1  | 5.484    | 548.400.000             |
| 409 | 887                     | 1A          | NGUYỄN LƯU VÂN TRANG   | 8 HEM 192/56/19 LE TRONG TAN KHUONG MAI, THANH XUAN, HA NOI               | QT-2018.12.1  | 5.575    | 557.500.000             |
| 410 | 889                     | 1A          | VŨ THỊ HOA             | 9/25 TRẦN XUÂN SOAN, KP4, PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY, QUẬN 7, TP HỒ CHÍ MINH    | QT-2018.12.1  | 2.117    | 211.700.000             |
| 411 | 905                     | 1A          | CAO QUÝ HỢP            | 135/12 BÌNH THỜI PHƯỜNG 11 QUẬN 11 TPHCM                                  | QT-2018.12.1  | 1.923    | 192.300.000             |
| 412 | 916                     | 1A          | NGUYỄN THỊ HIỀN        | SỐ 204 THIÊN LÔI, VĨNH NIỆM, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                           | QT-2018.12.1  | 3.460    | 346.000.000             |
| 413 | 943                     | 1A          | TRẦN VĂN VINH          | P111-A5 Vĩnh Hồ, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội                             | QT-2018.12.1  | 3.359    | 335.900.000             |
| 414 | 962                     | 1A          | NGUYỄN THỊ TUYẾT HÀ    | 20/7/20 NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG 1 Q GÒ VẤP TPHCM                               | QT-2018.12.1  | 2.001    | 200.100.000             |
| 415 | 993                     | 1A          | LÊ QUANG THỌ           | P6 -12B PARKHILL TIME CITY P VĨNH TUY Q HAI BÀ TRƯNG HÀ NỘI               | QT-2018.12.1  | 1.999    | 199.900.000             |
| 416 | 1.013                   | 1A          | PHẠM THỊ TÂM           | DÂN HÒA, THANH OAI, HÀ NỘI                                                | QT-2018.12.1  | 2.487    | 248.700.000             |
| 417 | 1.022                   | 1A          | TRẦN THU VĨNH          | 87D ĐẶNG DUNG, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH             | QT-2018.12.1  | 4.990    | 499.000.000             |
| 418 | 1.028                   | 1A          | TRẦN ANH TÚ            | ẤP TÂN AN, XÃ PHONG HÒA, HUYỆN LAI VUNG, T. ĐỒNG THÁP                     | QT-2018.12.1  | 3.810    | 381.000.000             |
| 419 | 1.029                   | 1A          | TRẦN,THỊ KIM NGỌC      | 141/11 KP2 P TÂN CHÁNH HIỆP QUẬN 12 TPHCM                                 | QT-2018.12.1  | 2.494    | 249.400.000             |



| STT | STT THEO PHU LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên               | Địa chỉ                                                                | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được trả thưởng |
|-----|-------------------------|-------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 420 | 1.048                   | 1A          | PHẠM THỊ MỸ LOAN        | A1/448 ẤP 1, XÃ BÌNH CHÁNH, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HCM                  | QT-2018.12.1  | 7.279    | 727.900.000             |
| 421 | 1.052                   | 1A          | VŨ THỊ NINH             | 998/42/10 QUANG TRUNG PHƯỜNG 8 Q.GÒ VẤP TPHCM VN                       | QT-2018.12.1  | 2.094    | 209.400.000             |
| 422 | 1.087                   | 1A          | ĐINH QUỐC KHÁNH         | 339 NAM KỲ KHỐI NGHĨA, PHƯỜNG 7, QUẬN 3, TP.HCM                        | QT-2018.12.1  | 4.977    | 497.700.000             |
| 423 | 1.103                   | 1A          | NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ     | 1347 TỔ 54, K.5, P.11, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP                         | QT-2018.12.1  | 2.138    | 213.800.000             |
| 424 | 1.128                   | 1A          | VŨ THỊ THANG            | 30 ĐÔNG PHƯỚC PHƯỚC LONG NHA TRANG KHÁNH HÒA                           | QT-2018.12.1  | 2.982    | 298.200.000             |
| 425 | 1.137                   | 1A          | NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC THÚ  | 404 NGUYỄN KIỂM, PHƯỜNG 3, Q. PHÚ NHUẬN, TPHCM                         | QT-2018.12.1  | 2.982    | 298.200.000             |
| 426 | 1.184                   | 1A          | PHẠM THỤY MỘNG KIỀU NGÃ | 48/20 PHẠM VĂN XẢO, PHƯỜNG PHÚ THO HÒA, TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH       | QT-2018.12.1  | 5.942    | 594.200.000             |
| 427 | 1.200                   | 1A          | NGUYỄN THỊ KIỂM         | P1104-17T1 HAPULICO THANH XUÂN TRUNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI               | QT-2018.12.1  | 2.096    | 209.600.000             |
| 428 | 1.223                   | 1A          | VŨ THỊ THANH TỊNH       | P1/16B Thành Công, Láng Hạ, Hà Nội                                     | QT-2018.12.1  | 1.998    | 199.800.000             |
| 429 | 1.247                   | 1A          | NGUYỄN VĂN PHỤNG        | SỐ 9 DÂY Đ NGÕ 142 PHỐ ĐỘI CÁN ĐỘI CÁN BA ĐÌNH HÀ NỘI                  | QT-2018.12.1  | 4.645    | 464.500.000             |
| 430 | 1.248                   | 1A          | TRƯƠNG NGUYỄN THỤY ĐĂNG | TỔ 51, P. THANH BÌNH, Q. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG                         | QT-2018.12.1  | 4.000    | 400.000.000             |
| 431 | 1.254                   | 1A          | NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA     | 16A ĐÔNG PHƯỚC, PHƯỚC LONG, NHA TRANG, KHÁNH HÒA                       | QT-2018.12.1  | 2.523    | 252.300.000             |
| 432 | 1.262                   | 1A          | TRẦN THỊ HỒNG           | 2 ĐƯỜNG SỐ 53, PHƯỜNG TÂN TẠO, QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH    | QT-2018.12.1  | 4.902    | 490.200.000             |
| 433 | 1.278                   | 1A          | LÊ THỊ HẢI PHÚ          | 159/31 BẠCH ĐẰNG, P.2, Q. TÂN BÌNH, TP.HCM.                            | QT-2018.12.1  | 2.000    | 200.000.000             |
| 434 | 1.317                   | 1A          | BÙI THỊ MAI NGÂN        | 280 ĐƯỜNG 490 ẤP 1, XÃ PHẠM VĂN CỘI, HUYỆN CÚ CHI, TPHCM               | QT-2018.12.1  | 3.000    | 300.000.000             |
| 435 | 2                       | 1G          | NGUYỄN VIỆT PHONG       | 9 ngõ 301 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội            | QT-2018.12.1  | 4.863    | 486.300.000             |
| 436 | 10                      | 1G          | NGUYỄN TRÍ NGỌC         | TDP SỐ 2 P MỸ ĐÌNH 1 Q NAM TỪ LIÊM TP HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 4.111    | 411.100.000             |
| 437 | 11                      | 1G          | TRẦN KHÂM VINH          | 68/79A TRẦN QUANG KHÁI, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 960      | 96.000.000              |
| 438 | 13                      | 1G          | TRẦN KHÂM NHÌ           | 68/79A TRẦN QUANG KHÁI, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 959      | 95.900.000              |
| 439 | 17                      | 1G          | TRẦN PHƯỚC BẢO LONG     | 426 PHAN VĂN TRỊ PHƯỜNG 7 QUẬN 5 TPHCM                                 | ADC-2019.01   | 3.862    | 386.200.000             |
| 440 | 20                      | 1G          | NHAN THANH THIẾU HUY    | ẤP PHỐ, AN QUẢNG HỮU, TRÀ CÚ, TRÀ VINH                                 | ADC-2019.01   | 1.980    | 198.000.000             |
| 441 | 8                       | 1G          | TRẦN KIM TUYẾN          | 4/2 TRẦN QUỐC TOẢN, P.MỸ BÌNH, TP LONG XUYỀN, AN GIANG                 | ADC-2018.09.1 | 3.918    | 391.800.000             |
| 442 | 33                      | 1G          | TRẦN THỊ MINH TÂN       | 82/2/15 ĐINH BỘ LĨNH, PHƯỜNG 26, QUẬN BÌNH THẠNH, TPHCM                | ADC-2018.09   | 3.584    | 358.400.000             |
| 443 | 40                      | 1G          | TRẦN KHÂM VINH          | 68/79A TRẦN QUANG KHÁI, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 1.000    | 100.000.000             |
| 444 | 41                      | 1G          | TRẦN KHÂM NHÌ           | 68/79A TRẦN QUANG KHÁI, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 1.000    | 100.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                               | Mã TráI phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 445 | 8                       | 1G          | NGUYỄN QUANG TRƯỜNG   | 108 Tân Thành, P. Tân Thành, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh             | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 446 | 14                      | 1G          | TRƯƠNG THỊ HỒNG VINH  | 3 NGÁCH 381/64 NGUYỄN KHANG, HÀ NỘI, P YÊN HOÀ, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 2.202    | 220.200.000             |
| 447 | 21                      | 1G          | TRẦN PHƯỚC BẢO LONG   | 426 PHAN VĂN TRỊ PHƯỜNG 7 QUẬN 5 TPHCM                                | ADC-2018.09   | 3.955    | 395.500.000             |
| 448 | 27                      | 1G          | LÂM THỰC NHI          | 2/3B TÂN MỸ KP4, P.TÂN THUẬN TÂY, QUẬN 7, TP.HCM                      | ADC-2018.09   | 2.500    | 250.000.000             |
| 449 | 10                      | 1G          | NGUYỄN TRẦN PHƯỚC ĐẠT | 614 Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, TPHCM                              | ADC-2018.09.1 | 651      | 65.100.000              |
| 450 | 13                      | 1G          | PHẠM THỊ NỜ           | 133/25/13 NỊ SỰ HUYNH LIÊN P10 Q.TÂN BÌNH TPHCM                       | ADC-2018.09.1 | 1.995    | 199.500.000             |
| 451 | 15.034                  | 1D          | TRẦN YẾN NHI          | 71/6 HẸM 71 ĐƯỜNG 3/2, P. HƯNG LỢI, Q. NINH KIỀU, TPCT                | ADC-2018.09   | 1.948    | 194.800.000             |
| 452 | 15.058                  | 1D          | VŨ ĐỨC HANH           | SỐ 136 NGUYỄN THÁI HỌC P ĐIỆN BIÊN Q BA ĐÌNH TP HÀ NỘI                | ADC-2018.09   | 3.116    | 311.600.000             |
| 453 | 15.088                  | 1D          | LÂM DUY CHƯƠNG        | 279 HÙNG VƯƠNG, P9, Q5, HCM                                           | ADC-2018.09   | 12.655   | 1.265.500.000           |
| 454 | 15.095                  | 1D          | LÂM HƯƠNG             | 206 TRUNG NỮ VƯƠNG, BÌNH THUẬN, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                     | ADC-2018.09   | 2.422    | 242.200.000             |
| 455 | 15.114                  | 1D          | HÀ THỊ THU PHƯƠNG     | KXã IA ĐOK H ĐỨC CƠ T GIA LAI                                         | ADC-2018.09   | 4.868    | 486.800.000             |
| 456 | 15.120                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THU HUỖN   | TỔ 18B, HOÀ KHÁNH BẮC Q. LIÊN CHIỂU, ĐÀ NẴNG                          | ADC-2018.09   | 1.947    | 194.700.000             |
| 457 | 15.122                  | 1D          | TRẦN THU HÀ           | 9 NGÕ 377 PHÚC TÂN P PHÚC TÂN Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI                   | ADC-2018.09   | 2.220    | 222.000.000             |
| 458 | 15.137                  | 1D          | LÊ THỊ THU LIỄU       | 876/19 CÁCH MẠNG THÁNG 8, PHƯỜNG 05, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM            | ADC-2018.09   | 1.947    | 194.700.000             |
| 459 | 15.167                  | 1D          | LỤC VĨ QUANG          | 19C ĐÀO NGUYỄN PHỐ PHƯỜNG 4 QUẬN 11 TPHCM                             | ADC-2018.09   | 1.946    | 194.600.000             |
| 460 | 15.175                  | 1D          | TIẾT THANH THẢO       | SỐ 63A, KHÓM 5, PHƯỜNG 7, TP TRÀ VINH, TRÀ VINH                       | ADC-2018.09   | 1.945    | 194.500.000             |
| 461 | 15.178                  | 1D          | PHAN THỊ THU THẢO     | 121/40 KP4, P. TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12, TP.HCM                          | ADC-2018.09   | 6.807    | 680.700.000             |
| 462 | 15.192                  | 1D          | TỔ THỊ THANH THÚY     | 65/20 TÔN ĐỨC THẮNG, TRẦN NGUYỄN HẸN, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG              | ADC-2018.09   | 1.945    | 194.500.000             |
| 463 | 15.202                  | 1D          | DƯƠNG KIM OANH        | B10.02 SAIGONRES PLAZA-188 NGUYỄN XI PHƯỜNG 26 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM  | ADC-2018.09   | 2.139    | 213.900.000             |
| 464 | 15.208                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM OANH   | 43-45 ĐỒ-Q ĐẤU, P. PHẠM NGŨ LÃO, Q.1, HCM                             | ADC-2018.09   | 1.945    | 194.500.000             |
| 465 | 15.211                  | 1D          | TRẦN QUANG HUY        | 52/1/10, TX21, KP5, THANH XUÂN, QUẬN 12, TP.HCM                       | ADC-2018.09   | 2.625    | 262.500.000             |
| 466 | 15.230                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC NHI       | ẤP CHƠ, THANH TUYỀN, DẦU TIẾNG, BÌNH DƯƠNG                            | ADC-2018.09   | 3.840    | 384.000.000             |
| 467 | 15.238                  | 1D          | NGUYỄN THỊ BA         | KHU 1 Ồ 1, THỊ TRẦN THỦ THỨA, HUYỆN THỦ THỨA, TỈNH LONG AN            | ADC-2018.09   | 2.915    | 291.500.000             |
| 468 | 15.239                  | 1D          | HOÀNG THỊ XUÂN        | 16 CHUNG CƯ ĐẦM NẮM P THƯỢNG THANH Q LONG BIÊN TP HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 2.138    | 213.800.000             |
| 469 | 15.245                  | 1D          | NGUYỄN KIỀU GIANG     | 192E TRẦN QUANG KHÁI P TÂN ĐỊNH QUẬN 1 TPHCM                          | ADC-2018.09   | 4.857    | 485.700.000             |
| 470 | 15.296                  | 1D          | VŨ TRƯƠNG BÍCH DUY    | 491 C5 NƠI TRANG LONG, PHƯỜNG 13, Q BÌNH THẠNH, TPHCM, VN             | ADC-2018.09   | 4.854    | 485.400.000             |
| 471 | 15.317                  | 1D          | TRẦN HOÀNG YẾN        | 13.13 CC 79C PHẠM VIỆT CHÁNH PHƯỜNG 13 Q BÌNH THẠNH TPHCM             | ADC-2018.09   | 2.912    | 291.200.000             |



| STT | STT THEO PHU LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                                  | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 472 | 15.346                  | 1D          | PHẠM THU HẰNG          | TRẠI CỐC XÃ HỒNG PHONG H<br>CHƯƠNG MỸ TP HÀ NỘI VN                       | ADC-2018.09   | 1.941    | 194.100.000             |
| 473 | 15.352                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THU         | 67B ĐƯỜNG 30 KP2, CÁT LÁI, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                             | ADC-2018.09   | 3.882    | 388.200.000             |
| 474 | 15.376                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HẰNG NGA    | 43 HÙNG VƯƠNG P HẢI CHÂU I Q HẢI CHÂU TP ĐÀ NẴNG                         | ADC-2018.09   | 5.881    | 588.100.000             |
| 475 | 15.391                  | 1D          | HÀ TÔ MUỐI             | 19C ĐÀO NGUYỄN PHỔ, PHƯỜNG 4, QUẬN 11, TPHCM                             | ADC-2018.09   | 1.940    | 194.000.000             |
| 476 | 15.417                  | 1D          | NGUYỄN THỊ BƯƠM        | PHƯỜNG ĐẠI PHÚC, TP BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH                              | ADC-2018.09   | 2.907    | 290.700.000             |
| 477 | 15.432                  | 1D          | DIỆP QUỐC MÃN          | 384/20 NGUYỄN THÁI SƠN, PHƯỜNG 5, QUẬN GÒ VẤP, TP HCM                    | ADC-2018.09   | 4.850    | 485.000.000             |
| 478 | 15.440                  | 1D          | DƯ THỊ XUÂN            | 430XD/15L NƠI TRẠNG LONG, PHƯỜNG 13, Q BÌNH THẠNH, TPHCM                 | ADC-2018.09   | 2.907    | 290.700.000             |
| 479 | 15.494                  | 1D          | NGUYỄN THÙY DƯƠNG      | THÔN 2A, HÒA TIẾN, KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK                                    | ADC-2018.09   | 1.937    | 193.700.000             |
| 480 | 15.556                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THÚY LAN    | 12 ĐƯỜNG SỐ 53, KP 2, PHƯỜNG AN PHÚ, QUẬN 2 TPHCM                        | ADC-2018.09   | 2.902    | 290.200.000             |
| 481 | 15.563                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HẢI         | K. TÂN HÒA P HÀ HUY TẬP TP VINH T NGHỆ AN                                | ADC-2018.09   | 2.418    | 241.800.000             |
| 482 | 15.581                  | 1D          | PHAN THỊ THANH HUYỀN   | TỔ 3 SÀI ĐỒNG, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 4.544    | 454.400.000             |
| 483 | 15.583                  | 1D          | NGUYỄN VĂN THIẾT       | 31/66 YÊN LẠC P VINH TUY Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI VN                     | ADC-2018.09   | 2.425    | 242.500.000             |
| 484 | 15.587                  | 1D          | LÊ THỊ THANH NHÂN      | 128A/16A NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH     | ADC-2018.09   | 2.900    | 290.000.000             |
| 485 | 15.588                  | 1D          | NGUYỄN BÌNH DŨNG       | A001 C/CƯ TRẦN KẾ XƯƠNG PHƯỜNG 7 Q PHÚ NHUẬN TPHCM                       | ADC-2018.09   | 1.934    | 193.400.000             |
| 486 | 15.593                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM LOAN    | 30/16 PHẠM VĂN HAI PHƯỜNG 3 QUẬN TÂN BÌNH TP. HỒ CHÍ MINH                | ADC-2018.09   | 4.834    | 483.400.000             |
| 487 | 15.600                  | 1D          | ĐOÀN THỊ THANH         | 101, KHU PHỐ 6, LINH TRUNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VN | ADC-2018.09   | 8.217    | 821.700.000             |
| 488 | 15.627                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HOÀNG TRANG | 134A TRẦN KẾ XƯƠNG, PHƯỜNG 07, Q. PHÚ NHUẬN, TP HCM                      | ADC-2018.09   | 4.059    | 405.900.000             |
| 489 | 15.628                  | 1D          | PHÚ ÁI NHUNG           | K356/90A HOÀNG DIỆU, P BÌNH HIẾN, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                 | ADC-2018.09   | 1.933    | 193.300.000             |
| 490 | 15.637                  | 1D          | NGUYỄN NAM ANH         | 298A NGUYỄN THƯỢNG HIẾN, PHƯỜNG 5, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                 | ADC-2018.09   | 1.933    | 193.300.000             |
| 491 | 15.658                  | 1D          | TRẦN THỊ NHƯ HOA       | XÓM MỸ HẠ, HƯNG LỘC, TP VINH, NGHỆ AN                                    | ADC-2018.09   | 2.415    | 241.500.000             |
| 492 | 15.686                  | 1D          | PHẠM THỊ MỸ TRANG      | 178/2/3C PHẠM ĐĂNG LƯU, PHƯỜNG 3, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                  | ADC-2018.09   | 16.365   | 1.636.500.000           |
| 493 | 15.689                  | 1D          | PHAN THỊ THU TRINH     | K64/32 Pasteur, P Hải Châu I, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng                     | ADC-2018.09   | 1.931    | 193.100.000             |
| 494 | 15.723                  | 1D          | PHAN THỊ THU HỒNG      | 63C VAN KIẾP PHƯỜNG 3 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM                              | ADC-2018.09   | 24.134   | 2.413.400.000           |
| 495 | 15.731                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC TÚ QUỲNH   | 110/52 ÔNG ÍCH KIỆM PHƯỜNG 5 QUẬN 11 TPHCM                               | ADC-2018.09   | 2.895    | 289.500.000             |
| 496 | 15.732                  | 1D          | HOÀNG TUYẾT HẢO        | 144/34 TẠ UYÊN, PHƯỜNG 06, QUẬN 11, TP. HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09   | 2.695    | 269.500.000             |
| 497 | 15.736                  | 1D          | TRẦN THỊ THU PHƯƠNG    | 18B NGUYỄN LÂM, PHƯỜNG 6, QUẬN 10, TPHCM                                 | ADC-2018.09   | 4.825    | 482.500.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                              | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 498 | 15.798                  | 1D          | TRẦN THỊ DUYỀN        | SỐ 2A PHẠM PHÚ THỨ, HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG                          | ADC-2018.09   | 2.894    | 289.400.000             |
| 499 | 15.802                  | 1D          | QUÁCH TIỂU HỒNG       | CC HIM LAM 491 HẬU GIANG, PHƯỜNG 11, QUẬN 6, TPHCM                   | ADC-2018.09   | 1.929    | 192.900.000             |
| 500 | 15.833                  | 1D          | NGUYỄN THANH TOÀN     | 34 PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG PHƯỜNG 11 QUẬN 5 HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 4.400    | 440.000.000             |
| 501 | 15.839                  | 1D          | NGUYỄN VIỆT HÙNG      | 38 NGUYỄN THỊ THẬP, PHƯỜNG 9, TP VŨNG TÀU, T BÀ RỊA - VŨNG TÀU       | ADC-2018.09   | 2.217    | 221.700.000             |
| 502 | 15.847                  | 1D          | ĐƯƠNG THỊ TÂN         | 84D TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 1.928    | 192.800.000             |
| 503 | 15.858                  | 1D          | NGUYỄN HOÀNG TÚ       | 163 HOÀNG VĂN THỤ, P PHƯƠNG SÀI, TP. NHA TRANG, T KHÁNH HÒA          | ADC-2018.09   | 4.047    | 404.700.000             |
| 504 | 15.871                  | 1D          | NGUYỄN THU HIỀN       | P1008 DỰ ÁN NHÀ Ở HIMLAM, THẠCH BÀN, LONG BIÊN, HÀ NỘI               | ADC-2018.09   | 1.930    | 193.000.000             |
| 505 | 15.877                  | 1D          | NGUYỄN TƯ SƠN         | TỔ DÂN PHỐ B, TT CHƯ SẾ, CHƯ SẾ, GIA LAI                             | ADC-2018.09   | 9.700    | 970.000.000             |
| 506 | 15.894                  | 1D          | HUỶNH BÁ HẢI          | 73 Đông Hồ, Phường 08, Quận Tân Bình, TP.HCM                         | ADC-2018.09   | 1.927    | 192.700.000             |
| 507 | 15.914                  | 1D          | NGUYỄN ĐỨC LẠC        | 294/53A XÕ VIẾT NGHỆ TĨNH PHƯỜNG 21 Q BÌNH THẠNH TPHCM               | ADC-2018.09   | 4.957    | 495.700.000             |
| 508 | 15.917                  | 1D          | NGÔ HỮU TÚ            | 730/135/20 HƯƠNG LỘ 2, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG A, QUẬN BÌNH TÂN, TPHCM  | ADC-2018.09   | 2.889    | 288.900.000             |
| 509 | 15.922                  | 1D          | TỪ CHÍ MINH           | 17/23B HỌC LẠC PHƯỜNG 14 QUẬN 5 TPHCM                                | ADC-2018.09   | 2.408    | 240.800.000             |
| 510 | 15.954                  | 1D          | HỒ MỸ NHÂN            | 272 ẤU CƠ, PHƯỜNG 10, TÂN BÌNH, TP HCM                               | ADC-2018.09   | 5.296    | 529.600.000             |
| 511 | 15.970                  | 1D          | HOÀC KIM DƯ           | 126 HOÀNG XUÂN NHỊ, PHƯỜNG PHÚ TRUNG, QUẬN TÂN PHÚ, TP HCM.          | ADC-2018.09   | 3.850    | 385.000.000             |
| 512 | 15.971                  | 1D          | NGUYỄN THỊ QUYẾN      | 47/10/9 AO ĐÔI P BÌNH TRỊ ĐÔNG A Q BÌNH TÂN TPHCM                    | ADC-2018.09   | 1.925    | 192.500.000             |
| 513 | 15.975                  | 1D          | NGUYỄN PHAN HOÀNG NAM | 2C/26 ĐƯỜNG 39 KP6 P LINH ĐÔNG TP THỦ ĐỨC TPHCM                      | ADC-2018.09   | 1.925    | 192.500.000             |
| 514 | 15.980                  | 1D          | PHẠM THỊ UYÊN LINH    | 90A/8 NỘI HÓA 2 P BÌNH AN TP DĨ AN T BÌNH DƯƠNG                      | ADC-2018.09   | 1.924    | 192.400.000             |
| 515 | 15.994                  | 1D          | PHAN THỊ MỸ YẾN       | 31 KHU PHỐ 4, P TÂN HẠNH, TP BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI                      | ADC-2018.09   | 2.789    | 278.900.000             |
| 516 | 15.997                  | 1D          | ĐỒNG THỊ LAN PHƯƠNG   | 28 NGUYỄN TRỌNG TUYẾN PHƯỜNG 15 Q PHÚ NHUẬN TPHCM                    | ADC-2018.09   | 1.923    | 192.300.000             |
| 517 | 15.998                  | 1D          | PHẠM THỊ GẮM          | 69/16D TDP TRUNG HÀNH 5, ĐẶNG LÂM, HẢI AN, HẢI PHÒNG                 | ADC-2018.09   | 4.809    | 480.900.000             |
| 518 | 16.013                  | 1D          | ĐẶNG HOÀNG ĐANG       | 113/40 TRẦN VĂN ĐANG, P.9, QUẬN 3, HCM                               | ADC-2018.09   | 4.850    | 485.000.000             |
| 519 | 16.017                  | 1D          | NGUYỄN VĂN HẢI        | TỔ 25 NGỌC THUY, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 3.840    | 384.000.000             |
| 520 | 16.027                  | 1D          | ĐỖ HẢI THẢO           | 25/93A BÙI QUANG LÀ, PHƯỜNG 12, QUẬN GÓ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH   | ADC-2018.09   | 1.930    | 193.000.000             |
| 521 | 16.050                  | 1D          | TRƯƠNG KIM NGỌC       | 110/8/5 - 110/8/7 BÀ HOM, PHƯỜNG 13, QUẬN 6, TP HỒ CHÍ MINH          | ADC-2018.09   | 1.930    | 193.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                       | Mã Trai phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 522 | 16.051                  | 1D          | ĐỖ XUÂN HƯNG         | LÔ 6 8T7-1 ĐTM ĐỒNG SƠN, P AN HƯNG, TP THANH HÓA, THANH HÓA                   | ADC-2018.09   | 3.848    | 384.800.000             |
| 523 | 16.059                  | 1D          | LÊ THỊ ANH           | 5/9 ĐƯỜNG 11, KP 4 P TAM BÌNH TP THỦ ĐỨC TPHCM                                | ADC-2018.09   | 6.728    | 672.800.000             |
| 524 | 16.067                  | 1D          | NGUYỄN THÀNH TUYẾN   | 216/26/13 ĐƯỜNG 3/2, P HƯNG LỢI Q NINH KIỀU TP CẦN THƠ                        | ADC-2018.09   | 1.922    | 192.200.000             |
| 525 | 16.085                  | 1D          | BUI CONG TUAN        | 16/89 NGUYỄN THIÊN THUẬT, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TPHCM                             | ADC-2018.09   | 6.726    | 672.600.000             |
| 526 | 16.096                  | 1D          | ĐÀM THỊ NGÀ          | SỐ 841 THIÊN LÔI, KÊNH DƯƠNG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                              | ADC-2018.09   | 7.684    | 768.400.000             |
| 527 | 16.135                  | 1D          | NGUYỄN THỊ TRANG     | 766/19 LẠC LONG QUÂN, PHƯỜNG 09, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM                        | ADC-2018.09   | 4.786    | 478.600.000             |
| 528 | 16.149                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC LIÊN HOA | 27 ĐƯỜNG 6, KDC BÌNH ĐẰNG, P6, Q8, TP.HCM                                     | ADC-2018.09   | 5.747    | 574.700.000             |
| 529 | 16.152                  | 1D          | PHẠM HỒNG PHƯỢNG     | 11 CALMETTE, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH           | ADC-2018.09   | 1.919    | 191.900.000             |
| 530 | 16.159                  | 1D          | NGUYỄN THỊ LƯƠNG     | XOM 7 XA PHUOC THO H NGHI LOC T NGHE AN VN                                    | ADC-2018.09   | 1.916    | 191.600.000             |
| 531 | 16.163                  | 1D          | NGUYỄN THANH QUANG   | PHƯỚC QUANG, TUY PHƯỚC, BÌNH ĐỊNH                                             | ADC-2018.09   | 4.923    | 492.300.000             |
| 532 | 16.179                  | 1D          | LÊ THỊ LOAN          | 47 ĐƯỜNG 16, KP4, P AN PHÚ, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                                 | ADC-2018.09   | 2.875    | 287.500.000             |
| 533 | 16.311                  | 1D          | ĐÀO THỊ THU HÀ       | 243 AN LẠC 1, P SỞ DẦU, QUẬN HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG                          | ADC-2018.09   | 3.280    | 328.000.000             |
| 534 | 16.317                  | 1D          | VÕ THỊ MỸ            | 193/12 ĐƯỜNG SỐ 6 P BÌNH HƯNG HOÀ B Q BÌNH TÂN TP HCM                         | ADC-2018.09   | 1.912    | 191.200.000             |
| 535 | 16.322                  | 1D          | NGUYỄN HỮU TOÀN      | 131/12/26 KINH DƯƠNG VƯƠNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6, TPHCM                          | ADC-2018.09   | 1.912    | 191.200.000             |
| 536 | 16.329                  | 1D          | PHẠM THỊ MƠ          | 9H HOÀNG VĂN THỤ - MINH KHAI - HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG                          | ADC-2018.09   | 2.581    | 258.100.000             |
| 537 | 16.348                  | 1D          | TRẦN THỊ TRÚC LINH   | 424/23/38 NGUYỄN VĂN LUÔNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6, TPHCM                          | ADC-2018.09   | 1.910    | 191.000.000             |
| 538 | 16.361                  | 1D          | LÊ NGỌC TRÁC         | ẤP 17, XÃ LONG TRUNG, H CAI Lậy, T TIỀN GIANG                                 | ADC-2018.09   | 9.639    | 963.900.000             |
| 539 | 16.372                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC NHƯ NGÀ  | 26 TRỊNH HOÀI ĐỨC, PHƯỜNG 13, QUẬN 5, TP HCM                                  | ADC-2018.09   | 1.909    | 190.900.000             |
| 540 | 16.376                  | 1D          | DƯƠNG THU TRINH      | 603/12 ẬU CƠ PHƯỜNG PHÚ TRUNG QUẬN TÂN PHÚ TPHCM                              | ADC-2018.09   | 1.909    | 190.900.000             |
| 541 | 16.383                  | 1D          | NGÔ MỸ NHI           | 165/60 NGUYỄN THÁI BÌNH, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TPHCM               | ADC-2018.09   | 10.050   | 1.005.000.000           |
| 542 | 16.389                  | 1D          | NGUYỄN ANH THƯ       | 207/67 ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 11, QUẬN 10, TPHCM                                   | ADC-2018.09   | 2.001    | 200.100.000             |
| 543 | 16.395                  | 1D          | NGUYỄN VĂN LƯỢNG     | 117 CÁT CỤT, AN BIÊN, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                      | ADC-2018.09   | 2.002    | 200.200.000             |
| 544 | 16.403                  | 1D          | TRẦN NGỌC KIM ANH    | 277 PHAN ĐÌNH PHÙNG PHƯỜNG 15 Q PHÚ NHUẬN TPHCM                               | ADC-2018.09   | 12.290   | 1.229.000.000           |
| 545 | 16.408                  | 1D          | NGÔ XUÂN ĐÌNH        | 364/2 NGUYỄN DUY DƯƠNG PHƯỜNG 9 QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 2.001    | 200.100.000             |
| 546 | 16.423                  | 1D          | TRẦN VĂN PHƯỚC       | 193/135 NGUYỄN CỰ TRINH, PHƯỜNG NGUYỄN CỰ TRINH, QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 5.001    | 500.100.000             |
| 547 | 16.429                  | 1D          | ĐÀO BÍCH HUYỀN       | 08.04 CAO ỐC A, NGÕ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH         | ADC-2018.09   | 4.594    | 459.400.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 548 | 16.451                  | 1D          | NGUYỄN XUÂN THÀNH    | 25 NGÕ 295 P BẠCH MAI Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI                         | ADC-2018.09   | 5.999    | 599.900.000             |
| 549 | 16.463                  | 1D          | ĐÀO XUÂN LÊ          | 17 HÀNG THÙNG P LÝ THÁI TỔ , HOÀN KIẾM HÀ NỘI                          | ADC-2018.09   | 14.219   | 1.421.900.000           |
| 550 | 16.466                  | 1D          | LÊ QUANG             | SỐ 37,ĐƯỜNG 50, TÂN TẠO, BÌNH TÂN, TP.HCM                              | ADC-2018.09   | 4.998    | 499.800.000             |
| 551 | 16.476                  | 1D          | PHẠM THỊ KIM HOA     | P301-A6 NGÁCH 29 VŨ THẠNH P Ô CHỢ DỪA Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI VN           | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 552 | 16.487                  | 1D          | PHẠM PHƯƠNG THẢO     | 524/34 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU ,PHƯỜNG 4 ,QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.     | ADC-2018.09   | 3.250    | 325.000.000             |
| 553 | 16.494                  | 1D          | NGÔ TỶ               | 550/30/14 HỒNG BÀNG , PHƯỜNG 16, QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH        | ADC-2018.09   | 2.499    | 249.900.000             |
| 554 | 16.496                  | 1D          | ĐỖ DUY LỊCH          | KHU HOÀNG XÁ, THỊ TRẤN AN LÃO, HẢI PHÒNG                               | ADC-2018.09   | 4.997    | 499.700.000             |
| 555 | 16.500                  | 1D          | PHẠM THỊ CHẨM        | Thắng Lợi, An Hưng, An Dương, Hải Phòng                                | ADC-2018.09   | 7.489    | 748.900.000             |
| 556 | 16.507                  | 1D          | ĐÀO THỊ NGÃ          | P405 M11 LẮNG TRUNG P LẮNG HẠ Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI VN                   | ADC-2018.09   | 4.598    | 459.800.000             |
| 557 | 16.510                  | 1D          | NGUYỄN KIM YẾN NGỌC  | 1306A KHA VẠN CÂN, KP 4, P. LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HCM             | ADC-2018.09   | 3.998    | 399.800.000             |
| 558 | 16.520                  | 1D          | TRẦN THỊ THÚY TIÊN   | 188/23 VÕ VĂN TẤN, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TPHCM                             | ADC-2018.09   | 3.098    | 309.800.000             |
| 559 | 16.528                  | 1D          | HUỖNH THỊ NGỌC NHUNG | TỔ 11, TÂY NAM, P VINH HẢI, TP NHA TRANG, T KHÁNH HÒA                  | ADC-2018.09   | 4.071    | 407.100.000             |
| 560 | 16.554                  | 1D          | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VÂN | 194A PHỐ ĐỘI CÁN PHƯƠNG ĐỘI CÁN QUẬN BA ĐÌNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI VIỆT NAM | ADC-2018.09   | 2.996    | 299.600.000             |
| 561 | 16.566                  | 1D          | LÊ HỒNG BIÊN         | P503 A4 TT 8CA 102 NHT, THANH XUÂN TRUNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI           | ADC-2018.09   | 4.993    | 499.300.000             |
| 562 | 16.567                  | 1D          | TRẦN THỊ HƯƠNG       | TỔ 3, P. TIỀN PHONG, TP. THÁI BÌNH                                     | ADC-2018.09   | 4.993    | 499.300.000             |
| 563 | 16.580                  | 1D          | TẮT MỸ LAN           | 140/13 HÀN HẢI NGUYỄN, PHƯỜNG 8, QUẬN 11, TPHCM                        | ADC-2018.09   | 1.997    | 199.700.000             |
| 564 | 16.585                  | 1D          | VŨ THỊ TÂM           | CH 22 NHÀ B TTQĐ 75886 TCHC, THANH LƯƠNG, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI         | ADC-2018.09   | 2.995    | 299.500.000             |
| 565 | 16.596                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HIỀN      | 14/14 NGÕ TẮT TỔ, PHƯỜNG 19, Q BÌNH THẠNH, TPHCM                       | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 566 | 16.628                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THU TRANG | SỐ 250A AN ĐÀ, ĐĂNG GIANG, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                        | ADC-2018.09   | 9.980    | 998.000.000             |
| 567 | 16.633                  | 1D          | LÊ NGỌC THOẠI        | 958/16 LẠC LONG QUÂN, PHƯỜNG 8, Q.TÂN BÌNH, TPHCM                      | ADC-2018.09   | 6.587    | 658.700.000             |
| 568 | 16.638                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU | 66/9B ẤP TRUNG MỸ TÂY, TRUNG CHÁNH, HỐC MÔN, HỒ CHÍ MINH               | ADC-2018.09   | 2.196    | 219.600.000             |
| 569 | 16.652                  | 1D          | HOÀNG THỊ THÚY VÂN   | KHOI YẾN SƠN P HÀ HUY TẬP TP VINH T NGHỆ AN                            | ADC-2018.09   | 1.996    | 199.600.000             |
| 570 | 16.653                  | 1D          | LÊ ANH NAM           | SỐ 20 ĐỒNG TRÁ 4, DƯ HANG KINH, LÊ CHẤN, HẢI PHÒNG                     | ADC-2018.09   | 1.996    | 199.600.000             |
| 571 | 16.657                  | 1D          | LÝ NGỌC YẾN          | 19 DƯƠNG TỬ GIANG PHƯỜNG 14 QUẬN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH               | ADC-2018.09   | 15.465   | 1.546.500.000           |
| 572 | 16.662                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THƠM      | SỐ 249 BỒ ĐỀ, BỒ ĐỀ, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 4.988    | 498.800.000             |
| 573 | 16.682                  | 1D          | TẶNG QUẾ NGÂN        | 817,05 C/C 290 AN DƯƠNG VƯƠNG-P.4-QUẬN 5-HCM                           | ADC-2018.09   | 7.980    | 798.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                               | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 574 | 16.687                  | 1D          | LÊ TUYẾT NHUNG         | 9/3 ĐÀO DUY TỬ, PHƯỜNG 17, PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 1.995    | 199.500.000             |
| 575 | 16.690                  | 1D          | CHU THỊ HUỆ            | 16A NGUYỄN QUYỀN, NGUYỄN DU, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 4.866    | 486.600.000             |
| 576 | 16.698                  | 1D          | NGUYỄN CƯỜNG           | 1/98 KHU PHỐ 3, PHƯỜNG TÂN CHÁNH HIỆP, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 2.500    | 250.000.000             |
| 577 | 16.703                  | 1D          | NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG CH | 113/8 Nguyễn Trãi, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM                    | ADC-2018.09   | 4.990    | 499.000.000             |
| 578 | 16.714                  | 1D          | ĐỖ NGỌC LAN            | 43/11 LÝ NAM ĐẾ, PHƯỜNG 7, QUẬN 11, TPHCM                             | ADC-2018.09   | 2.992    | 299.200.000             |
| 579 | 16.723                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THƠM        | 12A/7/69 CHỢ CON, TRẠI CAU, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG                        | ADC-2018.09   | 3.090    | 309.000.000             |
| 580 | 16.732                  | 1D          | HỒ THANH THIÊN         | 45/1 PHAN VĂN HÂN, PHƯỜNG 19, Q BÌNH THẠNH, TPHCM                     | ADC-2018.09   | 5.980    | 598.000.000             |
| 581 | 16.734                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC HẬU        | 138E NGUYỄN TRI PHƯƠNG, PHƯỜNG 9, QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH       | ADC-2018.09   | 4.000    | 400.000.000             |
| 582 | 16.754                  | 1D          | NGUYỄN NGÔ THANH VI    | 86 DƯƠNG ĐÌNH HỘI, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B, TP. THỦ ĐỨC, TP.HCM           | ADC-2018.09   | 3.550    | 355.000.000             |
| 583 | 16.759                  | 1D          | NGÔ THUY LINH          | 50 TỔ 29 LÁNG HẠ, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09   | 2.989    | 298.900.000             |
| 584 | 16.787                  | 1D          | VÕ THỊ MINH NGỌC       | 265/3 TÔN ĐẢN, PHƯỜNG 15, QUẬN 4, TPHCM                               | ADC-2018.09   | 2.988    | 298.800.000             |
| 585 | 16.811                  | 1D          | TRƯƠNG NGUYỆT ĐÀO      | 4 HUỖNH VĂN BÁNH, PHƯỜNG 15, Q. PHÚ NHUẬN, TPHCM                      | ADC-2018.09   | 1.992    | 199.200.000             |
| 586 | 16.872                  | 1D          | BÙI THỊ NHỚ            | 423 HOÀNG MINH THẢO, DƯ HÀNG KÈNH, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG                 | ADC-2018.09   | 1.990    | 199.000.000             |
| 587 | 16.874                  | 1D          | PHẠM THỊ THU HUYỀN     | Tổ 12 Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội                                     | ADC-2018.09   | 1.990    | 199.000.000             |
| 588 | 16.908                  | 1D          | NGÔ LAN ANH            | 41 NGÕ 133 HỒNG MAI, QUYNH LỎI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 3.083    | 308.300.000             |
| 589 | 16.924                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NHƯ THUY    | 10 NGUYỄN HUY TƯỜNG, P. TÂN LỢI, TP. BUỒN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK      | ADC-2018.09   | 3.980    | 398.000.000             |
| 590 | 16.932                  | 1D          | ÔNG ĐIỀU KHANH         | 11 PHAN HUY CHÚ, PHƯỜNG 10, QUẬN 5, TPHCM                             | ADC-2018.09   | 1.988    | 198.800.000             |
| 591 | 16.936                  | 1D          | NGUYỄN HOÀNG ANH       | 1B CẦU GỖ, HÀNG BẠC, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09   | 5.964    | 596.400.000             |
| 592 | 16.943                  | 1D          | PHẠM THỊ THOA          | E1 TT 128C ĐẠI LA, ĐỒNG TÂM, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 1.988    | 198.800.000             |
| 593 | 16.949                  | 1D          | ĐÀO THỊ HUỆ            | SỐ 40/45 ĐINH TIẾN HOÀNG, P HOÀNG VĂN THỤ, Q HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG  | ADC-2018.09   | 1.988    | 198.800.000             |
| 594 | 16.952                  | 1D          | BÙI THỊ HẰNG           | 52 HÀNG BÚN, QUÁN THÁNH, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                              | ADC-2018.09   | 9.940    | 994.000.000             |
| 595 | 16.956                  | 1D          | MAI XUÂN QUY           | LÔ B4.17 KHU ĐÀO NỐI P KHUẾ TRUNG Q CẨM LÊ ĐÀ NẰNG                    | ADC-2018.09   | 1.988    | 198.800.000             |
| 596 | 16.964                  | 1D          | NGUYỄN TRÀ MY          | SỐ 16/323/369 NGUYỄN VĂN CỨ P NGỌC LÂM Q LONG BIÊN TP HÀ NỘI          | ADC-2018.09   | 6.957    | 695.700.000             |
| 597 | 16.965                  | 1D          | LÊ THỊ NGỌC NƠ         | 7/2 ẤP 3 XÃ NHƠN ĐỨC H NHÀ BÈ TPHCM                                   | ADC-2018.09   | 6.459    | 645.900.000             |
| 598 | 16.968                  | 1D          | TRẦN THU THÚY          | 385F NGUYỄN TRÃI, P. NGUYỄN CỬ TRINH, QUẬN 1, TP.HCM                  | ADC-2018.09   | 2.187    | 218.700.000             |
| 599 | 16.973                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THẨM        | SỐ 19 NGÕ 58 VŨ TRỌNG PHỤNG, THANH XUÂN TRUNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI     | ADC-2018.09   | 7.950    | 795.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên          | Địa chỉ                                                                           | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 600 | 16.987                  | 1D          | ĐOÀN THỊ ÁI XUÂN   | TÂN THẮNG, HẠM TÂN, BÌNH THUẬN                                                    | ADC-2018.09   | 9.938    | 993.800.000             |
| 601 | 17.002                  | 1D          | HUỶNH TỔ HÀ        | 590/6 NGUYỄN CHÍ THANH PHƯỜNG 7 QUẬN 11 TPHCM                                     | ADC-2018.09   | 4.969    | 496.900.000             |
| 602 | 17.008                  | 1D          | ĐÀO VĂN CHÍNH      | TỔ 1 LONG BIÊN, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                                 | ADC-2018.09   | 3.081    | 308.100.000             |
| 603 | 17.009                  | 1D          | TRẦN ĐÌNH DỢI      | THIỆU TRUNG, XÃ THIỆU TRUNG, H THIỆU HÓA, T THANH HÓA                             | ADC-2018.09   | 1.988    | 198.800.000             |
| 604 | 17.023                  | 1D          | NGUYỄN LỆ NHUNG    | KHU 3, ẤP CÁT LÁI, XÃ PHÙ HỮU, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI                    | ADC-2018.09   | 19.900   | 1.990.000.000           |
| 605 | 17.042                  | 1D          | PHẠM NGỌC ÁI NHƯ   | 08.04 CAO ỐC A NGÕ GIA TỰ PHƯỜNG 2 QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                  | ADC-2018.09   | 4.968    | 496.800.000             |
| 606 | 17.059                  | 1D          | LÊ BÍCH HẢO        | 13 HẠC THÀNH, P ĐIỆN BIÊN, TP THANH HÓA, T THANH HÓA                              | ADC-2018.09   | 1.987    | 198.700.000             |
| 607 | 17.065                  | 1D          | BÙI THỊ VỊNH       | SỐ 2A TRẦN HƯNG ĐẠO, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                         | ADC-2018.09   | 4.965    | 496.500.000             |
| 608 | 17.072                  | 1D          | TRỊNH THỊ THỦY     | 10/44 MIẾU HẠI XÃ, DƯ HẠNG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                    | ADC-2018.09   | 14.894   | 1.489.400.000           |
| 609 | 17.095                  | 1D          | VŨ THỊ THU HIỀN    | SỐ 15 NGÕ ĐIỆN NƯỚC LÂM HÀ KIẾN AN HẢI PHÒNG                                      | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 610 | 17.096                  | 1D          | TRẦN THỊ TUYẾT LAN | 12A LY NAM DE P HẠNG MA Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09   | 2.980    | 298.000.000             |
| 611 | 17.099                  | 1D          | NGUYỄN LỢI         | 266/82/36 TỔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG 15, QUẬN 10, TP HCM                               | ADC-2018.09   | 9.927    | 992.700.000             |
| 612 | 17.100                  | 1D          | LÊ VĂN VĂN         | TỔ 60 VĨNH TUY, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                              | ADC-2018.09   | 2.978    | 297.800.000             |
| 613 | 17.107                  | 1D          | LƯU THỊ THẢO       | 84A DÃ TƯỢNG PHƯỜNG 10 QUẬN 8 TPHCM                                               | ADC-2018.09   | 4.765    | 476.500.000             |
| 614 | 17.109                  | 1D          | ĐỖ THỊ HIỆP        | TỔ 8, QUAN HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                                  | ADC-2018.09   | 4.970    | 497.000.000             |
| 615 | 17.132                  | 1D          | LÔI KIM NGỌC       | 65/3 MAI VĂN VINH, TÂN QUY, QUẬN 7, TP HCM                                        | ADC-2018.09   | 4.968    | 496.800.000             |
| 616 | 17.140                  | 1D          | VŨ MẠNH HÙNG       | SỐ 258 TRẦN KHẮT CHÂN P THANH NHẬN Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI VN                    | ADC-2018.09   | 2.412    | 241.200.000             |
| 617 | 17.155                  | 1D          | YANG, MING-CHANG   | ĐƯỜNG SỐ 4, KHU PHỐ ĐÔNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 618 | 17.166                  | 1D          | VŨ THỊ YẾN         | 23/9 NGÕ 381 PHỐ BẠCH MAI, P BẠCH MAI, Q HAI BÀ TRƯNG, TP HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 3.970    | 397.000.000             |
| 619 | 17.169                  | 1D          | LƯƠNG MINH PHƯƠNG  | Số 23 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng                   | ADC-2018.09   | 5.458    | 545.800.000             |
| 620 | 17.182                  | 1D          | LÊ THỊ ỨT          | 21 MAI THỊ LỰU P ĐA KAO QUẬN 1 TPHCM VN                                           | ADC-2018.09   | 4.700    | 470.000.000             |
| 621 | 17.204                  | 1D          | HUỶNH THÁI HẬU     | 49/1/13 LƯƠNG THỂ VINH, P TÂN THỚI HÒA, Q TÂN PHÚ, TPHCM                          | ADC-2018.09   | 3.097    | 309.700.000             |
| 622 | 17.209                  | 1D          | LƯƠNG LÊ NHƯ ÁI    | ẤP 3, XÃ LONG TRUNG, HUYỆN CAI LẦY, TỈNH TIỀN GIANG                               | ADC-2018.09   | 5.955    | 595.500.000             |
| 623 | 17.212                  | 1D          | NGUYỄN HỒNG HẠNH   | XÓM 3+A NAM DƯƠNG, NAM TRỰC, NAM ĐỊNH                                             | ADC-2018.09   | 2.880    | 288.000.000             |
| 624 | 17.217                  | 1D          | ĐINH THỊ VĂN       | 131 HÀNG KÈNH, P HÀNG KÈNH, Q LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                  | ADC-2018.09   | 2.978    | 297.800.000             |
| 625 | 17.220                  | 1D          | NGUYỄN QUANG TRUNG | 78 KINH DƯƠNG VƯƠNG, PHƯỜNG 13, QUẬN 6, TP.HCM                                    | ADC-2018.09   | 9.924    | 992.400.000             |



| STT | STT THEO<br>PHỤ LỤC<br>BAN AN | STT<br>phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                           | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được<br>bồi thường |
|-----|-------------------------------|----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------------------|
| 626 | 17.224                        | 1D             | NGUYỄN THỊ HƯƠNG      | 68 ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG BÌNH THUẬN,<br>QUẬN 7, TP. HCM                                | ADC-2018.09   | 4.168    | 416.800.000                |
| 627 | 17.230                        | 1D             | PHƯƠNG TÚ THANH       | 73 LÝ NAM ĐẾ, PHƯỜNG 7, QUẬN 11,<br>TPHCM                                         | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000                |
| 628 | 17.232                        | 1D             | ĐỖ THỊ THẢO           | 66/282 ĐÀ NẴNG, VẠN MỸ, NGÕ<br>QUYỀN, HẢI PHÒNG                                   | ADC-2018.09   | 2.183    | 218.300.000                |
| 629 | 17.237                        | 1D             | LÂM LỆ TUYẾT          | 87 LÊ ĐẠI HÀNH PHƯỜNG 6 QUẬN 11<br>TPHCM                                          | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000                |
| 630 | 17.292                        | 1D             | LÊ THỊ THUY           | PHƯỜNG KỶ BẢ, THÀNH PHỐ THÁI<br>BÌNH, THÁI BÌNH                                   | ADC-2018.09   | 2.978    | 297.800.000                |
| 631 | 17.294                        | 1D             | LÊ VÕ ĐỨC DŨNG        | 168/5 VÕ THÀNH TRẠNG, PHƯỜNG<br>11, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                          | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000                |
| 632 | 17.307                        | 1D             | NGUYỄN NGỌC ANH       | 154/26 NGUYỄN KIM, PHƯỜNG<br>06, QUẬN 10, TP. HCM                                 | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000                |
| 633 | 4.147                         | 1C             | HOÀNG ANH             | 524 ÔNG ÍCH KIỆM, ĐÀ NẴNG                                                         | ADC-2019.01   | 2.140    | 214.000.000                |
| 634 | 4.150                         | 1C             | BÙI THỊ MỸ HẠNH       | TỔ 49 HÒA CƯỜNG BẮC - HẢI CHÂU -<br>ĐÀ NẴNG                                       | ADC-2019.01   | 6.964    | 696.400.000                |
| 635 | 4.164                         | 1C             | NGUYỄN VĂN PHÚC       | 8/21/175 PHƯỜNG LƯU, VẠN MỸ, HẢI<br>PHÒNG                                         | ADC-2019.01   | 20.094   | 2.009.400.000              |
| 636 | 4.172                         | 1C             | NGUYỄN THỊ HIẾU       | 5 NGÁCH 191A/38 ĐẠI LA, HAI BÀ<br>TRUNG, HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 2.288    | 228.800.000                |
| 637 | 4.185                         | 1C             | NGUYỄN THỊ THANH THÚY | NHÀ SỐ 2, ĐƯỜNG SỐ 9, KDC KHANG<br>AN, PHƯỜNG PHÚ HỮU, QUẬN 9, TP.<br>HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 1.920    | 192.000.000                |
| 638 | 4.196                         | 1C             | PHẠM ĐỨC TUẤN         | 102/1 TRẦN KHẮC CHÂN, P TÂN ĐỊNH,<br>QUẬN 1, TP HCM                               | ADC-2019.01   | 4.971    | 497.100.000                |
| 639 | 4.197                         | 1C             | TRẦN HƯƠNG MAI        | 75/2 MAI THỊ LƯU, PHƯỜNG ĐÀ KAO,<br>QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2019.01   | 14.920   | 1.492.000.000              |
| 640 | 4.223                         | 1C             | ĐẶNG CHỈ THÀNH        | 62 NGÕ 31 ĐỘI NHẢN, VĨNH PHÚC, BA<br>ĐÌNH, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 3.478    | 347.800.000                |
| 641 | 4.234                         | 1C             | NGÔ TÙNG CHINH        | 16/20/50 LONG PHƯỚC, P. LONG<br>PHƯỚC, TP. THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2019.01   | 19.200   | 1.920.000.000              |
| 642 | 4.243                         | 1C             | NGUYỄN HOÀNG DŨNG     | 2/11 KP THẮNG LỢI 1, P DĨ AN, TX DĨ<br>AN, T BÌNH DƯƠNG                           | ADC-2019.01   | 1.987    | 198.700.000                |
| 643 | 4.267                         | 1C             | CHU MANH TUYEN        | 188/6 CAO ĐẠT, P1, Q5, TP. HCM                                                    | ADC-2019.01   | 2.785    | 278.500.000                |
| 644 | 4.272                         | 1C             | CHÂU MỘNG NGUYỆT      | PHÚ CƯỜNG, THỦ DẦU MỘT, BÌNH<br>DƯƠNG                                             | ADC-2019.01   | 1.987    | 198.700.000                |
| 645 | 4.281                         | 1C             | BÙI THỊ HOA           | 81/1 KP2, P. TAM PHÚ, Q. THỦ ĐỨC,<br>TPHCM.                                       | ADC-2019.01   | 1.986    | 198.600.000                |
| 646 | 4.283                         | 1C             | NGÔ THỊ VƯƠNG         | Phòng 18G2U7 Cầu Tre, Hải Phòng                                                   | ADC-2019.01   | 4.967    | 496.700.000                |
| 647 | 4.292                         | 1C             | NGUYỄN THỊ TOÀN       | 93 ĐƯỜNG 79, P. TÂN QUY, Q.7,<br>TP. HCM                                          | ADC-2019.01   | 1.986    | 198.600.000                |
| 648 | 4.305                         | 1C             | NGUYỄN TAN MINH       | 304 ĐƯỜNG BÀU LÁCH, ẤP 4, XÃ<br>PHẠM VĂN CỘI, HUYỆN CỬ CHÌ,<br>TPHCM              | ADC-2019.01   | 1.985    | 198.500.000                |
| 649 | 4.348                         | 1C             | NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI  | 64/1 ĐƯỜNG MÔI, KP THỐNG NHẤT 1,<br>P DĨ AN, TX DĨ AN, T BÌNH DƯƠNG               | ADC-2019.01   | 3.839    | 383.900.000                |
| 650 | 4.364                         | 1C             | TRẦN QUỐC HIỀN        | TT PHỐ CHÁU, HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH                                                   | ADC-2019.01   | 9.915    | 991.500.000                |
| 651 | 4.383                         | 1C             | LÊ THỊ THANH BÌNH     | SỐ 5B NGÕ 9 ĐƯỜNG 80, TỔ 80,<br>KHUÔNG TRUNG, THANH XUÂN, HÀ<br>NỘI               | ADC-2019.01   | 2.181    | 218.100.000                |
| 652 | 4.397                         | 1C             | NGUYỄN RAYMOND        | 244A PHƯỜNG SÀI, NHA TRANG                                                        | ADC-2019.01   | 2.973    | 297.300.000                |
| 653 | 4.410                         | 1C             | LÊ THỊ KIM            | 362/14 Nguyễn Văn Lương, Phường<br>16, Quận Gò Vấp, TPHCM.                        | ADC-2019.01   | 4.953    | 495.300.000                |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 654 | 4.441                   | 1C          | CHỬ NGỌC BÍCH        | TDP ĐÔNG NGẠC 2, ĐÔNG NGẠC, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                        | ADC-2019.01   | 4.754    | 475.400.000             |
| 655 | 4.450                   | 1C          | NGUYỄN ĐỨC TRIỆU     | THÔN BÌNH ĐÀ, XÃ BÌNH MINH, THANH OAI, HÀ NỘI                          | ADC-2019.01   | 2.970    | 297.000.000             |
| 656 | 4.472                   | 1C          | PHẠM THỊ NINH        | 58E/22 L.K.THIÊN, TƯỜNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 5.642    | 564.200.000             |
| 657 | 4.479                   | 1C          | LÊ ĐÌNH MÃN          | SỐ 112 NGÕ 559, KIM NGƯU, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 3.959    | 395.900.000             |
| 658 | 4.491                   | 1C          | NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN   | SỐ 34 PHỐ HUẾ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                       | ADC-2019.01   | 2.671    | 267.100.000             |
| 659 | 4.536                   | 1C          | ĐỖ THỊ HẠNH          | SỐ 365 THIÊN LÔI, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                   | ADC-2019.01   | 2.471    | 247.100.000             |
| 660 | 4.561                   | 1C          | LÂM THỊ CÚC          | SỐ 4 TRẦN QUANG ĐIỀU, PHƯỜNG 14, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH               | ADC-2019.01   | 7.908    | 790.800.000             |
| 661 | 4.612                   | 1C          | TRẦN THỊ MỸ NGỌC     | 17H HƯNG PHÚ PHƯỜNG 9 QUẬN 8 TP HỒ CHÍ MINH                            | ADC-2019.01   | 5.414    | 541.400.000             |
| 662 | 4.657                   | 1C          | NGÔ LÊ MINH NGỌC     | 710/35 LŨY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THÀNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP HCM            | ADC-2019.01   | 3.000    | 300.000.000             |
| 663 | 4.660                   | 1C          | KIM NGỌC THANH NGÀ   | NHÀ A2 DỰ ÁN 1C - SỐ 106 ĐẶNG THAI MAI, P. QUẢNG AN, Q. TÂY HỒ, HÀ NỘI | ADC-2019.01   | 11.430   | 1.143.000.000           |
| 664 | 4.673                   | 1C          | ĐỖ THỊ THANH HUỆ     | 122/19/24 TÔN ĐẢN, PHƯỜNG 10, QUẬN 4, TP HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2019.01   | 6.144    | 614.400.000             |
| 665 | 4.681                   | 1C          | BÙI THẠCH SƠN        | 712A/A3 LÊ HỒNG PHONG, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 1.950    | 195.000.000             |
| 666 | 4.687                   | 1C          | NGUYỄN TIẾN TUẤN     | 1-P21 TÂN MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                       | ADC-2019.01   | 2.105    | 210.500.000             |
| 667 | 4.695                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THI       | SỐ 316 BẠCH MAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                  | ADC-2019.01   | 1.981    | 198.100.000             |
| 668 | 4.703                   | 1C          | HUỶNH THỊ MỸ LINH    | 42/15H HUỶNH ĐÌNH HAI, P24, Q.BÌNH THẠNH, TP HCM                       | ADC-2019.01   | 1.960    | 196.000.000             |
| 669 | 4.710                   | 1C          | TRẦN THỊ THU TÂM     | 259/20 A/CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, PHƯỜNG 7, Q. TÂN BÌNH, TP HCM            | ADC-2019.01   | 4.906    | 490.600.000             |
| 670 | 4.712                   | 1C          | LƯƠNG QUỐC TÂM       | 125 PHỐ HÀNG NGÂN, TỔ 9, TRUNG HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                   | ADC-2019.01   | 4.489    | 448.900.000             |
| 671 | 4.724                   | 1C          | LÝ NGỌC LANG         | 297/20 HẬU GIANG, PHƯỜNG 5, QUẬN 6, TP. HCM                            | ADC-2019.01   | 2.005    | 200.500.000             |
| 672 | 4.758                   | 1C          | CHU SHAO CHANG       | ẤP 5 XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG H ĐỨC HÒA T LONG AN                               | ADC-2019.01   | 5.315    | 531.500.000             |
| 673 | 4.761                   | 1C          | PHẠM THỊ THANH TUYẾT | 16K29 TRƯỜNG ĐỊNH, TƯỜNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                        | ADC-2019.01   | 1.952    | 195.200.000             |
| 674 | 4.762                   | 1C          | PHAN THỊ PHONG       | 05 CAO THẮNG, TP QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH                              | ADC-2019.01   | 9.749    | 974.900.000             |
| 675 | 4.765                   | 1C          | TRAN OAI PHONG       | 606/32/6 QL13 P HIỆP BÌNH PHƯỚC Q THỦ ĐỨC TP HCM                       | ADC-2019.01   | 2.920    | 292.000.000             |
| 676 | 4.773                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THU TRANG | 50/5/4 BẾN ĐỒ PHƯỜNG LONG BÌNH QUẬN 9 TP. HCM                          | ADC-2019.01   | 2.945    | 294.500.000             |
| 677 | 4.787                   | 1C          | NGUYỄN THỊ TÂM       | 622/55 CỘNG HÒA PHƯỜNG 13 QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM                        | ADC-2019.01   | 4.871    | 487.100.000             |
| 678 | 4.789                   | 1C          | HOÀNG CHANH          | 12 ĐẶNG TẤT, QUẬN THÁNH, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                               | ADC-2019.01   | 4.838    | 483.800.000             |
| 679 | 4.807                   | 1C          | VŨ MINH CHÂU         | 125/48/4 LÊ ĐỨC THỌ, PHƯỜNG 17, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH     | ADC-2019.01   | 5.247    | 524.700.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                 | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 680 | 4.838                   | 1C          | LÊ VÕ DIỆU THÚY      | số 18 ngõ 234 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội    | ADC-2019.01   | 7.523    | 752.300.000             |
| 681 | 4.867                   | 1C          | HOÀNG THỊ THI        | Số 1 Ngõ 943 Giải Phóng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội                    | ADC-2019.01   | 5.816    | 581.600.000             |
| 682 | 4.909                   | 1C          | LEE HSIN JU          | QUỐC LỘ 1A, P.TÂN TẠO, QUẬN BÌNH TÂN, TP. HCM, VIỆT NAM                 | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 683 | 4.927                   | 1C          | TRẦN THỊ KIM KHÁNH   | 557/7 QL13 KP5, P HIỆP BÌNH PHƯỚC, Q THỦ ĐỨC, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 1.963    | 196.300.000             |
| 684 | 4.933                   | 1C          | LÊ THỊ NGỌC DIỆP     | 20 NGÕ 90 YÊN LẠC, TỔ 361Đ, VĨNH TUY, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 4.492    | 449.200.000             |
| 685 | 4.934                   | 1C          | VĨNH THÀNH           | 418 LÔ II CỤ XÁ THANH ĐA, PHƯỜNG 27, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HỒ CHÍ MINH    | ADC-2019.01   | 21.733   | 2.173.300.000           |
| 686 | 4.945                   | 1C          | MÃ THỊ THANH TÂM     | 186 LÊ VĂN VIỆT, P.TĂNG NHƠN PHÚ B, Q.9, TP. HCM                        | ADC-2019.01   | 2.905    | 290.500.000             |
| 687 | 4.947                   | 1C          | LÊ DŨNG              | 15 HỒ XUÂN HƯƠNG, PHƯỜNG 14, QUẬN BÌNH THẠNH, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 9.600    | 960.000.000             |
| 688 | 4.955                   | 1C          | NGUYỄN VĂN CẢNH      | 157 DƯƠNG TỬ GIANG, PHƯỜNG 15 QUẬN 5 TPHCM                              | ADC-2019.01   | 2.896    | 289.600.000             |
| 689 | 4.959                   | 1C          | TRƯƠNG THỊ THANH     | 44 NGÕ THẾ VINH, P HÒA THUẬN TÂY, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                | ADC-2019.01   | 2.060    | 206.000.000             |
| 690 | 4.960                   | 1C          | TRƯƠNG THỊ KIM LIÊN  | 179 PHẠM VĂN HAI, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01   | 15.470   | 1.547.000.000           |
| 691 | 4.961                   | 1C          | TRẦN THỊ YẾN NHI     | 52/1 KHU PHỐ 1, PHƯỜNG THANH XUÂN, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH       | ADC-2019.01   | 42.702   | 4.270.200.000           |
| 692 | 4.987                   | 1C          | DƯƠNG CHIỀU NGUYỄN   | 43/26 KÊNH TÂN HÒA P TÂN THỚI HÒA Q TÂN PHÚ TPHCM                       | ADC-2019.01   | 2.922    | 292.200.000             |
| 693 | 4.993                   | 1C          | PHẠM THỊ ANH MINH    | 35/1 LÝ CHIỀU HOÀNG, PHƯỜNG 10, QUẬN 6, TPHCM                           | ADC-2019.01   | 2.718    | 271.800.000             |
| 694 | 4.997                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIỀU      | 80/59/37 DƯƠNG QUẢNG HẠM, P.05, Q. GÒ VẤP, TP. HCM                      | ADC-2019.01   | 4.039    | 403.900.000             |
| 695 | 5.017                   | 1C          | LÊ THỊ BÍCH NGÀ      | TỔ 15 CỤM 4 HẠ ĐÌNH THANH XUÂN HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 6.135    | 613.500.000             |
| 696 | 5.035                   | 1C          | ĐOÀN THỊ VĂN ANH     | Số 1 Ngách 12/47 Phố Đào Tấn, Cống Vị, Ba Đình Hà Nội                   | ADC-2019.01   | 1.973    | 197.300.000             |
| 697 | 5.045                   | 1C          | LÊ QUỲNH ANH         | 145/1A NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH PHƯỜNG 11 QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 4.930    | 493.000.000             |
| 698 | 5.059                   | 1C          | PHAN THỊ BÌNH        | 167 TRIỆU NỮ VƯƠNG, NAM DƯƠNG, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                        | ADC-2019.01   | 3.519    | 351.900.000             |
| 699 | 5.079                   | 1C          | LÊ TRUNG HẬU         | 37 NGÕ 116 YÊN LẠC, VĨNH TUY, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                      | ADC-2019.01   | 6.220    | 622.000.000             |
| 700 | 5.107                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM LOAN  | 453 HUỖNH VĂN BÁNH, PHƯỜNG 13, Q PHÚ NHUẬN, TPHCM                       | ADC-2019.01   | 6.000    | 600.000.000             |
| 701 | 2.507                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG | 61/4 TRUNG CHÁNH 1, XÃ TRUNG CHÁNH, H. HÓC MÔN, TP HCM                  | ADC-2018.09   | 2.950    | 295.000.000             |
| 702 | 2.537                   | 1D          | LÊ THỊ HẰNG          | TỔ 2, KHU 5, YẾT KIỆM, TP. HẠ LONG, QUẢNG NINH                          | ADC-2018.09   | 2.949    | 294.900.000             |
| 703 | 2.572                   | 1D          | PHẠM THANH HỒNG      | 623/31A CMT8, P.15, Q.10, TP. HCM                                       | ADC-2018.09   | 1.963    | 196.300.000             |
| 704 | 2.592                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HOÀNG ÁNH | 119 KP ĐỒNG BA, P. BÌNH HÒA, TP. THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG                   | ADC-2018.09   | 11.832   | 1.183.200.000           |
| 705 | 2.613                   | 1D          | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG    | 66/66 NGUYỄN TƯỜNG LOAN, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                             | ADC-2018.09   | 5.635    | 563.500.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                         | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 706 | 2.647                   | 1D          | NGUYỄN THỊ LIÊN      | 14+11 HẸM 36/3 NGÕ CHÙA LIÊN TỔ 36B CẦU DẸN, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI               | ADC-2018.09   | 3.405    | 340.500.000             |
| 707 | 2.650                   | 1D          | NGUYỄN THỊ DIỆU HỒNG | 72 CHÁU THỊ KIM, PHƯỜNG 3, TP TÂN AN, LONG AN                                   | ADC-2018.09   | 11.826   | 1.182.600.000           |
| 708 | 2.671                   | 1D          | NGUYỄN HỮU HƯNG      | 778/4 NGUYỄN KIỂM, PHƯỜNG 4, Q. PHÚ NHUẬN, TP.HCM                               | ADC-2018.09   | 11.746   | 1.174.600.000           |
| 709 | 2.696                   | 1D          | NGUYỄN BÁ THUẬN      | 48A NGÕ 121 THÁI HÀ, TRUNG UỆT, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 4.893    | 489.300.000             |
| 710 | 2.716                   | 1D          | TRẦN THỊ LÝ          | 78A ĐƯỜNG 11, KP9, P. TRƯỜNG THỌ, Q. THỦ ĐỨC, TP.HCM                            | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000             |
| 711 | 2.733                   | 1D          | LÊ HỒNG CHƯƠNG       | C128 KP BÌNH ĐỨC, LÃI THIÊU, THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG                               | ADC-2018.09   | 2.001    | 200.100.000             |
| 712 | 2.738                   | 1D          | HOÀNG THỊ LÊNH       | 165/14 BA VÂN, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM                                 | ADC-2018.09   | 2.005    | 200.500.000             |
| 713 | 2.762                   | 1D          | TRẦN THỊ PHƯƠNG      | 16/48 LÊ TRỌNG TẤN, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP HCM                      | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 714 | 2.774                   | 1D          | NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG   | 10.07 LÔ M2 CC TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 1, QUẬN 4, TP. HCM                       | ADC-2018.09   | 1.300    | 130.000.000             |
| 715 | 2.795                   | 1D          | PHẠM THỊ THIẾM       | 12 Nguyễn Khiết, Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                    | ADC-2018.09   | 2.076    | 207.600.000             |
| 716 | 2.807                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THỦY LINH | 3/15 ẤP 5, ĐỒNG THANH, HÓC MÔN, TP.HCM                                          | ADC-2018.09   | 8.696    | 869.600.000             |
| 717 | 2.820                   | 1D          | NGUYỄN NGỌC PHI      | 311/2 TRƯỜNG CHINH, Q. CẨM LÊ, TP ĐÀ NẴNG                                       | ADC-2018.09   | 9.675    | 967.500.000             |
| 718 | 2.873                   | 1D          | LÊ THỊ TRI           | TỔ 9, PHƯỜNG VINH TRUNG, QUẬN THANH KHÊ, ĐÀ NẴNG                                | ADC-2018.09   | 1.997    | 199.700.000             |
| 719 | 2.894                   | 1D          | HÀ HỢP Ý             | 124/20 XÓM ĐẤT, P8, Q11, TP.HCM                                                 | ADC-2018.09   | 2.993    | 299.300.000             |
| 720 | 2.905                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MÙI       | SỐ 124 TRƯỜNG ĐÌNH, HÀ NỘI                                                      | ADC-2018.09   | 1.994    | 199.400.000             |
| 721 | 2.914                   | 1D          | LÊ THỊ HẠNH          | XÃ HOÀNG HỢP, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA                                   | ADC-2018.09   | 2.492    | 249.200.000             |
| 722 | 2.917                   | 1D          | Phùng Tập            | P8 Nhà ĐT/T NM Cao Su Đường Sắt, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội                    | ADC-2018.09   | 2.956    | 295.600.000             |
| 723 | 2.957                   | 1D          | PHẠM VĂN HIẾN        | 32/5 LÊ VĂN HUÂN, PHƯỜNG 13, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM                              | ADC-2018.09   | 1.992    | 199.200.000             |
| 724 | 2.962                   | 1D          | CHÂU THỊ THU HÀ      | 200A/3 KHU PHỐ 3, PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12, TP HỒ CHÍ MINH                  | ADC-2018.09   | 2.932    | 293.200.000             |
| 725 | 2.963                   | 1D          | LÊ THỊ NGỌC DUNG     | 518/2/3 LÊ VĂN SỸ, PHƯỜNG 11, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HCM                            | ADC-2018.09   | 3.905    | 390.500.000             |
| 726 | 2.964                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THU HÀ    | P8.0206 TIMES CITY, MAI ĐỘNG, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 4.978    | 497.800.000             |
| 727 | 2.996                   | 1D          | THÁI VĂN BÌNH        | 167 HOA LAM, PHƯỜNG 02, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HCM                                  | ADC-2018.09   | 3.350    | 335.000.000             |
| 728 | 3.011                   | 1D          | ĐẶNG THỊ NGÂN        | K11A F209 BÁCH KHOA, HÀ NỘI                                                     | ADC-2018.09   | 1.980    | 198.000.000             |
| 729 | 3.035                   | 1D          | PHẠM THỊ KÍNH        | 768 HẬU GIANG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2018.09   | 1.988    | 198.800.000             |
| 730 | 3.042                   | 1D          | HÀ NGUYỄN            | 2 NGÁCH 6 NGÕ GỐC ĐÈ, MINH KHAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                           | ADC-2018.09   | 3.010    | 301.000.000             |
| 731 | 3.050                   | 1D          | MAI CAO TOÀN         | 119H/12A NGUYỄN THỊ TÂN, P2, Q8, HCM                                            | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 732 | 3.058                   | 1D          | PHẠM THỊ CẨM HẰNG    | 0710 CAO ỐC PHÚ NHUẬN, SỐ 20 HOÀNG MINH GIÁM, PHƯỜNG 9, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP HCM. | ADC-2018.09   | 4.961    | 496.100.000             |
| 733 | 3.062                   | 1D          | TRẦN THU HƯƠNG       | TỔ 45, P. KHƯƠNG TRUNG, Q. THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI                               | ADC-2018.09   | 3.899    | 389.900.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên          | Địa chỉ                                                                         | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 734 | 3.110                   | 1D          | ĐỖ QUỐC VĨ         | 26/40 TÂN SƠN NHÌ, P. TÂN SƠN NHÌ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM                           | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 735 | 3.154                   | 1D          | MAI THỊ KIM HƯƠNG  | 06 PHAN ĐÌNH PHÙNG, Q. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG                                    | ADC-2018.09   | 2.466    | 246.600.000             |
| 736 | 3.266                   | 1D          | THÁI VĂN TOÁN      | 557/5C KHU PHỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ ĐÔNG, QUẬN 12, TP.HCM                           | ADC-2018.09   | 1.918    | 191.800.000             |
| 737 | 3.310                   | 1D          | BÙI MINH THANH     | 37 ĐƯỜNG SỐ 10, P. BÌNH AN, QUẬN 2, TP. HCM                                     | ADC-2018.09   | 17.870   | 1.787.000.000           |
| 738 | 3.318                   | 1D          | NGUYỄN TRÚC CHI    | LANDMARK 2, 208 NGUYỄN HỮU CẢNH, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM            | ADC-2018.09   | 2.985    | 298.500.000             |
| 739 | 3.354                   | 1D          | ĐÀO THỊ THANH THÚY | 735 TỔ 20, ẤP ĐỒNG BÌNH, XÃ HÒA AN, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP                     | ADC-2018.09   | 2.050    | 205.000.000             |
| 740 | 3.367                   | 1D          | TRẦN THỊ MINH QUẾ  | 47 SƯƠNG NGUYỆT ANH, PHƯỜNG 2, THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN                   | ADC-2018.09   | 1.931    | 193.100.000             |
| 741 | 3.386                   | 1D          | LỤC THẾ LIÊU       | 19C ĐÀO NGUYỄN PHỐ, PHƯỜNG 04, QUẬN 11, TP.HCM                                  | ADC-2018.09   | 1.958    | 195.800.000             |
| 742 | 3.420                   | 1D          | VŨ THỊ XÍU         | SỐ 204 TÔN ĐỨC THẮNG, PHƯỜNG LAM SƠN, QUẬN LÊ CHÂU, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG         | ADC-2018.09   | 2.392    | 239.200.000             |
| 743 | 3.424                   | 1D          | VŨ THỊ NGỌC DUNG   | 12-T9, 838 Lý Thường Kiệt, P. Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                  | ADC-2018.09   | 1.949    | 194.900.000             |
| 744 | 3.430                   | 1D          | PHAN THỊ TOÀN      | Số 4B, Tổ 25, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội                                        | ADC-2018.09   | 4.897    | 489.700.000             |
| 745 | 3.443                   | 1D          | TRẦN THỊ THU HIỀN  | 198 LÔ 22 CỤM 9 P ĐỒNG KHÊ, Q. NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG                             | ADC-2018.09   | 4.345    | 434.500.000             |
| 746 | 3.445                   | 1D          | CAO THỊ PHƯƠNG VĨ  | 1161 BẾN ĐÒ, P. LONG BÌNH, QUẬN 9, TP. HCM                                      | ADC-2018.09   | 4.000    | 400.000.000             |
| 747 | 3.478                   | 1D          | VŨ DUY DƯƠNG       | TRỰC ĐẠO, TRỰC NINH, NAM ĐỊNH                                                   | ADC-2018.09   | 2.939    | 293.900.000             |
| 748 | 3.519                   | 1D          | NGUYỄN VIỆT CƯỜNG  | 27C NGÕ 40 CHÍNH KINH, P. NHẢY CHÍNH, Q. THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 10.896   | 1.089.600.000           |
| 749 | 3.528                   | 1D          | TRẦN THỰC LAN      | 187/30 Minh Phụng, Phường 9, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh                      | ADC-2018.09   | 15.850   | 1.585.000.000           |
| 750 | 3.538                   | 1D          | DƯƠNG KHÔN MẬU     | D15/421F ẤP 4, PHONG PHÚ, BÌNH CHÁNH, HCM                                       | ADC-2018.09   | 19.451   | 1.945.100.000           |
| 751 | 3.574                   | 1D          | LÊ THỊ THANH HÀ    | 9K25 TRƯỜNG ĐỊNH, P. TƯƠNG MẠI, QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI                          | ADC-2018.09   | 29.398   | 2.939.800.000           |
| 752 | 3.583                   | 1D          | ĐÀM MINH DŨNG      | 110 Nguyễn Trọng Tuyển, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM                              | ADC-2018.09   | 10.305   | 1.030.500.000           |
| 753 | 3.586                   | 1D          | TRƯƠNG TÍCH HÙNG   | 106 LÊ QUANG SƯNG, PHƯỜNG 6, QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09   | 2.449    | 244.900.000             |
| 754 | 3.590                   | 1D          | NGUYỄN VĂN MINH    | 18/13 HOÀNG NGỌC PHÁCH, PHƯỜNG PHÚ THỌ HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 14.500   | 1.450.000.000           |
| 755 | 3.603                   | 1D          | NGUYỄN THỊ PHÒNG   | SỐ 6/414 TỔ HIỆU, PHƯỜNG TRẦN NGUYỄN HÂN, QUẬN LÊ CHÂU, TP. HẢI PHÒNG           | ADC-2018.09   | 2.890    | 289.000.000             |
| 756 | 3.622                   | 1D          | NGUYỄN THỊ CHUNG   | 53/45 ĐƯỜNG SỐ 88 P BÌNH HƯNG HÒA A BÌNH TÂN TP HCM                             | ADC-2018.09   | 4.482    | 448.200.000             |
| 757 | 3.654                   | 1D          | NGÔ NHƯ Ý          | TỔ 5 NINH PHÚC, NHẢY CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                                  | ADC-2018.09   | 2.349    | 234.900.000             |
| 758 | 3.695                   | 1D          | BÙI THỊ KHOA       | 25/22A Lê Văn Thọ, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM.                               | ADC-2018.09   | 3.905    | 390.500.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                       | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 759 | 3.732                   | 1D          | PHAN THỊ THU LINH     | 614 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG 2, QUẬN 5, TP. HCM                  | ADC-2018.09   | 3.163    | 316.300.000             |
| 760 | 3.748                   | 1D          | ĐOÀN THỊ NGÀ          | 93 KHU QUỐC BẢO, VÂN ĐIỂN, THANH TRÌ, HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 4.852    | 485.200.000             |
| 761 | 3.753                   | 1D          | Mai Thị Bích Nga      | Số 56 Ngõ 25A Phan Đình Phùng, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội    | ADC-2018.09   | 4.071    | 407.100.000             |
| 762 | 3.767                   | 1D          | ĐẶNG THỊ MINH         | 152 HIỀN VƯƠNG, P. PHÚ THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TPHCM             | ADC-2018.09   | 3.892    | 389.200.000             |
| 763 | 3.778                   | 1D          | TRƯƠNG HỒ THÚY        | 176 LÔ LƯ, P. TRƯỜNG THANH, TP. THỦ ĐỨC, TPHCM                | ADC-2018.09   | 9.532    | 953.200.000             |
| 764 | 3.818                   | 1D          | NGUYỄN TIẾN AN        | 157 TỔ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MAI-HÀ NỘI                            | ADC-2018.09   | 1.984    | 198.400.000             |
| 765 | 3.865                   | 1D          | ĐỖ THỊ TÝ             | 308 C6A QUỲNH MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                       | ADC-2018.09   | 2.400    | 240.000.000             |
| 766 | 3.868                   | 1D          | NGUYỄN VĂN QUỲNH      | TỔ 10, THƯỢNG ĐÌNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                        | ADC-2018.09   | 2.917    | 291.700.000             |
| 767 | 3.881                   | 1D          | Huỳnh Thị Bạch Tuyết  | 100/7/22 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP HCM    | ADC-2018.09   | 5.327    | 532.700.000             |
| 768 | 3.899                   | 1D          | Trần Thị Phương Trang | 17/9 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP HCM       | ADC-2018.09   | 1.943    | 194.300.000             |
| 769 | 3.907                   | 1D          | BÙI THỊ XUÂN THẢO     | 44/17 NGHĨA HÒA, PHƯỜNG 6, TÂN BÌNH, HCM                      | ADC-2018.09   | 1.968    | 196.800.000             |
| 770 | 3.965                   | 1D          | HUỲNH KIM LONG        | 95/82 ĐINH TIẾN HOÀNG PHƯỜNG 03 BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH   | ADC-2018.09   | 4.810    | 481.000.000             |
| 771 | 3.977                   | 1D          | TRỊNH VĂN CHỮ         | SỐ 250, TỔ 21, QUAN HOA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 4.250    | 425.000.000             |
| 772 | 4.020                   | 1D          | NGUYỄN THỊ TRỌNG      | HOA ĐỘNG, THUYẾT NGUYỄN, HẢI PHÒNG                            | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000             |
| 773 | 4.032                   | 1D          | TRẦN THỊ BÔNG         | 110/27 PHẠM HỒNG THÁI, P.7, TP. VŨNG TÀU, BR-VT               | ADC-2018.09   | 2.420    | 242.000.000             |
| 774 | 4.047                   | 1D          | LÊ THỊ PHƯƠNG         | ĐỒNG NGUYỄN - TỪ SƠN - BẮC NINH                               | ADC-2018.09   | 1.969    | 196.900.000             |
| 775 | 4.048                   | 1D          | nguyễn hồng hà        | 32 NGÕ 127 ĐƯỜNG VĂN CAO LIÊU GIẢI, BA ĐÌNH, HÀ NỘI           | ADC-2018.09   | 4.658    | 465.800.000             |
| 776 | 4.054                   | 1D          | DƯƠNG THỊ THANH MẾN   | ĐỒNG KÝ - TỪ SƠN - BẮC NINH                                   | ADC-2018.09   | 4.828    | 482.800.000             |
| 777 | 4.098                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH      | TỔ 10B LẮNG HÀ, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09   | 10.686   | 1.068.600.000           |
| 778 | 4.121                   | 1D          | LÊ THỊ HOÀNG OANH     | 27 VÕ THỊ SÁU, P.ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP.HCM                       | ADC-2018.09   | 6.986    | 698.600.000             |
| 779 | 4.138                   | 1D          | HỒ THỊ TOÀN           | 497/83/40 THỐNG NHẤT, PHƯỜNG 16, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 9.836    | 983.600.000             |
| 780 | 4.151                   | 1D          | Trịnh Thị Minh Châu   | 570 Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp, TP HCM              | ADC-2018.09   | 3.862    | 386.200.000             |
| 781 | 4.167                   | 1D          | BÙI THỊ HÀ MIỀN       | 10 LÝ VĂN PHÚC, CÁT LINH, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 2.945    | 294.500.000             |
| 782 | 4.185                   | 1D          | NGUYỄN THỊ DỤ         | 25 HUỲNH ĐÌNH HAI, P.14, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM                | ADC-2018.09   | 1.979    | 197.900.000             |
| 783 | 4.207                   | 1D          | PHƯƠNG HUỆ LAN        | 156/9 ĐẶNG NGUYỄN CĂN, P.13, Q.6, TPHCM                       | ADC-2018.09   | 1.929    | 192.900.000             |
| 784 | 4.209                   | 1D          | TRẦN THU HIỀN         | 4 HOÀNG HOA THÁM, PHƯỜNG 7, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM           | ADC-2018.09   | 2.892    | 289.200.000             |
| 785 | 4.231                   | 1D          | LÝ NAI                | 142/30 NHẬT TẢO, PHƯỜNG 8, QUẬN 10, TP HCM                    | ADC-2018.09   | 5.492    | 549.200.000             |
| 786 | 4.235                   | 1D          | TRẦN THỊ HỒNG ANH     | SN 46 YÊN DUYÊN, YÊN SỞ, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                    | ADC-2018.09   | 7.148    | 714.800.000             |
| 787 | 4.239                   | 1D          | TRẦN THỊ KIM ANH      | 127 TỔ 14 LẠC TRUNG A, THANH LƯƠNG, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI      | ADC-2018.09   | 3.854    | 385.400.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                        | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 788 | 4.251                   | 1D          | ĐÀO THỊ THÚY TUYỀN    | 2186/12 PHẠM THẾ HIẾN P6, Q8 TP HCM                                            | ADC-2018.09   | 7.510    | 751.000.000             |
| 789 | 4.252                   | 1D          | TRƯƠNG CÔNG LỊCH      | 124, ĐƯỜNG AN NHƠN, PHƯỜNG 17, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09   | 2.601    | 260.100.000             |
| 790 | 4.294                   | 1D          | NGUYỄN NHÂN ĐẠO       | T08 TẦNG 15 CĂN 23 TIMES CITY, 458 MINH KHAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI             | ADC-2018.09   | 1.925    | 192.500.000             |
| 791 | 4.313                   | 1D          | NGÔ THỊ DÂN HỒ        | 451/9C BẠCH ĐẰNG, P.2, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM                                   | ADC-2018.09   | 2.458    | 245.800.000             |
| 792 | 4.322                   | 1D          | KHA MỸ TUYỀN          | 18 LÊ LAI, PHƯỜNG BẾN THÀNH, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH                            | ADC-2018.09   | 2.094    | 209.400.000             |
| 793 | 4.328                   | 1D          | LÊ TẤN AN             | 45/8 DUY TẤN, P8, TB, TP HCM                                                   | ADC-2018.09   | 2.885    | 288.500.000             |
| 794 | 4.337                   | 1D          | LÊ THỊ VIỆT           | SỐ 4A3 YÊN BÁI 1-PHỐ HUẾ-HAI BÀ TRUNG-HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 4.808    | 480.800.000             |
| 795 | 4.352                   | 1D          | NGUYỄN TẤN XUÂN TRANG | 267 VÕ VĂN TẤN, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                               | ADC-2018.09   | 6.809    | 680.900.000             |
| 796 | 4.385                   | 1D          | TRẦN THỊ ĐÀO          | 90/6, AN NHƠN, PHƯỜNG 17, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2018.09   | 1.921    | 192.100.000             |
| 797 | 4.387                   | 1D          | NGUYỄN THỊ ANH        | 575/16B CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, PHƯỜNG 15, QUẬN 10, TPHCM                         | ADC-2018.09   | 7.682    | 768.200.000             |
| 798 | 4.407                   | 1D          | HÀ THỨC HUY           | 315/2 TRẦN BÌNH TRỌNG, P.4, Q.5, TP.HCM                                        | ADC-2018.09   | 2.880    | 288.000.000             |
| 799 | 4.414                   | 1D          | VŨ THỊ KIM THOÀ       | TỔ 4 LÁNG HẠ, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                                                  | ADC-2018.09   | 4.991    | 499.100.000             |
| 800 | 4.418                   | 1D          | ĐÀM ĐÔNG HƯNG         | 215 THỐNG NHẤT PHƯỜNG 11 QUẬN GÒ VẤP TPHCM                                     | ADC-2018.09   | 7.966    | 796.600.000             |
| 801 | 4.437                   | 1D          | THÁI THỊ THANH THỦY   | KHOA 15 PHƯỜNG TRƯỜNG THỊ, TP VINH, TỈNH NGHỆ AN                               | ADC-2018.09   | 8.600    | 860.000.000             |
| 802 | 4.466                   | 1D          | BÙI THỊ MỸ HẠNH       | TỔ 49 HÒA CƯỜNG BẮC - HẢI CHÂU - ĐÀ NẴNG                                       | ADC-2018.09   | 2.971    | 297.100.000             |
| 803 | 4.480                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MINH CHÍ   | Viên Thổ Nhưỡng, Đồng Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội                                    | ADC-2018.09   | 1.916    | 191.600.000             |
| 804 | 4.503                   | 1D          | NGUYỄN BÌNH MINH      | TT Bệnh viện 198 Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội                                    | ADC-2018.09   | 3.669    | 366.900.000             |
| 805 | 4.506                   | 1D          | VŨ THỊ ÁNH TUYẾT      | 103/18A TRẦN QUANG ĐIỀU, P.14, Q.3, TPHCM                                      | ADC-2018.09   | 1.979    | 197.900.000             |
| 806 | 4.566                   | 1D          | LÊ THỊ ÁNH TUYẾT      | 9 TRẦN MAI NINH, PHƯỜNG 12, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 807 | 4.590                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THỦY       | SỐ 138, KHÓM 2, PHƯỜNG 2, TP. TRÀ VINH, TRÀ VINH                               | ADC-2018.09   | 2.937    | 293.700.000             |
| 808 | 4.595                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HƯƠNG      | 575/16B CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, PHƯỜNG 15, QUẬN 10, TPHCM                         | ADC-2018.09   | 1.909    | 190.900.000             |
| 809 | 4.640                   | 1D          | LÊ ĐÌNH MÃN           | SỐ 112 NGÕ 559, KIM NGƯU, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 5.931    | 593.100.000             |
| 810 | 4.698                   | 1D          | LÂM THỊ CÚC           | SỐ 4 TRẦN QUANG ĐIỀU, PHƯỜNG 14, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2018.09   | 1.904    | 190.400.000             |
| 811 | 4.703                   | 1D          | NGUYỄN HÀ TÍNH        | G7 CƯ XÁ VĨNH HỘI, BẾN VÂN ĐỒN, P6, Q4, TP HCM                                 | ADC-2018.09   | 11.039   | 1.103.900.000           |
| 812 | 4.720                   | 1D          | TRẦN VĂN TRƯỜNG       | 105 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh                         | ADC-2018.09   | 4.458    | 445.800.000             |
| 813 | 4.743                   | 1D          | HOÀNG THỊ LÀN         | 165/14 BA VẮN, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 2.770    | 277.000.000             |
| 814 | 4.747                   | 1D          | KWON EUNG SOP         | TÒA NHÀ BLOOMING 207 XUÂN DIỆU - PHƯỜNG THUẬN PHƯỚC - QUẬN HẢI CHÂU TP ĐÀ NẴNG | ADC-2018.09   | 8.005    | 800.500.000             |
| 815 | 4.753                   | 1D          | LÊ THỊ NINH           | 213 TAM TRINH, HOANG MAI, HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09   | 2.263    | 226.800.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                             | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 816 | 4.764                   | 1D          | DIỆP PHƯƠNG LIÊN      | 422 NGUYỄN TRÃI, P8, Q5, TPHCM                                      | ADC-2018.09   | 5.996    | 599.600.000             |
| 817 | 4.795                   | 1D          | LÊ THỊ THI            | TỔ 30 LĨNH NAM, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 1.997    | 199.700.000             |
| 818 | 4.796                   | 1D          | LE TUAN MANH          | 86 TRẦN MAI NINH, PHƯỜNG 12, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM                  | ADC-2018.09   | 4.930    | 493.000.000             |
| 819 | 4.818                   | 1D          | LÂM VĂN TÀI           | THA LA, XÃ NGỌC BIÊN, H TRÀ CÚ, T TRÀ VINH                          | ADC-2018.09   | 2.494    | 249.400.000             |
| 820 | 4.850                   | 1D          | ĐUÔI QUỲ BÌNH         | 32 HÀNG KHOAI, HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09   | 2.800    | 280.000.000             |
| 821 | 4.853                   | 1D          | LÊ THÚY ÁI            | 36/17 TRẦN TẤN, P TÂN SƠN NHÌ, Q TÂN PHÚ, TP HCM                    | ADC-2018.09   | 6.000    | 600.000.000             |
| 822 | 4.868                   | 1D          | DƯƠNG THỊ KIM LIÊN    | 212/60 NGUYỄN THIÊN THUẬT, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TPHCM                  | ADC-2018.09   | 1.992    | 199.200.000             |
| 823 | 4.871                   | 1D          | ROBERT JOHN WILLIAMS  | 23 NHÀ THỜ, P. VINH HẢI, TP. NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA              | ADC-2018.09   | 8.366    | 836.600.000             |
| 824 | 4.883                   | 1D          | VŨ NGUYỄN THÁI SƠN    | 234/118 NGUYỄN VĂN ĐẬU, PHƯỜNG 11, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH  | ADC-2018.09   | 3.838    | 383.800.000             |
| 825 | 4.901                   | 1D          | BÙI HỮU LỘC           | ẤP 17, XÃ LONG TRUNG, HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG                | ADC-2018.09   | 11.941   | 1.194.100.000           |
| 826 | 4.913                   | 1D          | PHẠM DOANH UYÊN PHI   | 05.09 TẦNG 06 CAO ỐC 20 HOÀNG MINH GIẢM, P 9, Q PHÚ NHUẬN, TP HCM   | ADC-2018.09   | 3.135    | 313.500.000             |
| 827 | 4.920                   | 1D          | CHUNG THỊ CHÁNH       | 81 LÔ 3 CHỢ LỚN, PHƯỜNG 11, QUẬN 6, TPHCM                           | ADC-2018.09   | 2.585    | 258.500.000             |
| 828 | 4.940                   | 1D          | PHẠM THỊ THẾ          | 2M9 MAI HƯƠNG, BẠCH MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                       | ADC-2018.09   | 1.989    | 198.900.000             |
| 829 | 4.945                   | 1D          | TRẦN THU NGUYỆT       | 43/30 TRẦN HỮU TRANG, P.11, Q.PHÚ NHUẬN, TPHCM                      | ADC-2018.09   | 2.386    | 238.600.000             |
| 830 | 4.946                   | 1D          | CHU KIỀU LINH         | CĂN 902 TÒA NHÀ HH VƯỜN ĐÀO LÔ E KHU D1, PHÚ THƯỢNG, TÂY HỒ, HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 6.461    | 646.100.000             |
| 831 | 4.997                   | 1D          | NGUYỄN LÊ DUNG        | 129/54/2 NGUYỄN VĂN NGHỊ, P.07, Q.GÒ VẤP, HỒ CHÍ MINH               | ADC-2018.09   | 1.972    | 197.200.000             |
| 832 | 7.256                   | 1C          | PHẠM THỊ DUY          | 37 HIỆP NHẤT, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01   | 2.440    | 244.000.000             |
| 833 | 7.273                   | 1C          | LÊ THỊ LIÊN HƯƠNG     | 3/20 HOÀNG VĂN THU, PHƯỜNG MINH KHAI, QUẬN HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG  | ADC-2019.01   | 1.953    | 195.300.000             |
| 834 | 7.293                   | 1C          | TRẦN THỊ THANH        | 29/84 ĐƯỜNG DẪN LẬP, DƯ HÀNG KÈNH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG               | ADC-2019.01   | 2.750    | 275.000.000             |
| 835 | 7.409                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT | 119 ĐƯỜNG SỐ 3, P. BÌNH TRỊ ĐÔNG B, QUẬN BÌNH TÂN, HCM              | ADC-2019.01   | 1.939    | 193.900.000             |
| 836 | 7.421                   | 1C          | NGUYỄN HOÀNG ĐẠO      | 45/83 NGUYỄN VĂN ĐẬU PHƯỜNG 6 Q BÌNH THẠNH TPHCM                    | ADC-2019.01   | 6.586    | 658.600.000             |
| 837 | 7.423                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MÂY        | 5 VAN DON P BẠCH ĐĂNG Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI VN                   | ADC-2019.01   | 4.620    | 462.000.000             |
| 838 | 7.451                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG  | 3488 TỰ LẬP, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, HCM                           | ADC-2019.01   | 9.650    | 965.000.000             |
| 839 | 7.453                   | 1C          | TRẦN THỊ LẠI          | 12/1 MINH KHAI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                | ADC-2019.01   | 2.387    | 238.700.000             |
| 840 | 7.511                   | 1C          | ĐỖ VĂN NGHỊ           | 2/172 AN ĐÀ, P. ĐĂNG GIANG, Q. NGỘ QUYỀN, TP. HẢI PHÒNG             | ADC-2019.01   | 2.895    | 289.500.000             |
| 841 | 7.519                   | 1C          | TRẦN HỒNG HẠNH        | 477 TÂN KỶ TÂN QUÝ, P TÂN QUÝ, Q TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH           | ADC-2019.01   | 1.918    | 191.800.000             |
| 842 | 7.522                   | 1C          | TRẦN THỊ BÍCH CHÌ     | 205/8A7 TÂN HÒA ĐÔNG, PHƯỜNG 14, QUẬN 6, HỒ CHÍ MINH.               | ADC-2019.01   | 2.875    | 287.500.000             |



| STT | STT THỜI<br>PHỤ LỤC<br>BẢN AN | STT<br>phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                                                              | Mã Trại phước | Số lượng | Số tiền được<br>bồi thường |
|-----|-------------------------------|----------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------------------|
| 843 | 7.556                         | 1C             | NGUYỄN THẾ ĐẠT         | TỔ DÂN PHỐ 6, SN 12 NGÕ 118,<br>ĐƯỜNG LÊ THÀNH ĐỒNG, PHƯỜNG<br>HẢI THÀNH, TP ĐỒNG HỚI, QUẢNG<br>BÌNH | ADC-2019.01   | 4.535    | 453.500.000                |
| 844 | 7.558                         | 1C             | LÊ THỊ LỆ NGHI         | 579/54 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 11,<br>Q GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH                                          | ADC-2019.01   | 6.297    | 629.700.000                |
| 845 | 7.564                         | 1C             | VŨ CÔNG HUÂN           | 42/638 HOÀNG HOA THẨM PHƯỜNG<br>7 Q BÌNH THẠNH TP HCM                                                | ADC-2019.01   | 2.407    | 240.700.000                |
| 846 | 7.649                         | 1C             | PHẠM CHÂU THIÊN TÂN    | 107 TÂN KỶ TÂN QUÝ, P. TÂN SƠN NHÌ,<br>Q. TÂN PHÚ, TP HCM                                            | ADC-2019.01   | 1.980    | 198.000.000                |
| 847 | 7.652                         | 1C             | DƯƠNG DIỄM THUY        | 193/17 NAM KỶ KHÔI NGHĨA,<br>PHƯỜNG 6, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                                        | ADC-2019.01   | 4.670    | 467.000.000                |
| 848 | 7.657                         | 1C             | TRẦN THỊ LAN           | 37 ĐỒNG TRÀ, P DƯ HÀNG KÊNH, Q LÊ<br>CHÂN, HẢI PHÒNG                                                 | ADC-2019.01   | 8.247    | 824.700.000                |
| 849 | 7.667                         | 1C             | HUỖNH THỊ BÍCH THẢO    | 146/50 NGUYỄN CHẾ NGHĨA PHƯỜNG<br>12 QUẬN 8 TP HCM                                                   | ADC-2019.01   | 5.380    | 538.000.000                |
| 850 | 7.670                         | 1C             | PHẠM THỊ THU HƯƠNG     | Mp 64/1 KHU PHỐ 7 P TÂN THỜI NHẤT<br>QUẬN 12 TP HỒ CHÍ MINH                                          | ADC-2019.01   | 1.940    | 194.000.000                |
| 851 | 7.679                         | 1C             | BÙI THỊ HẠNH           | SỐ 4 TUYẾN 3 TRẠI LÊ, P. KÊNH<br>DƯƠNG, Q. LÊ CHÂN, TP. HẢI PHÒNG                                    | ADC-2019.01   | 1.917    | 191.700.000                |
| 852 | 7.714                         | 1C             | NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI   | 818/23/19 XÃ VIỆT NGHỆ TỈNH, P.25,<br>Q. BÌNH THẠNH. TP. HCM                                         | ADC-2019.01   | 2.970    | 297.000.000                |
| 853 | 7.735                         | 1C             | BÙI THỊ MAI NGĂN       | 280 ĐƯỜNG 490 ẤP 1, XÃ PHẠM VĂN<br>CỘI, HUYỆN CÚ CHI, TP HCM                                         | ADC-2019.01   | 1.910    | 191.000.000                |
| 854 | 7.751                         | 1C             | NGUYỄN MẠNH THẮNG      | SỐ 19 NGÕ 70 PHỐ 8/3, QUẬN MÃI,<br>HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                                              | ADC-2019.01   | 3.826    | 382.600.000                |
| 855 | 7.758                         | 1C             | TRẦN THỊ THU HỒNG      | 30/4 CALMETTE, P NGUYỄN THÁI BÌNH,<br>Q1, TP. HCM                                                    | ADC-2019.01   | 2.316    | 231.600.000                |
| 856 | 7.780                         | 1C             | LÊ THỊ HỒNG LIÊN       | A12.10 CHUNG CƯ RIVERSIDE KHU<br>PHỐ 6, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7,<br>TP HCM                            | ADC-2019.01   | 3.859    | 386.900.000                |
| 857 | 7.794                         | 1C             | ĐỖ THỊ KIM DUNG        | 40E HÒA MÃ, PHẠM ĐÌNH HỒ, HAI BÀ<br>TRUNG, HÀ NỘI                                                    | ADC-2019.01   | 2.868    | 286.800.000                |
| 858 | 7.808                         | 1C             | NGUYỄN THỊ LOAN PHƯƠNG | D5/2 ĐƯỜNG 385, PHƯỜNG TĂNG<br>NHƠN PHÚ A, TP THỦ ĐỨC, TP HCM                                        | ADC-2019.01   | 7.000    | 700.000.000                |
| 859 | 7.833                         | 1C             | VŨ NGỌC HIẾU           | TỔ 10 TRẦN THÀNH NGỌ, KIẾN AN,<br>HẢI PHÒNG                                                          | ADC-2019.01   | 2.033    | 203.300.000                |
| 860 | 7.850                         | 1C             | NGUYỄN THỊ HƯƠNG       | QUẤT TỈNH, QUẤT ĐÔNG, THƯỜNG<br>TÍN, HÀ NỘI                                                          | ADC-2019.01   | 1.940    | 194.000.000                |
| 861 | 7.852                         | 1C             | NGUYỄN ĐIỀU LINH       | SỐ 56 LÝ THƯỜNG KIỆT, TRẦN HƯNG<br>ĐẠO, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                            | ADC-2019.01   | 16.355   | 1.635.500.000              |
| 862 | 7.871                         | 1C             | VŨ THỊ BÌNH            | SỐ 68/97/96 CHỢ HÀNG, DƯ HÀNG<br>KÊNH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                            | ADC-2019.01   | 9.544    | 954.400.000                |
| 863 | 7.877                         | 1C             | FARITA ALLY            | 45/11 NAM KỶ KHÔI NGHĨA, P<br>NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TP HCM                                       | ADC-2019.01   | 4.570    | 457.000.000                |
| 864 | 7.897                         | 1C             | HOÀNG NGỌC HẢI         | 364 VÕ VĂN KIỆT PHƯỜNG CỎ GIANG<br>QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                                      | ADC-2019.01   | 5.201    | 520.100.000                |
| 865 | 7.899                         | 1C             | LÊ THỊ THANH HƯƠNG     | 506-17T2 ĐT TRUNG HÒA NHÂN<br>CHÍNH, P TRUNG HOÀ, Q CẦU GIẤY, TP<br>HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 18.300   | 1.830.000.000              |
| 866 | 7.904                         | 1C             | NGUYỄN HƯƠNG LAN       | 74 PHÚ THỌ HÒA P PHÚ THỌ HÒA Q<br>TÂN PHÚ TP HCM                                                     | ADC-2019.01   | 3.000    | 300.000.000                |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                             | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 867 | 7.905                   | 1C          | TRẦN THỊ LIÊN        | XÓM CÁ, CHI NẾ, TRUNG HÒA, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI                        | ADC-2019.01   | 6.880    | 688.000.000             |
| 868 | 7.912                   | 1C          | TRẦN THỊ DUNG        | HỢP THÀNH PHƯƠNG NAM ƯƠNG BÍ QUẢNG NINH                             | ADC-2019.01   | 4.174    | 417.400.000             |
| 869 | 7.914                   | 1C          | PHẠM MINH CHÍNH      | SỐ 48 NGO 110 PHO QUAN NHAN P NHAN CHÍNH Q THANH XUAN TP HÀ NỘI     | ADC-2019.01   | 2.075    | 207.500.000             |
| 870 | 7.973                   | 1C          | TRƯƠNG HỒNG NGỌC     | 46 DƯƠNG QUANG ĐÔNG PHƯƠNG 5 QUẬN B TPHCM                           | ADC-2019.01   | 3.991    | 399.100.000             |
| 871 | 7.975                   | 1C          | LÊ BÍCH VÂN          | 8 NGÕ 47 TRƯỜNG CHINH, P PHƯƠNG LIỆT, Q THANH XUÂN, HÀ NỘI          | ADC-2019.01   | 2.993    | 299.300.000             |
| 872 | 7.990                   | 1C          | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO   | 62/233 LÝ CHÍNH THẮNG, PHƯỜNG 8, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 1.954    | 195.400.000             |
| 873 | 8.022                   | 1C          | QUÁCH HIỆP HƯNG      | 27/13 TRẦN KHẮC CHÂN, P TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 1.991    | 199.100.000             |
| 874 | 8.024                   | 1C          | KAIWAN ALAN          | 345/70 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG CẦU KHO, QUẬN 1, TPHCM                 | ADC-2019.01   | 3.974    | 397.400.000             |
| 875 | 8.033                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HẠNH      | SỐ 52 QUAN NHÂN, NHÂN CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                     | ADC-2019.01   | 5.850    | 585.000.000             |
| 876 | 8.049                   | 1C          | VÕ THỊ HỒNG MINH     | 84 NGUYỄN PHI KHANH, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 4.013    | 401.300.000             |
| 877 | 8.097                   | 1C          | TRẦN THỊ TUYẾT       | TỔ 33, P DỊCH VỌNG, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 1.999    | 199.900.000             |
| 878 | 8.158                   | 1C          | NGUYỄN THỊ LIÊN      | KHU XÃNG DẦU P VĂN QUÁN Q HÀ ĐÔNG TP HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 1.928    | 192.800.000             |
| 879 | 8.216                   | 1C          | GIÁP VĂN YẾN         | NHÂN MỸ, P. MỸ ĐỊNH 1, Q. NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI                   | ADC-2019.01   | 6.875    | 687.500.000             |
| 880 | 8.218                   | 1C          | LÊ THỊ MINH TÂM      | 101 C4 TÂN MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 2.952    | 295.200.000             |
| 881 | 8.219                   | 1C          | HÀ THỊ HÒA           | CH 1601 CHUNG CƯ N04B1 KĐTMDV P DỊCH VỌNG Q CẦU GIẤY TP HÀ NỘI      | ADC-2019.01   | 1.973    | 197.300.000             |
| 882 | 8.247                   | 1C          | NGUYỄN VIỆT KHIÊN    | NHUỆ GIANG, PHƯỜNG TÂY MỖ, QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 8.265    | 826.500.000             |
| 883 | 8.307                   | 1C          | TRẦN QUANG PHONG     | 17 NGÕ 132 KHẨM THIÊN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 3.387    | 338.700.000             |
| 884 | 8.317                   | 1C          | HUỶNH DUY LÊ         | 631 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU PHƯỜNG 2 QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH               | ADC-2019.01   | 1.966    | 196.600.000             |
| 885 | 8.380                   | 1C          | ĐẶNG THỊ HỒNG THẨM   | A2/2 KDC MIẾU NÔI, PHƯỜNG 3, BÌNH THẠNH, TPHCM                      | ADC-2019.01   | 4.896    | 489.600.000             |
| 886 | 8.401                   | 1C          | NGUYỄN THỊ CÚC       | 957 LÊ THANH NGHỊ, P HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG          | ADC-2019.01   | 4.959    | 495.900.000             |
| 887 | 8.424                   | 1C          | ĐỖ THỊ THƠM          | 220 Hàng Kênh, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng                        | ADC-2019.01   | 4.872    | 487.200.000             |
| 888 | 8.448                   | 1C          | LÊ THỊ HẢI YẾN       | TỔ 1 KHU 1, P THANH SƠN, TP ƯƠNG BÍ, T QUẢNG NINH                   | ADC-2019.01   | 3.908    | 390.800.000             |
| 889 | 8.454                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM ANH   | 541/64 HUỶNH VĂN BÁNH, PHƯỜNG 14, QUẬN PHÚ NHUẬN TPHCM              | ADC-2019.01   | 7.982    | 798.200.000             |
| 890 | 8.462                   | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC DANH | 78 TRẦN HUY LIÊU, P.15, Q. PHÚ NHUẬN, TP HỒ CHÍ MINH                | ADC-2019.01   | 2.510    | 251.000.000             |
| 891 | 8.464                   | 1C          | NGUYỄN VŨ HƯƠNG CHI  | 127B/C10 ĐÌNH TIÊN HOÀNG, PHƯỜNG 3, Q BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH    | ADC-2019.01   | 3.028    | 302.800.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                 | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 892 | 8.468                   | 1C          | PHẠM QUỐC HUY        | SỐ 56 BÁT SỬ P HÀNG BÒ Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI                            | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 893 | 8.507                   | 1C          | DƯƠNG THỊ THỎA       | 38 NGÕ 89C LÝ NAM ĐẾ, P. CỬA ĐÔNG, Q. HOÀN KIẾM, TP HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 1.925    | 192.500.000             |
| 894 | 8.535                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN  | 36/34 A LÊ QUANG ĐỊNH, PHƯỜNG 5, Q BÌNH THẠNH, TPHCM                    | ADC-2019.01   | 1.947    | 194.700.000             |
| 895 | 8.560                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HẰNG      | 2502C - CT2B DA khu nhà ở Quận Hoàng Mai, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội     | ADC-2019.01   | 1.990    | 199.000.000             |
| 896 | 8.576                   | 1C          | LÊ THỊ HỒNG VÂN      | 53 ĐƯỜNG THÀNH, P. CỬA ĐÔNG, Q. HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                       | ADC-2019.01   | 1.943    | 194.300.000             |
| 897 | 8.577                   | 1C          | NGUYỄN PHÚC TƯỜNG    | SỐ 8 HÀNG GÀ, HÀNG BỒ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                | ADC-2019.01   | 2.914    | 291.400.000             |
| 898 | 8.591                   | 1C          | NGUYỄN THỊ TIẾN      | 200/93 CHI LĂNG, P NGUYỄN TRÃI TP HẢI DƯƠNG T HẢI DƯƠNG VN              | ADC-2019.01   | 1.943    | 194.300.000             |
| 899 | 8.599                   | 1C          | NGÕ THỊ HẰNG NHUNG   | ĐÔNG LIỆT, YÊN PHONG, BẮC NINH                                          | ADC-2019.01   | 3.300    | 330.000.000             |
| 900 | 8.661                   | 1C          | QUÁCH THỊ HIỀN       | 213/41/10 Đường Trương Thị Hoa, KP 18, P.Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM | ADC-2019.01   | 3.845    | 384.500.000             |
| 901 | 8.705                   | 1C          | HUỶNH THANH THÚY     | 31/84 PHAN HUY ÍCH, PHƯỜNG 15, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 2.901    | 290.100.000             |
| 902 | 8.763                   | 1C          | PHẠM THỊ THU HUYỀN   | 47 CHI LĂNG, THƯỢNG LÝ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                            | ADC-2019.01   | 1.955    | 195.500.000             |
| 903 | 8.779                   | 1C          | HOÀNG THỊ NAM GIANG  | THỨA 42B TỜ BẢN ĐỒ 01, TỐ 13, YÊN NGHĨA, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI                | ADC-2019.01   | 1.928    | 192.800.000             |
| 904 | 8.786                   | 1C          | TRỊNH THỊ MINH THẢO  | Số 56 phố Sài Đồng, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội                         | ADC-2019.01   | 5.159    | 515.900.000             |
| 905 | 8.891                   | 1C          | NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG   | P310 NHÀ C1, 34A TRẦN PHÚ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 5.343    | 534.300.000             |
| 906 | 8.894                   | 1C          | NGUYỄN THỊ VÂN       | Tổ 30, Khu 8, Quang Trung, Ưông Bí, Quảng Ninh                          | ADC-2019.01   | 2.882    | 288.200.000             |
| 907 | 8.907                   | 1C          | VŨ THỊ HẠNH          | SỐ 10/152 LAM SƠN P LAM SƠN Q LÊ CHÂN TP HẢI PHÒNG                      | ADC-2019.01   | 1.922    | 192.200.000             |
| 908 | 8.930                   | 1C          | VŨ THỊ BÍCH THU      | 292, TỐ 8, ẤP TÂN TỊCH XÃ TỈNH THỜI TP CAO LÃNH T ĐỒNG THÁP             | ADC-2019.01   | 2.115    | 211.500.000             |
| 909 | 8.943                   | 1C          | VŨ THỊ HẠ            | 493/1 NƠ TRANG LONG PHƯỜNG 13 QUẬN BÌNH THẠNH TP HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 4.411    | 441.100.000             |
| 910 | 8.986                   | 1C          | PHẠM THANH TRÚC      | 160K2 TRƯỜNG CHINH, P12, TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2019.01   | 4.970    | 497.000.000             |
| 911 | 8.993                   | 1C          | NGUYỄN THỊ LƯU       | 449/23/22 TRƯỜNG CHINH PHƯỜNG 14, TÂN BÌNH,TPHCM                        | ADC-2019.01   | 2.880    | 288.000.000             |
| 912 | 9.012                   | 1C          | NGUYỄN THỊ NGUYỆT    | TỔ 13A, KHU 4, QUANG TRUNG, ƯÔNG BÍ, QUẢNG NINH                         | ADC-2019.01   | 2.677    | 267.700.000             |
| 913 | 9.022                   | 1C          | PHẠM THỊ KIM HOÀN    | 3658 THIÊN LÔI, VINH NIỆM, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                           | ADC-2019.01   | 1.915    | 191.500.000             |
| 914 | 9.030                   | 1C          | LÊ THỊ THÚY TRANG    | SỐ 5 NGUYỄN TRI PHƯƠNG, MINH KHAI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                 | ADC-2019.01   | 2.650    | 265.000.000             |
| 915 | 9.054                   | 1C          | LÊ THỊ HỒNG PHÚC     | SỐ 373, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP.              | ADC-2019.01   | 1.912    | 191.200.000             |
| 916 | 9.074                   | 1C          | NGUYỄN TUYẾT DƯƠNG   | SỐ 13 HÀNG NGANG, HÀNG ĐÀO, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 1.913    | 191.300.000             |
| 917 | 9.081                   | 1C          | BÙI THỊ VƯƠNG        | SỐ 9 LÔ 11 MẶT BẮNG SỐ DẦU - HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG                      | ADC-2019.01   | 3.824    | 382.400.000             |
| 918 | 9.090                   | 1C          | TẠ VĂN THÁI          | SỐ 50/108 CÁT CỤT P HỒ NAM Q LÊ CHÂN TP HẢI PHÒNG                       | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 919 | 9.117                   | 1C          | NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH | SỐ 15 NGÕ 217 YÊN HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 4.775    | 477.500.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                            | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 920 | 9.131                   | 1C          | VŨ THỊ HẢI CHÂU       | 02/30/155 YÊN HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                | ADC-2019.01   | 1.909    | 190.900.000             |
| 921 | 9.136                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG | 87 MAI HẮC ĐẾ, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                                | ADC-2019.01   | 2.970    | 297.000.000             |
| 922 | 9.139                   | 1C          | PHẠM THỊ KIM DANH     | SỐ 2 NGÕ 120B HÀNG BÔNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 1.909    | 190.900.000             |
| 923 | 9.143                   | 1C          | LÊ NGỌC CƯỜNG         | 76 NGÕ 157 PHÁO ĐÀI LẮNG, LẮNG THƯỢNG, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI             | ADC-2019.01   | 4.800    | 480.000.000             |
| 924 | 9.147                   | 1C          | ĐỖ VĂN ANH            | 138 NGÕ XÃ ĐÀN 2, NG. LƯƠNG BẮNG, NAM ĐỒNG, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI        | ADC-2019.01   | 1.909    | 190.900.000             |
| 925 | 9.153                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MINH TÂM   | KHOA 10, PHƯỜNG TRƯỞNG THỊ, TP VINH, TỈNH NGHỆ AN                  | ADC-2019.01   | 2.385    | 238.500.000             |
| 926 | 9.164                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MAI        | P2008 - 25T2 - NGUYỄN THỊ THẬP, P TRUNG HOÀ, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI | ADC-2019.01   | 12.993   | 1.299.300.000           |
| 927 | 9.166                   | 1C          | ĐẶNG HẢO QUANG        | KHOA 3, PHƯỜNG 2, TP CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP                           | ADC-2019.01   | 2.900    | 290.000.000             |
| 928 | 9.186                   | 1C          | TRẦN THỊ LÝ           | 807 AN KHÁNH, PHƯỜNG AN PHÚ, QUẬN 2, TP HCM                        | ADC-2019.01   | 7.962    | 796.200.000             |
| 929 | 9.219                   | 1C          | TRẦN THỊ HẢI HẰNG     | TDP ĐOÀN KẾT- VẠN PHÚC- HÀ ĐÔNG- HÀ NỘI                            | ADC-2019.01   | 2.495    | 249.500.000             |
| 930 | 9.222                   | 1C          | LÂM THẦN THÚY TIÊN    | 177B HOÀNG HOA THÁM PHƯỜNG 13 QUẬN TÂN BÌNH TP. HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01   | 1.996    | 199.600.000             |
| 931 | 9.248                   | 1C          | VŨ VĂN TIẾN           | Tổ 1, Khu 5, Phường Thanh Sơn, Thành Phố Uông Bí, Quảng Ninh       | ADC-2019.01   | 8.830    | 883.000.000             |
| 932 | 9.255                   | 1C          | NGUYỄN VĂN NGUYỄN     | 29 Ngõ 29 Xã Đan Phượng Liên Đồng Đa Hà Nội                        | ADC-2019.01   | 2.331    | 233.100.000             |
| 933 | 9.273                   | 1C          | NGUYỄN VĂN TUYẾT      | P603 TẦNG 6 HOÀNG CẦU, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI                  | ADC-2019.01   | 5.972    | 597.200.000             |
| 934 | 9.275                   | 1C          | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC  | 531 MAI VĂN KHÁI, ẤP 2, XÃ MỸ TÂN, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP         | ADC-2019.01   | 7.440    | 744.000.000             |
| 935 | 3.394                   | 1E          | TRƯƠNG THỊ KHƯƠNG     | TỔ KHA LÂM 3, PHƯỜNG NAM SƠN, QUẬN KIẾN AN, TP HẢI PHÒNG           | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |
| 936 | 3.412                   | 1E          | VŨ THỊ BÍCH THU       | 292, TỔ 8, ẤP TÂN TỊCH XÃ TỊNH THỚI TP CAO LÃNH T ĐỒNG THÁP        | ADC-2018.09.1 | 1.985    | 198.500.000             |
| 937 | 3.414                   | 1E          | VŨ THỊ HẠ             | 493/1 NƠ TRANG LONG PHƯỜNG 13 QUẬN BÌNH THẠNH TP HỒ CHÍ MINH       | ADC-2018.09.1 | 2.515    | 251.500.000             |
| 938 | 3.477                   | 1E          | NGÔ THỊ KIM DUNG      | SỐ 132 QUANG TRUNG, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                           | ADC-2018.09.1 | 1.963    | 196.300.000             |
| 939 | 3.499                   | 1E          | HỒ THỊ MINH NGÀ       | TTXN LIÊN HIỆP DƯỢC HÀ NỘI, KIM LIÊN, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI              | ADC-2018.09.1 | 2.487    | 248.700.000             |
| 940 | 3.514                   | 1E          | NGUYỄN ĐỨC VĂN        | SỐ 4 NGÕ 88, SƠN TÂY, P.ĐỘI CÁN, Q.BA ĐÌNH, TP.HÀ NỘI              | ADC-2018.09.1 | 3.980    | 398.000.000             |
| 941 | 3.541                   | 1E          | PHẠM THỊ SANG         | 244 ĐƯỜNG 1A, P.BÌNH TRỊ ĐỐNG B, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM             | ADC-2018.09.1 | 2.975    | 297.500.000             |
| 942 | 3.545                   | 1E          | LÊ THỊ THÀNH THÁI     | 702/77 THỐNG NHẤT, P15, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.        | ADC-2018.09.1 | 4.900    | 490.000.000             |
| 943 | 3.556                   | 1E          | NGÔ THỊ HOÀNG LAN     | 257/6/10 PHAN XÍCH LONG PHƯỜNG 2 QUẬN PHÚ NHUẬN TP.HCM             | ADC-2018.09.1 | 1.975    | 197.500.000             |
| 944 | 3.558                   | 1E          | PHẠM THỊ THANH HƯƠNG  | 19 NGUYỄN THỊ ĐỊNH, P. AN HẢI BẮC, Q. SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG         | ADC-2018.09.1 | 1.990    | 199.000.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                         | Mã Trai phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 945 | 3.561                   | 1E          | DƯƠNG KIẾN TÂM        | C8/218B ẤP 3 XÃ TÂN NHỰT H BÌNH CHÁNH TP HCM                                    | ADC-2018.09.1 | 3.460    | 346.000.000             |
| 946 | 3.584                   | 1E          | NGUYỄN THỊ LỆ HUYỀN   | 25/83/12 ĐƯỜNG 6, KP 6 P HIẾP BÌNH PHƯỚC Q THỦ ĐỨC TP HCM                       | ADC-2018.09.1 | 4.083    | 408.300.000             |
| 947 | 3.591                   | 1E          | PHẠM THỊ LỆ DUYÊN     | 149/17 CAO VÂN LẬU PHƯỜNG 1, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                            | ADC-2018.09.1 | 4.968    | 496.800.000             |
| 948 | 3.605                   | 1E          | ĐIỀN THỊ HOÀNG YẾN    | 1060 QUANG TRUNG PHƯỜNG 8 QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09.1 | 2.758    | 275.800.000             |
| 949 | 3.652                   | 1E          | ÔNG THANH PHONG       | 42C NGUYỄN PHẠM TUẤN, PHƯỜNG 9, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2018.09.1 | 6.300    | 630.000.000             |
| 950 | 3.658                   | 1E          | PHẠM THỊ TỐT          | KP LÒ GẠCH, THỊ TRẤN TÂN HÒA, HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG               | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |
| 951 | 3.667                   | 1E          | LÊ VĂN ẨN             | 75 Ỗ LAN PHƯỜNG HIẾP TÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09.1 | 9.819    | 981.900.000             |
| 952 | 3.669                   | 1E          | LÊ QUỐC CƯỜNG         | 384/208 NAM KỶ KHỐI NGHĨA, PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH           | ADC-2018.09.1 | 1.959    | 195.900.000             |
| 953 | 3.674                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG | 225B-C TRẦN QUANG KHẢI, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH          | ADC-2018.09.1 | 4.418    | 441.800.000             |
| 954 | 3.675                   | 1E          | TRƯƠNG VĂN BỐN        | 6/193/20 BỒ ĐỀ- LONG BIÊN- HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09.1 | 2.946    | 294.600.000             |
| 955 | 3.701                   | 1E          | NGUYỄN VĂN TÀI        | 146/59/37 VÕ TÙNG, PHƯỜNG 2, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |
| 956 | 3.723                   | 1E          | TRẦN ĐỨC DŨNG         | TDP HOÀNG 8, CỎ NHUẾ 1, BẮC TỨ LIÊM, HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09.1 | 4.468    | 446.800.000             |
| 957 | 3.736                   | 1E          | NGUYỄN BÍCH HÒA       | SỐ 10 - PHỐ 356 KIM MÃ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI                                       | ADC-2018.09.1 | 1.957    | 195.700.000             |
| 958 | 3.739                   | 1E          | LƯU THỊ HỒNG NGỌC     | 19A2, BÌNH KHỐI, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ BẾN TRE, BẾN TRE                           | ADC-2018.09.1 | 3.957    | 395.700.000             |
| 959 | 3.764                   | 1E          | TSAI, CHING-KUEI      | KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT HƯƠNG 2, ẤP 2, XÃ AN TÂY, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG. | ADC-2018.09.1 | 4.996    | 499.600.000             |
| 960 | 3.776                   | 1E          | LÊ HỒNG NGỌC          | 180 Hoàng Hoa Thám, Phường 5, Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh                        | ADC-2018.09.1 | 1.995    | 199.500.000             |
| 961 | 3.791                   | 1E          | LÊ TRỌNG HIẾU         | 73 LÊ VĂN HỮU, PHẠM ĐÌNH HỔ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09.1 | 3.499    | 349.900.000             |
| 962 | 3.801                   | 1E          | NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG    | NGÕ 218/44 LẠC LONG QUÂN, PHƯỜNG BƯỚI, QUẬN TÂY HỒ, TP HÀ NỘI                   | ADC-2018.09.1 | 4.998    | 499.800.000             |
| 963 | 3.802                   | 1E          | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN   | SỐ 3 PHỐ HUẾ, HÀ NỘI                                                            | ADC-2018.09.1 | 9.958    | 995.800.000             |
| 964 | 3.835                   | 1E          | LÊ CÔNG THUẬN         | SỐ 2, ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG THỦ THIÊM, QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH              | ADC-2018.09.1 | 3.200    | 320.000.000             |
| 965 | 3.843                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THÙY HẰNG  | SỐ 3 M15 TƯƠNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                           | ADC-2018.09.1 | 2.977    | 297.700.000             |
| 966 | 3.891                   | 1E          | LÝ NGỌC HIỀN          | 429/15 CHIẾN LƯỢC P BÌNH TRỊ ĐÔNG A Q BÌNH TÂN TP HCM                           | ADC-2018.09.1 | 2.475    | 247.500.000             |
| 967 | 3.925                   | 1E          | ĐỖ THỊ HIỀN           | 495 KINH TÂN HÓA P HÒA THANH Q TÂN PHÚ TP HCM                                   | ADC-2018.09.1 | 2.966    | 296.600.000             |
| 968 | 3.926                   | 1E          | NGUYỄN THỊ PHI        | 60 NGUYỄN HUỆ, K. MỸ PHÚ, P. MỸ PHÚ, TP CAO LÃNH, T. ĐỒNG THÁP                  | ADC-2018.09.1 | 3.975    | 397.500.000             |



| STT | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                      | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|-----|-------------------------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 969 | 3.960                   | 1E          | ĐỖ THANH THỦY         | ẤP AN THÁI, XÃ MỸ AN HƯNG A, H. LẤP VỎ, ĐỒNG THÁP                            | ADC-2018.09.1 | 2.775    | 277.500.000             |
| 970 | 3.974                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THANH MAI  | SỐ 34A TRẦN PHÚ, ĐIỀN BIÊN, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                                  | ADC-2018.09.1 | 5.410    | 541.000.000             |
| 971 | 3.988                   | 1E          | ĐÀO NGUYỄN THIÊN NGÀ  | 6 LÔ 2C TRUNG YÊN 11-KĐT TRUNG YÊN P TRUNG HOÀ Q CẦU GIẤY TP HÀ NỘI VN       | ADC-2018.09.1 | 1.968    | 196.800.000             |
| 972 | 3.997                   | 1E          | NGÔ THỊ THU PHƯƠNG    | 498/23 NGUYỄN VĂN CÔNG PHƯƠNG 3 Q GÒ VẤP TPHCM                               | ADC-2018.09.1 | 3.855    | 385.500.000             |
| 973 | 4.011                   | 1E          | NGUYỄN HÀ THU         | 13 NGÕ 9 ĐẶNG THAI MAI, QUẢNG AN, TÂY HỒ, HÀ NỘI                             | ADC-2018.09.1 | 3.461    | 346.100.000             |
| 974 | 4.017                   | 1E          | TRẦN DUY TÂM          | 25 BÙI THỊ XUÂN, P. BẾN THÀNH, Q1, TP.HCM                                    | ADC-2018.09.1 | 9.830    | 983.000.000             |
| 975 | 4.021                   | 1E          | PHẠM THỊ HÂN          | SỐ 188 PHẠM ĐÌNH HỒ P PHẠM ĐÌNH HỒ Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI VN               | ADC-2018.09.1 | 1.966    | 196.600.000             |
| 976 | 4.043                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THU TRANG  | SỐ 201 HÀNG KÈNH, QUẬN LỄ CHÂN, HẢI PHÒNG                                    | ADC-2018.09.1 | 6.877    | 687.700.000             |
| 977 | 4.047                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HOA XUÂN   | 100/89 LÊ QUANG ĐỊNH, PHƯỜNG 14, BÌNH THẠNH, TP.HCM                          | ADC-2018.09.1 | 2.321    | 232.100.000             |
| 978 | 4.052                   | 1E          | NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG  | BD2 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, Hồ Chí Minh                 | ADC-2018.09.1 | 2.945    | 294.500.000             |
| 979 | 4.058                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HẠNH       | 25/3 VŨ TÙNG, PHƯỜNG 01, Q. BÌNH THẠNH, TP HCM                               | ADC-2018.09.1 | 2.453    | 245.300.000             |
| 980 | 4.066                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HOÀNG DANH | 62/14/2 NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG, PHƯỜNG 19, QUẬN BÌNH THẠNH, TPHCM                | ADC-2018.09.1 | 5.397    | 539.700.000             |
| 981 | 4.078                   | 1E          | TRẦN LÊ HỒNG HOA      | 69 PHÚ THỌ HÒA, PHƯỜNG PHÚ THỌ HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP HCM                     | ADC-2018.09.1 | 12.945   | 1.294.500.000           |
| 982 | 4.098                   | 1E          | LÊ HỒNG PHONG         | 463A1 CMT8 PHƯỜNG 13 QUẬN 10 TPHCM                                           | ADC-2018.09.1 | 5.390    | 539.000.000             |
| 983 | 4.099                   | 1E          | PHẠM BÍCH HẠNH        | 60 NGÕ HOÀNG AN A TRUNG PHỤNG, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000             |
| 984 | 4.101                   | 1E          | TRẦN THÚY HẰNG        | 214 HÀ HUY TẬP, NAM THIÊN 3, P.TÂN PHONG, QUẬN 7, TP.HCM                     | ADC-2018.09.1 | 5.000    | 500.000.000             |
| 985 | 4.121                   | 1E          | NGUYỄN THỊ NAM        | 427 PHẠM VĂN HAI PHƯỜNG 5 Q TÂN BÌNH TPHCM                                   | ADC-2018.09.1 | 4.089    | 408.900.000             |
| 986 | 4.139                   | 1E          | ĐẶNG QUỲNH HOA        | 50/15/6 DƯƠNG QUẢNG HÀM, PHƯỜNG 5, Q GÒ VẤP, TPHCM                           | ADC-2018.09.1 | 13.637   | 1.363.700.000           |
| 987 | 4.143                   | 1E          | CHÂU BÍCH THUẬN       | 124/4 NƠ TRANG LONG, PHƯỜNG 14, QUẬN BÌNH THẠNH, TPHCM                       | ADC-2018.09.1 | 2.001    | 200.100.000             |
| 988 | 4.158                   | 1E          | PHẠM THỊ SÂM          | TỔ 11, P. KỶ BẮC, TP. THÁI BÌNH, T. THÁI BÌNH                                | ADC-2018.09.1 | 2.994    | 299.400.000             |
| 989 | 4.184                   | 1E          | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG     | 885/9/24/10 KP10, TÂN CHÁNH HIỆP, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2018.09.1 | 5.483    | 548.300.000             |
| 990 | 4.187                   | 1E          | NGUYỄN VĂN TIẾN       | L4 21 OT11 VINHOMES CENTRAL PARK, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09.1 | 1.994    | 199.400.000             |
| 991 | 4.212                   | 1E          | PHẠM THỊ KIM CHUNG    | 200 LẠC LONG QUẨN, BƯỚI, TÂY HỒ, HÀ NỘI                                      | ADC-2018.09.1 | 2.070    | 207.000.000             |
| 992 | 4.226                   | 1E          | HỒ THỊ XUÂN           | 124 TÂN HÒA ĐÔNG, PHƯỜNG 14, QUẬN 6, TPHCM                                   | ADC-2018.09.1 | 2.400    | 240.000.000             |
| 993 | 4.230                   | 1E          | TRẦN LÊ PHƯƠNG        | 30/13/5A TỬ HẢI, PHƯỜNG 06, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM                            | ADC-2018.09.1 | 4.500    | 450.000.000             |
| 994 | 4.231                   | 1E          | NGUYỄN VĂN PHƯỚC      | 352 NƠ TRANG LONG, PHƯỜNG 13, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HCM                        | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000             |
| 995 | 4.275                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THU HIỀN   | SỐ 17 - TỔ 14- SÀI ĐỒNG - LONG BIÊN - HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09.1 | 4.948    | 494.800.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên                 | Địa chỉ                                                                    | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 996  | 4.309                   | 1E          | CÔNG TY CỔ PHẦN ICONIC WO | 209 ĐIỆN BIÊN PHỦ PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU QUẬN 03 TPHCM                          | ADC-2018.09.1 | 98.720   | 9.872.000.000           |
| 997  | 4.327                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THU HẰNG       | 132/107 NGUYỄN HỮU CẢNH, P.22, BÌNH THẠNH, TP.HCM                          | ADC-2018.09.1 | 5.580    | 558.000.000             |
| 998  | 4.333                   | 1E          | BÙI THANH PHONG           | SỐ 49, TỐ 11, KHóm MỸ THUẬN, THỊ TRẤN MỸ THO, HUYỆN CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP    | ADC-2018.09.1 | 2.467    | 246.700.000             |
| 999  | 4.363                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HAI            | 347/24/6 KP ĐÔNG TÂN, P DĨ AN, TP DĨ AN, BÌNH DƯƠNG                        | ADC-2018.09.1 | 9.830    | 983.000.000             |
| 1000 | 4.393                   | 1E          | NGUYỄN MAI THẢO VY        | 58/2 THÁNH THÁI, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, TPHCM                                 | ADC-2018.09.1 | 7.355    | 735.500.000             |
| 1001 | 4.407                   | 1E          | VÕ THỊ TUYẾT GIANG        | 14/31 PHAN BỘI CHÂU, PHƯỜNG 14, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH           | ADC-2018.09.1 | 1.961    | 196.100.000             |
| 1002 | 4.425                   | 1E          | LÊ THỊ KIM CHUNG          | 5 NGÁCH 5 NGÕ GIỀNG MÚT, P. TRƯỞNG ĐỊNH, Q. HAI BÀ TRƯNG, TP. HÀ NỘI       | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000             |
| 1003 | 4.464                   | 1E          | ÂU DUNG HẢO               | 313/18E NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG 07, QUẬN 5, TP HCM                             | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000             |
| 1004 | 4.468                   | 1E          | LÊ HOÀNG MINH             | 45/23/9 ĐƯỜNG 8, HIỆP BÌNH CHÁNH, TP THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH                  | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000             |
| 1005 | 4.469                   | 1E          | VƯƠNG TUYẾT NGÂN          | 798 ẤU CỜ, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                                 | ADC-2018.09.1 | 2.939    | 293.900.000             |
| 1006 | 4.472                   | 1E          | TRƯƠNG VĂN BẢO            | 91/4 TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, TP HCM                     | ADC-2018.09.1 | 7.473    | 747.300.000             |
| 1007 | 4.479                   | 1E          | ĐINH QUANG TIẾP           | 149 CỐNG LỖ, P.15, Q. TÂN BÌNH, TPHCM                                      | ADC-2018.09.1 | 8.533    | 853.300.000             |
| 1008 | 4.487                   | 1E          | NGÔ THANH KHÁI            | 85/2/4 LÔ SIÊU, PHƯỜNG 16, QUẬN 11, TP. HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2018.09.1 | 2.939    | 293.900.000             |
| 1009 | 4.535                   | 1E          | KIÊN THỊ MINH ÁI          | 279/52 HUỖNH VĂN BÁNH PHƯỜNG 11 Q PHÚ NHUẬN TPHCM                          | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |
| 1010 | 4.547                   | 1E          | NGUYỄN VÕ HOÀI THƯƠNG     | 28 TẦNG 1 TRẦN BÌNH, PHƯỜNG 02, QUẬN 06, TP. HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2018.09.1 | 11.200   | 1.120.000.000           |
| 1011 | 4.549                   | 1E          | LÊ QUỐC NGUYỄN            | 38/383 NGUYỄN VĂN NGHỊ, PHƯỜNG 7, Q GÒ VẤP, TPHCM                          | ADC-2018.09.1 | 2.188    | 218.800.000             |
| 1012 | 4.570                   | 1E          | LÊ THỊ LƯƠNG              | TỔ 9 LĨNH NAM, Q. HOÀNG MAI, HÀ NỘI.                                       | ADC-2018.09.1 | 2.640    | 264.000.000             |
| 1013 | 4.590                   | 1E          | NGUYỄN HOÀNG QUÂN         | 280 PASTEUR, PHƯỜNG 8, QUẬN 3, TP HCM.                                     | ADC-2018.09.1 | 1.955    | 195.500.000             |
| 1014 | 4.605                   | 1E          | PHẠM THỊ THU HƯƠNG        | 48 NGÕ LÝ THƯỜNG KIỆT P TRẦN HƯNG ĐẠO Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI VN             | ADC-2018.09.1 | 2.882    | 288.200.000             |
| 1015 | 4.634                   | 1E          | LÝ HỒNG HẢI               | 35 LẦU 2 NGUYỄN VĂN TRÁNG, PHƯỜNG BẾN THÀNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09.1 | 3.998    | 399.800.000             |
| 1016 | 4.636                   | 1E          | ĐẶNG NGỌC THẢO LINH       | K30/11 TRẦN PHÚ, HẢI CHÂU 1, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                             | ADC-2018.09.1 | 4.997    | 499.700.000             |
| 1017 | 4.698                   | 1E          | NGUYỄN THỊ KIM HẠNH       | 128 LÊ MINH XUÂN, PHƯỜNG 7, Q.TÂN BÌNH, TPHCM                              | ADC-2018.09.1 | 9.948    | 994.800.000             |
| 1018 | 4.699                   | 1E          | PHẠM THỊ LAN              | 35 NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG 2, QUẬN 5, TP HCM                                   | ADC-2018.09.1 | 6.962    | 696.200.000             |
| 1019 | 4.714                   | 1E          | ĐOÀN THỊ MỘNG ĐÀO         | 111 NGUYỄN ĐỨC TRUNG, P THANH KHÉ ĐÔNG, Q THANH KHÉ, TP ĐÀ NẴNG            | ADC-2018.09.1 | 7.650    | 765.000.000             |
| 1020 | 4.719                   | 1E          | THÁI NGỌC MINH NGHỊ       | 40 ĐƯỜNG SỐ 4 P AN LẠC A Q BÌNH TÂN TPHCM                                  | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                                | Mã Tráï phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1021 | 4.720                   | 1E          | THÁI MINH TRANG      | 437 NGUYỄN THỊ ĐỊNH, KP1, PHƯỜNG CÁT LẬ, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09.1 | 14.906   | 1.490.600.000           |
| 1022 | 4.722                   | 1E          | NGUYỄN TRƯỜNG GIANG  | 173 BÌNH TRỊ ĐÔNG, BT ĐÔNG A, BÌNH TÂN, TP.HCM                                         | ADC-2018.09.1 | 1.987    | 198.700.000             |
| 1023 | 4.725                   | 1E          | NGUY HỒNG NHUNG      | 327/7 MINH PHỤNG, PHƯỜNG 02, QUẬN 11, TP.HCM                                           | ADC-2018.09.1 | 2.315    | 231.500.000             |
| 1024 | 4.731                   | 1E          | NGUYỄN DUY LINH      | 10/D1 LÊ ĐẠI HÀNH PHƯỜNG 15 QUẬN 11 TPHCM                                              | ADC-2018.09.1 | 1.986    | 198.600.000             |
| 1025 | 4.733                   | 1E          | LÊ THỊ THANH NGA     | 925C NGUYỄN DUY TRINH, PHƯỜNG PHÚ HỮU, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH        | ADC-2018.09.1 | 2.980    | 298.000.000             |
| 1026 | 4.745                   | 1E          | VÕ THỊ KIM HOÀNG     | 48/1A ĐIỆN BIÊN PHỦ P ĐA KAO QUẬN 1 TPHCM                                              | ADC-2018.09.1 | 9.907    | 990.700.000             |
| 1027 | 4.748                   | 1E          | ĐỖ THỊ HOÀNG YẾN     | SỐ 05 B138 TỔ 13, THÀNH TỐ, HẢI AN, TP HẢI PHÒNG                                       | ADC-2018.09.1 | 2.972    | 297.200.000             |
| 1028 | 4.761                   | 1E          | PHÚ ÁI NHUNG         | K356/90A HOÀNG DIỆU, P BÌNH HIẾN, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                               | ADC-2018.09.1 | 4.988    | 498.800.000             |
| 1029 | 4.772                   | 1E          | PHẠM THỊ MỸ TRANG    | 178/2/3C PHAN ĐĂNG LƯU, PHƯỜNG 3, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                                | ADC-2018.09.1 | 3.016    | 301.600.000             |
| 1030 | 4.796                   | 1E          | NGUYỄN VĂN BAN       | 168/1A ĐƯỜNG 32, KP7, PHƯỜNG LINH ĐÔNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VN   | ADC-2018.09.1 | 4.941    | 494.100.000             |
| 1031 | 4.811                   | 1E          | NGUYỄN THỊ NÊN       | 65/66 ĐƯỜNG SỐ 5, KP2, P LINH XUÂN, THỦ ĐỨC, TPHCM                                     | ADC-2018.09.1 | 3.950    | 395.000.000             |
| 1032 | 4.819                   | 1E          | NGUYỄN THỊ TÚ ANH    | 22/40 TÂN HÓA, P1, Q11, HCM                                                            | ADC-2018.09.1 | 1.973    | 197.300.000             |
| 1033 | 4.853                   | 1E          | NGUYỄN QUANG THỊ     | 46 LÊ LAI, P THẠCH THANG, QUẬN HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                                    | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000             |
| 1034 | 4.874                   | 1E          | VŨ THỊ THIỆP         | 48 LỘ SƯ P LÝ THÁI TỔ Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI                                            | ADC-2018.09.1 | 2.100    | 210.000.000             |
| 1035 | 4.880                   | 1E          | NGUYỄN NGỌC LIÊN HOA | 27 ĐƯỜNG 6, KDC BÌNH DĂNG, P6, QB, TP.HCM                                              | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |
| 1036 | 4.881                   | 1E          | LÂM THỊ PHƯƠNG       | 231/47 NGUYỄN DUY DƯƠNG, PHƯỜNG 4, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09.1 | 2.458    | 245.800.000             |
| 1037 | 4.894                   | 1E          | NGUYỄN THÀNH CHUNG   | 28 ĐƯỜNG 101, KHU PHỐ 2, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09.1 | 4.990    | 499.000.000             |
| 1038 | 4.902                   | 1E          | NGUYỄN HỒNG THANH    | 12/25 NGUYỄN CHẾ NGHĨA, PHƯỜNG 13, QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000             |
| 1039 | 4.910                   | 1E          | ĐINH THỊ TUYẾT NGA   | LỘ D3B-1 KHU D3 ĐA ĐGQSDP PHÚ THƯỢNG, TÂY HỒ HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09.1 | 2.100    | 210.000.000             |
| 1040 | 4.920                   | 1E          | TRẦN THỊ TUYẾT MAI   | 64A/5 DẶNG NGUYỄN CẦN, PHƯỜNG 14, QUẬN 6, TPHCM                                        | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000             |
| 1041 | 4.953                   | 1E          | LƯƠNG THỊ LAN        | T10 TIMECITY P MINH KHAI Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI                                      | ADC-2018.09.1 | 10.000   | 1.000.000.000           |
| 1042 | 4.994                   | 1E          | TRẦN PHỐI PHỐI       | 1942/111/17 KP6, THỊ TRẤN NHÀ BÈ, NHÀ BÈ, HỒ CHÍ MINH                                  | ADC-2018.09.1 | 1.995    | 199.500.000             |
| 1043 | 5.013                   | 1E          | PHẠM CÔNG TẠO        | 56/10 NGUYỄN LÂM PHƯỜNG 06 QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                               | ADC-2018.09.1 | 4.990    | 499.000.000             |
| 1044 | 5.034                   | 1E          | CAO THỊ HOA DUNG     | TỔ 22 TT ĐÔNG ANH H ĐÔNG ANH TP HÀ NỘI                                                 | ADC-2018.09.1 | 2.248    | 224.800.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên              | Địa chỉ                                                                 | Mã trái phiếu | Số vòng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|-------------------------|
| 1045 | 5.041                   | 1E          | ÂU DINH QUÂN           | 470/9 AN DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 4 QUẬN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH              | ADC-2018.09.1 | 3.280   | 328.000.000             |
| 1046 | 5.043                   | 1E          | NGUYỄN THỊ QUYÊN       | 15 THÁI PHIÊN, P PHƯỚC NINH, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                     | ADC-2018.09.1 | 1.988   | 198.800.000             |
| 1047 | 5.071                   | 1E          | LÂM THÀNH SƠN          | 203 LÔ 5 CHUNG CƯ NGÕ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09.1 | 1.985   | 198.500.000             |
| 1048 | 1.327                   | 1A          | LÊ KHÁNH VÂN           | SỐ 20 NGÕ 2 HẠM LONG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                 | QT-2018.12.1  | 2.000   | 200.000.000             |
| 1049 | 1.336                   | 1A          | VŨ THỊ BÌNH            | SỐ 68/97/96 CHỢ HÀNG, DƯ HÀNG KINH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                  | QT-2018.12.1  | 5.150   | 515.000.000             |
| 1050 | 1.350                   | 1A          | NGUYỄN THỊ THU         | 54/4 ĐƯỜNG C1, PHƯỜNG 13, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                 | QT-2018.12.1  | 2.000   | 200.000.000             |
| 1051 | 1.368                   | 1A          | NGUYỄN THỊ HẠNH        | SỐ 52 QUAN NHÂN, NHẢN CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                         | QT-2018.12.1  | 1.963   | 196.300.000             |
| 1052 | 1.380                   | 1A          | BÙI THỊ TUYẾT          | P6228-N6 KHU TT QUÂN ĐỘI BẮC TN, NGHĨA ĐO, CẦU GIẤY, HÀ NỘI             | QT-2018.12.1  | 4.918   | 491.800.000             |
| 1053 | 1.405                   | 1A          | PHẠM HẠNH DUNG         | 929 LẠC LONG QUÂN, PHƯỜNG 11, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM                     | QT-2018.12.1  | 4.681   | 468.100.000             |
| 1054 | 1.503                   | 1A          | TRẦN THỊ QUYẾT         | 7/14 KHU TT NGÂN HÀNG ĐỒNG QUỐC BÌNH, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG              | QT-2018.12.1  | 2.001   | 200.100.000             |
| 1055 | 1.544                   | 1A          | NGUYỄN THỊ HOA         | 2-Q21, PHƯỜNG TƯƠNG MAI, QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI                      | QT-2018.12.1  | 2.000   | 200.000.000             |
| 1056 | 1.565                   | 1A          | NGUYỄN THỊ TOÁN        | TỔ 8, THỊNH LIỆT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                     | QT-2018.12.1  | 3.980   | 398.000.000             |
| 1057 | 1.573                   | 1A          | NGUYỄN THỊ THANH THANH | TỔ 5 KHỐI GA, TT YÊN VIÊN, GIA LÂM, HÀ NỘI                              | QT-2018.12.1  | 2.983   | 298.300.000             |
| 1058 | 1.588                   | 1A          | DIỆP THẾ NGỌC          | THÔN TÂN HẢI - CAM HẢI TÂY - CAM LÂM - KHÁNH HÒA                        | QT-2018.12.1  | 3.178   | 317.800.000             |
| 1059 | 1.608                   | 1A          | HOÀNG THỊ HẢI          | 52 HÀNG CỐT, HÀNG MÃ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                 | QT-2018.12.1  | 2.000   | 200.000.000             |
| 1060 | 1.636                   | 1A          | NGUYỄN THÚY HẰNG       | SỐ 6, NGÁCH 22, NGÕ 4, P. PHƯƠNG MAI, Q. ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI                | QT-2018.12.1  | 5.798   | 579.800.000             |
| 1061 | 1.639                   | 1A          | ĐẶNG MINH PHƯƠNG       | KHOA 123, PHƯỜNG HƯNG BÌNH, TP VINH, TỈNH NGHỆ AN                       | QT-2018.12.1  | 4.878   | 487.800.000             |
| 1062 | 1.682                   | 1A          | TRƯƠNG THỊ LAN         | 46 HÀNG ĐÀO, HÀNG ĐÀO, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                | QT-2018.12.1  | 1.987   | 198.700.000             |
| 1063 | 1.691                   | 1A          | NGUYỄN THỊ THU HẰNG    | 47/1/13 ĐƯỜNG 2, KP2, PHƯỜNG AN KHÁNH, TP THỦ ĐỨC, TP HCM               | QT-2018.12.1  | 3.832   | 383.200.000             |
| 1064 | 1.704                   | 1A          | ĐÀO MINH HẢO           | 5/37 CHÙA HÀNG, P. HỒ NAM, Q. LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                        | QT-2018.12.1  | 7.800   | 780.000.000             |
| 1065 | 1.709                   | 1A          | ĐOÀN THỊ CHÂM          | TDP TÂN XUÂN 3 - XUÂN ĐÌNH - BẮC TỪ LIÊM - HÀ NỘI                       | QT-2018.12.1  | 4.756   | 475.600.000             |
| 1066 | 1.740                   | 1A          | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN    | SỐ 3 PHỐ HUẾ, HÀ NỘI                                                    | QT-2018.12.1  | 2.975   | 297.500.000             |
| 1067 | 1.778                   | 1A          | TRƯƠNG VĂN LÂM         | 17/2/47/30 KP6 BÌNH HƯNG HÒA, Q BÌNH TÂN, TP HCM                        | QT-2018.12.1  | 5.672   | 567.200.000             |
| 1068 | 1.823                   | 1A          | BÙI BÁ TRÍ             | SỐ 3 NGÕ 8 LÊ LỢI NGUYỄN TRÃI, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI                          | QT-2018.12.1  | 7.431   | 743.100.000             |
| 1069 | 1.851                   | 1A          | LÊ PHƯƠNG HOÀI         | 69/12 DƯƠNG VĂN DƯƠNG P TÂN QUÝ Q TÂN PHÚ TP HCM                        | QT-2018.12.1  | 2.947   | 294.700.000             |
| 1070 | 1.889                   | 1A          | PHẠM THỊ HỒNG LIÊN     | THÔN 9 NINH HIỆP, GIA LÂM, HÀ NỘI                                       | QT-2018.12.1  | 2.387   | 238.700.000             |
| 1071 | 1.923                   | 1A          | NGUYỄN THỊ THUẬN       | 23 TÂN PHƯỚC, PHƯỜNG 08, Q. TÂN BÌNH, TP HCM                            | QT-2018.12.1  | 2.866   | 286.600.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên                  | Địa chỉ                                                         | M5 Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1072 | 1.941                   | 1A          | NGÔ VĂN HIẾU               | 39/4 ẤP ĐÔNG, THỚI TAM THÔN, HÓC MÔN, TP HCM                    | QT-2018.12.1  | 1.924    | 192.400.000             |
| 1073 | 1.944                   | 1A          | NGUYỄN HOÀNG TUẤN          | E4 LÊ VĂN CHÍ, KP1, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TPHCM        | QT-2018.12.1  | 2.863    | 286.300.000             |
| 1074 | 1.972                   | 1A          | LÊ THỊ THUY DUNG           | 57 TRANG TỬ, P14, Q5, TPHCM                                     | QT-2018.12.1  | 5.765    | 576.500.000             |
| 1075 | 1.973                   | 1A          | HOÀNG TRỌNG HƯNG           | 170/81A BẾN VÂN ĐỒN, PHƯỜNG 6, QUẬN 4, TPHCM                    | QT-2018.12.1  | 9.608    | 960.800.000             |
| 1076 | 1.985                   | 1A          | LÊ THỊ HƯƠNG               | 58 LÊ VĂN HỮU, TÂN AN, THÀNH PHỐ HỒI AN, QUẢNG NAM              | QT-2018.12.1  | 2.400    | 240.000.000             |
| 1077 | 2.012                   | 1A          | NGUYỄN MINH CHÍ            | SỐ 5 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, HÀ NỘI                                 | QT-2018.12.1  | 7.658    | 765.800.000             |
| 1078 | 2.021                   | 1A          | HUỶNH THỊ MỸ TRANG         | 13 ĐƯỜNG 12A, PHƯỜNG 6, QUẬN 4, HCM                             | QT-2018.12.1  | 2.880    | 288.000.000             |
| 1079 | 2.024                   | 1A          | LÝ NGỌC LONG               | 445/8/10, ĐT 743A, KP ĐỒNG TÂN, P DĨ AN, TP DĨ AN, BÌNH DƯƠNG   | QT-2018.12.1  | 2.485    | 248.500.000             |
| 1080 | 2.035                   | 1A          | ĐÀU XUÂN QUYỀN             | CÁI TẮT, AN ĐỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG                           | QT-2018.12.1  | 2.881    | 288.100.000             |
| 1081 | 2.044                   | 1A          | LÊ QUYẾT TIẾN              | P302-01 P THANH XUÂN BẮC, Q THANH XUÂN, TP HÀ NỘI               | QT-2018.12.1  | 1.918    | 191.800.000             |
| 1082 | 2.054                   | 1A          | TRẦN THỊ THU LAN           | 227 NGUYỄN CHÍ THANH - HẢI CHÂU I - HẢI CHÂU - ĐÀ NẴNG          | QT-2018.12.1  | 3.360    | 336.000.000             |
| 1083 | 2.056                   | 1A          | PHẠM NGỌC KHUỐC            | 7A/9 THÀNH THÁI, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH      | QT-2018.12.1  | 2.588    | 258.800.000             |
| 1084 | 2.092                   | 1A          | NGUYỄN NHÍ                 | 208/11 ĐƯỜNG 26 THÁNG 3, P.BÌNH HƯNG HÒA, Q.BÌNH TÂN TPHCM      | QT-2018.12.1  | 1.915    | 191.500.000             |
| 1085 | 2.101                   | 1A          | LÊ VIỆT TRUNG              | PHONG THỦ 1 X.DIEN THO, H.DIEN BAN, T.QUANG NAM                 | QT-2018.12.1  | 7.665    | 766.500.000             |
| 1086 | 2.113                   | 1A          | LÊ VĂN HIẾN                | THANH XUYỀN, HÒANG LONG, PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI.                     | QT-2018.12.1  | 4.970    | 497.000.000             |
| 1087 | 2.114                   | 1A          | TRẦN THỊ KIM ANH           | 64A THANH THỦY, PHƯỜNG THANH BÌNH, QUẬN HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG    | QT-2018.12.1  | 1.920    | 192.000.000             |
| 1088 | 2.122                   | 1A          | DƯƠNG THỊ MAI              | 280/70/48 BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG 2, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM      | QT-2018.12.1  | 1.983    | 198.300.000             |
| 1089 | 2.144                   | 1A          | NGUYỄN THỊ HOA             | 357 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG 8, QUẬN 5, TPHCM                           | QT-2018.12.1  | 10.034   | 1.003.400.000           |
| 1090 | 2.146                   | 1A          | HOLBRECHTS JEAN-LOUIS PIER | MƯỜNG THANH VIỆT TRIỀU, VINH PHƯỚC, NHA TRANG, KHÁNH HÒA        | QT-2018.12.1  | 13.721   | 1.372.100.000           |
| 1091 | 2.150                   | 1A          | HUỶNH MỸ LINH              | 1525/27/10H ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 16, Q11, TPHCM                    | QT-2018.12.1  | 4.783    | 478.300.000             |
| 1092 | 2.186                   | 1A          | TẶNG CẨM TOÀN              | 122/80 HÀ TỐN QUYỀN, PHƯỜNG 4, QUẬN 11, TPHCM                   | QT-2018.12.1  | 11.467   | 1.146.700.000           |
| 1093 | 2.207                   | 1A          | NGUYỄN THỊ HOA             | CÁI TẮT, AN ĐỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG                           | QT-2018.12.1  | 2.866    | 286.600.000             |
| 1094 | 2.269                   | 1A          | ĐINH THỊ MỸ THANH          | 448 BUI ĐÌNH TÚY PHƯỜNG 12 Q BÌNH THẠNH TPHCM                   | QT-2018.12.1  | 4.000    | 400.000.000             |
| 1095 | 2.284                   | 1A          | TẠ BÍCH PHƯƠNG             | 19/19 TỔ 59, KP6, PHƯỜNG 06, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM              | QT-2018.12.1  | 1.998    | 199.800.000             |
| 1096 | 2.288                   | 1A          | ĐOÀN THỊ MỘNG ĐÀO          | 111 NGUYỄN ĐỨC TRUNG, P THANH KHÉ ĐÔNG, Q THANH KHÉ, TP ĐÀ NẴNG | QT-2018.12.1  | 1.997    | 199.700.000             |
| 1097 | 2.289                   | 1A          | ĐỖ THỊ ĐÀO                 | 72/12 BÀNH VĂN TRẦN, PHƯỜNG 07, Q TÂN BÌNH, TPHCM               | QT-2018.12.1  | 7.986    | 798.600.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên                | Địa chỉ                                                                            | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1098 | 2.311                   | 1A          | PHẠM THỊ THANH THỦY      | 62 ĐỀ VĂN ĐÀN, PHƯỜNG TÂN THÀNH, THÀNH PHỐ BUỒN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK             | QT-2018.12.1  | 22.423   | 2.242.300.000           |
| 1099 | 2.313                   | 1A          | NGUYỄN THỊ THANH         | 31E NGÕ 79B LƯƠNG KHÁNH THIÊN P TƯƠNG MAI Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI                    | QT-2018.12.1  | 2.916    | 291.600.000             |
| 1100 | 2.331                   | 1A          | ĐÌNH THỊ LOAN            | KHOI TRUNG HUNG, P HUNG DONG, TP VINH, NGHE AN                                     | QT-2018.12.1  | 1.993    | 199.300.000             |
| 1101 | 2.347                   | 1A          | BUI THỊ THẠCH HOA        | 27/6A HUNG LAM, XA BA DIEM, HOC MON, TP HO CHI MINH                                | QT-2018.12.1  | 4.976    | 497.600.000             |
| 1102 | 2.361                   | 1A          | NGUYỄN ĐĂNG LAM          | 279B KP1, PHUONG AN PHU, TP THU DUC, TPHCM                                         | QT-2018.12.1  | 9.947    | 994.700.000             |
| 1103 | 2.364                   | 1A          | LE THỊ THANH NHAN        | 128A/16A NGUYEN CHI THANH, PHUONG 02, QUAN 10, THANH PHO HO CHI MINH               | QT-2018.12.1  | 1.990    | 199.000.000             |
| 1104 | 2.368                   | 1A          | TONG THỊ ĐÔNG            | 3/22B KP TAN LONG, P TAN DONG HIEP, TP DI AN, T BINH DUONG                         | QT-2018.12.1  | 4.078    | 407.800.000             |
| 1105 | 2.378                   | 1A          | NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG    | 117 LE LOI, PHUONG 4, GO VAP, TP HO CHI MINH                                       | QT-2018.12.1  | 3.010    | 301.000.000             |
| 1106 | 2.422                   | 1A          | TRẦN MINH CHÁNH          | 41 ĐƯỜNG 11 KP2, P. TRƯỜNG THO, TP THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH                        | QT-2018.12.1  | 6.952    | 695.200.000             |
| 1107 | 2.471                   | 1A          | TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG HÀ     | 616/39/67 LE DUC THO, PHUONG 15, QUAN GO VAP, THANH PHO HO CHI MINH                | QT-2018.12.1  | 1.980    | 198.000.000             |
| 1108 | 2.477                   | 1A          | NGUYỄN TRUNG KIẾN        | THON VUC XA DI TRACH H HOAI DUC TP HA NOI                                          | QT-2018.12.1  | 1.978    | 197.800.000             |
| 1109 | 2.484                   | 1A          | NGUYỄN QUANG TRÍ         | 46 LE LAI, P THACH THANG, QUAN HAI CHAU, TP DA NANG                                | QT-2018.12.1  | 3.176    | 317.600.000             |
| 1110 | 2.500                   | 1A          | VU THỊ THIẾP             | 48 LO SO P LY THAI TO Q HOAN KIEM TP HA NOI                                        | QT-2018.12.1  | 3.728    | 372.800.000             |
| 1111 | 2.503                   | 1A          | NGUYỄN HỒNG NGUYỄN       | 406/5 UNG VAN KHIEM, PHUONG 25, QUAN BINH THANH, THANH PHO HO CHI MINH             | QT-2018.12.1  | 10.000   | 1.000.000.000           |
| 1112 | 2.506                   | 1A          | NGUYỄN NGỌC LIÊN HOA     | 27 ĐƯỜNG 6, KDC BÌNH ĐĂNG, P6, Q8, TP HCM                                          | QT-2018.12.1  | 12.846   | 1.284.600.000           |
| 1113 | 2.508                   | 1A          | NGUYỄN THỊ KHUYẾT        | 17/26/17 ĐỘI VÂN, TRẠI CHUỐI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                 | QT-2018.12.1  | 1.986    | 198.600.000             |
| 1114 | 2.556                   | 1A          | NGUYỄN CHÍ VÂN           | 210 XOM DAT, PHUONG 10, QUAN 11, TP HO CHI MINH                                    | QT-2018.12.1  | 2.450    | 245.000.000             |
| 1115 | 2.560                   | 1A          | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG     | P801 CC HACISCO SO 15 NGÕ 107 NGUYEN CHI THANH- P LANG HA -Q ĐONG DA -TP HA NOI VN | QT-2018.12.1  | 2.940    | 294.000.000             |
| 1116 | 2.580                   | 1A          | PHAN THỊ THANH HOA       | 71 Đường 6, KP4, An Khánh, TP Thủ Đức, TPHCM                                       | QT-2018.12.1  | 1.960    | 196.000.000             |
| 1117 | 2.588                   | 1A          | NGUYỄN THỊ LY            | 117 CALMETTE, PHUONG NGUYEN THAI BINH, QUAN 1, TP HCM                              | QT-2018.12.1  | 4.400    | 440.000.000             |
| 1118 | 2.605                   | 1A          | HOÀNG THỊ OANH           | 11 NGÕ 88, VU THỊ SAU HAI BA TRUNG HA NOI                                          | QT-2018.12.1  | 2.441    | 244.100.000             |
| 1119 | 2.619                   | 1A          | NGUYỄN NGỌC NHỊ PHONG LA | 100/34 ĐƯỜNG SỐ 3, PHUONG 9, QUAN GO VAP, TP HCM                                   | QT-2018.12.1  | 1.949    | 194.900.000             |
| 1120 | 2.628                   | 1A          | TRẦN VĂN NGỌ             | P102-C21, P TAN MAI, Q HOANG MAI, TP HA NOI                                        | QT-2018.12.1  | 9.241    | 924.100.000             |
| 1121 | 2.630                   | 1A          | PHAN NGỌC HÀ MY          | 60 CHAU THUONG VAN, HOA CUONG BAC, HAI CHAU, DA NANG                               | QT-2018.12.1  | 2.140    | 214.000.000             |
| 1122 | 2.637                   | 1A          | DƯƠNG THỊ LẠI            | 91 LE DINH DUONG, P NAM DUONG, Q HAI CHAU, TP DA NANG                              | QT-2018.12.1  | 9.726    | 972.600.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                       | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1123 | 10.027                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC MINH TÂM | 449/16 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM.                        | ADC-2018.09   | 2.990    | 299.000.000             |
| 1124 | 10.030                  | 1D          | TRẦN QUANG PHONG     | 17 NGÕ 132 KHÁM THIÊN, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                                        | ADC-2018.09   | 4.979    | 497.900.000             |
| 1125 | 10.044                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THÁI THÚY | 5 TÔN ĐỨC THẮNG, PHƯỜNG BẾN NGHÉ, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH               | ADC-2018.09   | 4.976    | 497.600.000             |
| 1126 | 10.050                  | 1D          | PHAN THỊ THẢO        | 142C/68 CỎ GIANG, P.2, Q. PHÚ NHUẬN, TP. HCM                                  | ADC-2018.09   | 2.982    | 298.200.000             |
| 1127 | 10.051                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH TRÀ | SỐ 6 TỔ 29 QUAN HOA CẦU GIẤY HÀ NỘI                                           | ADC-2018.09   | 2.409    | 240.900.000             |
| 1128 | 10.083                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI  | 53/2/73 BÌNH LỢI, PHƯỜNG 13, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HCM                          | ADC-2018.09   | 1.987    | 198.700.000             |
| 1129 | 10.116                  | 1D          | NGUYỄN THỊ CÚC       | 957 LÊ THANH NGHỊ, P HẢI TÂN, TP HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG                    | ADC-2018.09   | 7.001    | 700.100.000             |
| 1130 | 10.127                  | 1D          | BÙI THỊ THANH VÂN    | TỔ 112 P HÒA KHÊ Q THANH KHÊ TP ĐÀ NẴNG                                       | ADC-2018.09   | 3.903    | 390.300.000             |
| 1131 | 10.141                  | 1D          | ĐẶNG TOÀN VINH       | 94 ĐƯỜNG 32, KHU PHỐ 2, PHƯỜNG TÂN PHONG, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH       | ADC-2018.09   | 5.980    | 598.000.000             |
| 1132 | 10.142                  | 1D          | ĐỖ THỊ THƠM          | 220 Hàng Kênh, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng                                  | ADC-2018.09   | 4.935    | 493.500.000             |
| 1133 | 10.149                  | 1D          | NGUYỄN MAI HOA       | 02/01/79 BÙI THỊ TỬ NHIÊN, P. ĐỒNG HẢI 1, Q. HẢI AN, TP. HẢI PHÒNG            | ADC-2018.09   | 5.929    | 592.900.000             |
| 1134 | 10.167                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM ANH   | 541/64 HUỖNH VĂN BÁNH, PHƯỜNG 14, QUẬN PHÚ NHUẬN TP HCM                       | ADC-2018.09   | 5.384    | 538.400.000             |
| 1135 | 10.185                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN  | 208 NGUYỄN HỮU CẢNH, P.22, Q.BÌNH THẠNH, TP HCM                               | ADC-2018.09   | 9.891    | 989.100.000             |
| 1136 | 10.229                  | 1D          | TRẦN THỊ HOA         | 5N 19, XÓM GIẾNG, CỤM QUÁN XÃ ĐỨC THƯỢNG H HOÀI ĐỨC TP HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 2.962    | 296.200.000             |
| 1137 | 10.235                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HỒNG      | NGÕ 72, 80A ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI, P. THƯỢNG ĐÌNH, Q. THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI      | ADC-2018.09   | 2.130    | 213.000.000             |
| 1138 | 10.236                  | 1D          | THIỆU KIM LOAN       | 24 ĐINH TIÊN HOÀNG, PHƯỜNG 1, Q BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09   | 2.938    | 293.800.000             |
| 1139 | 10.240                  | 1D          | QUÁCH HUYỀN TRANG    | 8 CHÁ CÁ, HẰNG ĐÀO, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 4.908    | 490.800.000             |
| 1140 | 10.242                  | 1D          | LƯU KIM PHƯƠNG       | 1.2 NHÀ TT SỐ 2C NGUYỄN VĂN CỬ, PHƯỜNG CẦU KHO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 3.945    | 394.500.000             |
| 1141 | 10.267                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HẰNG      | 2502C - CT28 Đa khu nhà ở Quận Hoàng Mai, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội           | ADC-2018.09   | 5.650    | 565.000.000             |
| 1142 | 10.281                  | 1D          | NGUYỄN PHÚC TƯỜNG    | SỐ 8 HÀNG GÀ, HÀNG BỒ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                      | ADC-2018.09   | 1.967    | 196.700.000             |
| 1143 | 10.304                  | 1D          | PHAN THỊ HOÀI        | 16 TRẦN VĂN GIÁP, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                                           | ADC-2018.09   | 2.455    | 245.500.000             |
| 1144 | 10.316                  | 1D          | THÁI VĂN LỢI         | ẤP TÂN HÙNG, XÃ TÂN THUẬN TÂY, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP                        | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1145 | 10.333                  | 1D          | NGUYỄN THỊ TUYẾT     | 493/79/15 CMT8, PHƯỜNG 13, QUẬN 10, TP HCM                                    | ADC-2018.09   | 1.963    | 196.300.000             |
| 1146 | 10.338                  | 1D          | DƯƠNG KIM NỮA        | 416 LỖY BÁN BÍCH, PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP HCM                      | ADC-2018.09   | 10.791   | 1.079.100.000           |
| 1147 | 10.350                  | 1D          | HIỆNH THANH THÚY     | 31/84 PHAN HUY ÍCH, PHƯỜNG 15, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                  | ADC-2018.09   | 2.871    | 287.100.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên               | Địa chỉ                                                              | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1148 | 10.420                  | 1D          | TRINH THỊ CHÚC          | 4/1/190 LÊ LAI PHƯƠNG MỸ CHAI QUẬN NGŨ QUYỀN TP HẢI PHÒNG            | ADC-2018.09   | 4.423    | 442.300.000             |
| 1149 | 10.508                  | 1D          | PHẠM THỊ LAN HƯƠNG      | 148 TÔ HIỆU P HỒ NAM Q LÊ CHÂN TP HẢI PHÒNG                          | ADC-2018.09   | 6.523    | 652.300.000             |
| 1150 | 10.521                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC TRINH       | 16/4, NGUYỄN VĂN NGHI, PHƯỜNG 5, QUẬN GỖ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  | ADC-2018.09   | 3.380    | 338.000.000             |
| 1151 | 10.553                  | 1D          | NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG    | TỔ 5 - NINH PHÚC - NHÂN CHÍNH - THANH XUÂN ĐẮC - THANH XUÂN - HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 2.989    | 298.900.000             |
| 1152 | 10.557                  | 1D          | LÊ THỊ HẠNH             | 23 NGŨ 132 TỔ 10 THANH BÌNH, P MỎ LAO, Q HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI             | ADC-2018.09   | 10.762   | 1.076.200.000           |
| 1153 | 10.621                  | 1D          | ĐỖ HẢI YẾN              | TỔ 4, CẦU DIỄN, NAM TỨ LIÊM, HÀ NỘI                                  | ADC-2018.09   | 1.929    | 192.900.000             |
| 1154 | 10.662                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM OANH     | CHẤM 5 TRẦN PHÚ, HÀNG BÔNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                        | ADC-2018.09   | 1.938    | 193.800.000             |
| 1155 | 10.687                  | 1D          | LÊ VĂN HẢI              | SỐ 53 PHẠM PHÚ THỨ, P HẠ LỸ, Q HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG               | ADC-2018.09   | 1.926    | 192.600.000             |
| 1156 | 10.705                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THỦY NGA     | 61/20/54 NGUYỄN BÌNH KIỆM P LẠCH TRAY Q NGŨ QUYỀN TP HẢI PHÒNG       | ADC-2018.09   | 3.384    | 338.400.000             |
| 1157 | 10.735                  | 1D          | ĐỒNG HOÀNG ANH          | SỐ 3/10 PHAN CHU TRINH P HOÀNG VĂN THỤ Q HỒNG BÀNG TP HẢI PHÒNG      | ADC-2018.09   | 9.658    | 965.800.000             |
| 1158 | 10.741                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MAI          | P2008 - 25T2 - NGUYỄN THỊ THẬP, P TRUNG HOÀ, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI   | ADC-2018.09   | 4.846    | 484.600.000             |
| 1159 | 10.749                  | 1D          | THẠCH THỊ KIM THOA      | TỔ 28 MAI DỊCH, Q. CẦU GIẤY, TP. HÀ NỘI                              | ADC-2018.09   | 4.830    | 483.000.000             |
| 1160 | 10.771                  | 1D          | PHẠM HOÀNG LINH         | SỐ 66 TRẦN QUỐC TOẢN TRẦN HƯNG ĐẠO, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                | ADC-2018.09   | 4.930    | 493.000.000             |
| 1161 | 10.835                  | 1D          | PHAN ĐỨC HUYỀN          | TỔ 18 VĨNH HƯNG, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 4.809    | 480.900.000             |
| 1162 | 10.877                  | 1D          | TOMLINSON RICHARD BRIAN | T7-09-02 RIVIERA POINT, NGUYỄN VĂN TƯỚNG P. Tân Phú, Q7, TP. HCM     | ADC-2018.09   | 3.002    | 300.200.000             |
| 1163 | 10.898                  | 1D          | DOÃN NGUYỄN TỔ TRINH    | 41 HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA, PLEIKU, GIA LAI                             | ADC-2018.09   | 2.480    | 248.000.000             |
| 1164 | 10.903                  | 1D          | NGUYỄN THỊ LÝ           | P303 BÁCH KHOA P BÁCH KHOA Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 4.900    | 490.000.000             |
| 1165 | 10.905                  | 1D          | PHẠM ĐÌNH TRUNG         | 149 LẦU 2 PHẠM ĐÌNH HỒ PHƯỜNG 6 QUẬN 6 TP HCM                        | ADC-2018.09   | 4.827    | 482.700.000             |
| 1166 | 10.921                  | 1D          | PHẠM KIM PHƯƠNG         | SỐ 21 LÊ ĐẠI HÀNH P HOÀNG VĂN THỤ Q HỒNG BÀNG TP HẢI PHÒNG           | ADC-2018.09   | 2.998    | 299.800.000             |
| 1167 | 10.922                  | 1D          | PHAN THẾ TỰ             | Tổ 42, Khu 7, Trưng Vương, Ưông Bí, Quảng Ninh                       | ADC-2018.09   | 2.497    | 249.700.000             |
| 1168 | 10.929                  | 1D          | PHẠM THỊ THỦY           | CẦU SẾN PHƯƠNG ĐÔNG ƯƠNG BÍ QUẢNG NINH                               | ADC-2018.09   | 4.019    | 401.900.000             |
| 1169 | 10.931                  | 1D          | HỒ THỊ ANH TUYẾT        | 11 CAO THẮNG, HẠ LỸ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                            | ADC-2018.09   | 3.010    | 301.000.000             |
| 1170 | 10.936                  | 1D          | TRẦN THỊ THU HIỀN       | 14/2/131 ĐƯỜNG VÒNG VẠN MỸ, VẠN MỸ, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG             | ADC-2018.09   | 4.935    | 493.900.000             |
| 1171 | 10.943                  | 1D          | NGŨ THỊ THU HƯƠNG       | 83 Ý LAN, THỊ NẠI, QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH                               | ADC-2018.09   | 7.613    | 761.300.000             |
| 1172 | 10.968                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH LOAN   | 79/1 LÊ HỒNG PHONG-TX AN NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH                         | ADC-2018.09   | 4.791    | 479.100.000             |
| 1173 | 10.975                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG    | 6C/290 MIẾU HAI XÃ, P. QƯ HẠNG KẾM (T. NGŨ), TP. HẢI PHÒNG           | ADC-2018.09   | 4.937    | 493.700.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên               | Địa chỉ                                                            | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1174 | 11.005                  | 1D          | BÙI THỊ BÍCH LIÊN       | SỐ 1 ĐÌNH NGANG, CỬA NAM, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI.                       | ADC-2018.09   | 3.500    | 350.000.000             |
| 1175 | 11.016                  | 1D          | LÊ THIẾU                | K45/22B LÊ ĐỘ, P.CHÍNH GIÁN, Q.THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG               | ADC-2018.09   | 3.586    | 358.600.000             |
| 1176 | 11.062                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC    | 32 LÝ THÁI TỔNG, PHƯỜNG 9, TP VŨNG TÀU, BÀ RỊA VŨNG TÀU            | ADC-2018.09   | 1.995    | 199.500.000             |
| 1177 | 11.066                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HẰNG         | 43 HÙNG VƯƠNG - HẢI CHÂU 1 - HẢI CHÂU - ĐÀ NẴNG                    | ADC-2018.09   | 5.987    | 598.700.000             |
| 1178 | 11.069                  | 1D          | MAI THỊ THU             | P502-H8 KẾT VIỆT HƯNG, GIANG BIÊN, LONG BIÊN HÀ NỘI                | ADC-2018.09   | 2.488    | 248.800.000             |
| 1179 | 11.114                  | 1D          | TRẦN DOÃN NGO           | 465/2 TRẦN XUÂN SOẠN P TÂN KIẾNG QUẬN 7 TP HỒ CHÍ MINH             | ADC-2018.09   | 1.989    | 198.900.000             |
| 1180 | 11.124                  | 1D          | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG | 28/1/26 PHAN ĐÌNH GIỐT, PHƯỜNG 2, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM             | ADC-2018.09   | 1.988    | 198.800.000             |
| 1181 | 11.143                  | 1D          | VŨ THỊ VIỆT PHƯƠNG      | 24 NGÕ 354 TRƯỜNG CHINH, KHUỖNG THƯỢNG, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI            | ADC-2018.09   | 10.320   | 1.032.000.000           |
| 1182 | 11.154                  | 1D          | LÊ CÔNG THÀNH           | 50/5 HÙNG VƯƠNG P.LỘC THỌ TP.NHA TRANG T.KHÁNH HÒA                 | ADC-2018.09   | 5.857    | 585.700.000             |
| 1183 | 11.173                  | 1D          | VŨ VĂN SƠN              | 113 TRẦN VIỆT CHÂU, P AN HÒA, Q NINH KIỀU, TP CẦN THƠ              | ADC-2018.09   | 1.990    | 199.000.000             |
| 1184 | 11.186                  | 1D          | KIM MỸ LỘC              | TỔ 9 P ĐĂNG HẢI Q HẢI AN TP HẢI PHÒNG                              | ADC-2018.09   | 3.475    | 347.500.000             |
| 1185 | 11.190                  | 1D          | NGUYỄN MINH VƯƠNG       | 97 PHAN ĐĂNG LƯU, P HÒA CƯỜNG BẮC, Q HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG             | ADC-2018.09   | 5.946    | 594.600.000             |
| 1186 | 11.223                  | 1D          | HỒ THỊ THU THÚY         | SỐ 527 TỔ ĐƯỜNG 5/3 HÙNG VƯƠNG, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG               | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 1187 | 11.243                  | 1D          | TẠ THỊ HẠNH             | 112/218 PHỐ CHỢ KHẮM THIÊN, P. TRUNG PHỤNG, Q. ĐỒNG ĐA, TP. HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 3.968    | 396.800.000             |
| 1188 | 11.282                  | 1D          | OOI TECK WUI            | 340 PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 08, QUẬN 08, TP. HCM                         | ADC-2018.09   | 4.954    | 495.400.000             |
| 1189 | 11.315                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HOÀNG HOA    | 271 KHẮM THIÊN, THỐ QUAN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                          | ADC-2018.09   | 2.972    | 297.200.000             |
| 1190 | 11.334                  | 1D          | LÊ XUÂN PHÁT            | 429 ĐƯỜNG 5/4 QUÁN TOAN, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                      | ADC-2018.09   | 8.910    | 891.000.000             |
| 1191 | 11.354                  | 1D          | LÊ THỊ LAN              | KP PHƯƠNG LĨNH, TT RỪNG THÔNG, HUYỆN ĐÔNG SƠN, THANH HÓA           | ADC-2018.09   | 1.980    | 198.000.000             |
| 1192 | 11.375                  | 1D          | NGUYỄN THỊ QUY          | XÃ TÂN DƯƠNG H THUỶ NGUYỄN TP HẢI PHÒNG                            | ADC-2018.09   | 9.889    | 988.900.000             |
| 1193 | 11.391                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MINH HỒNG    | TỔ 21, P DỊCH VỌNG, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI                          | ADC-2018.09   | 2.967    | 296.700.000             |
| 1194 | 11.396                  | 1D          | TRẦN BÁ TRUNG           | Khu vực 5, P. Thuận An, TX Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang                 | ADC-2018.09   | 1.978    | 197.800.000             |
| 1195 | 11.418                  | 1D          | NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG      | XÓM VĂN TIẾN, PHƯỜNG HƯNG ĐÔNG, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN       | ADC-2018.09   | 5.503    | 550.300.000             |
| 1196 | 11.429                  | 1D          | ĐẶNG THỊ PHƯƠNG         | KHOI XUÂN NAM, PHƯỜNG HƯNG ĐÔNG, TP VINH, TỈNH NGHỆ AN             | ADC-2018.09   | 1.977    | 197.700.000             |
| 1197 | 11.437                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM OANH     | 43 CHÂU THỊ KIM, PHƯỜNG 3, TP TÂN AN, LONG AN                      | ADC-2018.09   | 2.965    | 296.500.000             |
| 1198 | 11.438                  | 1D          | NGUYỄN MẠNH DŨNG        | TỔ 2, KHU NAM TÂN, NAM KHÊ, UÔNG BÍ, QUẢNG NINH                    | ADC-2018.09   | 7.403    | 740.300.000             |
| 1199 | 11.440                  | 1D          | LÊ THU HÀ               | P109-821 P KIM LIÊN Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI                            | ADC-2018.09   | 2.470    | 247.000.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên               | Địa chỉ                                                                 | Mã Trai phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1200 | 11.442                  | 1D          | LÊ THỊ SÂM              | 702/12 PHẠM THẾ HIẾN PHƯỜNG 4 QUẬN 8 TPHCM                              | ADC-2018.09   | 4.540    | 454.000.000             |
| 1201 | 11.449                  | 1D          | ĐOÀN NGUYỄN BÍCH NGỌC   | TỔ 3 P CHÍNH GIẤN, Q THANH KHÊ, ĐÀ NẴNG                                 | ADC-2018.09   | 4.250    | 425.000.000             |
| 1202 | 11.452                  | 1D          | KIỀU THỊ THỰC           | TT VPP 190 LÔ ĐỨC, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 8.690    | 869.000.000             |
| 1203 | 11.453                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NGÂN         | TẬP THỂ A2 60 NGÕ THỔ QUAN, THỔ QUAN, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                   | ADC-2018.09   | 1.976    | 197.600.000             |
| 1204 | 11.483                  | 1D          | NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH ANH  | 120 HOÀNG DIỆU, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                                       | ADC-2018.09   | 1.975    | 197.500.000             |
| 1205 | 11.534                  | 1D          | MAI THỊ NHÃ PHƯƠNG      | SỐ 18 DẪY D KHU B CÁT BI, HẢI AN, HẢI PHÒNG                             | ADC-2018.09   | 1.973    | 197.300.000             |
| 1206 | 11.567                  | 1D          | NGUYỄN THỊ LỆ HUYỀN     | 25/83/12 ĐƯỜNG 6, KP6 P HIỆP BÌNH PHƯỚC Q THỦ ĐỨC TPHCM                 | ADC-2018.09   | 2.500    | 250.000.000             |
| 1207 | 11.569                  | 1D          | NGUYỄN PHƯƠNG TRANG     | A47 CC SACOMREAL, 785/1 LŨY BÁM BÍCH P PHÚ THỌ HÒA Q TÂN PHÚ TPHCM      | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1208 | 11.576                  | 1D          | TRẦN THỊ BÍCH TRÂM      | 8/19A KHU PHỐ 6, ĐƯỜNG 46 P HIỆP BÌNH CHÁNH Q THỦ ĐỨC TPHCM             | ADC-2018.09   | 9.640    | 964.000.000             |
| 1209 | 11.578                  | 1D          | TRẦN THỊ TUYẾT ANH      | 39 LÊ THỊ HỒNG GẤM, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  | ADC-2018.09   | 18.226   | 1.822.600.000           |
| 1210 | 11.600                  | 1D          | NGUYỄN THỊ SINH         | KHU PHỐ TAM LƯ, ĐỒNG NGUYỄN, TP. TỪ SƠN, T. BẮC NINH                    | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1211 | 11.644                  | 1D          | HỒ NGÔ KIỀU LIÊN        | TỔ 28, P THANH KHÊ ĐÔNG, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG                        | ADC-2018.09   | 4.923    | 492.300.000             |
| 1212 | 11.677                  | 1D          | DƯƠNG XUÂN HUỆ          | 441/36 LÊ VĂN QUỚI PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG A QUẬN BÌNH TÂN TP. HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 1.954    | 195.400.000             |
| 1213 | 11.727                  | 1D          | PHẠM THỊ CỐM            | 23/28 MAI LÃO BANG, PHƯỜNG 13, TÂN BÌNH, TPHCM                          | ADC-2018.09   | 10.170   | 1.017.000.000           |
| 1214 | 11.730                  | 1D          | HỒ THANH THẢO           | 819/29 NGUYỄN KIỂM PHƯỜNG 03 QUẬN GÒ VẤP TP HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 5.699    | 569.900.000             |
| 1215 | 11.744                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG | 28/12A ĐẶNG VĂN NGŨ, PHƯỜNG 10, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                   | ADC-2018.09   | 3.440    | 344.000.000             |
| 1216 | 11.763                  | 1D          | TRẦN THU TRANG          | LK53 N009 KHU ĐẤT DV 16,17,18 P DƯƠNG NỘI Q HÀ ĐÔNG TP HÀ NỘI VN        | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1217 | 11.805                  | 1D          | TRẦN DIỆU THÀNH         | 321 NGUYỄN CHÍ THANH PHƯỜNG 12 QUẬN 5 TPHCM                             | ADC-2018.09   | 5.890    | 589.000.000             |
| 1218 | 11.811                  | 1D          | NGUYỄN QUANG HOÀN       | 2A HẸM 189/81/12 HOÀNG HOA THÁM, LIÊU GIAI, BA ĐÌNH, HÀ NỘI             | ADC-2018.09   | 2.650    | 265.000.000             |
| 1219 | 11.820                  | 1D          | NGUYỄN TUYẾT NGÀ        | 838/32 CÁCH MẠNG THẮNG B, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM               | ADC-2018.09   | 4.122    | 412.200.000             |
| 1220 | 11.855                  | 1D          | NGUYỄN LƯƠNG ĐIỀN       | TỔ 79, P THANH KHÊ ĐÔNG, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG                        | ADC-2018.09   | 12.738   | 1.273.800.000           |
| 1221 | 11.865                  | 1D          | LÊ THỊ KIM CHI          | 19 QUANG TRUNG, P HỘI THƯƠNG, TP PLEIKU, GIA LAI                        | ADC-2018.09   | 2.937    | 293.700.000             |
| 1222 | 11.868                  | 1D          | TRẦN THỊ MỸ DUNG        | ẤP VINH TRƯỜNG, XÃ TÂN VINH HIỆP, THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG.     | ADC-2018.09   | 2.942    | 294.200.000             |
| 1223 | 11.876                  | 1D          | HUỶNH MINH QUANG        | 2/73 PHAN THỨC DUYỄN, PHƯỜNG 04, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH   | ADC-2018.09   | 9.807    | 980.700.000             |
| 1224 | 11.889                  | 1D          | TRẦN THỊ ĐÀN            | THÔN CƯƠNG NGŨ, XÃ TỨ HIỆP, HUYỆN THANH TRÌ, T. HÀ NỘI.                 | ADC-2018.09   | 3.333    | 333.300.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                         | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1225 | 11.934                  | 1D          | NGUYỄN HỒNG CẨM TÚ    | 65 ĐÀO DUY TỬ, PHƯỜNG 5, QUẬN 10, TP.HCM                                        | ADC-2018.09   | 1.960    | 196.000.000             |
| 1226 | 11.942                  | 1D          | TRẦN THỊ THANH THỦY   | 13/4X ĐÔNG LÂN XÃ BÀ ĐIỂM HUYỆN HÓC MÔN TP.HỒ CHÍ MINH                          | ADC-2018.09   | 3.918    | 391.800.000             |
| 1227 | 11.969                  | 1D          | LÊ THỊ KIM LOAN       | 752 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM                       | ADC-2018.09   | 14.700   | 1.470.000.000           |
| 1228 | 11.980                  | 1D          | CAO THANH THỦY        | SỐ 39 CỬA NAM, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                                | ADC-2018.09   | 2.999    | 299.900.000             |
| 1229 | 12.002                  | 1D          | NGUYỄN THỊ TÍNH       | SỐ 55, TÔ 19 HOÀNG NHƯ TIẾP, BỒ ĐỀ, LONG BIÊN, HÀ NỘI                           | ADC-2018.09   | 1.957    | 195.700.000             |
| 1230 | 12.003                  | 1D          | ĐỖ THỊ KHẨM           | SỐ 6 PHỐ NAM ĐỒNG, NAM ĐỒNG, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09   | 3.913    | 391.300.000             |
| 1231 | 12.048                  | 1D          | THÁI THỊ HƯƠNG        | CH 408 NHÀ B4 LQTTL, DỊCH VỌNG, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000             |
| 1232 | 12.060                  | 1D          | CHÂU ÁI LỆ            | 241/96 LÃNH BÌNH THẮNG PHƯỜNG 12 QUẬN 11 TP.HCM                                 | ADC-2018.09   | 1.955    | 195.500.000             |
| 1233 | 12.096                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH  | 121/5A KP6 PHƯỜNG TÂN HƯNG THUẬN QUẬN 12 TP HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2018.09   | 2.442    | 244.200.000             |
| 1234 | 12.126                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THƯ TRANG  | E05 LÔ E CC BÌNH THỚI, P.8, Q.11, TP HCM                                        | ADC-2018.09   | 1.475    | 147.500.000             |
| 1235 | 12.130                  | 1D          | LÝ UYẾN ĐỀ            | 13 ĐƯỜNG SỐ 3 CX BÌNH THỚI, P.8, Q.11, TP HCM                                   | ADC-2018.09   | 491      | 49.100.000              |
| 1236 | 12.137                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MAU        | 194 CHU VĂN AN, PHƯỜNG 2, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                               | ADC-2018.09   | 15.613   | 1.561.300.000           |
| 1237 | 12.145                  | 1D          | TRƯƠNG ĐỨC HẠNH       | 389 ĐIỆN BIÊN PHỦ PHƯỜNG 4 QUẬN 3 TP.HCM                                        | ADC-2018.09   | 5.856    | 585.600.000             |
| 1238 | 12.153                  | 1D          | TSAI, CHING-KUEI      | KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT HƯƠNG 2, ẤP 2, XÃ AN TÂY, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG. | ADC-2018.09   | 8.780    | 878.000.000             |
| 1239 | 12.157                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NGÀ        | 98 ẤP LONG THÀNH XÃ HÒA LONG H LẠI VUNG T ĐỒNG THÁP                             | ADC-2018.09   | 2.439    | 243.900.000             |
| 1240 | 12.163                  | 1D          | TRƯƠNG HOÀNG VINH LỘC | C11.08 C/C CARINA VÕ VĂN KIẾT P16 QB TP.HCM                                     | ADC-2018.09   | 8.681    | 868.100.000             |
| 1241 | 12.191                  | 1D          | ĐỖ HỮU LỘC            | SỐ 4A, ĐƯỜNG SỐ 2, KP1 P LĨNH ĐỒNG TP THỦ ĐỨC TP.HCM                            | ADC-2018.09   | 2.484    | 248.400.000             |
| 1242 | 12.216                  | 1D          | QUAN TRUYỀN HUY       | 151/3 NGUYỄN KIM, PHƯỜNG 7, QUẬN 10, TP.HCM                                     | ADC-2018.09   | 1.949    | 194.900.000             |
| 1243 | 12.259                  | 1D          | LÊ THỊ NGÀ            | PHONG LAN, XÃ HOẰNG TIẾN, H HOẰNG HÓA, T THANH HÓA                              | ADC-2018.09   | 1.950    | 195.000.000             |
| 1244 | 12.267                  | 1D          | LÊ TRỌNG HIẾU         | 73 LÊ VĂN HỮU, PHẠM ĐÌNH HỒ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09   | 16.679   | 1.667.900.000           |
| 1245 | 12.268                  | 1D          | NGUYỄN TIẾN ĐƠN       | 26 NGÕ 176 TRƯƠNG ĐỊNH P TRƯƠNG ĐỊNH Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI VN                | ADC-2018.09   | 3.891    | 389.100.000             |
| 1246 | 12.292                  | 1D          | HUỖNH HOA             | 31 TRƯỜNG PHƯỚC PHAN, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM               | ADC-2018.09   | 1.995    | 199.500.000             |
| 1247 | 12.306                  | 1D          | PHÙNG NGỌC MỸ         | 205/1A BUI HỮU NGHĨA PHƯỜNG 8 QUẬN 5 TP.HCM                                     | ADC-2018.09   | 1.945    | 194.500.000             |
| 1248 | 12.332                  | 1D          | NGUYỄN VĂN HẢI        | 235 TIỂU LA, P HÒA CƯỜNG BẮC, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                            | ADC-2018.09   | 11.665   | 1.166.500.000           |
| 1249 | 12.342                  | 1D          | BẠCH PHƯƠNG           | 205B/36 ẤU CƠ PHƯỜNG 5 QUẬN 11 TP.HCM                                           | ADC-2018.09   | 1.944    | 194.400.000             |
| 1250 | 12.350                  | 1D          | NGÔ THÙY DIỄM         | 947/17 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, P7, TÂN BÌNH, HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09   | 1.943    | 194.300.000             |
| 1251 | 12.367                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MỸ DUNG    | 363/2/8 BÌNH LỢI PHƯỜNG 13 QUẬN BÌNH THẠNH TP HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2018.09   | 3.886    | 388.600.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                     | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1252 | 12.377                  | 1D          | LÊ THỊ KIM HẠNH      | 79 TRẦN KẾ XƯƠNG PHƯỜNG 7 QUẬN PHÚ NHUẬN TP HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09   | 1.942    | 194.200.000             |
| 1253 | 12.403                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HẠ QUYẾN  | TỔ 1, ẤP 7 BÀU CẠN, LONG THÀNH, ĐỒNG NAI                                    | ADC-2018.09   | 5.966    | 596.600.000             |
| 1254 | 12.425                  | 1D          | LƯƠNG THỊ KIM NHUNG  | 129/19 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG 2, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU   | ADC-2018.09   | 2.885    | 288.500.000             |
| 1255 | 12.429                  | 1D          | HỨA THU ĐIẾP         | 79/A1A ẤU CƠ PHƯỜNG 14 QUẬN 11 TPHCM                                        | ADC-2018.09   | 1.946    | 194.600.000             |
| 1256 | 12.440                  | 1D          | PHAN THỊ THANH THỦY  | SỐ 8, ĐƯỜNG N4, PHƯỜNG. TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH       | ADC-2018.09   | 9.925    | 992.500.000             |
| 1257 | 12.468                  | 1D          | TRẦN ĐÌNH THÀNH      | 12A LẠC LONG QUẨN, PHƯỜNG 8, QUẬN TÂN BÌNH, HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09   | 15.002   | 1.500.200.000           |
| 1258 | 12.481                  | 1D          | LÊ NGỌC LINH         | 660 QUỐC LỘ 1A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B, QUẬN BÌNH TÂN, TPHCM                | ADC-2018.09   | 2.906    | 290.600.000             |
| 1259 | 12.498                  | 1D          | ĐOÀN GIANG ĐỨC       | XÃ AN ĐỒNG, H AN DƯƠNG, TP HẢI PHÒNG                                        | ADC-2018.09   | 1.936    | 193.600.000             |
| 1260 | 1.696                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY | 11/7 THỐNG NHẤT 1, XÃ TÂN THỜI NHÌ, HUYỆN HÓC MÔN, TPHCM                    | ADC-2018.09.1 | 2.575    | 257.500.000             |
| 1261 | 1.735                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THỊNH     | Số 80704 MULBERRYLANE, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội                  | ADC-2018.09.1 | 1.979    | 197.900.000             |
| 1262 | 1.772                   | 1E          | NGUYỄN THỊ BẠN       | A10 NGÕ 72, DỊCH VỌNG, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09.1 | 2.670    | 267.000.000             |
| 1263 | 1.800                   | 1E          | VŨ HUY ANH           | Số 33/71 chợ hàng - Dư Hàng Kênh - Lê Chân - HP                             | ADC-2018.09.1 | 1.975    | 197.500.000             |
| 1264 | 1.803                   | 1E          | PHÙNG THỊ THẢO       | 8 NGÁCH 29 NGÕ TÂN LẠC, ĐẠI LA, HBT, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09.1 | 2.698    | 269.800.000             |
| 1265 | 1.808                   | 1E          | VŨ THÀNH DƯƠNG       | 365/18 HẬU GIANG, PHƯỜNG 11, QUẬN 6, TPHCM                                  | ADC-2018.09.1 | 1.975    | 197.500.000             |
| 1266 | 1.815                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HIỀN      | T10 TIMES CITY, 458 MINH KHAI P VINH TUY Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI           | ADC-2018.09.1 | 3.948    | 394.800.000             |
| 1267 | 1.816                   | 1E          | HOÀNG THỊ ĐÀO        | B3-3 Ngõ 126 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội                   | ADC-2018.09.1 | 7.303    | 730.300.000             |
| 1268 | 1.818                   | 1E          | NGUYỄN NGỌC HÙNG     | 34 TÔN THẤT TÙNG, TP VINH, NGHỆ AN                                          | ADC-2018.09.1 | 2.961    | 296.100.000             |
| 1269 | 1.819                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HẢO       | 2 NGÁCH 164/18 HỒNG MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09.1 | 3.454    | 345.400.000             |
| 1270 | 1.846                   | 1E          | LÊ THỊ THANH THẢO    | 198/2/4 NGUYỄN THÁI SƠN, P.04, Q. GÒ VẤP, TP.HCM                            | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000             |
| 1271 | 1.869                   | 1E          | VƯƠNG PHƯƠNG PHƯƠNG  | 628/4/6 HẬU GIANG PHƯỜNG 12 QUẬN 6 HỒ CHÍ MINH                              | ADC-2018.09.1 | 4.925    | 492.500.000             |
| 1272 | 1.891                   | 1E          | TRẦN TRUNG HIẾU      | TTLĐ 28, TDP NGUYỄN XÁ 3, MINH KHAI, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                    | ADC-2018.09.1 | 9.841    | 984.100.000             |
| 1273 | 1.897                   | 1E          | HOÀNG THỊ THỊNH      | 91 TỔ 18 HOÀNG VĂN THỤ, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09.1 | 7.856    | 785.600.000             |
| 1274 | 1.906                   | 1E          | NGUYỄN THỊ KIM CÚC   | 198/35 PHAN VĂN TRỊ, P.12, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM                            | ADC-2018.09.1 | 3.970    | 397.000.000             |
| 1275 | 1.956                   | 1E          | NGUYỄN THỊ LƯỢT      | 543B Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phú Nhuận, TPHCM.                              | ADC-2018.09.1 | 6.382    | 638.200.000             |
| 1276 | 1.963                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HỒNG NINH | 47 TRẦN NHẬT DUẬT, PHƯỜNG NGUYỄN VĂN CỨ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH | ADC-2018.09.1 | 1.965    | 196.500.000             |
| 1277 | 1.974                   | 1E          | NGUYỄN VĂN THỊNH     | 73 TRỆT NGUYỄN VĂN GIAI, PHƯỜNG ĐÀKAO, QUẬN 1, TP HCM                       | ADC-2018.09.1 | 1.964    | 196.400.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                           | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1278 | 2.005                   | 1E          | TẤT SÙ HÁ            | 66B ĐỘI CUNG, P.11, Q.11, TP HCM                                                  | ADC-2018.09.1 | 2.944    | 294.400.000             |
| 1279 | 2.018                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HỒNG      | TỔ 13, QUAN HOA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                                 | ADC-2018.09.1 | 4.907    | 490.700.000             |
| 1280 | 2.034                   | 1E          | TRƯƠNG THỊ HỒNG CHÂU | 505/2 NGUYỄN KIỂM, PHƯỜNG 9, QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                | ADC-2018.09.1 | 4.910    | 491.000.000             |
| 1281 | 2.038                   | 1E          | TRẦN THỊ LAN         | 58 HOÀNG HOA THÁM, P THUY KHUẾ, Q TÂY HỒ, TP HÀ NỘI                               | ADC-2018.09.1 | 2.551    | 255.100.000             |
| 1282 | 2.069                   | 1E          | TRẦN ÁI LINH         | 277 PHAN DINH PHỤNG, PHƯỜNG 15, QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.            | ADC-2018.09.1 | 1.961    | 196.100.000             |
| 1283 | 2.077                   | 1E          | TRƯƠNG HUỆ BĂNG      | 59 MINH PHỤNG, P5, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                                        | ADC-2018.09.1 | 9.810    | 981.000.000             |
| 1284 | 2.095                   | 1E          | Quang Thị Minh Thảo  | 69 NGUYỄN DANH, PHƯỜNG 10, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09.1 | 8.380    | 838.000.000             |
| 1285 | 2.099                   | 1E          | TRẦN THỊ THANH HÀ    | 10 HẸM 11/18/5 TÔ NGỌC VÂN, QUẢNG AN, TÂY HỒ, HÀ NỘI                              | ADC-2018.09.1 | 2.941    | 294.100.000             |
| 1286 | 2.104                   | 1E          | NGUYỄN THỊ MAI       | TỔ 22 NGHĨA TÂN, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                                 | ADC-2018.09.1 | 4.899    | 489.900.000             |
| 1287 | 2.105                   | 1E          | PHAN THỊ HẰNG NGÀ    | 47/2Q MỸ HÒA 1 XÃ TRUNG CHÍNH H HỐC MÔN TPHCM                                     | ADC-2018.09.1 | 1.960    | 196.000.000             |
| 1288 | 2.122                   | 1E          | TRẦN HUY NHẬT        | 152/49 LÝ CHÍNH THẮNG, PHƯỜNG 7, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09.1 | 4.898    | 489.800.000             |
| 1289 | 2.129                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HẢI       | SỐ 4 NGÕ BÀ TRIỆU, LÊ ĐẠI HÀNH, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                              | ADC-2018.09.1 | 1.959    | 195.900.000             |
| 1290 | 2.138                   | 1E          | LÊ DỪNG              | SỐ 18 NGÕ AN SƠN ĐAI LA - HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09.1 | 4.897    | 489.700.000             |
| 1291 | 2.146                   | 1E          | NGUYỄN ĐAI HÀ        | 69 NGÕ 117 THÁI HÀ P TRUNG LIỆT Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI                               | ADC-2018.09.1 | 4.896    | 489.600.000             |
| 1292 | 2.155                   | 1E          | VŨ THỊ BÍCH LOAN     | SỐ 37C BẠCH MAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                             | ADC-2018.09.1 | 5.337    | 533.700.000             |
| 1293 | 2.158                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH | 357/12/6 KHA VẠN CĂN, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH, QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09.1 | 1.959    | 195.900.000             |
| 1294 | 2.162                   | 1E          | NGUYỄN THỊ MINH CHÂU | SỐ 2 NGÕ 14 VÂN HỒ-18 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU P LÊ ĐẠI HÀNH Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI    | ADC-2018.09.1 | 3.917    | 391.700.000             |
| 1295 | 2.172                   | 1E          | PHAN THỊ NHƯ QUYÊN   | TỔ 54, CHÍNH GIẤN, THANH KHÊ, ĐÀ NẴNG                                             | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000             |
| 1296 | 2.174                   | 1E          | ĐỖ THỊ TUỆ TÂM       | SỐ 88 NGUYỄN THÁI HỌC - P. ĐIỆN BIÊN - Q. BA ĐÌNH - HÀ NỘI                        | ADC-2018.09.1 | 2.627    | 262.700.000             |
| 1297 | 2.175                   | 1E          | NGUYỄN LONG HẢI      | SỐ 18 TỔ 16 QUAN HOA CẦU GIẤY HÀ NỘI                                              | ADC-2018.09.1 | 2.789    | 278.900.000             |
| 1298 | 2.198                   | 1E          | VŨ THỊ HIỀN          | SỐ 9 XÓM 3 GIÁP NHỊ, THỊNH LIỆT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09.1 | 3.425    | 342.500.000             |
| 1299 | 2.205                   | 1E          | PHẠM TRỌNG QUỲ       | TỔ 3 TT ĐỒNG ANH, HÀ NỘI                                                          | ADC-2018.09.1 | 2.936    | 293.600.000             |
| 1300 | 2.217                   | 1E          | ĐÀO THỊ BẠCH DUNG    | 82/78/1 ĐÌNH TIỀN HOÀNG, PHƯỜNG 1, BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09.1 | 9.951    | 995.100.000             |
| 1301 | 2.219                   | 1E          | TẠ THỊ BÍCH NGỌC     | 137 LÊ DUẤN, P CỬA NAM, Q HOÀN KIẾM, TP HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09.1 | 3.907    | 390.700.000             |
| 1302 | 2.230                   | 1E          | LÊ QUÍ QUANG         | 61 LƯƠNG HỮU KHÁNH, P PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, TP HCM                                | ADC-2018.09.1 | 4.000    | 400.000.000             |
| 1303 | 2.259                   | 1E          | ĐÌNH QUỐC HƯNG       | 110 CMT8, PHƯỜNG 2, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP                                       | ADC-2018.09.1 | 2.188    | 218.800.000             |



| STT  | STT theo<br>phụ lục<br>BAN AN | STT<br>phụ lục | Họ và tên               | Địa chỉ                                                                            | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được<br>bồi thường |
|------|-------------------------------|----------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------------------|
| 1304 | 2.298                         | 1E             | BÙI THỊ THU HOÀI        | 38A TRẦN KHÁNH DƯ, P PHƯỚC TÂN,<br>TP NHA TRANG, T KHÁNH HÒA                       | ADC-2018.09.1 | 2.596    | 259.600.000                |
| 1305 | 2.301                         | 1E             | PHẠM VĂN HÓA            | TỔ 11, CỤM 2, XUÂN LA. TÂY HỒ, HÀ<br>NỘI                                           | ADC-2018.09.1 | 2.073    | 207.300.000                |
| 1306 | 2.312                         | 1E             | TRẦN LÊ HÙNG            | 71 NGÕ XÃ ĐÀN 2 P NAM ĐỒNG Q<br>ĐỐNG ĐA TP HÀ NỘI                                  | ADC-2018.09.1 | 3.945    | 394.500.000                |
| 1307 | 2.358                         | 1E             | NGUYỄN HỒNG PHƯỚC       | 76/2 ĐỘC LẬP, P.TÂN THÀNH, Q.TÂN<br>PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09.1 | 33.240   | 3.324.000.000              |
| 1308 | 2.410                         | 1E             | NGUYỄN THỊ KIM THOA     | 355/21 NGUYỄN TRỌNG TUYẾN,<br>PHƯỜNG 1, TÂN BÌNH, TPHCM                            | ADC-2018.09.1 | 3.500    | 350.000.000                |
| 1309 | 2.431                         | 1E             | NGÔ THỊ CHINH           | 47/15 BÙI ĐÌNH TÚY TỔ 42 PHƯỜNG<br>24 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM                        | ADC-2018.09.1 | 6.300    | 630.000.000                |
| 1310 | 2.495                         | 1E             | VÕ THỊ THANG            | 30 ĐÔNG PHƯỚC PHƯỚC LONG NHA<br>TRANG KHÁNH HÒA                                    | ADC-2018.09.1 | 3.906    | 390.600.000                |
| 1311 | 2.508                         | 1E             | HOÀNG THỊ THANH HOA     | 42/17 BÙI THỊ XUÂN, PHƯỜNG 2,<br>QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM                             | ADC-2018.09.1 | 3.251    | 325.100.000                |
| 1312 | 2.511                         | 1E             | PHẠM THỊ HÒA BÌNH       | 76/51 ĐƯỜNG 19, KP4 P LINH CHIẾU Q<br>THỦ ĐỨC TPHCM                                | ADC-2018.09.1 | 11.305   | 1.130.500.000              |
| 1313 | 2.517                         | 1E             | LƯU THỊ HẠ              | 45 NGÁCH 165/97 KHAM THIEN DONG<br>ĐA HA NOI VN                                    | ADC-2018.09.1 | 1.975    | 197.500.000                |
| 1314 | 2.537                         | 1E             | TRỊNH QUỐC VINH         | 562/25/2 LÊ QUANG ĐỊNH, PHƯỜNG<br>1, GÒ VẤP, TPHCM                                 | ADC-2018.09.1 | 2.358    | 235.800.000                |
| 1315 | 2.540                         | 1E             | NGUYỄN THỊ KIỂM         | P1104-17T1 HAPULICO THANH XUÂN<br>TRUNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI                        | ADC-2018.09.1 | 1.965    | 196.500.000                |
| 1316 | 2.564                         | 1E             | THẠCH NGỌC BĂNG         | 36/1 ĐƯỜNG 13,P LINH XUÂN, TP THỦ<br>ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09.1 | 2.158    | 215.800.000                |
| 1317 | 2.577                         | 1E             | TRẦN MINH TÂN           | P4.01 CC PHÚ ĐẠT, PHƯỜNG 25, Q<br>BÌNH THẠNH, TPHCM                                | ADC-2018.09.1 | 4.995    | 499.500.000                |
| 1318 | 2.615                         | 1E             | PHẠM THỊ CAY            | SỐ 04 NGÕ 01 XÃ ĐÀN, NAM ĐỒNG,<br>HÀ NỘI                                           | ADC-2018.09.1 | 10.877   | 1.087.700.000              |
| 1319 | 2.621                         | 1E             | TRƯƠNG NGUYỄN THỤY ĐĂNG | TỔ 51, P. THANH BÌNH, Q. HẢI CHÂU,<br>TP. ĐÀ NẴNG                                  | ADC-2018.09.1 | 5.220    | 522.000.000                |
| 1320 | 2.631                         | 1E             | TRẦN THỊ CÚC            | 15/8 THỐNG NHẤT PHƯỜNG 11 Q GÒ<br>VẤP TPHCM VN                                     | ADC-2018.09.1 | 1.968    | 196.800.000                |
| 1321 | 2.668                         | 1E             | PHẠM HỮU DUYÊN          | 280/3/27 HUỖNH VĂN BÁNH P.11<br>QUẬN PHÚ NHUẬN TPHCM                               | ADC-2018.09.1 | 2.163    | 216.300.000                |
| 1322 | 2.670                         | 1E             | TRỊNH QUỐC CỐNG         | SỐ 65A QUỐC TỬ GIAM, HÀ NỘI                                                        | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000                |
| 1323 | 2.688                         | 1E             | NGUYỄN THỊ MÂY          | 5 VAN DON P BACH ĐĂNG Q HAI BÀ<br>TRƯNG TP HÀ NỘI VN                               | ADC-2018.09.1 | 8.928    | 892.800.000                |
| 1324 | 2.709                         | 1E             | NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG    | 348B TỰ LẬP, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN<br>BÌNH, HCM                                       | ADC-2018.09.1 | 4.908    | 490.800.000                |
| 1325 | 2.724                         | 1E             | NGUYỄN THỊ THU HẰNG     | SỐ 34, TỔ 3 THANH NHÂN P THANH<br>NHÂN Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI VN                 | ADC-2018.09.1 | 2.649    | 264.900.000                |
| 1326 | 2.767                         | 1E             | NGUYỄN THỊ MAI TRANG    | SỐ 1 ĐƯỜNG 23, KHU PHỐ 4,<br>PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY, QUẬN 2,<br>TP HỒ CHÍ MINH      | ADC-2018.09.1 | 3.512    | 351.200.000                |
| 1327 | 2.774                         | 1E             | TRẦN THỊ HOÀNG HÀ       | TDP SỐ 2 XUÂN PHƯƠNG NAM TỬ<br>LIÊM HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09.1 | 2.530    | 253.000.000                |
| 1328 | 2.789                         | 1E             | PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT     | 1/12/23A ĐƯỜNG VÕ OANH, PHƯỜNG<br>25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ<br>MINH, VIỆT NAM | ADC-2018.09.1 | 10.488   | 1.048.800.000              |
| 1329 | 2.843                         | 1E             | TRẦN QUANG HUY          | 18 HẰNG VẢI, P HẰNG BỒ, Q HOÀN<br>KIỂM, HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09.1 | 2.000    | 200.000.000                |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên           | Địa chỉ                                                                         | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1330 | 2.881                   | 1E          | NGUYỄN THỊ MỸ HƯỜNG | 466/11A XÔ VIỆT NGHỆ TỈNH, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH    | ADC-2018.09.1 | 3.224    | 322.400.000             |
| 1331 | 2.889                   | 1E          | PHẠM KHÁNH          | 54/18 LÝ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG 15, QUẬN 11, TPHCM                                 | ADC-2018.09.1 | 4.950    | 495.000.000             |
| 1332 | 2.915                   | 1E          | LÊ KHÁNH VÂN        | SỐ 20 NGÕ 2 HÀM LONG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09.1 | 4.268    | 426.800.000             |
| 1333 | 2.920                   | 1E          | NGUYỄN CHÁNH QUỐC   | 221/8A LÊ VĂN SỸ, PHƯỜNG 13, QUẬN 3, HỒ CHÍ MINH.                               | ADC-2018.09.1 | 2.974    | 297.400.000             |
| 1334 | 2.945                   | 1E          | NGUYỄN THỊ TRANG    | LANDMARK 4 VINHOMES CENTRAL PARK PHƯỜNG 22 Q BÌNH THẠNH TPHCM                   | ADC-2018.09.1 | 5.100    | 510.000.000             |
| 1335 | 2.947                   | 1E          | VÕ PHƯƠNG THANH     | TẦNG 10 THÁP B18 PHẠM HÙNG P MỸ ĐÌNH 2 Q NAM TỪ LIÊM TP HÀ NỘI                  | ADC-2018.09.1 | 3.762    | 376.200.000             |
| 1336 | 2.961                   | 1E          | LƯU TÚ HÀ           | 373 THẠCH LAM, PHƯỜNG PHÚ THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TPHCM                            | ADC-2018.09.1 | 1.980    | 198.000.000             |
| 1337 | 2.963                   | 1E          | NGÕ THỊ TIẾN        | 86 NGUYỄN THÔNG, PHƯỜNG 9, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                               | ADC-2018.09.1 | 1.980    | 198.000.000             |
| 1338 | 2.973                   | 1E          | NGUYỄN THỊ MỸ QUYÊN | TỔ 3, ĐÔNG TIẾN, XÃ TÂN ĐÔNG, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH                     | ADC-2018.09.1 | 2.480    | 248.000.000             |
| 1339 | 2.988                   | 1E          | NGUYỄN THỊ OANH     | THÔN LỘC - XUÂN ĐÌNH - BẮC TỪ LIÊM - HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09.1 | 5.000    | 500.000.000             |
| 1340 | 2.999                   | 1E          | NGUYỄN THỊ GÁI      | CĂN 801 NHÀ A KHU NHÀ Ở CN 1, CỔ NHUẾ 1, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                    | ADC-2018.09.1 | 4.939    | 493.900.000             |
| 1341 | 3.007                   | 1E          | PHẠM THỊ NGUYỆT     | SỐ 7/42 ĐIỆN BIÊN PHỦ, MINH KHAI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                          | ADC-2018.09.1 | 4.445    | 444.500.000             |
| 1342 | 3.036                   | 1E          | ĐÀO THỊ NGỌC LIÊU   | 252/4R PHẠM VĂN CHIÊU, PHƯỜNG 9, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2018.09.1 | 6.242    | 624.200.000             |
| 1343 | 3.043                   | 1E          | HOÀNG TRỌNG LỢI     | 20 BÁT ĐÀN, P HÀNG BỒ, Q HOÀN KIẾM, TP HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09.1 | 3.982    | 398.200.000             |
| 1344 | 3.046                   | 1E          | NGUYỄN THỊ ÁI NGHĨA | LƯƠNG PHÚ C, XÃ LƯƠNG HÒA LẠC, H.CHỢ GẠO, T.TIỀN GIANG                          | ADC-2018.09.1 | 1.964    | 196.400.000             |
| 1345 | 3.062                   | 1E          | NGUYỄN VĂN AN       | SỐ 12 ĐƯỜNG SỐ 3, KHU DÂN CƯ METRO, PHƯỜNG HƯNG LỢI, QUẬN NINH KIỀU, TP CẦN THƠ | ADC-2018.09.1 | 4.966    | 496.600.000             |
| 1346 | 3.064                   | 1E          | BUI PHƯỚC AN        | A6 LÊ HỒNG PHONG, PHƯỜNG TRÀ NÓC, QUẬN BÌNH THUYẾT, TP CẦN THƠ                  | ADC-2018.09.1 | 1.970    | 197.000.000             |
| 1347 | 3.067                   | 1E          | HỒ THỊ HƯỜNG        | 248/14/14 NGUYỄN THÁI BÌNH, PHƯỜNG 12, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HỒ CHÍ MINH            | ADC-2018.09.1 | 2.954    | 295.400.000             |
| 1348 | 3.080                   | 1E          | NGUYỄN VĂN TỊNH     | XÓM THUẬN I, XÃ HƯNG HÒA, TP VINH, T NGHỆ AN                                    | ADC-2018.09.1 | 2.850    | 285.000.000             |
| 1349 | 3.087                   | 1E          | CHEN TZU HUA        | BLOCK A GREEN VALLEY, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2018.09.1 | 2.772    | 277.200.000             |
| 1350 | 3.116                   | 1E          | KAIWAN ALAN         | 345/70 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG CẦU KHO, QUẬN 1, TPHCM                             | ADC-2018.09.1 | 3.925    | 392.500.000             |
| 1351 | 3.128                   | 1E          | NGUYỄN THỊ HẠNH     | SỐ 52 QUAN NHÃN, NHÃN CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09.1 | 3.950    | 395.000.000             |
| 1352 | 3.130                   | 1E          | THÁI PHÁT           | 16/6 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG 5, THÀNH PHỐ VINH LONG, VINH LONG                 | ADC-2018.09.1 | 2.310    | 231.000.000             |
| 1353 | 3.140                   | 1E          | NGUYỄN THANH HÙNG   | 115 LÔ RÈN, PHƯỜNG 4, TP VINH LONG, TỈNH VINH LONG                              | ADC-2018.09.1 | 4.913    | 491.300.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                        | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1354 | 3.147                   | 1E          | NGUYỄN THỊ SANG       | TỔ 44 QUAN HOA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09.1 | 2.092    | 209.200.000             |
| 1355 | 3.155                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THANH THÚY | KP BÌNH ĐỨC 1, P. LÃI THIẾU, THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG                              | ADC-2018.09.1 | 3.919    | 391.900.000             |
| 1356 | 3.178                   | 1E          | LÊ THỊ KIM TUYẾN      | ẤP 1, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN                                  | ADC-2018.09.1 | 2.988    | 298.800.000             |
| 1357 | 3.204                   | 1E          | VÕ HUỖNH THÚY HẰNG    | 36/11 HUỖNH THIÊN LỘC, HÒA THANH, TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09.1 | 2.445    | 244.500.000             |
| 1358 | 3.243                   | 1E          | PHAN THỊ ĐIẾP         | 238 LÔ T CHUNG CƯ NGÕ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP. HCM                      | ADC-2018.09.1 | 2.935    | 293.500.000             |
| 1359 | 3.272                   | 1E          | NGUYỄN MINH TÍNH      | THỊ TRẤN NAM ĐÀN, HUYỆN NAM ĐÀN, NGHỆ AN                                       | ADC-2018.09.1 | 2.928    | 292.800.000             |
| 1360 | 3.275                   | 1E          | HOÀNG HOA ĐỒNG        | 37 NGÁCH 1/52 BÙI XƯƠNG TRẠCH, KHUỖNG ĐÌNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                 | ADC-2018.09.1 | 3.655    | 365.500.000             |
| 1361 | 3.288                   | 1E          | HÀ THỊ HÒA            | CH 1601 CHUNG CƯ N04B1 KĐTMDV P DỊCH VONG Q CẦU GIẤY TP HÀ NỘI                 | ADC-2018.09.1 | 7.479    | 747.900.000             |
| 1362 | 3.310                   | 1E          | LIÊU SANH THU CÚC     | 4C TRẦN VĂN KÝ, PHƯỜNG 14, QUẬN BÌNH THẠNH, TPHCM                              | ADC-2018.09.1 | 1.993    | 199.300.000             |
| 1363 | 3.314                   | 1E          | NGUYỄN THỊ THÁI THỦY  | 5 TÔN ĐỨC THẮNG, PHƯỜNG BẾN NGHÉ, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                | ADC-2018.09.1 | 19.918   | 1.991.800.000           |
| 1364 | 7                       | 1D          | NGUYỄN VĂN KHIÊM      | 143 THÀNH THÁI, P.14, Q.10, TP.HCM                                             | ADC-2018.09   | 5.547    | 564.700.000             |
| 1365 | 24                      | 1D          | NGUYỄN TUẤN ANH       | 11 TRẦN KẾ XƯƠNG, PHƯỜNG 3, QUẬN BÌNH THẠNH, TPHCM                             | ADC-2018.09   | 4.994    | 499.400.000             |
| 1366 | 34                      | 1D          | NGUYỄN NGỌC DƯƠNG     | 13.0.10 NGUYỄN KHOÁI, QUẬN 4, HCM                                              | ADC-2018.09   | 19.746   | 1.974.600.000           |
| 1367 | 42                      | 1D          | THÁI THỊ THANH THẢO   | 77/8 NGUYỄN HUỆ, PHƯỜNG BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP HCM                               | ADC-2018.09   | 1.997    | 199.700.000             |
| 1368 | 60                      | 1D          | Phạm Hồng Linh        | 81B, NGUYỄN KHANG, YÊN HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1369 | 68                      | 1D          | NGUYỄN HỒNG ANH       | FA3, CC HƯNG VƯỢNG 3, P. TÂN PHONG, Q7, TP.HCM                                 | ADC-2018.09   | 5.924    | 592.400.000             |
| 1370 | 72                      | 1D          | ĐẶNG PHƯỚC THỦY TIẾN  | 239/5A NGUYỄN DUY TRINH, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY, TP THỦ ĐỨC, TPHCM              | ADC-2018.09   | 6.477    | 647.700.000             |
| 1371 | 87                      | 1D          | TẠ THỊ KIM THANH      | 80 TRẦN PHÚ, P 4, Q 5, TP HCM                                                  | ADC-2018.09   | 10.000   | 1.000.000.000           |
| 1372 | 107                     | 1D          | LÊ PHƯỚC QUANG HUY    | 59/4 HIỆP NHẤT, PHƯỜNG 4, TÂN PHÚ, TP HCM                                      | ADC-2018.09   | 1.995    | 199.500.000             |
| 1373 | 109                     | 1D          | LÊ HOÀNG THIÊN HƯƠNG  | 82 TRẦN VĂN ƠN, PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ, QUẬN TÂN PHÚ, HCM                          | ADC-2018.09   | 1.995    | 199.500.000             |
| 1374 | 119                     | 1D          | TRƯƠNG THỊ THỊNH      | 2 Đồng Nai, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM                                    | ADC-2018.09   | 4.791    | 479.100.000             |
| 1375 | 178                     | 1D          | PHẠM THỊ HỒNG         | VIỆN KHILN, ĐỒNG NGẠC, TỨ LIÊM, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 9.895    | 989.500.000             |
| 1376 | 181                     | 1D          | HUỖNH THỊ BẠCH LIÊN   | T21 CX VINH HỘI - BẾN VÂN DỒN P.6, Q.4, TP.HCM                                 | ADC-2018.09   | 3.000    | 300.000.000             |
| 1377 | 195                     | 1D          | NGUYỄN SỸ TUYẾN       | 14 NGÕ 226 LÊ DUẨN, TRUNG PHỤNG, ĐỐNG ĐA                                       | ADC-2018.09   | 4.980    | 498.000.000             |
| 1378 | 210                     | 1D          | NGUYỄN THỊ THU TRANG  | B3.2506 CC ERA TOWN, 15B NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. PHÚ MỸ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 2.061    | 206.100.000             |
| 1379 | 212                     | 1D          | HÀ THỊ KIM THÚY       | 5, TRẦN KHÁNH DƯ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 1.974    | 197.400.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                      | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1380 | 221                     | 1D          | PHẠM HỮU KIM         | P3 CĂN HỘ 3216 TẦNG 32 KHU PARK HILL PHƯỜNG MAI ĐÔNG, QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 3.138    | 313.800.000             |
| 1381 | 232                     | 1D          | PHAN TẤN KHÔI        | 37 Đường 3278A Phạm Thế Hiển, P.7, Q.8, TP.HCM                               | ADC-2018.09   | 1.991    | 199.100.000             |
| 1382 | 240                     | 1D          | LÝ PHƯỚC SANH        | B34 LÔ B, T.4 BẾN CHUÔNG DƯƠNG, P CẦU KHO, Q1, TP HCM                        | ADC-2018.09   | 1.990    | 199.000.000             |
| 1383 | 244                     | 1D          | LÊ THÀNH KHÔI        | 17/4 Nam Hoà, Phước Long A, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh                       | ADC-2018.09   | 5.000    | 500.000.000             |
| 1384 | 257                     | 1D          | HOÀNG QUỐC HÙNG      | 388 TRẦN PHÚ, ĐIỆN BIÊN, BA ĐÌNH, HÀ NỘI.                                    | ADC-2018.09   | 10.000   | 1.000.000.000           |
| 1385 | 264                     | 1D          | CAO THỰC NGHI        | 110 LÔ E C/C NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG 8, QUẬN 5, HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09   | 1.989    | 198.900.000             |
| 1386 | 279                     | 1D          | DƯƠNG THỊ HẠNH       | SỐ 9 K28 TRƯƠNG ĐỊNH, TƯƠNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                           | ADC-2018.09   | 1.989    | 198.900.000             |
| 1387 | 318                     | 1D          | CAO THỊ NHUNG        | 120 HẢO NAM, HÀ NỘI                                                          | ADC-2018.09   | 9.759    | 975.900.000             |
| 1388 | 384                     | 1D          | NGUYỄN THỊ DÂN       | 117 LÔ X CC NGÔ GIA TỰ , P.2, Q.10 TP.HCM                                    | ADC-2018.09   | 1.957    | 195.700.000             |
| 1389 | 386                     | 1D          | NGUYỄN THỊ MAI DUNG  | 15 Ngõ 394 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội                                          | ADC-2018.09   | 2.185    | 218.500.000             |
| 1390 | 409                     | 1D          | Đặng Thúy Quỳnh      | P20-D1, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội                                            | ADC-2018.09   | 5.000    | 500.000.000             |
| 1391 | 447                     | 1D          | VŨ HÒA               | P101 NHÀ 84 NAM THÀNH CÔNG, LĂNG HÀ, ĐỐNG ĐÁ, HÀ NỘI                         | ADC-2018.09   | 11.214   | 1.121.400.000           |
| 1392 | 448                     | 1D          | Đào Thị Mai Anh      | Số 2, Ngách 101/7, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội                          | ADC-2018.09   | 2.001    | 200.100.000             |
| 1393 | 452                     | 1D          | NGUYỄN VĂN PHƯỚC     | 15/5 NGUYỄN THỊ MINH KHAI, P.BẾN NGHÉ, Q.1, TP.HCM                           | ADC-2018.09   | 8.892    | 889.200.000             |
| 1394 | 460                     | 1D          | MẠCH QUỐC HUỆ        | 161/35 BUI HỮU NGHĨA P7 Q5 HCM                                               | ADC-2018.09   | 9.911    | 991.100.000             |
| 1395 | 463                     | 1D          | PHẠM LÊ ANH          | 150/11 NGUYỄN TRÃI, P BẾN THÀNH, Q1, TPHCM                                   | ADC-2018.09   | 7.858    | 785.800.000             |
| 1396 | 473                     | 1D          | NGUYỄN THỊ MƠ        | NHÀ 22 DƯƠNG 3, KHU A, NAM THÀNH CÔNG, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09   | 3.900    | 390.000.000             |
| 1397 | 549                     | 1D          | NGUYỄN NHƯ TIẾN      | SỐ 13 HÀNG NGANG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                          | ADC-2018.09   | 1.982    | 198.200.000             |
| 1398 | 565                     | 1D          | NGUYỄN THỊ HỒNG HOA  | 280 NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG 8, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09   | 7.431    | 743.100.000             |
| 1399 | 611                     | 1D          | ĐỖ THỊ THANH         | 19B BUI THỊ XUÂN, P. BẾN THÀNH, Q1, HCM                                      | ADC-2018.09   | 2.884    | 288.400.000             |
| 1400 | 642                     | 1D          | HUYỀN THỊ BÍCH THUẬN | 118A HOÀNG DIỆU P13 Q4 TPHCM                                                 | ADC-2018.09   | 4.962    | 496.200.000             |
| 1401 | 646                     | 1D          | TRẦN THỊ PHƯƠNG THU  | 521A ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM                                 | ADC-2018.09   | 48.620   | 4.862.000.000           |
| 1402 | 650                     | 1D          | VŨ THỊ MỸ HOA        | 117A BA ĐÌNH, PHƯỜNG 8, QUẬN 8, TP HCM                                       | ADC-2018.09   | 4.626    | 462.600.000             |
| 1403 | 652                     | 1D          | ĐỒNG THỊ THÌN        | 36B/165 ĐÀ NẴNG, LẠC VIÊN, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                              | ADC-2018.09   | 2.473    | 247.300.000             |
| 1404 | 687                     | 1D          | NGUYỄN LAN HƯƠNG     | 64/49/7 NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, ĐỐNG ĐÁ, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 3.219    | 321.900.000             |
| 1405 | 699                     | 1D          | HOÀNG TỬ HÙNG        | 349/129 LÊ ĐẠI HÀNH, P13, QUẬN 11, HCM                                       | ADC-2018.09   | 41.176   | 4.117.600.000           |
| 1406 | 706                     | 1D          | TRẦN THỊ NGÂN        | 414 LÝ THÁI TỔ, PHƯỜNG 10, QUẬN 10, TPHCM                                    | ADC-2018.09   | 3.370    | 337.000.000             |
| 1407 | 775                     | 1D          | YANG RAYMOND TSE I   | 181 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG CỎ GIANG, QUẬN 1, TP. HCM                          | ADC-2018.09   | 3.000    | 300.000.000             |
| 1408 | 784                     | 1D          | NGUYỄN VĂN XƯƠNG     | 207 BẠCH MAI, PHƯỜNG BẠCH MAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                          | ADC-2018.09   | 2.961    | 296.100.000             |
| 1409 | 796                     | 1D          | VŨ THỊ BÍCH          | TỔ 11 BỒ ĐỀ, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09   | 3.960    | 396.000.000             |
| 1410 | 833                     | 1D          | VŨ QUANG HUY         | SN 16 NGÕ 168 KHU TT GT3 GIÁP BÁT, HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09   | 6.905    | 690.500.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                           | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1411 | 908                     | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM OANH  | TT QĐ D18 BTMTCKT TDP SỐ 3, CỐ NHUẾ 2, BẮC TỨ LIÊM, HÀ NỘI                        | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1412 | 997                     | 1D          | HỒ VĂN KIẾN          | 10 LÔ E 3 KP2 P TÂN PHONG QUẬN 7 TP HCM                                           | ADC-2018.09   | 39.065   | 3.906.500.000           |
| 1413 | 999                     | 1D          | Phan Anh Dũng        | Số 12 Hàng Giầy, Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | ADC-2018.09   | 4.920    | 492.000.000             |
| 1414 | 1.001                   | 1D          | Đoàn Xuân Trúc       | 136 C4 Tổ 10 Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội                         | ADC-2018.09   | 1.965    | 196.500.000             |
| 1415 | 1.035                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MINH HỒNG | 27/1 CHẤM HƯNG, P6, Q.TÂN BÌNH, TP.HỒ CHÍ MINH                                    | ADC-2018.09   | 2.479    | 247.900.000             |
| 1416 | 1.044                   | 1D          | Lữ Phương Thảo       | Số 3 ngõ 30 Lương Đình Của, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội                           | ADC-2018.09   | 16.841   | 1.684.100.000           |
| 1417 | 1.056                   | 1D          | ĐOÀN LÊ HIẾU         | 207/65A NGUYỄN VĂN ĐÀU, PHƯỜNG 11, Q BÌNH THẠNH, TPHCM                            | ADC-2018.09   | 4.905    | 490.500.000             |
| 1418 | 1.123                   | 1D          | NGUYỄN THỊ CHỊ       | 713/18/03 LÊ ĐỨC THỌ, PHƯỜNG 16, Q. GÒ VẤP, TP.HCM                                | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000             |
| 1419 | 1.127                   | 1D          | PHÙNG THỊ KIM THU    | 19D5 PHAN KẾ BÌNH, P9, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU                                       | ADC-2018.09   | 5.532    | 553.200.000             |
| 1420 | 1.156                   | 1D          | NGUYỄN THANH LIỄU    | SỐ 2 KHU D 77 HÀO NAM Ô CHỢ DỪA ĐỒNG ĐA HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09   | 3.229    | 322.900.000             |
| 1421 | 1.160                   | 1D          | LÊ THỊ HOÀI AN       | 1/5 CẦU XÉO, TÂN SƠN NHÌ, TÂN PHÚ, TP HCM                                         | ADC-2018.09   | 5.090    | 509.000.000             |
| 1422 | 1.272                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MINH      | TỔ 15 BỒ ĐỀ, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                                    | ADC-2018.09   | 4.988    | 498.800.000             |
| 1423 | 1.277                   | 1D          | VŨ DUY KHIÊM         | CÁN HỘ SỐ 14.03, CHUNG CƯ SCREC SỐ 974A ĐƯỜNG TRƯỜNG SA, PHƯỜNG 12, QUẬN 3, TPHCM | ADC-2018.09   | 1.955    | 195.500.000             |
| 1424 | 1.297                   | 1D          | PHẠM THỊ LÊ          | THÔN 1 HẢI THÀNH, DƯƠNG KINH, HẢI PHÒNG                                           | ADC-2018.09   | 3.497    | 349.700.000             |
| 1425 | 1.310                   | 1D          | VƯƠNG THỊ MAI HOA    | 793/55/36 TRẦN XUÂN SOẠN P.TÂN HƯNG QUẬN 7 HCM                                    | ADC-2018.09   | 2.982    | 298.200.000             |
| 1426 | 1.369                   | 1D          | BÙI THẾ HƯNG         | 3/10 NƠI TRANG LONG, PHƯỜNG 7, BÌNH THẠNH, TPHCM                                  | ADC-2018.09   | 1.954    | 195.400.000             |
| 1427 | 1.376                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HOAN      | SỐ 118 ĐÀ NẴNG, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                                              | ADC-2018.09   | 9.710    | 971.000.000             |
| 1428 | 1.383                   | 1D          | VŨ THỊ CHẤT          | ẤP 2, XÃ PHƯỚC VINH AN, H.CỦ CHI, TP HCM                                          | ADC-2018.09   | 1.954    | 195.400.000             |
| 1429 | 1.392                   | 1D          | LÝ KHIẾT QUỲNH       | 306 THOẠI NGỌC HẦU, P. PHÚ THANH, Q. TÂN PHÚ, TPHCM                               | ADC-2018.09   | 4.791    | 479.100.000             |
| 1430 | 1.397                   | 1D          | NGUYỄN CAO THOẠI     | SỐ 6, NGÁCH 48, NGÕ 1 PHẠM TUẤN TÀI, DỊCH VỌNG HẬU, CẦU GIẤY, HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 7.982    | 798.200.000             |
| 1431 | 1.401                   | 1D          | NGUYỄN VĂN TOÀN      | Số 22 Nguyễn Khả Trạc, Tổ 4, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội                           | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1432 | 1.420                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HẢI HÀ    | TDP HOÀNG 15, CỐ NHUẾ 1, BẮC TỨ LIÊM, HÀ NỘI                                      | ADC-2018.09   | 3.943    | 394.300.000             |
| 1433 | 1.436                   | 1D          | ĐẶNG THỊ TUYẾT MAI   | 110/2 XÓM CHIỂU, P14, Q4, TP HCM                                                  | ADC-2018.09   | 1.953    | 195.300.000             |
| 1434 | 1.459                   | 1D          | NGUYỄN THỊ CẨM LINH  | 6/163 NGUYỄN VĂN CỨ, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                            | ADC-2018.09   | 1.953    | 195.300.000             |
| 1435 | 1.475                   | 1D          | TRẦN QUỐC HƯNG       | 219/18A TRẦN HƯNG ĐẠO. P. CÔ GIANG, Q1, HCM                                       | ADC-2018.09   | 4.891    | 489.100.000             |
| 1436 | 1.478                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM THOA  | SỐ 70 PHAN ĐÌNH PHÙNG - HÀ NỘI                                                    | ADC-2018.09   | 2.115    | 211.500.000             |
| 1437 | 1.500                   | 1D          | ĐÀO TUẤN LONG        | 23/3 ĐÌNH TIỀN HOÀNG, PHƯỜNG 3, QUẬN BÌNH THẠNH, HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09   | 21.982   | 2.198.200.000           |
| 1438 | 1.510                   | 1D          | NGUYỄN MINH HIỀN     | SỐ NHÀ 2 C8C TT ĐẠI HỌC KTQD P ĐỒNG TÂM Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 9.978    | 937.800.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên               | Địa chỉ                                                        | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1439 | 1.517                   | 1D          | LÊ THỊ KIM DUNG         | 38 PHỐ HUẾ, HÀNG BÀI, HOÀN KIẾM HÀ NỘI                         | ADC-2018.09   | 2.060    | 206.000.000             |
| 1440 | 1.519                   | 1D          | NGUYỄN TỤNG             | 20 HỒ HẢO HÓN, P CỔ GIANG, Q. 1 TP HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 10.422   | 1.042.200.000           |
| 1441 | 1.523                   | 1D          | TRINH MINH THƯ          | 97 TRẦN BÌNH TRỌNG, P.1, Q. GÒ VẤP, TP.HCM                     | ADC-2018.09   | 4.096    | 409.600.000             |
| 1442 | 1.536                   | 1D          | CHÂU LƯƠNG XUÂN         | 278/2 TÔ HIẾN THÀNH P.15 Q.10 TP HCM                           | ADC-2018.09   | 6.154    | 615.400.000             |
| 1443 | 1.554                   | 1D          | DƯƠNG MẠNH TUẤN         | SỐ 4 ĐƯỜNG 158 PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG - QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI   | ADC-2018.09   | 42.321   | 4.232.100.000           |
| 1444 | 1.586                   | 1D          | PHAN XUÂN THỊNH         | 7/15/1 NHẬT TÁO, TP. RẠCH GIÁ, KIẾN GIANG                      | ADC-2018.09   | 2.729    | 272.900.000             |
| 1445 | 1.594                   | 1D          | CHEUNG CLARENCE LEONARD | 102A CÔNG QUỲNH, P PHẠM NGŨ LÃO, Q1, TPHCM                     | ADC-2018.09   | 9.775    | 977.500.000             |
| 1446 | 1.597                   | 1D          | TRẦN THỊ HƯƠNG          | 57/30, TRẦN NGUYỄN HẸN, CÁT DÀI, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG            | ADC-2018.09   | 3.896    | 389.600.000             |
| 1447 | 1.606                   | 1D          | PHÙNG VĂN PHƯỚC         | 130/2 HÀN HẢI NGUYỄN, P.8, Q.11, TP HCM                        | ADC-2018.09   | 6.762    | 676.200.000             |
| 1448 | 1.619                   | 1D          | BÙI THỊ HƯƠNG           | 16 YẾT KIỆM, TP HẢI DƯƠNG                                      | ADC-2018.09   | 3.021    | 302.100.000             |
| 1449 | 1.635                   | 1D          | CÔNG THỊ BẮN            | 53 - TỔ 51 NGHĨA TÂN - CẦU GIẤY - HÀ NỘI                       | ADC-2018.09   | 2.447    | 244.700.000             |
| 1450 | 1.643                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH HÀ     | 20 NGÁCH 12 NGÕ TÔ HOÀNG, CẦU ĐÈN, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI        | ADC-2018.09   | 2.973    | 297.300.000             |
| 1451 | 1.669                   | 1D          | TẠ THỊ THU HƯƠNG        | Số 1A Đặng Thái Thân, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội        | ADC-2018.09   | 1.997    | 199.700.000             |
| 1452 | 1.678                   | 1D          | CHU THỊ BẢY             | TDP ĐỒNG 2, CỐ NHUẾ 2, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 6.028    | 602.800.000             |
| 1453 | 1.726                   | 1D          | HOÀNG THỦY TRANG        | M7-14 CAO ỐC H2, HOÀNG DIỆU, Q4, TP HCM                        | ADC-2018.09   | 43.735   | 4.373.500.000           |
| 1454 | 1.734                   | 1D          | TRẦN CÔNG TOẠI          | 456/37D CAO THẮNG, PHƯƠNG 12, QUẬN 10, TP. HCM                 | ADC-2018.09   | 22.786   | 2.278.600.000           |
| 1455 | 1.741                   | 1D          | NGUYỄN QUỐC TUẤN        | Phường Lê Lợi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An                           | ADC-2018.09   | 5.000    | 500.000.000             |
| 1456 | 1.795                   | 1D          | HOÀNG THỊ PHƯƠNG        | 10 Đặng Thị Nhu , P. Nguyễn Thái Bình , Quận 1, TP HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 29.180   | 2.918.000.000           |
| 1457 | 1.830                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ     | SỐ 56 PHỐ LÃN ỒNG, HÀ NỘI                                      | ADC-2018.09   | 1.987    | 198.700.000             |
| 1458 | 1.836                   | 1D          | NGUYỄN CÁT THÀNH        | 68 CẦU ĐẤT, HẢI PHÒNG                                          | ADC-2018.09   | 6.322    | 632.200.000             |
| 1459 | 1.848                   | 1D          | TẠ THỊ MẶN              | SỐ 30 PHỐ HÀNG ĐỒNG, HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09   | 8.000    | 800.000.000             |
| 1460 | 1.849                   | 1D          | VŨ THỊ ÁI LÂM           | 10, ĐƯỜNG 71, KDC TÂN QUY ĐÔNG, P. TÂN PHONG, QUẬN 7, TP.HCM   | ADC-2018.09   | 4.000    | 400.000.000             |
| 1461 | 1.856                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MẶN          | 50B CHÁU LONG, TRÚC BẠCH, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09   | 2.803    | 280.300.000             |
| 1462 | 1.876                   | 1D          | LÊ THỊ THU HƯƠNG        | 8 HÀNG GÀ HÀNG BỒ HOÀN KIẾM HÀ NỘI                             | ADC-2018.09   | 5.000    | 500.000.000             |
| 1463 | 1.917                   | 1D          | VŨ THỊ XUYẾN            | SỐ 7 TT XÂY DỰNG , THÁI PHIÊN, CẦU TRE, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG   | ADC-2018.09   | 3.898    | 389.800.000             |
| 1464 | 1.964                   | 1D          | VŨ VĂN MUỐN             | 54 PHẠM VĂN CHÍ, P.1, Q.6 TPHCM                                | ADC-2018.09   | 3.885    | 388.500.000             |
| 1465 | 1.988                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC LAN     | 23/3A KP2, P PHÚ THUẬN QUẬN 7, HCM                             | ADC-2018.09   | 4.993    | 499.300.000             |
| 1466 | 1.999                   | 1D          | LÊ SỸ HÙNG              | Xóm 17, Xã Khánh Sơn, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An              | ADC-2018.09   | 3.971    | 397.100.000             |
| 1467 | 2.037                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC LAN     | 45/13 DƯƠNG BÁ TRẠC, PHƯỜNG 1, QUẬN 8, TPHCM                   | ADC-2018.09   | 1.500    | 150.000.000             |
| 1468 | 2.062                   | 1D          | NGUYỄN THỊ TÂM          | SN95 TỔ 44 PHỐ CHU VĂN AN . QUANG TRUNG TP THÁI BÌNH           | ADC-2018.09   | 6.356    | 635.600.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                  | Mã Trại chiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1469 | 2.073                   | 1D          | ĐÀO THỊ HUỆ           | SỐ 26 NGÕ HÒA BÌNH - THÓ QUAN - ĐỒNG ĐÀ - HÀ NỘI                         | ADC-2018.09   | 2.651    | 265.100.000             |
| 1470 | 2.115                   | 1D          | NGUYỄN PHÚ LOAN       | SỐ 4, NGÁCH 293/74, TỐ 9 NGỌC THUY, LONG BIÊN, HÀ NỘI                    | ADC-2018.09   | 3.989    | 398.900.000             |
| 1471 | 2.123                   | 1D          | NGUYỄN THỊ QUYỀN      | TỔ 09 VIỆT HƯNG, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                       | ADC-2018.09   | 6.980    | 698.000.000             |
| 1472 | 2.140                   | 1D          | PHẠM THỊ TOÀN         | TT 252 MINH KHAI, HÀ NỘI                                                 | ADC-2018.09   | 2.891    | 289.100.000             |
| 1473 | 2.172                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MAI        | 137/46 TRẦN ĐÌNH XU, P NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN 1, TPHCM                    | ADC-2018.09   | 2.184    | 218.400.000             |
| 1474 | 2.174                   | 1D          | ĐỒNG THỊ XUÂN THANH   | 210 QUANG TRUNG, Q HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI                                       | ADC-2018.09   | 6.577    | 657.700.000             |
| 1475 | 2.245                   | 1D          | LÊ THỊ KHÁNH QUỲNH    | 184/41 Tân Thới 3, Tân Hiệp, Hóc Môn, TPHCM                              | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1476 | 2.250                   | 1D          | NGUYỄN THỊ LAN        | 502 X2 TRƯỜNG ĐÌNH, TƯỜNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                         | ADC-2018.09   | 5.655    | 565.500.000             |
| 1477 | 2.252                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HOÀNG MINH | 8/15 BÀ HÒM P.13 Q.6 TP. HỒM                                             | ADC-2018.09   | 1.911    | 191.100.000             |
| 1478 | 2.253                   | 1D          | NGUYỄN VĂN LƯỢNG      | SỐ 3 NGÁCH 38 NGÕ 164 VƯƠNG THỪA VÕ, KHƯƠNG TRUNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI    | ADC-2018.09   | 14.917   | 1.491.700.000           |
| 1479 | 2.259                   | 1D          | ĐẶNG THỊ VIÊN         | 115 CẦU GIẤY, QUAN HOA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 5.834    | 583.400.000             |
| 1480 | 2.266                   | 1D          | NGUYỄN NGỌC SƠN TÙNG  | SUNRISE CITY VIEW SCA.12.14, NGUYỄN HỮU THỌ, P TÂN HƯNG Q7, TPHCM        | ADC-2018.09   | 995      | 99.500.000              |
| 1481 | 2.275                   | 1D          | LÊ NGỌC THẠCH         | ẤP 17, XÃ LONG TRUNG, HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG                     | ADC-2018.09   | 55.687   | 5.568.700.000           |
| 1482 | 2.276                   | 1D          | HOÀNG VĂN LÂM         | SỐ 99 PHỐ BÀ TRIỆU, HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09   | 10.000   | 1.000.000.000           |
| 1483 | 2.304                   | 1D          | VÕ THỊ MINH CHÍ       | 12A LÝ NAM ĐẾ, HÀNG MÃ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09   | 13.856   | 1.385.600.000           |
| 1484 | 2.308                   | 1D          | PHẠM THỊ KẾ           | SỐ NHÀ 11 NGÕ 41 ĐƯỜNG MAI HẮC ĐẾ TP. HẢI DƯƠNG, HẢI DƯƠNG               | ADC-2018.09   | 12.539   | 1.253.900.000           |
| 1485 | 2.348                   | 1D          | HOÀNG THỊ NHẢM        | 35 NGÕ THÔNG PHONG - P.HÀNG BỘT - Q.ĐỒNG ĐÀ - HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 3.965    | 396.500.000             |
| 1486 | 2.372                   | 1D          | LÂM THUY DUNG         | 09 Pasteur, Đà Nẵng                                                      | ADC-2018.09   | 4.100    | 410.000.000             |
| 1487 | 2.373                   | 1D          | NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN  | 6584, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG PHÚ KHƯƠNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE            | ADC-2018.09   | 8.458    | 845.800.000             |
| 1488 | 2.383                   | 1D          | VÕ NGỌC LAN ANH       | ẤP LONG THÀNH, XÃ LONG BÌNH, HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG              | ADC-2018.09   | 9.910    | 991.000.000             |
| 1489 | 2.458                   | 1D          | VÕ THỊ HOA MAI        | P608 NHÀ 1717 ĐTTH-NC NHÂN CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 33.500   | 3.350.000.000           |
| 1490 | 2.480                   | 1D          | ĐINH VĂN QUÝ          | 87A LÝ THƯỜNG KIỆT, HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09   | 3.002    | 300.200.000             |
| 1491 | 9.294                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIỀU NGÂN  | SỐ 11/12 KÝ ĐỒNG, QUANG TRUNG, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                      | ADC-2019.01   | 1.990    | 199.000.000             |
| 1492 | 9.304                   | 1C          | LÊ THỊ CHIỀU MINH     | K338/54 HOÀNG DIỆU, P BÌNH HIẾN, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                  | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 1493 | 9.318                   | 1C          | PHẠM THỊ TÝ           | SỐ 14 Đ28 ĐỒNG QUỐC BÌNH, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                           | ADC-2019.01   | 7.951    | 795.100.000             |
| 1494 | 9.368                   | 1C          | ĐẶNG THỊ HỒNG         | 2B/106 LƯƠNG KHÁNH THIÊN, P LƯƠNG KHÁNH THIÊN, Q NGÕ QUYỀN, TP HẢI PHÒNG | ADC-2019.01   | 3.467    | 346.700.000             |
| 1495 | 9.400                   | 1C          | NGUYỄN THANH HÀ       | Căn 1206 D2 Tg 12, KPH Mandarin Garden, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội      | ADC-2019.01   | 4.932    | 493.200.000             |
| 1496 | 9.434                   | 1C          | BÙI THỊ BÍCH LIÊN     | SỐ 1 ĐÌNH NGANG, CỬA NAM, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 3.928    | 392.800.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                               | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1497 | 9.535                   | 1C          | HOÀNG CẨM TÚ           | SỐ 1/81 ĐIỆN BIÊN PHỦ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                           | ADC-2019.01   | 2.248    | 224.800.000             |
| 1498 | 9.556                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THU SANG    | 34 TRẦN THỊ LÝ, PHƯỜNG GHỀNH RĂNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH | ADC-2019.01   | 7.647    | 764.700.000             |
| 1499 | 9.559                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HOÀNG HOA   | 271 KHẮM THIÊN, THỔ QUAN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                             | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1500 | 9.568                   | 1C          | ĐOÀN ĐỨC GIANG         | 41 HUYỄN TRẦN CÔNG CHÚA, TP PLEIKU, GIA LAI                           | ADC-2019.01   | 5.860    | 586.000.000             |
| 1501 | 9.572                   | 1C          | TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG    | 74/9/10 NAM CAO, P. TÂN PHÚ, TP. THỦ ĐỨC, HCM                         | ADC-2019.01   | 2.925    | 292.500.000             |
| 1502 | 9.598                   | 1C          | NGUYỄN THỊ NGÀ         | 40 TÂN QUÝ P TÂN QUÝ Q TÂN PHÚ TPHCM                                  | ADC-2019.01   | 4.802    | 480.200.000             |
| 1503 | 9.605                   | 1C          | TRẦN VĂN PHÚC          | 5/161 THIÊN LỐI P VINH NIỆM Q LÊ CHÂN TP HẢI PHÒNG                    | ADC-2019.01   | 2.720    | 272.000.000             |
| 1504 | 9.609                   | 1C          | NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG     | XÓM VĂN TIẾN, PHƯỜNG HƯNG ĐÔNG, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN          | ADC-2019.01   | 2.243    | 224.300.000             |
| 1505 | 9.613                   | 1C          | TRẦN THỊ MINH CẢNH     | 521/91/80 HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM               | ADC-2019.01   | 1.922    | 192.200.000             |
| 1506 | 9.625                   | 1C          | TRẦN TÀI               | 2549/28/1D PHẠM THẾ HIỂN PHƯỜNG 7 QUẬN 8 TPHCM                        | ADC-2019.01   | 4.962    | 496.200.000             |
| 1507 | 9.651                   | 1C          | LƯU MAI KHANH          | 34 HẰNG ĐẦU, ĐÔNG XUÂN, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                             | ADC-2019.01   | 1.953    | 195.300.000             |
| 1508 | 9.674                   | 1C          | PHẠM THỊ VINH          | 81 ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN KHÁNH, TP THỦ ĐỨC, TP HCM                    | ADC-2019.01   | 5.778    | 577.800.000             |
| 1509 | 9.681                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH       | 2 NGÕ 82 PHỐ ĐỒNG CẮC, HÀ NỘI                                         | ADC-2019.01   | 2.050    | 205.000.000             |
| 1510 | 9.694                   | 1C          | TRẦN THỊ BÍCH TRÂM     | 8/19A KHU PHỐ 6, ĐƯỜNG 46 P HIỆP BÌNH CHÁNH Q THỦ ĐỨC TPHCM           | ADC-2019.01   | 1.945    | 194.500.000             |
| 1511 | 9.730                   | 1C          | NGUYỄN ĐẶNG THƠ THƠ    | 7/6/88/1 THÀNH THÁI, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, TP HCM                       | ADC-2019.01   | 2.429    | 242.900.000             |
| 1512 | 9.741                   | 1C          | PHẠM MINH TƯỜNG        | 215/44 HÀ HUY TẬP, P HÒA KHÊ, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG                 | ADC-2019.01   | 1.940    | 194.000.000             |
| 1513 | 9.783                   | 1C          | NGUYỄN TẤN TOÀN        | 29 LÝ TẾ XUYỀN, P. LINH ĐÔNG, TP. THỦ ĐỨC, TP. HCM                    | ADC-2019.01   | 3.100    | 310.000.000             |
| 1514 | 9.791                   | 1C          | LÊ THỊ NGHĨA           | ẤP BÌNH HƯNG, XÃ THÀNH CÔNG, HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG       | ADC-2019.01   | 2.940    | 294.000.000             |
| 1515 | 9.808                   | 1C          | MẠC ĐÌNH TRƯ           | 1180/37 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 8, QUẬN GÒ VẤP, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 4.167    | 416.700.000             |
| 1516 | 9.821                   | 1C          | VŨ THỊ KẾ              | 8A NGÕ 376 KHUỖNG ĐÌNH, P HẠ ĐÌNH, Q THANH XUÂN, TP HÀ NỘI            | ADC-2019.01   | 2.422    | 242.200.000             |
| 1517 | 9.845                   | 1C          | TRƯƠNG VĂN BỐN         | 6/193/20 BỒ ĐỀ- LONG BIÊN- HÀ NỘI                                     | ADC-2019.01   | 1.937    | 193.700.000             |
| 1518 | 9.860                   | 1C          | HOÀNG QUỲNH MAI        | SỐ 119 NGÕ 72 PHỐ QUAN NHÃN P NHÃN CHÍNH Q THANH XUÂN TP HÀ NỘI VN    | ADC-2019.01   | 1.936    | 193.600.000             |
| 1519 | 9.861                   | 1C          | LẠC HƯNG               | 199/1B LÊ QUANG SƯNG, P6, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2019.01   | 1.946    | 194.600.000             |
| 1520 | 9.865                   | 1C          | NGUYỄN NGỌC THUY DƯƠNG | PHƯỜNG PHU CƯỜNG, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.             | ADC-2019.01   | 3.875    | 387.500.000             |
| 1521 | 9.887                   | 1C          | HUYỀN MINH QUANG       | 2/73 PHAN THÚC DUYỆN, PHƯỜNG 04, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 1.919    | 191.900.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                          | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1522 | 9.901                   | 1C          | PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH | TỔ 9, KHU 3, HÙNG THẮNG, HẠ LONG, QUẢNG NINH                     | ADC-2019.01   | 10.788   | 1.078.800.000           |
| 1523 | 9.924                   | 1C          | ĐÀO MINH HẢO          | 5/37 CHÙA HÀNG, P. HỒ NAM, Q. LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                 | ADC-2019.01   | 10.889   | 1.088.900.000           |
| 1524 | 9.934                   | 1C          | PHAN THỊ HÀ           | 22/9 BÌNH DƯƠNG 2, P. AN BÌNH, TP. DĨ AN, BÌNH DƯƠNG             | ADC-2019.01   | 2.995    | 299.500.000             |
| 1525 | 9.936                   | 1C          | TRẦN THỊ THANH THÚY   | 13/4X ĐỒNG LÂN XÃ BÀ ĐIỂM HUYỆN HỐC MÔN TP. HỒ CHÍ MINH          | ADC-2019.01   | 3.290    | 329.000.000             |
| 1526 | 9.950                   | 1C          | LÊ THỊ KIM LOAN       | 752 XÕ VIỆT NGHỆ TỈNH, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM       | ADC-2019.01   | 3.200    | 320.000.000             |
| 1527 | 10.021                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH  | 121/5A KP6 PHƯỜNG TÂN HƯNG THUẬN QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH         | ADC-2019.01   | 2.910    | 291.000.000             |
| 1528 | 10.032                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THU HUYỀN  | 35 NGÁCH 178/1 THÁI HÀ, TRUNG LIỆT, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 2.312    | 231.200.000             |
| 1529 | 10.046                  | 1C          | NGUYỄN VĂN TUẤN       | 41 ĐƯỜNG SỐ 1 P. AN LẠC Q. BÌNH TÂN TP. HCM                      | ADC-2019.01   | 1.926    | 192.600.000             |
| 1530 | 10.064                  | 1C          | BÙI THỊ MỸ HIỀN       | 40/44 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Tp. HCM                | ADC-2019.01   | 4.880    | 488.000.000             |
| 1531 | 10.065                  | 1C          | PHẠM TUẤN HẠNH        | 208 THÀNH THÁI, P12, Q10, TP. HCM                                | ADC-2019.01   | 4.834    | 483.400.000             |
| 1532 | 10.074                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC HỮU   | PHƯỜNG HIỆP THÀNH, THÀNH PHỐ THỦ ĐẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.       | ADC-2019.01   | 4.808    | 480.800.000             |
| 1533 | 10.095                  | 1C          | TÔ VĂN XINH           | 93 LÔ LƯU, TÔ 6, P. TRƯỜNG THẠNH, QUẬN 9, TP. HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01   | 9.610    | 961.000.000             |
| 1534 | 10.101                  | 1C          | HUỶNH NỮ              | 184 TRẦN QUÝ PHƯƠNG 6 QUẬN 11 TP. HCM                            | ADC-2019.01   | 2.882    | 288.200.000             |
| 1535 | 10.108                  | 1C          | TRẦN HỮU DUY          | 37 TRẦN CHÁNH CHIỂU PHƯỜNG 14 QUẬN 5 TP. HCM                     | ADC-2019.01   | 31.675   | 3.167.500.000           |
| 1536 | 10.110                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NHÀI       | SỐ 184 NGÕ GIA TỰ, KHU E CÁT BÌ, Q. HẢI AN, TP. HẢI PHÒNG        | ADC-2019.01   | 1.920    | 192.000.000             |
| 1537 | 10.120                  | 1C          | LÊ TRỌNG HIẾU         | 73 LÊ VĂN HỮU, PHẠM ĐÌNH HỒ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                | ADC-2019.01   | 2.959    | 295.900.000             |
| 1538 | 10.132                  | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN   | SỐ 3 PHỐ HUẾ, HÀ NỘI                                             | ADC-2019.01   | 1.909    | 190.900.000             |
| 1539 | 10.180                  | 1C          | CHÂU HẢI YẾN          | 40/44 C/C TRẦN QUANG DIỆU, PHƯỜNG 14, QUẬN 3, TP. HCM            | ADC-2019.01   | 2.874    | 287.400.000             |
| 1540 | 10.207                  | 1C          | TÔN MỸ TRẦN           | 80/26 HOÀNG HOA THÁM, PHƯỜNG 7, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 4.790    | 479.000.000             |
| 1541 | 10.210                  | 1C          | HOÀNG VĂN LƯU         | TỔ AN TRÌ 2, HÙNG VƯƠNG, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                    | ADC-2019.01   | 2.874    | 287.400.000             |
| 1542 | 10.214                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THỦY THÚY  | 1/12/15 ĐƯỜNG 2 P. TRƯỜNG THỌ TP. THỦ ĐỨC TP. HCM                | ADC-2019.01   | 4.792    | 479.200.000             |
| 1543 | 10.226                  | 1C          | TRỊNH THỊ VĂN KHANH   | PHỐ LÊ, CẦN KIỂM, THẠCH THẮT, HÀ NỘI                             | ADC-2019.01   | 4.303    | 430.300.000             |
| 1544 | 10.231                  | 1C          | NGÔ THỊ THANH         | SỐ 142 NGUYỄN ĐỨC CẢNH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                       | ADC-2019.01   | 8.304    | 830.400.000             |
| 1545 | 10.241                  | 1C          | HỨA THU ĐIẾP          | 79/A1A ẤU CƠ PHƯỜNG 14 QUẬN 11 TP. HCM                           | ADC-2019.01   | 1.912    | 191.200.000             |
| 1546 | 10.247                  | 1C          | TRẦN NGUYỄN MAI KHANH | 10/21 NGHĨA PHÁT, PHƯỜNG 06, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH      | ADC-2019.01   | 3.001    | 300.100.000             |
| 1547 | 10.273                  | 1C          | LƯU ĐỨC MINH          | TỔ 1 CỤM 1 NHẬT TÂN, TÂY HỒ, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 2.866    | 286.600.000             |
| 1548 | 10.277                  | 1C          | TRẦN TÚ ANH           | 39 HÒA MÃ, PHẠM ĐÌNH HỒ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                    | ADC-2019.01   | 2.868    | 286.800.000             |
| 1549 | 10.313                  | 1C          | HOÀNG THỊ SỬU         | SỐ 01/80/229 MIẾU HAI XÃ, DƯ HANG KÊNH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG       | ADC-2019.01   | 1.964    | 196.400.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BÀN ĂN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                     | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1550 | 10.326                  | 1C          | PHAN THỊ THÚY HẰNG   | 2002-CC XUÂN MAI RIVERSIDE P MỘ LAO Q HÀ ĐÔNG TP HÀ NỘI                     | ADC-2019.01   | 3.339    | 333.900.000             |
| 1551 | 10.352                  | 1C          | VŨ THỊ THU HÀ        | 57/5K HẬU LÂN XÃ BÀ ĐIỂM HUYỆN HÓC MÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                | ADC-2019.01   | 5.355    | 535.500.000             |
| 1552 | 10.372                  | 1C          | DIỆP VĂN HOANH       | 7C PHẠM PHÚ THỨ PHƯỜNG 11 Q TÂN BÌNH TPHCM                                  | ADC-2019.01   | 2.001    | 200.100.000             |
| 1553 | 10.375                  | 1C          | NGUYỄN HUY GIẢNG     | 12/28 ĐÀO DUY ANH, PHƯỜNG 9, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                          | ADC-2019.01   | 5.701    | 570.100.000             |
| 1554 | 10.394                  | 1C          | NGUYỄN THỊ VÂN       | 311/23 TRƯỜNG CHINH, P AN KHÊ, Q THANH KHÊ, TP DÀ NẴNG                      | ADC-2019.01   | 2.226    | 222.600.000             |
| 1555 | 10.395                  | 1C          | LÊ THỊ NGỌC PHÍ      | TỔ 17, ẤP BÌNH HÒA, BÌNH THÀNH, THANH BÌNH, ĐỒNG THÁP                       | ADC-2019.01   | 10.995   | 1.099.500.000           |
| 1556 | 10.400                  | 1C          | LÊ THỊ MINH TÂM      | 2/14 ĐƯỜNG 9, KP4, P AN KHÁNH, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                            | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1557 | 10.403                  | 1C          | VŨ QUỐC HUY          | 22/280B TRẦN NGUYỄN HẰNG, NIỆM NGHĨA, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                    | ADC-2019.01   | 4.030    | 403.000.000             |
| 1558 | 10.419                  | 1C          | HÀ THỊ MAI           | TDP SỐ 7 PHÙ MỸ, PHƯỜNG MỸ ĐÌNH 2, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI                      | ADC-2019.01   | 1.999    | 199.900.000             |
| 1559 | 10.432                  | 1C          | TRẦN VĂN QUANG       | TỔ 3 TRUNG HÒA, Q. CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                         | ADC-2019.01   | 3.393    | 339.300.000             |
| 1560 | 10.448                  | 1C          | PHẠM THỊ KIM LOAN    | 12 ĐƯỜNG THANH, CỬA ĐÔNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 3.095    | 309.500.000             |
| 1561 | 10.454                  | 1C          | TRẦN THỊ THÚY LINH   | 125 CAO XUÂN DỤC, P THUẬN PHƯỚC, QUẬN HẢI CHÂU, TP DÀ NẴNG                  | ADC-2019.01   | 2.490    | 249.000.000             |
| 1562 | 10.466                  | 1C          | ĐẶNG VĂN CHIẾN       | 451/36 PHẠM THẾ HIẾN, PHƯỜNG 03, QUẬN 8, TP HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2019.01   | 2.409    | 240.900.000             |
| 1563 | 10.502                  | 1C          | TRẦN DUY TÂM         | 25 BÙI THỊ XUÂN, P. BẾN THÀNH, Q1, TP.HCM                                   | ADC-2019.01   | 2.982    | 298.200.000             |
| 1564 | 10.527                  | 1C          | PHAN VĂN NGỌC        | 127/57 NỊ SỰ HUỲNH LIÊN, P10, Q TÂN BÌNH, TP.HCM                            | ADC-2019.01   | 5.055    | 505.500.000             |
| 1565 | 10.550                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THU HIỀN  | 16 9 BẮC BIÊN, NGỌC THUY, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 1.984    | 198.400.000             |
| 1566 | 10.559                  | 1C          | LƯƠNG VĂN THÍNH      | 613/3 NGUYỄN THÁI HỌC, P. NGUYỄN VĂN CỨ, TP QUY NHƠN, T BÌNH ĐỊNH           | ADC-2019.01   | 5.950    | 595.000.000             |
| 1567 | 10.561                  | 1C          | DƯƠNG THỊ MINH LOAN  | 27/9 LÊ TRỌNG TẤN P SƠN KỶ Q TÂN PHÚ TPHCM                                  | ADC-2019.01   | 1.960    | 196.000.000             |
| 1568 | 10.575                  | 1C          | NGUYỄN KHOA SƠN      | 26 ĐƯỜNG 3643C PHẠM THẾ HIẾN PHƯỜNG 7 QUẬN 8 TPHCM                          | ADC-2019.01   | 2.180    | 218.000.000             |
| 1569 | 10.611                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THU HẰNG  | 21 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                          | ADC-2019.01   | 1.980    | 198.000.000             |
| 1570 | 10.655                  | 1C          | NGUYỄN NGỌC TUẤN     | 204/1 CMT8 PHƯỜNG 10, QUẬN 3, TPHCM                                         | ADC-2019.01   | 2.174    | 217.400.000             |
| 1571 | 10.659                  | 1C          | NGUYỄN THANH HẢI     | 35 ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 4, QUẬN 8, TPHCM                                      | ADC-2019.01   | 4.981    | 498.100.000             |
| 1572 | 10.663                  | 1C          | PHAN THỊ NẾT         | 6 CỐNG HỘP, RẠCH BỪNG BÌNH, PHƯỜNG 10, QUẬN 3, TPHCM                        | ADC-2019.01   | 2.469    | 246.900.000             |
| 1573 | 10.700                  | 1C          | TRẦN THỊ THẢO        | 28 PHAN ĐÌNH PHÙNG - HẠ LỸ - HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG                          | ADC-2019.01   | 1.998    | 199.800.000             |
| 1574 | 10.718                  | 1C          | PHẠM THÀNH QUỚI      | 275/2A Âu Cơ, Phường 05, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh                           | ADC-2019.01   | 49.300   | 4.930.000.000           |
| 1575 | 10.731                  | 1C          | PHẠM ĐÌNH HIỀN       | P BỒ XUYẾN, TP THÁI BÌNH, T THÁI BÌNH                                       | ADC-2019.01   | 2.060    | 206.000.000             |
| 1576 | 10.738                  | 1C          | NGUYỄN HUỲNH BÍCH HÀ | 472-473 NGUYỄN THÁI HỌC, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 2.906    | 290.600.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                           | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1577 | 10.748                  | 1C          | TRẦN THỊ THÚY VÂN    | 435B/158 ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, TP.HCM                    | ADC-2019.01   | 1.991    | 199.100.000             |
| 1578 | 10.750                  | 1C          | ĐẶNG VŨ NGỌC MAI     | 6/57 ĐƯỜNG SỐ 3, CỤ XÁ LỮ GIA, PHƯỜNG 15, QUẬN 11, TP HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 2.463    | 246.300.000             |
| 1579 | 10.773                  | 1C          | PHẠM PHƯƠNG NHI      | 35 BÊN VÂN ĐỒN, PHƯỜNG 12, QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH           | ADC-2019.01   | 3.938    | 393.800.000             |
| 1580 | 10.785                  | 1C          | NGUYỄN VĂN BẮN       | SỐ 479 LĨNH NAM, P LĨNH NAM, Q HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI               | ADC-2019.01   | 1.948    | 194.800.000             |
| 1581 | 10.786                  | 1C          | ĐOÀN THỰC PHẦN       | 343/18 VĨNH VIỄN, PHƯỜNG 05, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 4.894    | 489.400.000             |
| 1582 | 10.807                  | 1C          | LÊ KIM UYÊN          | 157B TRẦN VĂN ĐANG PHƯỜNG 11, QUẬN 3, TP.HCM                      | ADC-2019.01   | 5.263    | 526.300.000             |
| 1583 | 10.810                  | 1C          | VŨ VĂN HÙNG          | 28 KP1, PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH    | ADC-2019.01   | 7.833    | 783.300.000             |
| 1584 | 10.824                  | 1C          | NGÔ ANH DŨNG         | SỐ 117 LÊ DUẨN, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 1.968    | 196.800.000             |
| 1585 | 10.840                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH     | SỐ 19 CẦU ĐẤT, P CHƯƠNG DƯƠNG, Q HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                | ADC-2019.01   | 3.174    | 317.400.000             |
| 1586 | 10.856                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HUỖN      | THO MÔN P ĐÌNH BẮNG TX TỪ SƠN T BẮC NINH VN                       | ADC-2019.01   | 1.966    | 196.600.000             |
| 1587 | 10.858                  | 1C          | PHẠM THỊ THANH THÚY  | 390 PHẠM VĂN CHÍ PHƯỜNG 4 QUẬN 6 TP.HCM                           | ADC-2019.01   | 2.320    | 232.000.000             |
| 1588 | 10.861                  | 1C          | NGUYỄN THỊ MINH      | SỐ 399 NGÕ QUYÊN, ĐÀ NẴNG                                         | ADC-2019.01   | 14.729   | 1.472.900.000           |
| 1589 | 10.867                  | 1C          | VŨ LỆ HẰNG           | 95B TỔ 25 THANH LƯƠNG, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                       | ADC-2019.01   | 10.809   | 1.080.900.000           |
| 1590 | 10.918                  | 1C          | NGUYỄN TUẤN ANH      | TỔ 11B, ĐỨC XUÂN, TP BẮC CẠN, BẮC CẠN                             | ADC-2019.01   | 1.968    | 196.800.000             |
| 1591 | 10.936                  | 1C          | HOÀNG TƯ QUANG       | 08 CHU VĂN AN, P BÌNH THUẬN, Q.HẢI CHÂU, TP.ĐÀ NẴNG               | ADC-2019.01   | 1.963    | 196.300.000             |
| 1592 | 10.946                  | 1C          | NGUYỄN THỊ LOAN      | SỐ 17 NGÕ 143 TRUNG PHỤNG - ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI                      | ADC-2019.01   | 1.982    | 198.200.000             |
| 1593 | 10.993                  | 1C          | NGUYỄN VĂN PHƯỚC     | 352 NƠ TRANG LONG, PHƯỜNG 13, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HCM             | ADC-2019.01   | 1.920    | 192.000.000             |
| 1594 | 11.001                  | 1C          | TRẦN THỊ SỬU         | 54/2 BÀNH VĂN TRẦN, PHƯỜNG 7, TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH           | ADC-2019.01   | 6.411    | 641.100.000             |
| 1595 | 11.030                  | 1C          | NGUYỄN NGỌC ÁNH      | TỔ 41, KHÓM 3, PHƯỜNG 2, THÀNH PHỐ CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP            | ADC-2019.01   | 1.959    | 195.900.000             |
| 1596 | 11.031                  | 1C          | NGUYỄN NGỌC LUYẾN    | 158 CHU MẠNH TRINH, PHƯỜNG 8, TP.VŨNG TÀU                         | ADC-2019.01   | 1.959    | 195.900.000             |
| 1597 | 11.041                  | 1C          | QUẦN THỊ THANH LÝ    | 1707A MANDARIN GARDEN2 P TÂN MAI Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI            | ADC-2019.01   | 2.639    | 263.900.000             |
| 1598 | 11.088                  | 1C          | ĐÀO THỊ HUỆ          | TDP ĐỒNG, HẢI SƠN, ĐỒ SƠN, HẢI PHÒNG                              | ADC-2019.01   | 1.956    | 195.600.000             |
| 1599 | 11.121                  | 1C          | PHẠM HỒNG YẾN        | SỐ 7 NGÕ 8, P KIM MÃ, Q BA ĐÌNH, TP HÀ NỘI                        | ADC-2019.01   | 11.723   | 1.172.300.000           |
| 1600 | 11.125                  | 1C          | THÁI THỊ PHƯƠNG DUNG | TỔ 38, PHƯỜNG HÒA KHÊ, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG                    | ADC-2019.01   | 1.953    | 195.300.000             |
| 1601 | 11.133                  | 1C          | NGUYỄN THỊ HƯỜNG     | HỒI QUAN, X.TƯƠNG GIANG, TX.TỪ SƠN, T.BẮC NINH                    | ADC-2019.01   | 1.953    | 195.300.000             |
| 1602 | 11.149                  | 1C          | ĐỖ THỊ HẠNH          | TDP XUÂN MAI - THỊ TRẦN XUÂN MAI - CHƯƠNG MỸ - HÀ NỘI             | ADC-2019.01   | 1.953    | 195.300.000             |
| 1603 | 11.163                  | 1C          | ĐỖ THU HƯƠNG         | P401, A4 TT THANH XUÂN BẮC, THANH XUÂN BẮC, THANH XUÂN, HÀ NỘI    | ADC-2019.01   | 2.928    | 292.800.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                     | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1604 | 11.189                  | 1C          | PHẠM THỊ MINH VÂN    | 16 NỘI KHU MỸ TOÀN 2, P TÂN PHONG, QUẬN 7, TP HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2019.01   | 2.439    | 243.900.000             |
| 1605 | 11.252                  | 1C          | LÊ THỊ ĐẸP           | 39 ĐX 49, KHU 4, PHƯỜNG PHÚ MỸ, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.     | ADC-2019.01   | 14.681   | 1.468.100.000           |
| 1606 | 11.277                  | 1C          | TRẦN THỊ THANH LAN   | 102/51 Tó 74 Ngõ Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội        | ADC-2019.01   | 9.721    | 972.100.000             |
| 1607 | 11.312                  | 1C          | VŨ BÍCH HẰNG         | 43 HẠO NAM, Ô CHỢ DỪA, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                                      | ADC-2019.01   | 14.584   | 1.458.400.000           |
| 1608 | 11.316                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THUẬN     | 23 TÂN PHƯỚC, PHƯỜNG 08, Q.TÂN BÌNH, TPHCM                                  | ADC-2019.01   | 6.680    | 668.000.000             |
| 1609 | 11.317                  | 1C          | TRẦN NGUYỄN UYÊN VY  | 54/15 ĐỒNG ĐEN, PHƯỜNG 14, TÂN BÌNH, TP HCM                                 | ADC-2019.01   | 1.943    | 194.300.000             |
| 1610 | 1.256                   | 1B          | HỒ THỊ MINH NGÀ      | TTXN LIÊN HIỆP DƯỢC HÀ NỘI, KIM LIÊN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                       | SET.H2025     | 2.074    | 207.400.000             |
| 1611 | 1.261                   | 1B          | LÊ KIM MINH          | NHƠN HÒA-THỊ XÃ AN NHƠN- TỈNH BÌNH ĐỊNH                                     | SET.H2025     | 3.473    | 347.300.000             |
| 1612 | 1.289                   | 1B          | Phạm Thị Lan         | A5 T0 46 P DỊCH VỌNG Q CẦU GIẤY TP HÀ NỘI                                   | SET.H2025     | 1.980    | 198.000.000             |
| 1613 | 1.294                   | 1B          | NGUYỄN KIM NHIÊN     | KINH TẾ, P.NHÀ MÁT, TP. BẠC LIÊU, BẠC LIÊU                                  | SET.H2025     | 1.990    | 199.000.000             |
| 1614 | 1.317                   | 1B          | HỒ THỊ MỸ THUẬN      | KHOI 2, PHƯỜNG QUẬN BÀU, TP VINH, NGHỆ AN                                   | SET.H2025     | 3.052    | 305.200.000             |
| 1615 | 1.328                   | 1B          | NGUYỄN THỊ NGÀ       | 40 TÂN QUÝ P TÂN QUÝ Q TÂN PHÚ TPHCM                                        | SET.H2025     | 9.856    | 985.600.000             |
| 1616 | 1.336                   | 1B          | VŨ DIỆP TRÚC         | 909 BLOCK B CC AN KHANG P AN PHÚ QUẬN 2 TPHCM                               | SET.H2025     | 1.970    | 197.000.000             |
| 1617 | 1.353                   | 1B          | NGUYỄN ĐÌNH THÁI     | SỐ 70C TRẦN XUÂN SOẠN, P. NGÕ THỊ NHẬM, Q. HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI             | SET.H2025     | 4.700    | 470.000.000             |
| 1618 | 1.370                   | 1B          | NGUYỄN TRẦN TUYẾT HẠ | 46/9 LÊ THÁNH TÔN P. LỘC THỌ TP. NHA TRANG T. KHÁNH HÒA                     | SET.H2025     | 2.947    | 294.700.000             |
| 1619 | 1.374                   | 1B          | ĐỖ MINH DƯƠNG        | ẤP HÒA KHÁNH, XÃ HÒA AN, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP                            | SET.H2025     | 1.968    | 196.800.000             |
| 1620 | 1.404                   | 1B          | VŨ THỊ HÒA           | 26 Yên Thế, Phường 02, Q.Tân Bình, TPHCM.                                   | SET.H2025     | 11.463   | 1.146.300.000           |
| 1621 | 1.415                   | 1B          | NGUYỄN THỊ KIM CHÌ   | 70/16 ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 16, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.            | SET.H2025     | 10.390   | 1.039.000.000           |
| 1622 | 1.468                   | 1B          | NGUYỄN THỊ DIỄM THÚY | TỔ 05 XUÂN HÀ, THANH KHÊ, ĐÀ NẴNG                                           | SET.H2025     | 9.766    | 976.600.000             |
| 1623 | 1.472                   | 1B          | ĐÀO MINH HẢO         | 5/37 CHÙA HÀNG, P. HỒ NAM, Q. LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                            | SET.H2025     | 4.736    | 473.600.000             |
| 1624 | 1.491                   | 1B          | KHA HOÀNG XUÂN       | 001 LÔ C, CƯ XÁ THANH ĐA, PHƯỜNG 27, QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | SET.H2025     | 2.925    | 292.500.000             |
| 1625 | 1.518                   | 1B          | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN  | SỐ 3 PHỐ HUẾ, HÀ NỘI                                                        | SET.H2025     | 2.978    | 297.800.000             |
| 1626 | 1.524                   | 1B          | PHẠM HUY DŨNG        | SỐ 62/618 NGÕ GIA TỰ P THANH TỐ Q HẢI AN TP HẢI PHÒNG                       | SET.H2025     | 4.651    | 465.100.000             |
| 1627 | 1.533                   | 1B          | TRẦN THỊ KIM CHÌ     | 5/74A ẤP 1 ĐỒNG THANH HỒC MÔN HCM                                           | SET.H2025     | 6.775    | 677.500.000             |
| 1628 | 1.545                   | 1B          | TRẦN XUÂN TỰA        | 137 TẠ UYÊN, PHƯỜNG 4, QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                       | SET.H2025     | 6.738    | 673.800.000             |
| 1629 | 1.550                   | 1B          | NGUYỄN THỊ HẠ QUYÊN  | TỔ 1, ẤP 7 BÀU CẠN, LONG THÀNH, ĐỒNG NAI                                    | SET.H2025     | 3.839    | 383.900.000             |
| 1630 | 1.655                   | 1B          | TRẦN THỊ HẢI VINH    | 327/21/17 TỈNH LỘ 10, P AN LẠC A, Q. BÌNH TÂN, TPHCM                        | SET.H2025     | 2.901    | 290.100.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                                    | Mã tài liệu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------|
| 1631 | 1.566                   | 1B          | NGUYỄN THỊ HÀ GIANG   | 601/1 CMT8 PHƯỜNG 15 QUẬN 10 TPHCM                                                         | SET.H2025   | 2.896    | 289.600.000             |
| 1632 | 1.597                   | 1B          | HOÀNG THỊ DANH        | 580/18B PHẠM VĂN CHÍ, PHƯỜNG 8, QUẬN 6, TP HỒ CHÍ MINH.                                    | SET.H2025   | 4.100    | 410.000.000             |
| 1633 | 1.640                   | 1B          | NGUYỄN THỊ LOAN       | 437/11 HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                       | SET.H2025   | 3.850    | 385.000.000             |
| 1634 | 1.641                   | 1B          | ĐỖ THỊ NGỌC DUNG      | 27/13/3 ĐƯỜNG 27 KHU PHỐ 9, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH, QUẬN THỦ ĐỨC, TPHCM                    | SET.H2025   | 5.800    | 580.000.000             |
| 1635 | 1.642                   | 1B          | VÕ VĂN BÀ             | VĨNH THÀNH, XÃ CÁT TÀI, HUYỆN PHÚ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH                                      | SET.H2025   | 3.847    | 384.700.000             |
| 1636 | 1.650                   | 1B          | HỒ THỊ HỒNG LAN       | 671 NGUYỄN KIỂM PHƯỜNG 9, QUẬN PHÚ NHUẬN, TPHCM                                            | SET.H2025   | 7.690    | 769.000.000             |
| 1637 | 1.652                   | 1B          | NGUYỄN TẤN PHÚC       | 25/5B2 KP10, P TÂN CHÁNH HIỆP, QUẬN 12, TPHCM                                              | SET.H2025   | 4.806    | 480.600.000             |
| 1638 | 1.666                   | 1B          | NGUYỄN THỊ BẮC        | TỔ 9 THANH TRÌ, QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI                                                  | SET.H2025   | 1.922    | 192.200.000             |
| 1639 | 1.667                   | 1B          | NGUYỄN THỊ THỊ        | 38 PHỐ HUẾ, HÀNG BÀI, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                                    | SET.H2025   | 2.210    | 221.000.000             |
| 1640 | 1.682                   | 1B          | PHAN THỊ THANH HOA    | 168/4 ẤP THỜI TÂY 2, TÂN HIỆP, HỒC MÔN, TP. HỒ CHÍ MINH                                    | SET.H2025   | 4.014    | 401.400.000             |
| 1641 | 1.687                   | 1B          | PHAN VĂN NGỌC         | 127/57 NƠI SỰ HUỲNH LIÊN, P10, Q TÂN BÌNH, TP.HCM                                          | SET.H2025   | 2.296    | 229.600.000             |
| 1642 | 1.691                   | 1B          | DƯƠNG THỊ MINH LOAN   | 27/9 LÊ TRỌNG TẤN P SƠN KỶ Q TÂN PHÚ TPHCM                                                 | SET.H2025   | 3.003    | 300.300.000             |
| 1643 | 1.710                   | 1B          | NGUYỄN THANH HẢI      | 35 ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 4, QUẬN 8, TPHCM                                                     | SET.H2025   | 4.960    | 496.000.000             |
| 1644 | 1.725                   | 1B          | PHẠM THÀNH QUỚI       | 275/2A Ấp Cơ, Phường 05, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh                                          | SET.H2025   | 49.750   | 4.975.000.000           |
| 1645 | 1.819                   | 1B          | NGUYỄN HOÀNG TẤN      | 324 BẮC HẢI PHƯỜNG 6 QUẬN TÂN BÌNH TP HỒ CHÍ MINH                                          | SET.H2025   | 4.854    | 485.400.000             |
| 1646 | 1.822                   | 1B          | LÊ NGỌC THẢO          | 159/34 ĐOÀN VĂN BƠ, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, TP HCM                                              | SET.H2025   | 4.575    | 457.500.000             |
| 1647 | 1.842                   | 1B          | NGUYỄN ĐỨC TIẾN       | 09 ĐƯỜNG 4, TỔ 6, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | SET.H2025   | 4.882    | 488.200.000             |
| 1648 | 1.846                   | 1B          | ĐỖ MINH PHƯƠNG        | Số 1 NGÕ 15/24 P PHƯƠNG MAI Q DONG DA TP HA NOI                                            | SET.H2025   | 1.953    | 195.300.000             |
| 1649 | 1.851                   | 1B          | TRẦN THỊ DIỆP         | 90 QL1K P LINH XUÂN TP THỦ ĐỨC TPHCM                                                       | SET.H2025   | 9.280    | 928.000.000             |
| 1650 | 1.852                   | 1B          | BÙI TRƯƠNG THU THẢO   | 8/1A CHÁNH HƯNG, PHƯỜNG 4, QUẬN 8, TP. HỒ CHÍ MINH                                         | SET.H2025   | 9.790    | 979.000.000             |
| 1651 | 1.894                   | 1B          | TRỊNH THỊ HỒNG        | 22 HỒ TÙNG MẬU K TÂN THUẬN P AN HOÀ TP SA ĐÉC T ĐỒNG THÁP VN                               | SET.H2025   | 4.878    | 487.800.000             |
| 1652 | 1.928                   | 1B          | ĐỖ THỊ MINH HOÀI      | 27/19A DƯƠNG QUẢNG HÀM, P. PHƯỚC LONG, TP.NHA TRANG, T.KHÁNH HÒA                           | SET.H2025   | 6.411    | 641.100.000             |
| 1653 | 1.945                   | 1B          | PHẠM THỊ MAI          | 120B HÀNG BÔNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                                          | SET.H2025   | 1.952    | 195.200.000             |
| 1654 | 1.952                   | 1B          | NGUYỄN VŨ HOÀI THƯƠNG | 28 TẦNG 1 TRẦN BÌNH, PHƯỜNG 02, QUẬN 06, TP. HỒ CHÍ MINH                                   | SET.H2025   | 10.000   | 1.000.000.000           |
| 1655 | 1.956                   | 1B          | TRẦN THỊ HOA          | 224 B PASTEUR PHƯỜNG VŨ THỊ SÁU, QUẬN 3, HỒ CHÍ MINH                                       | SET.H2025   | 5.171    | 517.100.000             |
| 1656 | 1.960                   | 1B          | HỒ HOÀI DIỄM PHƯƠNG   | 234/1B BẠCH ĐẰNG PHƯỜNG 24 Q BÌNH THẠNH TP HCM                                             | SET.H2025   | 1.960    | 196.000.000             |



| STT  | SET THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên                  | Địa chỉ                                                                             | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1657 | 1.984                   | 1B          | NGUYỄN XUÂN ANH            | K02/16 TRƯỜNG CHÍ CƯỜNG, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                                          | SET.H2025     | 3.409    | 340.900.000             |
| 1658 | 2.003                   | 1B          | NGUYỄN THỊ THƠM            | 459 BẠCH MAI, TRƯỜNG ĐỊNH, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                                     | SET.H2025     | 2.991    | 299.100.000             |
| 1659 | 2.012                   | 1B          | HUỶNH VĂN MỘNG             | 110/20/14 BÀ HOM, PHƯỜNG 13, QUẬN 6, TP HỒ CHÍ MINH                                 | SET.H2025     | 2.500    | 250.000.000             |
| 1660 | 2.013                   | 1B          | HOLBRECHTS JEAN-LOUIS PIER | MƯỜNG THANH VIÊN TRIỀU, VINH PHƯỚC, NHA TRANG, KHÁNH HÒA                            | SET.H2025     | 1.979    | 197.900.000             |
| 1661 | 2.017                   | 1B          | TRẦN TỔ ANH                | 50/1 BÌNH TÂY PHƯỜNG 01 QUẬN 06 TP.HỒ CHÍ MINH                                      | SET.H2025     | 4.860    | 486.000.000             |
| 1662 | 2.043                   | 1B          | NGUYỄN NGỌC NHI            | ẤP CHỢ, THANH TUYẾN, DẦU TIẾNG, BÌNH DƯƠNG                                          | SET.H2025     | 6.500    | 650.000.000             |
| 1663 | 2.045                   | 1B          | PHẠM NGUYỄN HUYỀN TRẦN     | 35/19 ĐAI NGHĨA, PHƯỜNG 06, TÂN BÌNH, TP.HCM                                        | SET.H2025     | 1.938    | 193.800.000             |
| 1664 | 2.058                   | 1B          | DƯƠNG THỊ MINH NGỌC        | SỐ 61 ĐƯỜNG 82, P TÂY THẠNH, Q TÂN PHÚ, TPHCM                                       | SET.H2025     | 5.322    | 532.200.000             |
| 1665 | 2.091                   | 1B          | DƯƠNG THỊ MINH THƯ         | 276/52/12 THỐNG NHẤT, PHƯỜNG 16, Q.GÒ VẤP, TP.HCM, VIỆT NAM                         | SET.H2025     | 4.828    | 482.800.000             |
| 1666 | 2.095                   | 1B          | LÊ THỊ HUYỀN NGÀ           | 9 NGÁCH 79/13 ĐỘI CÁN PHƯỜNG ĐỘI CÁN QUẬN BA ĐÌNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI VIỆT NAM         | SET.H2025     | 4.344    | 434.400.000             |
| 1667 | 2.155                   | 1B          | NGUYỄN THỊ HOAN            | TỔ 04 KHU QUẢN SỞI, DƯ HÀNG KÊNH, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                | SET.H2025     | 1.924    | 192.400.000             |
| 1668 | 2.172                   | 1B          | HẮC XUÂN HÙNG              | 212/12A8 NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN 1, TPHCM                         | SET.H2025     | 1.919    | 191.900.000             |
| 1669 | 2.184                   | 1B          | NGÔ KIM LUÔN               | 15/20 LÝ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG 04, GÒ VẤP, TP.HỒ CHÍ MINH                             | SET.H2025     | 2.757    | 275.700.000             |
| 1670 | 2.197                   | 1B          | NGUYỄN NGỌC LIÊN HOA       | 27 ĐƯỜNG 6, KDC BÌNH ĐĂNG, P6, Q8, TP.HCM                                           | SET.H2025     | 7.723    | 772.300.000             |
| 1671 | 2.237                   | 1B          | TRẦN THỊ THANH LAN         | 376 NGUYỄN THỊ MINH KHAI, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                          | SET.H2025     | 2.000    | 200.000.000             |
| 1672 | 2.247                   | 1B          | TĂNG XUÂN THỦY             | 130 C/C 1 BÀU CÁT ĐỒNG ĐEN, P14, TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                           | SET.H2025     | 2.998    | 299.800.000             |
| 1673 | 2.258                   | 1B          | TRẦN THỊ CÚC               | 227 LÝ TRIỂN, P. AN KHÉ, Q. THANH KHÉ, TP. ĐÀ NẴNG                                  | SET.H2025     | 1.996    | 199.600.000             |
| 1674 | 2.271                   | 1B          | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG       | P801 CC HACISCO SỐ 15 NGÕ 107 NGUYỄN CHÍ THANH - P LẮNG HẠ -Q ĐỒNG ĐA -TP HÀ NỘI VN | SET.H2025     | 3.294    | 329.400.000             |
| 1675 | 2.296                   | 1B          | LÊ THỊ THU TRANG           | 56C AN DƯƠNG VƯƠNG, P.16, Q.8, TP.HCM                                               | SET.H2025     | 2.796    | 279.600.000             |
| 1676 | 2.340                   | 1B          | NGUYỄN TRỌNG THỦY          | 2/27/90 ĐƯỜNG 208 - AN DƯƠNG - AN ĐỒNG - HẢI PHÒNG                                  | SET.H2025     | 4.970    | 497.000.000             |
| 1677 | 2.357                   | 1B          | LÊ THỊ PHƯƠNG              | Tổ 4, P QUAN HÒA, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI                                             | SET.H2025     | 2.086    | 208.600.000             |
| 1678 | 2.378                   | 1B          | VŨ THỊ HẠNH                | 49 HẸM 173/68/81 ĐƯỜNG HOÀNG HOA THÁM, NGỌC HÀ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                     | SET.H2025     | 9.917    | 991.700.000             |
| 1679 | 2.383                   | 1B          | NGUYỄN THỊ THƯ             | CỔ ĐIỂN A XÃ TỰ HIỆP H THANH TRÌ TP HÀ NỘI VN                                       | SET.H2025     | 5.949    | 594.900.000             |
| 1680 | 2.388                   | 1B          | VŨ THỊ MÔI                 | 139 ĐƯỜNG T6, TÂY THẠNH, TÂN PHÚ, HỒ CHÍ MINH                                       | SET.H2025     | 4.270    | 427.000.000             |
| 1681 | 2.390                   | 1B          | NGUYỄN THỊ NINH            | SỐ 3 NGÕ 103, P TRƯỜNG ĐỊNH, Q HAI BÀ TRUNG, TP HÀ NỘI                              | SET.H2025     | 4.958    | 495.800.000             |
| 1682 | 2.397                   | 1B          | LÊ THỊ NGỌC NỞ             | 7/2 ẤP 3 XÃ NHƠN ĐỨC H NHÀ BÈ TPHCM                                                 | SET.H2025     | 4.955    | 495.500.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                        | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1683 | 2.411                   | 1B          | NGUYỄN NGỌC THU      | TỔ 2, ẤP 8, BÌNH MỸ, CỬ CHI, TP.HCM                                            | SET.H2025     | 2.971    | 297.100.000             |
| 1684 | 2.414                   | 1B          | PHẠM THỊ HẠNH        | 45 NGUYỄN THÁI HỌC, ĐIỆN BIÊN, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                                 | SET.H2025     | 2.317    | 231.700.000             |
| 1685 | 7.520                   | 1D          | TRƯƠNG TRỌNG HOÀNG   | 40B PHAN LIÊM, ĐÀ KAO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09   | 1.957    | 195.700.000             |
| 1686 | 7.551                   | 1D          | NGUYỄN THẾ CƯỜNG     | 7/20 ĐIỆN BIÊN PHỦ, MÁY TƠ, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                               | ADC-2018.09   | 1.937    | 193.700.000             |
| 1687 | 7.552                   | 1D          | ĐOÀN TRÍ DŨNG        | 23D C/X PHÚ LÂM D, PHƯỜNG 10, QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09   | 2.006    | 200.600.000             |
| 1688 | 7.565                   | 1D          | ĐẶNG TRẦN HỒNG LIÊN  | 39 TỰ LẬP, PHƯỜNG 4, TÂN BÌNH, TP HCM                                          | ADC-2018.09   | 1.936    | 193.600.000             |
| 1689 | 7.572                   | 1D          | CAO THỊ MẾN          | 36A HÀNG BÔNG, P HÀNG GAI, Q HOÀN KIẾM, TP HÀ NỘI                              | ADC-2018.09   | 1.930    | 193.000.000             |
| 1690 | 7.610                   | 1D          | CHÂU THÀNH TÍN       | 664/76 NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09   | 5.939    | 593.900.000             |
| 1691 | 7.613                   | 1D          | NGUYỄN LIÊN HƯƠNG    | E25-12B-A02 BELLEZA, KP2, PHƯỜNG PHÚ MỸ, QUẬN 7, TPHCM                         | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 1692 | 7.662                   | 1D          | PHẠM THỊ THANH TUYẾT | 109/47 ẤP MỚI 2, XÃ TRUNG CHÁNH, HUYỆN HÓC MÔN, TPHCM                          | ADC-2018.09   | 3.826    | 382.600.000             |
| 1693 | 7.684                   | 1D          | ĐỖ THỊ TUYẾT PHI     | 138/6 ĐUY TÂN, P13, PN, TP. HỒ CHÍ MINH                                        | ADC-2018.09   | 1.928    | 192.800.000             |
| 1694 | 7.696                   | 1D          | ĐOÀN NGỌC KIM CƯỜNG  | 125F DƯƠNG TỬ GIANG PHƯỜNG 15 QUẬN 5 TPHCM                                     | ADC-2018.09   | 1.928    | 192.800.000             |
| 1695 | 7.705                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MINH      | ẤP PHÚ HƯNG, XÃ LONG KHÁNH, TX. CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG                       | ADC-2018.09   | 2.892    | 289.200.000             |
| 1696 | 7.706                   | 1D          | NGUYỄN CÔNG TRÙ      | 36/5 ĐƯỜNG ĐỒNG KHỚP, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                  | ADC-2018.09   | 11.631   | 1.163.100.000           |
| 1697 | 7.727                   | 1D          | HOÀNG THỊ THANH HOA  | 42/17 BÙI THỊ XUÂN, PHƯỜNG 2, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM                            | ADC-2018.09   | 3.226    | 322.600.000             |
| 1698 | 7.731                   | 1D          | LÊ CÔNG TỬ           | P111 D5 TT ĐÌNH THANH XUÂN BẮC, THANH XUÂN, HÀ NỘI                             | ADC-2018.09   | 2.985    | 298.500.000             |
| 1699 | 7.732                   | 1D          | PHẠM THỊ HÒA BÌNH    | 76/51 ĐƯỜNG 19, KP4 P LINH CHIẾU Q THỦ ĐỨC TPHCM                               | ADC-2018.09   | 11.786   | 1.178.600.000           |
| 1700 | 7.771                   | 1D          | TRỊNH XUÂN GIAI      | 187/4 K LÊ VĂN KHƯƠNG PHƯỜNG HIỆP THÀNH QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH          | ADC-2018.09   | 2.887    | 288.700.000             |
| 1701 | 7.805                   | 1D          | NGUYỄN THỊ YẾN VÂN   | SỐ 68/108 CÁT CỤT, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG                                          | ADC-2018.09   | 4.320    | 432.000.000             |
| 1702 | 7.854                   | 1D          | ĐÌNH TRỌNG CUNG      | Số 4 NGO 16 NGUYEN PHUC LAI, P Ô CHỢ DỪA, Q ĐỐNG ĐA, TP HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 1.975    | 197.500.000             |
| 1703 | 7.860                   | 1D          | TRỊNH QUỐC VINH      | 562/25/2 LÊ QUANG ĐỊNH, PHƯỜNG 1, GÒ VẤP, TPHCM                                | ADC-2018.09   | 2.565    | 256.500.000             |
| 1704 | 7.927                   | 1D          | THẠCH ÍCH QUỐC       | 33 LÂN ÔNG P HÀNG BỒ Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09   | 10.952   | 1.095.200.000           |
| 1705 | 7.947                   | 1D          | THẠCH NGỌC BĂNG      | 36/1 ĐƯỜNG 13, P LINH XUÂN, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2018.09   | 4.683    | 468.300.000             |
| 1706 | 7.965                   | 1D          | TRẦN THỊ NHƯ QUYÊN   | 214-216 NGUYỄN CƯ TRINH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 4.760    | 476.000.000             |
| 1707 | 8.010                   | 1D          | LÂM HẢI ĐÀO          | 211/20 NGUYỄN TRÃI, P. NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN 1, TP.HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 5.194    | 519.400.000             |
| 1708 | 8.025                   | 1D          | HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH  | 480/65/22 BÌNH QUẬN, PHƯỜNG 28, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM, TP                    | ADC-2018.09   | 4.991    | 499.100.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                                   | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1709 | 8.043                   | 1D          | HOÀNG NGỌC HẠNH       | 491/12 HUỖNH VĂN BÁNH PHƯỜNG 14 Q. PHÚ NHUẬN TP HCM                                       | ADC-2018.09   | 9.525    | 952.500.000             |
| 1710 | 8.069                   | 1D          | LÊ THỊ MỸ HUỆ         | 59/34/20 HOÀNG DIỆU, PHƯỜNG VĨNH NGUYỄN, TP. NHA TRANG, KHÁNH HÒA                         | ADC-2018.09   | 2.988    | 298.800.000             |
| 1711 | 8.084                   | 1D          | TRỊNH THỊ HẢO         | 254/39 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, PHƯỜNG 5, TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.                    | ADC-2018.09   | 2.600    | 260.000.000             |
| 1712 | 8.109                   | 1D          | NGUYỄN XUÂN ĐẠT       | 153/12/8 CAO THẮNG, PHƯỜNG 11, QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH                                   | ADC-2018.09   | 7.681    | 768.100.000             |
| 1713 | 8.110                   | 1D          | TRẦN THỊ HỒNG MINH    | SỐ 67 HOÀNG VĂN THỤ - P MINH KHAI - Q HỒNG BÀNG - TP HẢI PHÒNG                            | ADC-2018.09   | 3.578    | 357.800.000             |
| 1714 | 8.130                   | 1D          | LƯƠNG THỊ KHOA        | TỔ 21 KHU 3 TRUNG VƯƠNG ƯƠNG BÍ QUẢNG NINH                                                | ADC-2018.09   | 1.987    | 198.700.000             |
| 1715 | 8.171                   | 1D          | ĐỒNG THỊ ANH          | SỐ 22D/17/33 TÔN ĐỨC THẮNG P. TRẦN NGUYỄN HẮN Q. LÊ CHÂU TP HẢI PHÒNG                     | ADC-2018.09   | 4.712    | 471.200.000             |
| 1716 | 8.209                   | 1D          | LÊ THỊ ÁNH TUYẾT      | 254 TRẦN TẤT VÂN, P. TRẢNG MINH, Q. KIẾN AN, TP. HẢI PHÒNG                                | ADC-2018.09   | 10.000   | 1.000.000.000           |
| 1717 | 8.227                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG | 161 CỐNG QUỲNH, P. NGUYỄN CỬ TRINH, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH                               | ADC-2018.09   | 5.945    | 594.500.000             |
| 1718 | 8.245                   | 1D          | LÊ THỊ KIM HOA        | 24/17/20 Đường 23, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | ADC-2018.09   | 1.982    | 198.200.000             |
| 1719 | 8.252                   | 1D          | NGUYỄN VĂN ON         | 18 KHU PHỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A, QUẬN BÌNH TÂN, TP HCM                               | ADC-2018.09   | 4.950    | 495.000.000             |
| 1720 | 8.263                   | 1D          | PHẠM XUÂN BA          | SỐ 20A10 ĐỒNG TÂM, P. LẠCH TRAY, Q. NGŨ QUYÊN, TP. HẢI PHÒNG                              | ADC-2018.09   | 1.980    | 198.000.000             |
| 1721 | 8.265                   | 1D          | LÊ THỊ LIÊN HƯƠNG     | 3/20 HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG MINH KHAI, QUẬN HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG                        | ADC-2018.09   | 10.866   | 1.086.600.000           |
| 1722 | 8.272                   | 1D          | TRẦN HUỖN NGÀ         | 38 YÊN BÁI 1 PHỐ HUẾ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                                | ADC-2018.09   | 14.849   | 1.484.900.000           |
| 1723 | 8.282                   | 1D          | PHẠM VĂN ĐÓN          | THÔN 9 HÒA BÌNH, VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG                                                      | ADC-2018.09   | 2.970    | 297.000.000             |
| 1724 | 8.297                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH LÝ   | 218/29/15 BUI THỊ XUÂN, PHƯỜNG 3, Q. TÂN BÌNH, HCM                                        | ADC-2018.09   | 21.669   | 2.166.900.000           |
| 1725 | 8.307                   | 1D          | HOÀNG THỊ THỦY        | KHOI 10, PHƯỜNG QUANG TRUNG, TP VINH, NGHỆ AN                                             | ADC-2018.09   | 4.947    | 494.700.000             |
| 1726 | 8.327                   | 1D          | ĐINH THỊ LAN          | SỐ 25/31 BÊN BÌNH, MINH KHAI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                        | ADC-2018.09   | 5.077    | 507.700.000             |
| 1727 | 8.332                   | 1D          | TỬ MINH HÒA           | 85/14 BÌNH THUẬN 2, THUẬN GIAO, THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG                                      | ADC-2018.09   | 1.979    | 197.900.000             |
| 1728 | 8.347                   | 1D          | PHẠM THỊ KIM LÂN      | 135 TRƯỜNG ĐỊNH, P. TRƯỜNG ĐỊNH, Q. HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                  | ADC-2018.09   | 1.978    | 197.800.000             |
| 1729 | 8.378                   | 1D          | HOÀNG THỊ MINH TÂM    | 8 NỘI TỰ CHÙA VUA P. PHỐ HUẾ Q. HAI BÀ TRƯNG TP. HÀ NỘI VN                                | ADC-2018.09   | 2.174    | 217.400.000             |
| 1730 | 8.403                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THUỆ       | ĐẶNG CƯƠNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG                                                         | ADC-2018.09   | 2.781    | 278.100.000             |
| 1731 | 8.425                   | 1D          | NGUYỄN VĂN THỊN       | 48 THẾ LỬ, HẠ LỸ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                                    | ADC-2018.09   | 3.950    | 395.000.000             |
| 1732 | 8.431                   | 1D          | PHẠM THẮNG LONG       | 437/14 HOÀNG VĂN THỤ, P. 04, Q. TÂN BÌNH, TP HCM                                          | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1733 | 8.478                   | 1D          | HOÀNG NGỌC PHƯƠNG     | 174 BUI XƯƠNG TRẠCH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                                                   | ADC-2018.09   | 1.974    | 197.400.000             |



| STT  | STT theo<br>phụ lục<br>bản án | STT<br>phụ lục | Họ và tên           | Địa chỉ                                                                 | Mã trả phí  | Số lượng | Số tiền được<br>bồi thường |
|------|-------------------------------|----------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------------------|
| 1734 | 8.481                         | 1D             | NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA | 16A ĐÔNG PHƯỚC, PHƯỚC LONG,<br>NHÀ TRANG, KHÁNH HÒA                     | ADC-2018.09 | 3.011    | 301.100.000                |
| 1735 | 8.493                         | 1D             | LÊ MINH QUÂN        | 19 ĐƯỜNG 7A P TĂNG NHƠN PHÚ B.<br>QUẬN 9 TPHCM                          | ADC-2018.09 | 4.928    | 492.800.000                |
| 1736 | 8.511                         | 1D             | TRẦN THỊ BẠCH TUYẾT | 90 ĐƯỜNG SỐ 10, P. BÌNH HƯNG HOÀ<br>A, Q. BÌNH TÂN, TP. HCM             | ADC-2018.09 | 1.971    | 197.100.000                |
| 1737 | 8.515                         | 1D             | PHẠM TUYẾT NHUNG    | 44C/275 LÊ LỢI, LÊ LỢI, NGÕ QUYỀN,<br>HẢI PHÒNG                         | ADC-2018.09 | 2.266    | 226.600.000                |
| 1738 | 8.546                         | 1D             | NGÕ THỊ NGỨNG       | 59/202 MIẾU HAI XÃ, P. DƯ HÀNG<br>KÊNH, Q. LÊ CHÂN, TP HẢI PHÒNG        | ADC-2018.09 | 3.775    | 377.500.000                |
| 1739 | 8.577                         | 1D             | HỒ THỊ THANH HƯƠNG  | Số nhà 47 ngách 612/34 đường La<br>Thành, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội     | ADC-2018.09 | 5.208    | 520.800.000                |
| 1740 | 8.580                         | 1D             | NGUYỄN XUÂN TRỌNG   | 43 NGÕ 162 ĐỘI CÁN, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09 | 1.967    | 196.700.000                |
| 1741 | 8.583                         | 1D             | TRỊNH QUỐC CÔNG     | SỐ 65A QUỐC TỬ GIÁM, HÀ NỘI                                             | ADC-2018.09 | 1.990    | 199.000.000                |
| 1742 | 8.604                         | 1D             | NGUYỄN BÍCH HUYỀN   | SỐ 1/87 ĐƯỜNG HỒNG BÀNG,<br>PHƯỜNG SỎ DẦU, QUẬN HỒNG BÀNG,<br>HẢI PHÒNG | ADC-2018.09 | 1.966    | 196.600.000                |
| 1743 | 8.614                         | 1D             | TÔ THANH HÒA        | 42/4C ĐÌNH TÂN KHAI, PHƯỜNG BÌNH<br>TRỊ ĐÔNG A, QUẬN BÌNH TÂN, TPHCM    | ADC-2018.09 | 1.971    | 197.100.000                |
| 1744 | 8.617                         | 1D             | TRƯƠNG TIẾN ĐỨC     | KHU TẬP THỂ ĐOÀN 295 ĐỒ SƠN, HẢI<br>PHÒNG                               | ADC-2018.09 | 6.384    | 638.400.000                |
| 1745 | 8.620                         | 1D             | LÝ THANH TÂM        | KP BÌNH GIAO, P. THUẬN GIAO, THUẬN<br>AN, BÌNH DƯƠNG                    | ADC-2018.09 | 4.942    | 494.200.000                |
| 1746 | 8.623                         | 1D             | PHẠM THỊ MAI HƯƠNG  | P33-A2 TT GIẢNG VÕ, P.GIẢNG VÕ, BA<br>ĐÌNH, HÀ NỘI                      | ADC-2018.09 | 2.210    | 221.000.000                |
| 1747 | 8.625                         | 1D             | NGUYỄN THỊ MÂY      | 5 VAN DON P BẠCH ĐẰNG Q HAI BÀ<br>TRƯNG TP HÀ NỘI VN                    | ADC-2018.09 | 4.911    | 491.100.000                |
| 1748 | 8.645                         | 1D             | PHẠM VĂN THỊNH      | 1/7 HOÀNG VIỆT, PHƯỜNG 4, QUẬN<br>TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH              | ADC-2018.09 | 2.946    | 294.600.000                |
| 1749 | 8.667                         | 1D             | TRẦN THỊ LẠI        | 12/1 MINH KHAI, HỒNG BÀNG, HẢI<br>PHÒNG                                 | ADC-2018.09 | 1.963    | 196.300.000                |
| 1750 | 8.676                         | 1D             | PHẠM VĂN NGỌC       | SỐ 15/70 TRẦN KHÁNH DƯ P MÁY TƠ<br>Q NGÕ QUYỀN TP HẢI PHÒNG             | ADC-2018.09 | 2.650    | 265.000.000                |
| 1751 | 8.703                         | 1D             | NGUYỄN NGỌC KHÁNH   | 392/3 HAI BÀ TRƯNG, PHƯỜNG TÂN<br>ĐÌNH, QUẬN 1, HỒ CHÍ MINH             | ADC-2018.09 | 9.310    | 931.000.000                |
| 1752 | 8.706                         | 1D             | ĐẶNG LƯU HỒNG PHƯỚC | 133 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU PHƯỜNG 6<br>QUẬN 3 TPHCM                          | ADC-2018.09 | 1.980    | 198.000.000                |
| 1753 | 8.721                         | 1D             | NGUYỄN VĂN MAI      | 493A/170F CÁCH MANG THẮNG TẮM,<br>PHƯỜNG 13. QUẬN 10, HCM               | ADC-2018.09 | 4.456    | 445.600.000                |
| 1754 | 8.737                         | 1D             | HUỶNH THỊ KIM CƯƠNG | 3/10 HƯƠNG LỘ 13 P SƠN KÝ Q TÂN<br>PHÚ TPHCM                            | ADC-2018.09 | 19.565   | 1.956.500.000              |
| 1755 | 8.768                         | 1D             | VŨ VIỆT DUY         | 38 VAN BẢO, LIỄU GIAI, BA ĐÌNH, HÀ<br>NỘI                               | ADC-2018.09 | 9.565    | 956.500.000                |
| 1756 | 8.788                         | 1D             | TRẦN PHÚC KIM TRÂM  | 775 HẬU GIANG PHƯỜNG 11 QUẬN 6<br>TPHCM                                 | ADC-2018.09 | 1.958    | 195.800.000                |
| 1757 | 8.840                         | 1D             | LÊ THỊ HẢI PHÚ      | 159/31 BẠCH ĐẰNG, P.2, Q. TÂN BÌNH,<br>TP. HCM.                         | ADC-2018.09 | 3.000    | 300.000.000                |
| 1758 | 8.849                         | 1D             | VĂN THỊ HỒNG        | KHOI TÂN PHÚC, HƯNG PHÚC, VINH,<br>NGHỆ AN                              | ADC-2018.09 | 1.954    | 195.400.000                |
| 1759 | 8.897                         | 1D             | VŨ THỊ THANH LOAN   | SỐ 5 ĐƯỜNG HỒ THÀNH BIỂN<br>PHƯỜNG 4 QUẬN 8 TPHCM                       | ADC-2018.09 | 2.185    | 218.500.000                |
| 1760 | 8.907                         | 1D             | TRƯƠNG NGỌC YẾN     | 950/1 AN DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG<br>13 QUẬN 6 TPHCM                          | ADC-2018.09 | 1.950    | 195.000.000                |
| 1761 | 8.951                         | 1D             | ĐOÀN THỊ KIM DANH   | 86 KHUẾ THỪA DƯ, PHƯỜNG VINH<br>NIỆM, QUẬN LÊ CHÂN, TP. HẢI PHÒNG       | ADC-2018.09 | 1.950    | 195.000.000                |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                             | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1762 | 8.954                   | 1D          | NGUYỄN THỊ SONG THẢO   | 84A NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, P.ĐA KAO, QUẬN 1, TP.HCM.                    | ADC-2018.09   | 9.315    | 931.500.000             |
| 1763 | 8.973                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NHẬT TRANG  | Phường Hưng Phúc, Vinh, Nghệ An                                     | ADC-2018.09   | 3.000    | 300.000.000             |
| 1764 | 9.001                   | 1D          | BÙI VĂN HỘI            | THÔN TỈNH THỦY XÃ AN HOÀ HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG         | ADC-2018.09   | 2.433    | 243.300.000             |
| 1765 | 9.016                   | 1D          | TRẦN QUANG HUY         | 18 HÀNG VẢI, P HÀNG BỒ, Q HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                         | ADC-2018.09   | 13.139   | 1.313.900.000           |
| 1766 | 9.027                   | 1D          | TRẦN THỊ THÚY TRANG    | 25/15 NGUYỄN MINH CHÂU P PHÚ TRUNG Q TÂN PHÚ TPHCM                  | ADC-2018.09   | 5.748    | 574.800.000             |
| 1767 | 9.028                   | 1D          | LÊ THỊ NGỌC TRÂM       | 8 NGÁCH 432/1 PHỐ ĐỘI CÂN, CỐNG VỊ                                  | ADC-2018.09   | 1.912    | 191.200.000             |
| 1768 | 9.040                   | 1D          | NGUYỄN QUANG TIẾN      | 62/233 LÝ CHÍNH THẮNG, PHƯỜNG 8, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH            | ADC-2018.09   | 9.672    | 967.200.000             |
| 1769 | 9.055                   | 1D          | LÊ THỊ YẾN             | 377/51 LÊ QUANG ĐỊNH PHƯỜNG 5 Q BÌNH THẠNH TPHCM                    | ADC-2018.09   | 3.403    | 340.300.000             |
| 1770 | 9.106                   | 1D          | VÕ THỊ PHƯƠNG          | 1 N LÊ QUÝ ĐÓN PHƯỜNG 12 PHÚ NHUẬN TP HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2018.09   | 5.824    | 582.400.000             |
| 1771 | 9.124                   | 1D          | NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI   | 818/23/19 XÕ VIẾT NGHỆ TĨNH, P.25, Q. BÌNH THẠNH. TP.HCM            | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1772 | 9.154                   | 1D          | NGÂN THỊ HÀ PHƯƠNG     | HH03B KẾT THANH HÀ, XÃ CỤ KHÉ, HUYỆN THANH DAI, HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 1773 | 9.172                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN    | SỐ 36 TRƯỜNG ĐỊNH, PHƯỜNG TRƯỜNG ĐỊNH, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, TP HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 1.940    | 194.000.000             |
| 1774 | 9.173                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM VUI     | 749 CÁCH MẠNG THẮNG 8, PHƯỜNG 6, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH      | ADC-2018.09   | 2.912    | 291.200.000             |
| 1775 | 9.176                   | 1D          | PHẠM THỊ MINH          | 5/25 ĐÀO ĐỎ, THƯỜNG LỸ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                        | ADC-2018.09   | 1.940    | 194.000.000             |
| 1776 | 9.200                   | 1D          | VŨ THỊ THÚY HIỀN       | CĂN HỘ 17, CHUNG CƯ 96 ĐỊNH CÔNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI                | ADC-2018.09   | 2.715    | 271.500.000             |
| 1777 | 9.206                   | 1D          | TRẦN THỊ THU HỒNG      | 30/4 CALMETTE, P NGUYỄN THÁI BÌNH, Q1, TP.HCM                       | ADC-2018.09   | 4.046    | 404.600.000             |
| 1778 | 9.218                   | 1D          | PHẠM KHÁNH             | 54/18 LÝ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG 15, QUẬN 11, TPHCM                     | ADC-2018.09   | 4.821    | 482.100.000             |
| 1779 | 9.223                   | 1D          | NGUYỄN NGỌC CHUNG      | 1C/246 ĐÀ NẴNG, CẦU TRE, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                       | ADC-2018.09   | 4.972    | 497.200.000             |
| 1780 | 9.266                   | 1D          | NGUYỄN THANH HƯƠNG     | 18 NGÕ 533 BẠCH ĐẰNG P CHƯƠNG ĐƯƠNG, Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI          | ADC-2018.09   | 2.973    | 297.300.000             |
| 1781 | 9.279                   | 1D          | NGUYỄN THỊ LOAN PHƯƠNG | 05/2 ĐƯỜNG 385, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A, TP THỦ ĐỨC, TP HCM          | ADC-2018.09   | 2.416    | 241.600.000             |
| 1782 | 9.301                   | 1D          | LÊ TUẤN NGỌC           | 106 B10 TỔ 7 TT ĐỒNG XÁ, PHƯỜNG MAI DỊCH, QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI     | ADC-2018.09   | 2.900    | 290.000.000             |
| 1783 | 9.306                   | 1D          | LÊ KHÁNH VÂN           | SỐ 20 NGÕ 2 HÀM LONG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                             | ADC-2018.09   | 2.903    | 290.300.000             |
| 1784 | 9.324                   | 1D          | VŨ NGỌC HIẾU           | TỔ 10 TRẦN THÀNH NGỌ, KIẾN AN, HẢI PHÒNG                            | ADC-2018.09   | 3.030    | 303.000.000             |
| 1785 | 9.353                   | 1D          | LÊ KHẮC CHÂU           | 204B DẪY 83, P LẮNG HẠ, Q ĐỐNG ĐÁ, TP HÀ NỘI                        | ADC-2018.09   | 6.182    | 618.200.000             |
| 1786 | 9.355                   | 1D          | NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG  | SỐ 41, NHÀ A13, TTQĐ BẮC NGHĨA TÂN, NGHĨA TÂN, CẦU GIẤY, HÀ NỘI     | ADC-2018.09   | 2.088    | 208.800.000             |
| 1787 | 9.377                   | 1D          | NGUYỄN KIM DANH        | 35A Đường 344 Đồng Mác, Hai Bà Trưng, Hà Nội                        | ADC-2018.09   | 2.412    | 241.200.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                     | Mã Trại phiên | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1788 | 9.358                   | 10          | VÕ THANH PHƯƠNG MẠI  | 138/6 TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM                    | ADC-2018.09   | 6.755    | 675.500.000             |
| 1789 | 9.369                   | 10          | ĐOÀN THỊ MẠI ANH     | 31/8 NGUYỄN BÌNH, P. KẾN DƯƠNG, Q. LÊ CHÂN, TP. HẢI PHÒNG                   | ADC-2018.09   | 1.930    | 193.000.000             |
| 1790 | 9.371                   | 10          | LƯU TỬ HÀ            | 373 THẠCH LAM, PHƯỜNG PHÚ THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP HCM                       | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 1791 | 9.385                   | 10          | HÀ THỊ THANH THỦY    | 136 KHƯƠNG THƯỢNG, P KHƯƠNG THƯỢNG, Q ĐỒNG ĐA, TP HÀ NỘI                    | ADC-2018.09   | 4.341    | 434.100.000             |
| 1792 | 9.388                   | 10          | TẶNG BÁ TRANG        | P.80505 CC THỐNG NHẤT NGUYỄN TUẤN P THANH XUÂN TRUNG Q THANH XUÂN TP HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 1.930    | 193.000.000             |
| 1793 | 9.395                   | 10          | THẠCH THỊ NGỌC ANH   | KHÓM 1, PHƯỜNG 9, TP TRÀ VINH, TRÀ VINH                                     | ADC-2018.09   | 4.823    | 482.300.000             |
| 1794 | 9.398                   | 10          | VŨ THỊ BÌNH          | SỐ 68/97/96 CHỢ HÀNG, DƯ HÀNG KẾN, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                       | ADC-2018.09   | 5.327    | 532.700.000             |
| 1795 | 9.421                   | 10          | NGUYỄN THỊ TUYẾN     | 21/4 KP4, P TÂN CHÁNH HIỆP, QUẬN 12, TP HCM                                 | ADC-2018.09   | 4.950    | 495.000.000             |
| 1796 | 9.440                   | 10          | TRẦN THỊ LIÊN        | XÓM CÁ, CHI NÊ, TRUNG HÒA, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09   | 5.725    | 572.500.000             |
| 1797 | 9.453                   | 10          | TRẦN THỊ DUNG        | HỢP THÀNH PHƯƠNG NAM UÔNG BÍ QUẢNG NINH                                     | ADC-2018.09   | 1.926    | 192.600.000             |
| 1798 | 9.466                   | 10          | NGUYỄN HỒNG HẠNH     | 968 TÔN ĐỨC THẮNG - SỞ DẦU - HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG                          | ADC-2018.09   | 7.283    | 728.300.000             |
| 1799 | 9.522                   | 10          | NGUYỄN THỊ ÁI NGHĨA  | LƯƠNG PHÚ C, XÃ LƯƠNG HÒA LẠC, H.CHỢ GẠO, T.TIỀN GIANG                      | ADC-2018.09   | 3.845    | 384.500.000             |
| 1800 | 9.525                   | 10          | TRỊNH THỊ THANH THỦY | 22/233 NGUYỄN ĐỨC CẢNH PHƯỜNG CÁT DÀI QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG      | ADC-2018.09   | 10.876   | 1.087.600.000           |
| 1801 | 9.533                   | 10          | LÊ BÍCH VÂN          | 8 NGÕ 47 TRƯỜNG CHINH, P PHƯƠNG LIỆT, Q THANH XUÂN, HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 1.912    | 191.200.000             |
| 1802 | 9.544                   | 10          | NGUYỄN KIM OANH      | 82 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 3, Q. PHÚ NHUẬN, TP HCM                        | ADC-2018.09   | 2.881    | 288.100.000             |
| 1803 | 9.590                   | 10          | LÊ THỊ LÂN           | THÔN BẮC VANG XÃ DƯƠNG QUAN H THỦY NGUYỄN TP HẢI PHÒNG                      | ADC-2018.09   | 4.867    | 486.700.000             |
| 1804 | 9.594                   | 10          | CHEN TZU HUA         | BLOCK A GREEN VALLEY, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH               | ADC-2018.09   | 2.352    | 235.200.000             |
| 1805 | 9.616                   | 10          | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH  | 48 TĂNG BẠT HỒ, PHẠM ĐÌNH HỒ, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                          | ADC-2018.09   | 5.271    | 527.100.000             |
| 1806 | 9.626                   | 10          | BÙI MẠI PHƯƠNG       | SỐ 5 NGÁCH 463/28 PHỐ ĐỘI CÁN, VINH PHÚC, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                   | ADC-2018.09   | 1.918    | 191.800.000             |
| 1807 | 9.630                   | 10          | KAIWAN ALAN          | 345/70 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG CẦU KHO, QUẬN 1, TP HCM                        | ADC-2018.09   | 1.916    | 191.600.000             |
| 1808 | 9.656                   | 10          | PHAN THỊ PHÙ         | 5/92 TRẦN QUANG KHẢI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                  | ADC-2018.09   | 3.726    | 372.600.000             |
| 1809 | 9.666                   | 10          | LÊ KHÁNH DUY         | SỐ 11A ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY, QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH       | ADC-2018.09   | 6.829    | 682.900.000             |
| 1810 | 9.693                   | 10          | NGUYỄN THỊ THU VÂN   | C/C HIM LAM CHỢ LỚN, 491 HẬU GIANG, PHƯỜNG 11, QUẬN 6, TP HCM               | ADC-2018.09   | 4.774    | 477.400.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                           | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1811 | 9.715                   | 1D          | NGUYỄN THỊ VÂN       | 312B D8 TT THÀNH CÔNG, P THÀNH CÔNG, Q BA ĐÌNH, TP HÀ NỘI         | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1812 | 9.736                   | 1D          | PHAN THỊ DIỆP        | 238 LỘ T CHUNG CƯ NGỒ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP. HCM         | ADC-2018.09   | 2.965    | 296.500.000             |
| 1813 | 9.789                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM THO   | GÁC 2/165 NGUYỄN ĐỨC CẢNH - CÁT DÀI - LÊ CHÂN HẢI PHÒNG           | ADC-2018.09   | 2.831    | 283.100.000             |
| 1814 | 9.806                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC BA   | LỘ NGANG, XÃ BÌNH DỨC, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG          | ADC-2018.09   | 4.764    | 476.400.000             |
| 1815 | 9.811                   | 1D          | NGUYỄN THỊ ƠN        | SỐ 68/5/47 LÊ LAI, P MÂY CHAI Q NGỒ QUYỀN TP HẢI PHÒNG            | ADC-2018.09   | 2.381    | 238.100.000             |
| 1816 | 9.819                   | 1D          | NGUYỄN THỊ LIÊN      | KHU XÃNG DẦU P VĂN QUÁN Q HÀ ĐÔNG TP HÀ NỘI                       | ADC-2018.09   | 3.903    | 390.300.000             |
| 1817 | 9.849                   | 1D          | NGUYỄN THANH VÂN     | P27 NHÀ D TRƯỞNG MỸ THUẬT CN Ở CHỢ DỪA, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI           | ADC-2018.09   | 2.001    | 200.100.000             |
| 1818 | 9.860                   | 1D          | PHẠM THỊ HOA         | XÓM 16, XÃ HƯNG LỘC, TP VINH, NGHỆ AN                             | ADC-2018.09   | 2.001    | 200.100.000             |
| 1819 | 9.880                   | 1D          | TRẦN NAM CHƯƠNG      | 809/29 TRẦN HƯNG ĐẠO, P1, Q5, HCM                                 | ADC-2018.09   | 6.999    | 699.900.000             |
| 1820 | 9.919                   | 1D          | LÊ THỊ THUY TRANG    | 1 ĐƯỜNG SỐ 18A, P.BÌNH HƯNG HÒA A, Q.BÌNH TÂN, TP HCM             | ADC-2018.09   | 1.998    | 199.800.000             |
| 1821 | 9.921                   | 1D          | GIÁP VĂN YÊN         | NHÂN MỸ, P. MỸ ĐÌNH 1, Q. NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 5.793    | 579.300.000             |
| 1822 | 9.929                   | 1D          | HÀ THỊ HÒA           | CH 1601 CHUNG CƯ N04B1 KĐTMDV P DỊCH VỌNG Q CẦU GIẤY TP HÀ NỘI    | ADC-2018.09   | 2.498    | 249.800.000             |
| 1823 | 9.958                   | 1D          | VƯƠNG THỊ TÂM        | 462 HOÀNG HOA THÁM, PHƯỜNG BƯỚI, QUẬN TÂY HỒ, HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 2.247    | 224.700.000             |
| 1824 | 9.964                   | 1D          | NGUYỄN VIỆT KHIÊN    | NHUỆ GIANG, PHƯỜNG TÂY MỖ, QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI            | ADC-2018.09   | 15.773   | 1.577.300.000           |
| 1825 | 5.010                   | 1D          | NGUYỄN THANH LONG    | 5/11 TÂY B, ĐỒNG HÒA, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG                           | ADC-2018.09   | 2.977    | 297.700.000             |
| 1826 | 5.011                   | 1D          | PHẠM THỊ LÝ          | 64 LÊ ĐẠI HÀNH, P7, Q11, TP.HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09   | 3.919    | 391.900.000             |
| 1827 | 5.012                   | 1D          | NGUYỄN THANH THUY    | TT XNXL CẤP THOÁT NƯỚC 101 VĨNH TUY, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI         | ADC-2018.09   | 2.030    | 203.000.000             |
| 1828 | 5.027                   | 1D          | TRẦN THỊ ĐIỀU HUYỀN  | PHÚ TRINH, PHAN THIẾT, BÌNH THUẬN                                 | ADC-2018.09   | 8.828    | 882.800.000             |
| 1829 | 5.033                   | 1D          | TRẦN THỊ THU TÂM     | 259/20 AE CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, PHƯỜNG 7, Q TÂN BÌNH, TPHCM        | ADC-2018.09   | 2.183    | 218.300.000             |
| 1830 | 5.050                   | 1D          | VŨ THÁI THỊNH        | 80407 Chung Cư Thăng Long Number One, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | ADC-2018.09   | 2.998    | 299.800.000             |
| 1831 | 5.056                   | 1D          | ĐINH THỊ ĐỒNG        | 50 TỔ 23 PHƯƠNG LIÊN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                             | ADC-2018.09   | 4.065    | 406.500.000             |
| 1832 | 5.061                   | 1D          | LÝ NGỌC LANG         | 297/20 HẬU GIANG, PHƯỜNG 5, QUẬN 6, TP.HCM                        | ADC-2018.09   | 5.453    | 545.300.000             |
| 1833 | 5.076                   | 1D          | QUÁCH BÀNH HỒNG      | 11/10 LẦU 1 TÂN HÀNG PHƯỜNG 10 QUẬN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH       | ADC-2018.09   | 1.975    | 197.500.000             |
| 1834 | 5.089                   | 1D          | NGUYỄN TRANG TUẤN    | 246 PHẠM CƯ LƯỢNG P AN HẢI ĐỒNG Q SƠN TRÀ ĐÀ NẴNG                 | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1835 | 5.113                   | 1D          | NGUYỄN KIM NGỌC      | 194/3 LÊ QUANG ĐÌNH PHƯỜNG 14 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM               | ADC-2018.09   | 2.715    | 271.500.000             |
| 1836 | 5.137                   | 1D          | LƯƠNG THỊ THANH HẰNG | 49 NGUYỄN CHẾ NGHĨA, PHƯỜNG 13, QUẬN 8, TPHCM                     | ADC-2018.09   | 4.952    | 495.200.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BÀN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                    | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1837 | 5.148                   | 1D          | ĐOÀN THỊ THANH        | 93 PHẠM NGŨ LÃO, P. PHẠM NGŨ LÃO, TP. HẢI DƯƠNG, HẢI DƯƠNG                 | ADC-2018.09   | 9.944    | 994.400.000             |
| 1838 | 5.149                   | 1D          | LỤC YẾN ĐỀ            | 132 LÔ I C/C NGŨ GIA TỰ, PHƯỜNG 2, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09   | 2.513    | 251.300.000             |
| 1839 | 5.151                   | 1D          | VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO    | SỐ 58/63 PHỐ CẨM, GIA VIÊN, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG                           | ADC-2018.09   | 1.980    | 198.000.000             |
| 1840 | 5.153                   | 1D          | TRẦN NGUYỆT THANH     | 4108/14 HẬU GIANG, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, TP. HCM                              | ADC-2018.09   | 4.801    | 480.100.000             |
| 1841 | 5.170                   | 1D          | CHU SHAO CHANG        | ẤP 5 XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG H. ĐỨC HÒA T. LONG AN                                 | ADC-2018.09   | 3.730    | 373.000.000             |
| 1842 | 5.181                   | 1D          | PHAN THỊ PHONG        | 05 CAO THẮNG, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH                                 | ADC-2018.09   | 1.960    | 196.000.000             |
| 1843 | 5.191                   | 1D          | TRAN DAI PHONG        | 606/32/6 QL13 P. HIỆP BÌNH PHƯỚC Q. THỦ ĐỨC TP. HCM                        | ADC-2018.09   | 6.883    | 688.300.000             |
| 1844 | 5.211                   | 1D          | PHAN THỊ THANH LIÊN   | 6/29 TÂN HÒA, PHƯỜNG 1, QUẬN 11, TP. HCM                                   | ADC-2018.09   | 7.415    | 741.500.000             |
| 1845 | 5.218                   | 1D          | ĐOÀN THỊ HOÀN LIỄU    | 2/2A CỘNG HÒA, PHƯỜNG 12, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HCM                           | ADC-2018.09   | 3.956    | 395.600.000             |
| 1846 | 5.229                   | 1D          | NGUYỄN THỊ ĐÀO        | 33A TRẦN HƯNG ĐẠO, KP. 2, P. HIỆP PHÚ, Q. 9, TP. HCM                       | ADC-2018.09   | 2.670    | 267.000.000             |
| 1847 | 5.243                   | 1D          | TRƯƠNG VĂN LỘC        | 35/62 XÃ VIẾT NGHỆ TĨNH PHƯỜNG 17 Q. BÌNH THẠNH TP. HCM                    | ADC-2018.09   | 4.943    | 494.300.000             |
| 1848 | 5.269                   | 1D          | NGUYỄN THỊ TÂM        | 622/55 CỘNG HÒA PHƯỜNG 13 QUẬN TÂN BÌNH, TP. HCM                           | ADC-2018.09   | 2.393    | 239.300.000             |
| 1849 | 5.275                   | 1D          | LÊ THỊ HIỀN           | SỐ 212 VÂN CAO, ĐĂNG GIANG, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG                           | ADC-2018.09   | 2.667    | 266.700.000             |
| 1850 | 5.278                   | 1D          | NGUYỄN THANH HUNG     | 39/2F HỒ BÀ PHẢI, PHƯỜNG PHƯỚC LONG A, QUẬN 9, TP. HCM                     | ADC-2018.09   | 5.335    | 533.500.000             |
| 1851 | 5.313                   | 1D          | NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG | 428 CC THANH NIÊN, P. 14, Q. TÂN BÌNH, TP. HCM                             | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1852 | 5.323                   | 1D          | VŨ MINH CHÂU          | 125/48/4 LÊ ĐỨC THỌ, PHƯỜNG 17, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH         | ADC-2018.09   | 1.974    | 197.400.000             |
| 1853 | 5.329                   | 1D          | VŨ THỊ THẨM           | 93/26 TRẦN TẤN, PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH          | ADC-2018.09   | 1.980    | 198.000.000             |
| 1854 | 5.330                   | 1D          | LÊ THỊ THU THẢO       | 125 HOÀNG HOA THẨM, Q. THANH KHÉ, ĐÀ NẴNG                                  | ADC-2018.09   | 1.973    | 197.300.000             |
| 1855 | 5.349                   | 1D          | PHAN THỊ LÊ HẰNG      | 28/34 PHƯỜNG LƯU, P. VẠN MỸ, Q. NGŨ QUYỀN, TP. HẢI PHÒNG                   | ADC-2018.09   | 1.971    | 197.100.000             |
| 1856 | 5.373                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH THỦY | 157/14 TRẦN BÁ GIAO, P. 05, Q. GÒ VẤP, TP. HCM                             | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1857 | 5.401                   | 1D          | HUỖNH NGỌC QUỲ        | ẤP MỸ PHÚ, XÃ MỸ ĐỨC ĐÔNG, H. CÁI BÈ T. TIỀN GIANG                         | ADC-2018.09   | 6.620    | 662.000.000             |
| 1858 | 5.405                   | 1D          | PHẠM NGUYỄN THU THỦY  | 102/12 NGUYỄN THANH ĐĂNG, P. PHƯỚC HIỆP TP. BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU | ADC-2018.09   | 1.968    | 196.800.000             |
| 1859 | 5.432                   | 1D          | LÝ NGỌC BÍCH          | 204/5 CAO XUÂN ĐỨC PHƯỜNG 12 QUẬN 8 HỒ CHÍ MINH                            | ADC-2018.09   | 1.966    | 196.600.000             |
| 1860 | 5.437                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG | 10A SÔNG ĐÁY, PHƯỜNG 2, TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH                          | ADC-2018.09   | 1.965    | 196.500.000             |
| 1861 | 5.439                   | 1D          | VŨ KIỀU TRINH         | 23 LƯƠNG NGỌC QUYẾN, HÀNG BUỒM, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                          | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1862 | 5.486                   | 1D          | VŨ THỊ THU HƯƠNG      | 186 MẠNH THIÊN, KP. 5, P. TĂNG NHƠN PHÚ A, QUẬN 9, TP. HCM                 | ADC-2018.09   | 7.833    | 783.300.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên               | Địa chỉ                                                                        | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1863 | 5.488                   | 1D          | MAI NGUYỄN HẠNH THẢO    | 212 ĐÌNH TIỀN HOÀNG, P. ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP HCM                                 | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 1864 | 5.493                   | 1D          | TRẦN THỊ KIM KHÁNH      | 557/7 QL13 KP5, P HIỆP BÌNH PHƯỚC, Q THỦ ĐỨC, TPHCM.                           | ADC-2018.09   | 6.922    | 692.200.000             |
| 1865 | 5.507                   | 1D          | VĨNH THÀNH              | 418 LÔ II CƯ XÁ THANH ĐÀ, PHƯỜNG 27, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH          | ADC-2018.09   | 12.948   | 1.294.800.000           |
| 1866 | 5.524                   | 1D          | MÃ THỊ THANH TÂM        | 186 LÊ VĂN VIỆT, P. TĂNG NHƠN PHÚ B, Q. 9, TP. HCM                             | ADC-2018.09   | 2.942    | 294.200.000             |
| 1867 | 5.527                   | 1D          | PHẠM VĂN THÁI           | 204 C9 TT QUỲNH MAI, QUỲNH MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                           | ADC-2018.09   | 4.735    | 473.500.000             |
| 1868 | 5.537                   | 1D          | NGUYỄN VĂN CẢNH         | 157 DƯƠNG TỬ GIANG, PHƯỜNG 15 QUẬN 5 TPHCM                                     | ADC-2018.09   | 1.945    | 194.500.000             |
| 1869 | 5.546                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH        | TT TRƯỞNG CBPNTW, LÁNG THƯỢNG, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 2.349    | 234.900.000             |
| 1870 | 5.552                   | 1D          | TRƯƠNG THỊ THANH        | 44 NGÕ THẾ VINH, P HÒA THUẬN TÂY, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                       | ADC-2018.09   | 21.489   | 2.148.900.000           |
| 1871 | 5.553                   | 1D          | TRẦN THỊ YẾN NHI        | 52/1 KHU PHỐ 1, PHƯỜNG THANH XUÂN, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH              | ADC-2018.09   | 86.564   | 8.656.400.000           |
| 1872 | 5.568                   | 1D          | LƯU THỊ LOAN            | SN 28 NGÕ 328, THANH XUÂN, HÀ NỘI                                              | ADC-2018.09   | 4.606    | 460.600.000             |
| 1873 | 5.578                   | 1D          | NGUYỄN ĐÔN LUÂN         | 22 Nguyễn Văn Nghi, P.05, Q. Gò Vấp, TP. HCM                                   | ADC-2018.09   | 2.330    | 233.000.000             |
| 1874 | 5.586                   | 1D          | ĐOÀN THỊ CHÍN           | 25/6 ÔNG NHIỀU, TỔ 7, P. LONG TRƯỜNG, QUẬN 9, TP. HCM                          | ADC-2018.09   | 2.640    | 264.000.000             |
| 1875 | 5.601                   | 1D          | NGÕ TIẾN DŨNG           | 4/1/6 HOÀNG VIỆT, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                               | ADC-2018.09   | 10.725   | 1.072.500.000           |
| 1876 | 5.633                   | 1D          | DƯƠNG CHIỀU NGUYỄN      | 43/26 KÊNH TÂN HÒA P TÂN THỚI HÒA Q TÂN PHÚ TPHCM                              | ADC-2018.09   | 3.918    | 391.800.000             |
| 1877 | 5.639                   | 1D          | PHAN THỊ NHÂM           | 280/9/3 ĐƯỜNG THANH XUÂN 25, PHƯỜNG THANH XUÂN, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 2.420    | 242.000.000             |
| 1878 | 5.652                   | 1D          | LÊ THỊ VÂN NGUYỄN       | QUẢNG GIA, ĐIỆN DƯƠNG, ĐIỆN BẢN, QUẢNG NAM                                     | ADC-2018.09   | 3.159    | 315.900.000             |
| 1879 | 5.713                   | 1D          | NGUYỄN ĐỨC CHIẾN        | NGÕ QUYỀN, TP BẮC GIANG, BẮC GIANG                                             | ADC-2018.09   | 3.003    | 300.300.000             |
| 1880 | 5.729                   | 1D          | NGUYỄN TRẦN KHƯƠNG LINH | E2/27E KP5 TÂN TÚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH, TPHCM                                    | ADC-2018.09   | 1.941    | 194.100.000             |
| 1881 | 5.771                   | 1D          | NGUYỄN QUỐC HƯNG        | 52 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P.9, ĐÀ LẠT, LÂM ĐỒNG                                    | ADC-2018.09   | 2.085    | 208.500.000             |
| 1882 | 5.798                   | 1D          | PHAN THỊ BÌNH           | 167 TRIỆU NỮ VƯƠNG, NAM DƯƠNG, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                               | ADC-2018.09   | 2.430    | 243.000.000             |
| 1883 | 5.802                   | 1D          | NGUYỄN HIẾN             | 91/11 Nguyễn Văn Công, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh                  | ADC-2018.09   | 58.276   | 5.827.600.000           |
| 1884 | 5.806                   | 1D          | NGUYỄN HOÀNG TÂN        | 9/20 ẤU DƯƠNG LẤN, PHƯỜNG 3, QUẬN 8, TP HCM                                    | ADC-2018.09   | 8.806    | 880.600.000             |
| 1885 | 5.821                   | 1D          | LÊ THANH HẢO            | 436 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 10, QUẬN GÒ VẤP, HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2018.09   | 5.342    | 534.200.000             |
| 1886 | 5.837                   | 1D          | TIÊU NGÂN ĐÌNH          | LƯƠNG PHÚ A, LƯƠNG HÒA LẠC, CHỢ GẠO TIỀN GIANG                                 | ADC-2018.09   | 1.942    | 194.200.000             |
| 1887 | 5.850                   | 1D          | TRẦN Ý THƯ              | 371/12 HAI BÀ TRUNG, P. 8, Q. 3, TP. HỒ CHÍ MINH                               | ADC-2018.09   | 4.851    | 485.100.000             |
| 1888 | 5.858                   | 1D          | NGÕ THỊ PHƯƠNG MAI      | 976 LẠC LONG QUẬN, PHƯỜNG 8, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                              | ADC-2018.09   | 23.421   | 2.342.100.000           |
| 1889 | 5.873                   | 1D          | TRẦN THỊ HÀ             | 505/5A LÊ HỒNG PHONG PHƯỜNG 2 QUẬN 10 TPHCM                                    | ADC-2018.09   | 1.941    | 194.100.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                          | Mã Trai phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1890 | 5.896                   | 1D          | NGUYỄN THỊ QUỲNH LƯU   | 22/23 VINH THUẬN P LONG BÌNH, QUẬN 9, TP.HCM                     | ADC-2018.09   | 2.424    | 242.400.000             |
| 1891 | 5.901                   | 1D          | ĐẶNG TRẦN THANH XUÂN   | 164/31A TRỊNH ĐÌNH TRỌNG, P PHÚ TRUNG, Q TÂN PHÚ, TP HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 2.908    | 290.800.000             |
| 1892 | 5.932                   | 1D          | ĐINH THỊ TUYẾT LAN     | TỔ 17 HÒA THỌ ĐÔNG, CẨM LỆ, ĐÀ NẴNG                              | ADC-2018.09   | 3.101    | 310.100.000             |
| 1893 | 5.933                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM LOAN    | 453 HUỲNH VĂN BÁNH, PHƯỜNG 13, Q PHÚ NHUẬN, TPHCM                | ADC-2018.09   | 13.433   | 1.343.300.000           |
| 1894 | 5.950                   | 1D          | TRẦN THỊ THU LAN       | 227 NGUYỄN CHÍ THANH ĐÀ NẴNG                                     | ADC-2018.09   | 3.389    | 338.900.000             |
| 1895 | 5.959                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HÒA         | 12 LÔ RÈN, TP HÀ NỘI                                             | ADC-2018.09   | 1.936    | 193.600.000             |
| 1896 | 5.961                   | 1D          | ĐỖ THANH THỦY          | TỔ 7, LÍNH NAM, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                | ADC-2018.09   | 2.082    | 208.200.000             |
| 1897 | 5.976                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM ĐỊNH    | 98 TT MÁY ĐÈN CHUÔNG DƯƠNG-HOÀN KIẾM-HÀ NỘI                      | ADC-2018.09   | 1.935    | 193.500.000             |
| 1898 | 5.992                   | 1D          | HUỲNH LỆ HÀ            | 1150/62/14A ĐƯỜNG 3/2, P12, Q11, TPHCM                           | ADC-2018.09   | 2.514    | 251.400.000             |
| 1899 | 6.031                   | 1D          | NGUYỄN VĂN TÝ          | B3X1 NGÕ 17 HOÀNG NGỌC PHÁCH, LĂNG HẠ, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI           | ADC-2018.09   | 2.896    | 289.600.000             |
| 1900 | 6.036                   | 1D          | NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI   | 118/23/157 PHẠO ĐÀI LĂNG, HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 4.968    | 496.800.000             |
| 1901 | 6.061                   | 1D          | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 108 B3 TT NAM THÀNH CÔNG - LĂNG HẠ - ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI            | ADC-2018.09   | 5.275    | 527.500.000             |
| 1902 | 6.063                   | 1D          | NGÔ DUY KHAM           | VŨ XÁ, XÃ DƯƠNG QUANG, HUYỆN MỸ HẢO, TỈNH HƯNG YÊN               | ADC-2018.09   | 4.270    | 427.000.000             |
| 1903 | 6.098                   | 1D          | NGÔ THỊ KIM ANH        | THANH VÂN, THANH OAI, HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09   | 10.835   | 1.083.500.000           |
| 1904 | 6.105                   | 1D          | HÀNG LONG BẢO          | P44-C2- TRAM 10 NGỌC KHÁNH, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09   | 5.946    | 594.600.000             |
| 1905 | 6.114                   | 1D          | TRẦN THỊ VÂN           | 537/30 D, NGUYỄN OANH, PHƯỜNG 15, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH   | ADC-2018.09   | 1.926    | 192.600.000             |
| 1906 | 6.130                   | 1D          | NGUYỄN HUY ĐẠI         | TỔ 31 THỊNH LIỆT - HOÀNG MAI - HÀ NỘI                            | ADC-2018.09   | 2.887    | 288.700.000             |
| 1907 | 6.135                   | 1D          | NGUYỄN MINH HUỲEN      | 14 TRẦN CAO VÂN, HÀ NỘI                                          | ADC-2018.09   | 1.970    | 197.000.000             |
| 1908 | 6.188                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGÀ         | TDP VINHOMES GREEN BAY, MỄ TRÌ, NAM TỨ LIÊM, HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 4.813    | 481.300.000             |
| 1909 | 6.190                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM CÚC     | 198/35 PHAN VĂN TRÌ, P.12, Q. BÌNH THANH, TP.HCM                 | ADC-2018.09   | 3.940    | 394.000.000             |
| 1910 | 6.192                   | 1D          | VŨ MINH TUẤN           | 108K7 TT BÁCH KHOA, BÁCH KHOA, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 3.979    | 397.900.000             |
| 1911 | 6.199                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THU TRINH   | 305/56/7 LÊ VĂN SỸ, P.1, Q.TÂN BÌNH, TP.HỒ CHÍ MINH              | ADC-2018.09   | 4.124    | 412.400.000             |
| 1912 | 6.242                   | 1D          | PHẠM TẤT ĐẮC           | 9A, HẸM 371/2/39 PHỐ KIM MÃ, NGỌC KHÁNH, BA ĐÌNH, HÀ NỘI         | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000             |
| 1913 | 6.276                   | 1D          | HỒ THỊ HỒNG CHUYỀN     | KHOI YÊN PHÚC, P HƯNG PHÚC, TP VINH, NGHỆ AN                     | ADC-2018.09   | 1.914    | 191.400.000             |
| 1914 | 6.300                   | 1D          | TRƯƠNG HUỆ BĂNG        | 59 MINH PHỤNG, P5, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2018.09   | 16.049   | 1.604.900.000           |
| 1915 | 6.322                   | 1D          | TRẦN HUY NHẬT          | 152/49 LÝ CHÍNH THẮNG, PHƯỜNG 7, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH          | ADC-2018.09   | 5.000    | 500.000.000             |
| 1916 | 6.334                   | 1D          | NGUYỄN ĐẠI HÀ          | 69 NGÕ 117 THÁI HÀ P TRUNG LIỆT Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 4.935    | 493.500.000             |
| 1917 | 6.348                   | 1D          | NGUYỄN LONG HẢI        | SỐ 18 TỔ 16 QUAN HOA CẦU GIẤY HÀ NỘI                             | ADC-2018.09   | 1.998    | 199.800.000             |
| 1918 | 6.353                   | 1D          | VŨ THỊ HIỀN            | SỐ 9 XÓM 3 GIÁP NHỊ, THỊNH LIỆT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI               | ADC-2018.09   | 10.556   | 1.955.600.000           |
| 1919 | 6.362                   | 1D          | PHẠM TRỌNG QUÝ         | TỔ 3 TT ĐÔNG ANH, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 5.244    | 524.400.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                              | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1920 | 6.377                   | 1D          | LÊ KIM HẰNG          | 38 ĐOÀN TRẦN NGHIỆP, P LÊ ĐẠI HÀNH, Q HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI           | ADC-2018.09   | 2.861    | 286.100.000             |
| 1921 | 6.380                   | 1D          | TẠ THỊ BÍCH NGỌC     | 137 LÊ DUẤN, P CỬA NAM, Q HOÀN KIẾM, TP HÀ NỘI                       | ADC-2018.09   | 2.861    | 286.100.000             |
| 1922 | 6.426                   | 1D          | HOÀNG THỊ LIÊN       | 240 THÔN CẢI TẮT, AN ĐỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG                       | ADC-2018.09   | 2.965    | 296.500.000             |
| 1923 | 6.444                   | 1D          | NGUYỄN THỊ VI VÂN    | 229/17/51 BÙI THỊ XUÂN, PHƯỜNG 1, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM              | ADC-2018.09   | 1.910    | 191.000.000             |
| 1924 | 6.476                   | 1D          | ĐÌNH NGUYỄN HẢI      | 109 A6 THANH NHÀN P THANH NHÀN Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 3.498    | 349.800.000             |
| 1925 | 6.486                   | 1D          | TRẦN VINH THUY       | 27-29 ĐƯỜNG NGUYỄN QUANG BẮC HẠ THANH, QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH           | ADC-2018.09   | 5.495    | 549.500.000             |
| 1926 | 6.537                   | 1D          | TỪ LIÊN HOA          | 349/20 BẾN PHÚ LÂM, PHƯỜNG 9, QUẬN 6, HCM                            | ADC-2018.09   | 2.492    | 249.200.000             |
| 1927 | 6.557                   | 1D          | NGUYỄN THỊ ĐỨC       | SỐ 19 NGỌC TRỤC 1, P ĐẠI MỖ, Q NAM TỨ LIÊM, TP HÀ NỘI                | ADC-2018.09   | 1.977    | 197.700.000             |
| 1928 | 6.574                   | 1D          | ĐỖ ĐẠT THÀNH         | SỐ 94, KHÓM 5, PHƯỜNG 4, TP. TRÀ VINH, TRÀ VINH                      | ADC-2018.09   | 4.980    | 498.000.000             |
| 1929 | 6.578                   | 1D          | ĐỖ KHẮC ĐÌNH         | 12 TỔ 2, VĨNH ĐIỂM, P NGỌC HIỆP, TP NHA TRANG, KHÁNH HÒA             | ADC-2018.09   | 5.723    | 572.300.000             |
| 1930 | 6.589                   | 1D          | ĐỖ THỊ PHƯƠNG        | SỐ 2 ĐẶNG TRẦN CÔN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                                  | ADC-2018.09   | 4.973    | 497.300.000             |
| 1931 | 6.598                   | 1D          | VŨ THỊ NƯƠNG HOA     | TT CÔNG TY LƯƠNG THỰC VẠN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI                      | ADC-2018.09   | 3.335    | 333.500.000             |
| 1932 | 6.610                   | 1D          | PHẠM THỊ HÒA         | P305 H1 THANH XUÂN NAM, HÀ NỘI                                       | ADC-2018.09   | 2.980    | 298.000.000             |
| 1933 | 6.620                   | 1D          | TRƯƠNG THỊ LỆ HẠ     | SỐ 8/38/47 PHẠM HỮU ĐIỀU, NIỆM NGHĨA, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG             | ADC-2018.09   | 8.661    | 866.100.000             |
| 1934 | 6.698                   | 1D          | PHAN NGUYỄN ANH TUẤN | 489A/21/29 HUỖNH VĂN BÁNH, PHƯỜNG 13, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 4.983    | 498.300.000             |
| 1935 | 6.701                   | 1D          | DƯƠNG THUYẾT MAI     | 164 TỔ 20 P Vĩnh Tuy, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội                         | ADC-2018.09   | 17.548   | 1.754.800.000           |
| 1936 | 6.735                   | 1D          | NGUYỄN MINH NAM      | 305 NHÀ 3 NGÕ 135 NGUYỄN VĂN CỨ P NGỌC LÂM Q LONG BIÊN TP HÀ NỘI     | ADC-2018.09   | 11.267   | 1.126.700.000           |
| 1937 | 6.737                   | 1D          | ĐỖ THỊ HỒNG PHƯƠNG   | PHỐ ĐÌNH - P, ĐÌNH BẮNG - TX TỪ SƠN - TỈNH BẮC NINH                  | ADC-2018.09   | 9.708    | 970.800.000             |
| 1938 | 6.739                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HẢI HÀ    | 7 NGÕ 165 KHUỖNG THƯỢNG, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                             | ADC-2018.09   | 2.950    | 295.000.000             |
| 1939 | 6.751                   | 1D          | NGUYỄN THỊ VÂN       | 16/226, TỔ 21, QUAN HOA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                            | ADC-2018.09   | 5.925    | 592.500.000             |
| 1940 | 6.781                   | 1D          | KIỀU THỊ THÁ         | P308 -B2 TT NAM THÀNH CÔNG, LẮNG HẠ, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 2.320    | 232.000.000             |
| 1941 | 6.782                   | 1D          | NGUYỄN THỊ HẢI       | SỐ 5, Ngách 15/27 Đường Tây Mỗ, P. Tây Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội    | ADC-2018.09   | 6.229    | 622.900.000             |
| 1942 | 6.808                   | 1D          | TRẦN THỊ TỔNG        | 406 E3 QUỖNH MAI, P.QUỖNH MAI, Q.HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI              | ADC-2018.09   | 3.158    | 315.800.000             |
| 1943 | 6.811                   | 1D          | HÀ THỊ KIM THANH     | 504-N16 KHU 5.3 HẠ, DỊCH VỌNG, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                      | ADC-2018.09   | 2.871    | 287.100.000             |
| 1944 | 6.813                   | 1D          | PHẠM THỊ LUYẾN       | 56 NGÁCH 218/27 LẠC LONG QUÂN, BƯỚI, TÂY HỒ, HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 2.467    | 246.700.000             |
| 1945 | 6.827                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THUY      | TỔ 22, ẤP HÒA LONG, XÃ HÒA AN, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP               | ADC-2018.09   | 1.975    | 197.500.000             |
| 1946 | 6.828                   | 1D          | NGUYỄN THỊ XUÂN      | SỐ 25 NGÕ 158 GIÁP BÁT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                            | ADC-2018.09   | 6.355    | 635.500.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                       | Mã Thẻ phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------|----------|-------------------------|
| 1947 | 6.847                   | 1D          | MAI KIM EM             | 208/10 PHAN ĐĂNG LƯU P3 PHỦ NHUẬN TPHCM                       | ADC-2018.09  | 1.975    | 197.500.000             |
| 1948 | 6.853                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG | SỐ 24 TRẦN HƯNG ĐẠO P PHAN CHU TRINH Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI    | ADC-2018.09  | 1.971    | 197.100.000             |
| 1949 | 6.872                   | 1D          | BUI THỊ THANH HẰNG     | X2 GIÁP NHỊ THỊNH LIỆT HOÀNG MAI HÀ NỘI                       | ADC-2018.09  | 2.956    | 295.600.000             |
| 1950 | 6.883                   | 1D          | TRẦN LÊ HÙNG           | 71 NGÕ XÃ ĐÀN 2 P NAM ĐỒNG Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI                | ADC-2018.09  | 2.956    | 295.600.000             |
| 1951 | 6.893                   | 1D          | HOÀNG NHƯ LONG         | SỐ 2, NGÁCH 29/68, KHƯƠNG HẠ, KHƯƠNG ĐỊNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI | ADC-2018.09  | 14.774   | 1.477.400.000           |
| 1952 | 6.897                   | 1D          | PHẠM THỊ LƯỢT          | 58 TT 361, TỐ 17 NGHĨA ĐỒ, QUẬN CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI           | ADC-2018.09  | 3.940    | 394.000.000             |
| 1953 | 6.902                   | 1D          | NGUYỄN THÙY TRANG      | 164 TỐ 20, P VINH TUY, Q. HAI BÀ TRƯNG, TP HÀ NỘI             | ADC-2018.09  | 2.167    | 216.700.000             |
| 1954 | 6.939                   | 1D          | HỒ THỊ HIỀN            | P0717 TÒA R58 ROYAL CITY, 72 NGUYỄN TRÃI, THANH XUÂN, HÀ NỘI  | ADC-2018.09  | 3.738    | 373.800.000             |
| 1955 | 6.954                   | 1D          | PHẠM THỊ THANH         | 145/14 TỐ 5, KPII, P PHƯỚC LONG B, QUẬN 9, TPHCM              | ADC-2018.09  | 20.316   | 2.031.600.000           |
| 1956 | 6.957                   | 1D          | PHẠM THỊ THÙY NHUNG    | TỐ 26 LĨNH NAM P LĨNH NAM Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI               | ADC-2018.09  | 1.965    | 196.500.000             |
| 1957 | 6.963                   | 1D          | ĐINH THỊ BÍCH LIÊN     | 400 HAI BÀ TRƯNG PHƯỜNG TÂN ĐÌNH QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09  | 11.971   | 1.197.100.000           |
| 1958 | 6.971                   | 1D          | VŨ THỊ HỒI             | P536 TT NGÃN HÀNG 50B CHÂU LONG, HÀ NỘI                       | ADC-2018.09  | 9.827    | 982.700.000             |
| 1959 | 6.998                   | 1D          | TRỊNH BÍCH DUNG        | 8 NGÕ 47 TRƯỜNG CHINH - PHƯỜNG LIỆT - THANH XUÂN - HÀ NỘI     | ADC-2018.09  | 2.880    | 288.000.000             |
| 1960 | 7.031                   | 1D          | DƯƠNG THỊ HUỆ          | P102B-81 TT TRUNG TỰ TRUNG TỰ, ĐỒNG ĐA HÀ NỘI                 | ADC-2018.09  | 4.908    | 490.800.000             |
| 1961 | 7.034                   | 1D          | TRẦN THỊ THU HƯƠNG     | 52 NGÕ 162 TÔN ĐỨC THẮNG, HÀNG BỌT, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI           | ADC-2018.09  | 1.964    | 196.400.000             |
| 1962 | 7.059                   | 1D          | TRỊNH THỊ CHUYỀN       | SN 16 PHỐ VŨ, P. ĐẠI PHÚC, TP. BẮC NINH, T. BẮC NINH          | ADC-2018.09  | 1.963    | 196.300.000             |
| 1963 | 7.060                   | 1D          | NGUYỄN THỊ MINH CHÂU   | 123 YẾN LẠC, VINH TUY, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                   | ADC-2018.09  | 4.906    | 490.600.000             |
| 1964 | 7.068                   | 1D          | NGUYỄN THỊ QUÝ         | TỐ 29B, KHU 8, QUANG TRUNG, UÔNG BÍ, QUẢNG NINH               | ADC-2018.09  | 2.944    | 294.400.000             |
| 1965 | 7.130                   | 1D          | ĐÀO THỊ NHÂM           | NGÕ 6 NGÕ QUYỀN, QUANG TRUNG, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI                 | ADC-2018.09  | 6.627    | 662.700.000             |
| 1966 | 7.147                   | 1D          | PHẠM VĂN XEM           | 32C KP HÒA LONG, LÁI THIẾU, TP. THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG          | ADC-2018.09  | 14.766   | 1.476.600.000           |
| 1967 | 7.150                   | 1D          | NGUYỄN THỊ CĂN         | PHÚC LA HÀ ĐÔNG HÀ NỘI                                        | ADC-2018.09  | 7.815    | 781.500.000             |
| 1968 | 7.155                   | 1D          | VƯƠNG THỊ BÍCH NGÀ     | 19A MẸ HIỀN, PHƯỜNG THANH KHÊ TÂY, QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG | ADC-2018.09  | 1.959    | 195.900.000             |
| 1969 | 7.159                   | 1D          | LÊ THỊ XUÂN THU        | SỐ 2 NGÕ 15 THÁI THỊNH, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                       | ADC-2018.09  | 4.971    | 497.100.000             |
| 1970 | 7.170                   | 1D          | TRẦN THỊ MINH HÒA      | 5 PHẠM VĂN HAI, PHƯỜNG 1, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HCM              | ADC-2018.09  | 4.311    | 431.100.000             |
| 1971 | 7.176                   | 1D          | LÝ THỊ HUÂN            | SỐ 15 NGÕ 376 ĐƯỜNG BƯỚI, VĨNH PHÚC, BA ĐÌNH, HÀ NỘI          | ADC-2018.09  | 4.895    | 489.500.000             |
| 1972 | 7.207                   | 1D          | BUI THỊ HÀ             | Tổ 7, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                             | ADC-2018.09  | 1.922    | 192.200.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên           | Địa chỉ                                                               | Mã Trại phieu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 1973 | 7.236                   | 1D          | TA DUY HIỆN         | 29A, NGÕ 81, PHỐ TRUNG KÍNH, TỔ 32, TRUNG HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI       | ADC-2018.09   | 1.996    | 199.600.000             |
| 1974 | 7.246                   | 1D          | NGÕ THỊ MINH XUYẾN  | 38 ĐỒ QUANG ĐẪU, P. PHẠM NGÕ LÃO, Q.1, TP HCM.                        | ADC-2018.09   | 3.568    | 356.800.000             |
| 1975 | 7.253                   | 1D          | PHAN THỊ MAI        | 256/7 PHẠM VĂN HAI, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                    | ADC-2018.09   | 2.940    | 294.000.000             |
| 1976 | 7.262                   | 1D          | CHỬ VĂN CHÍ         | 201 B10 NAM THÀNH CÔNG, LẮNG HẠ, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                      | ADC-2018.09   | 9.772    | 977.200.000             |
| 1977 | 7.315                   | 1D          | NGUYỄN THANH LONG   | 237/79/17/D5-6 NGUYỄN VĂN ĐẬU PHƯỜNG 11 Q BÌNH THẠNH TPHCM            | ADC-2018.09   | 1.951    | 195.100.000             |
| 1978 | 7.321                   | 1D          | PHAN THỊ THƠM       | 198/11 HỒ VĂN HUỆ, PHƯỜNG 9, Q. PHÚ NHUẬN, TPHCM                      | ADC-2018.09   | 1.990    | 199.000.000             |
| 1979 | 7.334                   | 1D          | NGUYỄN HỮU THƯỜNG   | SỐ 16, NGÕ 264, PHƯỜNG LIỆT, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 3.900    | 390.000.000             |
| 1980 | 7.343                   | 1D          | NGUYỄN THANH TUYẾN  | 92A MẬU THÂN, P. AN PHÚ, Q. NINH KIỀU, TP CẦN THƠ                     | ADC-2018.09   | 1.949    | 194.900.000             |
| 1981 | 7.371                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ  | 9 TẦNG 6 LỖ B C/C CỨU LONG PHƯỜNG 13 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM            | ADC-2018.09   | 3.950    | 395.000.000             |
| 1982 | 7.375                   | 1D          | PHẠM QUỲNH MAI      | TRUNG HÒA, NHẢN CHÍNH, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 10.566   | 1.056.600.000           |
| 1983 | 7.378                   | 1D          | HOÀNG THỊ MẾN       | TỔ 40 THỊNH LIỆT P THỊNH LIỆT Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI                   | ADC-2018.09   | 2.434    | 243.400.000             |
| 1984 | 7.385                   | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM THOA | 355/21 NGUYỄN TRỌNG TUYẾN, PHƯỜNG 1, TÂN BÌNH, TPHCM                  | ADC-2018.09   | 3.000    | 300.000.000             |
| 1985 | 7.395                   | 1D          | NGUYỄN THỊ NHƯ Ý    | 25 Nguyễn Hiền, Phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh                     | ADC-2018.09   | 8.900    | 890.000.000             |
| 1986 | 7.399                   | 1D          | KIM THỊ TÂM         | NGÃN HÀNG NHÀ NƯỚC NGHỆ AN                                            | ADC-2018.09   | 1.946    | 194.600.000             |
| 1987 | 7.401                   | 1D          | NGUYỄN QUỐC VỆ      | 985 LẠC LONG QUẬN PHƯỜNG 11 QUẬN TÂN BÌNH TP HỒ CHÍ MINH              | ADC-2018.09   | 8.496    | 849.600.000             |
| 1988 | 7.419                   | 1D          | TRẦN XUÂN KHOA      | 52 NGÕ 162 TÔN ĐỨC THẮNG - HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09   | 7.777    | 777.700.000             |
| 1989 | 7.426                   | 1D          | TRẦN TUYẾT TRINH    | SỐ 69 LỖ SỬ HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 2.430    | 243.000.000             |
| 1990 | 7.477                   | 1D          | NGUYỄN THỊ THUẬN    | 45/6 XÕ VIẾT NGHỆ TĨNH P THẮNG TAM TP VŨNG TÀU T BÀ RỊA - VŨNG TÀU VN | ADC-2018.09   | 2.915    | 291.500.000             |
| 1991 | 7.489                   | 1D          | ĐỖ THỊ MẶN          | 68 NGÕ BẾ, PHƯỜNG 13, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2018.09   | 2.432    | 243.200.000             |
| 1992 | 5.152                   | 1C          | KHUU MỸ DUNG        | 1/12 VÂN CAO, PHƯỜNG PHÚ THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP.HCM                  | ADC-2019.01   | 1.964    | 196.400.000             |
| 1993 | 5.204                   | 1C          | PHAN KIẾN PHONG     | K1/110 TÂN BÌNH P BỬU HÒA BIÊN HÒA ĐỒNG NAI                           | ADC-2019.01   | 18.008   | 1.800.800.000           |
| 1994 | 5.212                   | 1C          | ĐẶNG THỊ MINH HIỀN  | TỔ 28, P HÒA PHÁT, Q CẨM LỆ, TP ĐÀ NẴNG                               | ADC-2019.01   | 2.001    | 200.100.000             |
| 1995 | 5.249                   | 1C          | TĂNG HUỆ PHƯƠNG     | 97/127 LÝ NAM ĐẾ P7 Q11 TPHCM                                         | ADC-2019.01   | 1.950    | 195.000.000             |
| 1996 | 5.258                   | 1C          | VƯƠNG PHƯƠNG PHƯƠNG | 628/4/6 HẬU GIANG PHƯỜNG 12 QUẬN 6 HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2019.01   | 9.592    | 959.200.000             |
| 1997 | 5.275                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM CÚC  | 198/35 PHẠM VĂN TRỊ, P.12, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM                      | ADC-2019.01   | 7.340    | 734.000.000             |
| 1998 | 5.340                   | 1C          | HUỲNH VĂN ĐỒNG      | K315/17 NGÕ QUYỀN P MÃN THÁI Q SƠN TRÀ TP ĐÀ NẴNG                     | ADC-2019.01   | 4.930    | 493.000.000             |
| 1999 | 5.349                   | 1C          | TRƯƠNG HUỆ BĂNG     | 59 MINH PHỤNG, P5, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                            | ADC-2019.01   | 3.725    | 372.500.000             |
| 2000 | 5.402                   | 1C          | VŨ THỊ HIỀN         | SỐ 9 XÕM 3 GIÁP NHỊ, THỊNH LIỆT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                    | ADC-2019.01   | 5.000    | 500.000.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                    | Mã trả phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-------------------------|
| 2001 | 5.446                   | 1C          | VŨ THỊ LƯƠNG          | 10/3/19 ĐIỆN BIÊN PHỦ, P. MÁY TƠ, Q. NGŨ QUYỀN, TP. HẢI PHÒNG              | ADC-2019.01  | 1.979    | 197.900.000             |
| 2002 | 5.457                   | 1C          | NGUYỄN THỊ VI VÂN     | 229/17/51 BÙI THỊ XUÂN, PHƯỜNG 1, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                     | ADC-2019.01  | 1.970    | 197.000.000             |
| 2003 | 5.542                   | 1C          | MÃ SYLVIE             | 02 NGUYỄN VĂN TƯỜNG, P. TÂN PHÚ, QUẬN 7, TPHCM                             | ADC-2019.01  | 4.920    | 492.000.000             |
| 2004 | 5.580                   | 1C          | VŨ XUÂN PHONG         | 99 HÀNG GÀ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                              | ADC-2019.01  | 4.453    | 445.300.000             |
| 2005 | 5.590                   | 1C          | ĐỖ KHẮC ĐÌNH          | 12 TỔ 2, VĨNH ĐIỂM, P. NGỌC HIỆP, TP. NHA TRANG, KHÁNH HÒA.                | ADC-2019.01  | 1.964    | 196.400.000             |
| 2006 | 5.628                   | 1C          | TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO  | SỐ 22-TỔ 30 HOÀNG VĂN THU, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                               | ADC-2019.01  | 4.897    | 489.700.000             |
| 2007 | 5.636                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THU        | 3Đ KHU PHỐ 7, PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12, TPHCM                          | ADC-2019.01  | 3.328    | 332.800.000             |
| 2008 | 5.637                   | 1C          | TRƯƠNG THỊ LỆ HÀ      | SỐ 8/38/47 PHẠM HỮU ĐIỀU, NIỆM NGHĨA, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG                   | ADC-2019.01  | 7.528    | 752.800.000             |
| 2009 | 5.650                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | 56/178 NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, QUANG TRUNG, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                     | ADC-2019.01  | 2.951    | 295.100.000             |
| 2010 | 5.661                   | 1C          | HOÀNG THANH PHƯƠNG    | 74/7/7 PHAN ĐĂNG LƯU, PHƯỜNG 5, QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH      | ADC-2019.01  | 3.911    | 391.100.000             |
| 2011 | 5.669                   | 1C          | NGUYỄN THANH SƠN      | 100KA VẠM KINH XÃ BÌNH AN HUYỆN THỦ THỪA TỈNH LONG AN                      | ADC-2019.01  | 3.080    | 308.000.000             |
| 2012 | 5.756                   | 1C          | TẶNG HUI              | 247/68/14 LẠC LONG QUÂN, PHƯỜNG 3, QUẬN 11, TP. HỒ CHÍ MINH                | ADC-2019.01  | 4.875    | 487.500.000             |
| 2013 | 5.766                   | 1C          | ĐỖ THỊ HỒNG PHƯƠNG    | PHỐ ĐÌNH - P. ĐÌNH BẮNG - TX TỪ SƠN - TỈNH BẮC NINH                        | ADC-2019.01  | 17.880   | 1.788.000.000           |
| 2014 | 5.773                   | 1C          | NGUYỄN NGỌC DŨNG      | 310/17 ĐƯỜNG DƯƠNG QUẢNG HÀM, PHƯỜNG 5, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01  | 1.950    | 195.000.000             |
| 2015 | 5.806                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HẢI        | Số 5, Ngách 15/27 Đường Tây Mỗ, P. Tây Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội          | ADC-2019.01  | 2.922    | 292.200.000             |
| 2016 | 5.819                   | 1C          | NGUYỄN THỊ BÍCH       | P1002N04-B2, KĐT M. CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                       | ADC-2019.01  | 2.142    | 214.200.000             |
| 2017 | 5.820                   | 1C          | NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ   | 26/27 THỊNH HẢO 3, TÔN ĐỨC THẮNG, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                          | ADC-2019.01  | 2.923    | 292.300.000             |
| 2018 | 5.827                   | 1C          | LÃ ANH TUẤN           | 187A ĐỒNG THẮNH, P. QUANG TRUNG, TP. HƯNG YÊN, HƯNG YÊN                    | ADC-2019.01  | 4.868    | 486.800.000             |
| 2019 | 5.845                   | 1C          | NGUYỄN THỊ XUÂN       | SỐ 25 NGŨ 158 GIÁP BÁT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                  | ADC-2019.01  | 5.786    | 578.600.000             |
| 2020 | 5.851                   | 1C          | HOÀNG THỊ THANH BÌNH  | 89/3 KP2, TÂN QUY, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH                                 | ADC-2019.01  | 9.729    | 972.900.000             |
| 2021 | 5.895                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MỸ LINH    | 7/6 Huỳnh Thị Hai, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. HCM                 | ADC-2019.01  | 5.249    | 524.900.000             |
| 2022 | 5.903                   | 1C          | NGUYỄN VĂN TÚ         | ẤP 5, TÂN PHƯỚC TÂY, TÂN TRỊ, LONG AN                                      | ADC-2019.01  | 1.945    | 194.500.000             |
| 2023 | 5.918                   | 1C          | HOÀNG A CẦU           | 194/5/1 CHIẾN LƯỢC, P. BÌNH TRỊ ĐÔNG, BÌNH TÂN, TP. HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01  | 1.941    | 194.100.000             |
| 2024 | 5.943                   | 1C          | HOÀNG MINH PHƯƠNG     | 111-D1 T/T Thành Công, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội                         | ADC-2019.01  | 1.941    | 194.100.000             |
| 2025 | 5.944                   | 1C          | PHẠM THỊ KIM NGÂN     | 317 LÔ A CHUNG CƯ NGŨ QUYỀN, PHƯỜNG 9, QUẬN 5, TPHCM                       | ADC-2019.01  | 1.945    | 194.500.000             |
| 2026 | 5.954                   | 1C          | PHẠM THỊ THANH        | 145/14 TỔ 5, KP11, P. PHƯỚC LONG B, QUẬN 9, TPHCM                          | ADC-2019.01  | 14.439   | 1.443.900.000           |
| 2027 | 5.993                   | 1C          | TRỊNH BÍCH DUNG       | 8 NGŨ 47 TRƯỜNG CHINH - PHƯỜNG LIỆT - THẠNH TRỊ, HÀ NỘI                    | ADC-2019.01  | 2.908    | 290.800.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                  | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2028 | 6.018                   | 1C          | NGUYỄN BÁ TĂNG        | NHÀ 20, G8, QUỲNH MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 6.437    | 643.700.000             |
| 2029 | 6.026                   | 1C          | LƯƠNG MINH TUẤN       | SỐ 16, TỔ 4, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A, QUẬN 9, TP. HCM                     | ADC-2019.01   | 2.909    | 290.900.000             |
| 2030 | 6.027                   | 1C          | LÊ NGỌC HOÀNG YẾN     | 43/33/17/7 Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh  | ADC-2019.01   | 1.937    | 193.700.000             |
| 2031 | 6.029                   | 1C          | CAO MINH HOÀNG        | 84/1 KHU PHỐ 5 P. BÌNH THUẬN QUẬN 7 TPHCM                                | ADC-2019.01   | 2.910    | 291.000.000             |
| 2032 | 6.038                   | 1C          | NGUYỄN GIẢI PHÓNG     | SỐ 1 NGÁCH 250/8 PHỐ TÂN MAI, THỊNH LIỆT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 9.066    | 906.600.000             |
| 2033 | 6.048                   | 1C          | ĐOÀN THỊ AN           | 168 CHÙA VUA P PHỐ HUẾ HAI BÀ TRUNG HÀ NỘI                               | ADC-2019.01   | 2.421    | 242.100.000             |
| 2034 | 6.054                   | 1C          | PHAN THỊ MAI HOA      | TU HOÀNG, XUÂN PHƯƠNG, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI                               | ADC-2019.01   | 1.937    | 193.700.000             |
| 2035 | 6.067                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MINH CHÂU  | 123 YÊN LẠC, VĨNH TUY, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 1.981    | 198.100.000             |
| 2036 | 6.072                   | 1C          | VŨ THỊ THANH          | TỔ 25 CỤM 3 P XUÂN LA Q TÂY HỒ TP HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 3.098    | 309.800.000             |
| 2037 | 6.082                   | 1C          | NGUYỄN THỦY TIẾN      | P1102 PACIFIC PLACE 83B LÝ THƯỜNG KIỆT, TRẦN HƯNG ĐẠO, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI | ADC-2019.01   | 17.925   | 1.792.500.000           |
| 2038 | 6.105                   | 1C          | ĐỖ THỊ THỦY DƯƠNG     | Số 15 Ngách 55/38 Phố Chính Kinh, Hà Nội                                 | ADC-2019.01   | 7.740    | 774.000.000             |
| 2039 | 6.126                   | 1C          | TRỊNH THỊ LỘC         | 99/94 HỒNG MAI, TỔ 56, BẠCH MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                    | ADC-2019.01   | 2.910    | 291.000.000             |
| 2040 | 6.131                   | 1C          | PHẠM THỊ VĂN          | 33/89 TRẠI LÊ, KÊNH DƯƠNG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                            | ADC-2019.01   | 3.867    | 386.700.000             |
| 2041 | 6.133                   | 1C          | ĐÀO THỊ NHÂN          | NGÕ 6 NGÕ QUYÊN, QUANG TRUNG, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI                            | ADC-2019.01   | 6.477    | 647.700.000             |
| 2042 | 6.155                   | 1C          | NGUYỄN THỊ CẦN        | PHÚC LA HÀ ĐÔNG HÀ NỘI                                                   | ADC-2019.01   | 3.357    | 335.700.000             |
| 2043 | 6.160                   | 1C          | TẠ KIỀU LỆ            | SỐ 1 TỔ 3 THANH TRÌ, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 2.416    | 241.600.000             |
| 2044 | 6.166                   | 1C          | PHAN KIM SANH         | 151A NGUYỄN THỊ ĐỊNH, PHƯỜNG AN PHÚ, TP THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH         | ADC-2019.01   | 2.029    | 202.900.000             |
| 2045 | 6.174                   | 1C          | LƯU THỊ THO           | SỐ 37 NGÕ TRẠI CẢ P TRƯỞNG ĐỊNH Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI                 | ADC-2019.01   | 5.314    | 531.400.000             |
| 2046 | 6.193                   | 1C          | NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ    | XÃ TÂN TIẾN, HUYỆN AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG                                   | ADC-2019.01   | 3.448    | 344.800.000             |
| 2047 | 6.194                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH TÂM  | 26 TÀI THIẾT, PHƯỜNG 11, QUẬN TÂN BÌNH, TP HỒ CHÍ MINH                   | ADC-2019.01   | 4.740    | 474.000.000             |
| 2048 | 6.196                   | 1C          | NGUYỄN NHẤT TUYẾN     | 145 NGUYỄN THỊ MINH KHAI, PHƯỜNG 1, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP              | ADC-2019.01   | 4.000    | 400.000.000             |
| 2049 | 6.198                   | 1C          | NGUYỄN HỒNG PHƯỚC     | 76/2 ĐỘC LẬP, P.TÂN THÀNH, Q.TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2019.01   | 3.932    | 393.200.000             |
| 2050 | 6.207                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH HIẾU | TỔ 9 NGHĨA ĐỒ CẦU GIẤY HÀ NỘI                                            | ADC-2019.01   | 1.932    | 193.200.000             |
| 2051 | 6.217                   | 1C          | CAO THUY DUNG         | 122A/1, KP7, P. TÂN HÒA, DIỄN HÒA, ĐỒNG NAI                              | ADC-2019.01   | 2.610    | 261.000.000             |
| 2052 | 6.219                   | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH  | NGÕ 132 LỘ ĐỨC ĐỒNG MÁC HAI BÀ TRUNG HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 4.828    | 482.800.000             |
| 2053 | 6.254                   | 1C          | VIÊN THỊ THU HÀ       | 82/75 ĐÌNH TIẾN HOÀNG, PHƯỜNG 1, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01   | 2.605    | 260.500.000             |
| 2054 | 6.297                   | 1C          | HOÀNG HẢI HÀ          | 336 TRẦN NGUYỄN HÂN P NIỆM NGHĨA Q LÊ CHÂN TP HẢI PHÒNG                  | ADC-2019.01   | 1.929    | 192.900.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                      | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2055 | 6.361                   | 1C          | NGUYỄN VŨ MINH         | SỐ 39 LK13 TỔNG CỤC 5 XÃ TÂN TRIỀU, H THANH TRÌ, HÀ NỘI      | ADC-2019.01   | 14.837   | 1.483.700.000           |
| 2056 | 6.363                   | 1C          | VŨ THỊ THÚY            | TỔ 52 TƯỜNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 2.406    | 240.600.000             |
| 2057 | 6.368                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THU HÀ      | 206 CHUNG CƯ 1 BẦU CÁT, PHƯỜNG 14, TÂN BÌNH, TP. HCM         | ADC-2019.01   | 4.842    | 484.200.000             |
| 2058 | 6.378                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀNG | TỔ 8, PHƯỜNG YÊN HÒA, QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI                  | ADC-2019.01   | 2.910    | 291.000.000             |
| 2059 | 6.383                   | 1C          | NGUYỄN ĐÌNH HỢP        | SỐ 51A/43 ĐẶNG KIM NỞ P AN BIÊN Q LÊ CHÂN TP HẢI PHÒNG       | ADC-2019.01   | 1.926    | 192.600.000             |
| 2060 | 6.460                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HIỀN        | 259 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 9, QUẬN 5, TP HỒ CHÍ MINH             | ADC-2019.01   | 10.560   | 1.056.000.000           |
| 2061 | 6.466                   | 1C          | NGUYỄN THỊ NGOAN       | 50/6 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 3, Q. PHÚ NHUẬN, TPHCM        | ADC-2019.01   | 1.920    | 192.000.000             |
| 2062 | 6.487                   | 1C          | TRẦN XUÂN KHOA         | 52 NGÕ 162 TÔN ĐỨC THẮNG - HÀ NỘI                            | ADC-2019.01   | 2.462    | 246.200.000             |
| 2063 | 6.527                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH THỦY  | P15 NB KTT 254A THỤY KHUÊ, TÂY HỒ, HÀ NỘI                    | ADC-2019.01   | 4.807    | 480.700.000             |
| 2064 | 6.530                   | 1C          | PHẠM THỊ LAN           | SỐ 6 LÔ 106 CN DƯ HÀNG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                   | ADC-2019.01   | 2.077    | 207.700.000             |
| 2065 | 6.561                   | 1C          | LÊ THỊ TƯỜNG VÂN       | 11/1 Tân Hàng, P.10, Q.5, TP. HCM                            | ADC-2019.01   | 5.726    | 572.600.000             |
| 2066 | 6.568                   | 1C          | TRỊNH XUÂN NGHỊ        | B13/9 ẤP 2, LÊ MINH XUÂN, BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  | ADC-2019.01   | 5.553    | 555.300.000             |
| 2067 | 6.594                   | 1C          | VŨ THỊ HẠNH            | 58/30 ĐOÀN VĂN BƠ, PHƯỜNG 9, QUẬN 4, TP. HỒ CHÍ MINH         | ADC-2019.01   | 1.915    | 191.500.000             |
| 2068 | 6.604                   | 1C          | LÊ QUANG THỌ           | P6 -128 PARKHILL TIME CITY P VĨNH TUY Q HAI BÀ TRƯNG HÀ NỘI  | ADC-2019.01   | 1.936    | 193.600.000             |
| 2069 | 6.605                   | 1C          | TRẦN QUANG VIỆT        | 521/80B CMT8, PHƯỜNG 10, QUẬN 10, TP HCM                     | ADC-2019.01   | 2.939    | 293.900.000             |
| 2070 | 6.610                   | 1C          | ĐOÀN THỊ BA            | 246D Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. HCM     | ADC-2019.01   | 5.740    | 574.000.000             |
| 2071 | 6.632                   | 1C          | NGUYỄN THANH NHỰT      | 332 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 4, QUẬN 3, TPHCM               | ADC-2019.01   | 5.745    | 574.500.000             |
| 2072 | 6.649                   | 1C          | MAI THỊ THỌ            | 308/121 ĐÌNH ĐÔNG, ĐÔNG HẢI, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG              | ADC-2019.01   | 2.389    | 238.900.000             |
| 2073 | 6.651                   | 1C          | NGUYỄN ĐÔNG TÙNG       | 343/13A NGUYỄN TRỌNG TUYẾN, PHƯỜNG 1, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM   | ADC-2019.01   | 3.155    | 315.500.000             |
| 2074 | 6.691                   | 1C          | NGUYỄN THỊ SÁNG        | 166 NGUYỄN THỊ NHỎ, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, TP. HCM               | ADC-2019.01   | 1.910    | 191.000.000             |
| 2075 | 6.695                   | 1C          | LÊ THỊ ÁNH TUYẾT       | 218 PHAN ĐÌNH GIÓT, PLEIKU, GIA LAI                          | ADC-2019.01   | 2.768    | 276.800.000             |
| 2076 | 6.698                   | 1C          | VŨ THỊ KIM TỬ          | 35/16 TRẦN KẾ XƯƠNG, P.7, Q. PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH      | ADC-2019.01   | 2.290    | 229.000.000             |
| 2077 | 6.705                   | 1C          | LÊ THỊ NGỌC ANH        | 117 VĨNH VIỄN, PHƯỜNG 4, QUẬN 10, TP HỒ CHÍ MINH             | ADC-2019.01   | 4.771    | 477.100.000             |
| 2078 | 6.717                   | 1C          | CHÂU THÀNH TÍN         | 664/76 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH  | ADC-2019.01   | 13.854   | 1.385.400.000           |
| 2079 | 6.729                   | 1C          | HÀ THỨC LUẬT           | 107/12/4 NI SƯ HUỲNH LIÊN, PHƯỜNG 10, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HCM | ADC-2019.01   | 2.200    | 220.000.000             |
| 2080 | 6.731                   | 1C          | NGUYỄN HỮU TÂM         | 43/3H ẤP ĐỒNG LÂN 1, XÃ BÀ ĐIỂM, HUYỆN HÓC MÔN, TPHCM        | ADC-2019.01   | 1.907    | 190.700.000             |
| 2081 | 6.739                   | 1C          | NGUYỄN LIÊN HƯƠNG      | E25-129-A02 BELLEZA, KP2, PHƯỜNG PHÚ MỸ, QUẬN 7, TPHCM       | ADC-2019.01   | 1.910    | 191.000.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                | Mã Trái ph.ếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2082 | 6.755                   | 1C          | ĐOÀN THỊ HỒNG         | 40/50 ĐƯỜNG LÊ ĐỨC THỌ, PHƯỜNG 7, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH   | ADC-2019.01   | 2.383    | 238.300.000             |
| 2083 | 6.781                   | 1C          | TRẦN NHƯ HẢI          | 237/32, NGUYỄN VĂN ĐẬU PHƯỜNG 11 QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 1.909    | 190.900.000             |
| 2084 | 6.782                   | 1C          | LÊ THỊ SẬP            | 8/183 ĐÌNH ĐỒNG, ĐỒNG HẢI, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                          | ADC-2019.01   | 1.911    | 191.100.000             |
| 2085 | 6.783                   | 1C          | TRẦN THỊ THU NGUYỆT   | 147, KP5, PHƯỜNG 2, THỊ XÃ GÒ CÔNG, TIỀN GIANG                         | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 2086 | 6.816                   | 1C          | LÊ THỊ HƯỜNG          | 45 PHẠM SỰ MẠNH, P. NAM NGẠN, TP. THANH HÓA, T. THANH HÓA              | ADC-2019.01   | 4.758    | 475.800.000             |
| 2087 | 6.828                   | 1C          | ĐỖ HUỲNH TRÂM         | 142 LÊ MINH NGUYỄN TP LONG XUYÊN T AN GIANG                            | ADC-2019.01   | 1.930    | 193.000.000             |
| 2088 | 6.859                   | 1C          | TRẦN THỊ BẦY          | SỐ 89 PHÙNG HƯNG, HÀNG MÃ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 2.001    | 200.100.000             |
| 2089 | 6.874                   | 1C          | PHẠM THỊ HÒA BÌNH     | 76/51 ĐƯỜNG 19, KP4 P LINH CHIẾU Q THỦ ĐỨC TPHCM                       | ADC-2019.01   | 7.758    | 775.800.000             |
| 2090 | 6.881                   | 1C          | BÙI ANH TUẤN          | 57 NGÕ ĐÌNH ĐẠI, CẦU DÈN, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 3.929    | 392.900.000             |
| 2091 | 6.884                   | 1C          | PHẠM THỊ PHƯƠNG THY   | CC FLORITA 83 ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG TÂN HƯNG, QUẬN 7, TP.HCM                | ADC-2019.01   | 1.992    | 199.200.000             |
| 2092 | 6.898                   | 1C          | PHÙ ÁI HOA            | 219/17 TRẦN HƯNG ĐẠO, P.CÔ GIANG, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH               | ADC-2019.01   | 4.496    | 449.600.000             |
| 2093 | 6.905                   | 1C          | TRỊNH XUÂN GIAI       | 187/4 K LÊ VĂN KHƯƠNG PHƯỜNG HIỆP THÀNH QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  | ADC-2019.01   | 1.998    | 199.800.000             |
| 2094 | 6.911                   | 1C          | ĐÀO THỊ THƠM          | CH1508 TẦNG 15, THÁP 8 TNC/CƯ 173 XT, D/V/HẬU, C/GIẤY, HÀ NỘI          | ADC-2019.01   | 1.997    | 199.700.000             |
| 2095 | 6.927                   | 1C          | TRẦN NGỌC THÀNH       | TỔ 12A PHƯỜNG LẮNG HẠ HÀ NỘI                                           | ADC-2019.01   | 1.960    | 196.000.000             |
| 2096 | 6.928                   | 1C          | NGUYỄN THỊ YẾN VÂN    | SỐ 68/108 CÁT CỤT, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                  | ADC-2019.01   | 2.373    | 237.300.000             |
| 2097 | 6.962                   | 1C          | LÊ THANH HƯƠNG        | SỐ 55B/54/143 TÔN ĐỨC THẮNG, HẢI PHÒNG                                 | ADC-2019.01   | 2.022    | 202.200.000             |
| 2098 | 6.988                   | 1C          | TRẦN SÂM BO           | 37 TRẦN XUÂN HÒA, PHƯỜNG 7, QUẬN 5, TP HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2019.01   | 2.800    | 280.000.000             |
| 2099 | 7.002                   | 1C          | HUỲNH THỊ KIM PHƯƠNG  | C/HỘ 12.16 C/C RIVAPARK 504 NGUYỄN TẤT THÀNH P1B Q4 TPHCM              | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 2100 | 7.013                   | 1C          | TRỊNH QUỐC VINH       | 562/25/2 LÊ QUANG ĐỊNH, PHƯỜNG 1, GÒ VẤP, TPHCM                        | ADC-2019.01   | 3.962    | 396.200.000             |
| 2101 | 7.058                   | 1C          | TRẦN NGÂN BÌNH        | 145/38/1 NGUYỄN THIÊN THUẬT, PHƯỜNG 1, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH          | ADC-2019.01   | 6.421    | 642.100.000             |
| 2102 | 7.071                   | 1C          | NGUYỄN THU THỦY       | 01 LAM SƠN, PHƯỜNG 2, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                             | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 2103 | 7.081                   | 1C          | NGUYỄN VĂN VẠN        | ẤP BA RINH, X. ĐẠI HẢI, H.KẾ SÁCH, T. SÓC TRĂNG                        | ADC-2019.01   | 3.966    | 396.600.000             |
| 2104 | 7.082                   | 1C          | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN | Số 407 phố Đội Cấn, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội             | ADC-2019.01   | 2.975    | 297.500.000             |
| 2105 | 7.093                   | 1C          | LÊ QUANG SƠN          | TỔ 35 HÒA THUẬN ĐÔNG, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                                | ADC-2019.01   | 8.920    | 892.000.000             |
| 2106 | 7.117                   | 1C          | LƯƠNG NGỌC QUỲNH      | 30 HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG 09, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 4.651    | 465.100.000             |



| STT  | STT THỜI<br>PHỤ LƯC<br>BAN AN | STT<br>phụ lục | Họ và tên                 | Địa chỉ                                                                   | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được<br>bồi thường |
|------|-------------------------------|----------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------------------|
| 2107 | 7.153                         | 1C             | NGUYỄN THỊ QUYÊN          | 207/2/12 NGUYỄN VĂN DẬU,<br>PHƯỜNG 11, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM             | ADC-2019.01   | 3.947    | 394.700.000                |
| 2108 | 7.174                         | 1C             | VÕ THỊ THANH TỊNH         | P1/16B Thành Công, Láng Hạ, Hà Nội                                        | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000                |
| 2109 | 7.192                         | 1C             | NGUYỄN THUY MINH THƯ      | 736/38 CMT8, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN<br>BÌNH, TP. HCM                          | ADC-2019.01   | 3.702    | 370.200.000                |
| 2110 | 7.210                         | 1C             | NGUYỄN XUÂN ĐẠT           | 153/12/8 CAO THẮNG, PHƯỜNG 11,<br>QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH                | ADC-2019.01   | 9.853    | 985.300.000                |
| 2111 | 2.092                         | 1C             | NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG      | P601 51 Sungrand 69B Thụy Khuê,<br>quận Tây Hồ, Hà Nội                    | ADC-2019.01   | 6.835    | 683.500.000                |
| 2112 | 2.101                         | 1C             | TRẦN THỊ LÝ               | XÓM 11, XÃ HƯNG LỘC, TP VINH,<br>NGHỆ AN                                  | ADC-2019.01   | 4.359    | 435.900.000                |
| 2113 | 2.123                         | 1C             | TRẦN THỊ KIỀU MY          | 403 TÔ NGỌC VÂN PHƯỜNG THẠNH<br>XUÂN QUẬN 12 TPHCM                        | ADC-2019.01   | 45.877   | 4.587.700.000              |
| 2114 | 2.146                         | 1C             | NGUYỄN XUÂN THÔNG         | 23 NGUYỄN ĐẠI NẮNG, P THANH BÌNH,<br>TP HẢI DƯƠNG, HẢI DƯƠNG              | ADC-2019.01   | 4.949    | 494.900.000                |
| 2115 | 2.191                         | 1C             | HOÀNG TỔ LOAN             | P9-28 BÁCH KHOA, HAI BÀ TRƯNG, HÀ<br>NỘI                                  | ADC-2019.01   | 5.856    | 585.600.000                |
| 2116 | 2.220                         | 1C             | VŨ MINH QUỲNH KHANH       | 15 BIS ĐẶNG DUNG, P. TÂN ĐỊNH, Q1<br>HCM                                  | ADC-2019.01   | 4.191    | 419.100.000                |
| 2117 | 2.249                         | 1C             | UÔNG THỊ NGÀ              | KHỐI 3, PHƯỜNG BẾN THỦY, THÀNH<br>PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN                  | ADC-2019.01   | 2.198    | 219.800.000                |
| 2118 | 2.252                         | 1C             | QUAN DỤC LÌN (TỨC QUAN NG | 2F QUANG TRUNG, HÀ NỘI                                                    | ADC-2019.01   | 2.421    | 242.100.000                |
| 2119 | 2.256                         | 1C             | NGUYỄN XUÂN KIỂM          | 60/44/17 LÂM VĂN BẾN, P TÂN KIẾNG,<br>Q7, HCM                             | ADC-2019.01   | 1.997    | 199.700.000                |
| 2120 | 2.280                         | 1C             | NGUYỄN NGỌC ANH THẢO      | 10/10 THỐNG NHẤT P16 GÒ VẤP HCM                                           | ADC-2019.01   | 3.899    | 389.900.000                |
| 2121 | 2.284                         | 1C             | LÊ THỊ OANH               | Xóm 1, Xã Hưng Xá, Huyện Hưng<br>Nguyên, Tỉnh Nghệ An                     | ADC-2019.01   | 1.997    | 199.700.000                |
| 2122 | 2.288                         | 1C             | NGUYỄN THỊ MINH THANH     | 285/125/12A CMT8, P.12, Q.10,<br>TP. HCM                                  | ADC-2019.01   | 2.337    | 233.700.000                |
| 2123 | 2.300                         | 1C             | THÁI VĂN TOÁN             | 557/5C KHU PHỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ<br>ĐÔNG, QUẬN 12, TPHCM                   | ADC-2019.01   | 1.997    | 199.700.000                |
| 2124 | 2.307                         | 1C             | LƯU THỊ NHUNG             | 836 Trần Hưng Đạo, Phường 7, Quận<br>5, TP HCM                            | ADC-2019.01   | 48.221   | 4.822.100.000              |
| 2125 | 2.314                         | 1C             | DƯƠNG THỊ TIỆM            | C/H 302-17T8 KHU ĐTTT-NC, NHÂN<br>CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI               | ADC-2019.01   | 4.092    | 409.200.000                |
| 2126 | 2.334                         | 1C             | TRẦN THỊ VINH             | SỐ 12A LÝ NAM ĐẾ, HOÀN KIẾM, HÀ<br>NỘI                                    | ADC-2019.01   | 2.090    | 209.000.000                |
| 2127 | 2.340                         | 1C             | VŨ ĐÌNH ĐỆ                | 400 AN DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 04<br>QUẬN 5 TP HCM                             | ADC-2019.01   | 1.995    | 199.500.000                |
| 2128 | 2.346                         | 1C             | NGUYỄN VĂN HÙNG           | 29/3 ẤP 3 XÃ PHÚ XUÂN, HUYỆN NHÀ<br>BÈ, TP. HCM                           | ADC-2019.01   | 19.946   | 1.994.600.000              |
| 2129 | 2.382                         | 1C             | HOÀNG ANH ĐỆ              | 126 DÂY 3, KHU GIÃN DẦN, TỔ VĨNH<br>THÀNH, VĨNH TUY, HBT, HÀ NỘI          | ADC-2019.01   | 1.994    | 199.400.000                |
| 2130 | 2.387                         | 1C             | NGUYỄN THỊ HIỆP           | 76D THÁI PHIÊN, P2, Q11, TPHCM                                            | ADC-2019.01   | 1.994    | 199.400.000                |
| 2131 | 2.394                         | 1C             | ĐỖ THỊ HÒA                | X2 TỔ 3, LĨNH NAM, HOÀNG MAI, HÀ<br>NỘI                                   | ADC-2019.01   | 2.492    | 249.200.000                |
| 2132 | 2.398                         | 1C             | LÊ TOÀN ĐĂNG              | 645 LÊ HỒNG PHONG, PHƯỜNG 10,<br>QUẬN 10, TP. HCM                         | ADC-2019.01   | 5.979    | 597.900.000                |
| 2133 | 2.399                         | 1C             | NGUYỄN TRÚC CHI           | LANDMARK 2, 208 NGUYỄN HỮU<br>CÁNH, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH<br>THẠNH, TP HCM | ADC-2019.01   | 6.477    | 647.700.000                |
| 2134 | 2.414                         | 1C             | TỔNG MỸ ĐỨC               | 24 ẤU CƠ, K1, P2, TP. SA ĐÉC, ĐỒNG<br>THÁP                                | ADC-2019.01   | 1.993    | 199.300.000                |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                 | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2135 | 2.435                   | 1C          | PHAN TẤN MÃN          | 49/4A HẬU LÃN, BÀ ĐIỂM, HÓC MÔN, TP HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2019.01   | 2.988    | 298.800.000             |
| 2136 | 2.439                   | 1C          | ĐÀO THỊ THANH THỦY    | 735 TỔ 20, ẤP ĐỒNG BÌNH, XÃ HÒA AN, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP             | ADC-2019.01   | 5.132    | 513.200.000             |
| 2137 | 2.468                   | 1C          | TRƯƠNG KIM DUNG       | SỐ 2- 575/22 KIM MÃ, HÀ NỘI                                             | ADC-2019.01   | 1.989    | 198.900.000             |
| 2138 | 2.484                   | 1C          | TRẦN NGỌC BÍCH        | Long Tân, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương                                   | ADC-2019.01   | 9.945    | 994.500.000             |
| 2139 | 2.493                   | 1C          | LỤC THẾ LIÊU          | 19C ĐÀO NGUYỄN PHỔ, PHƯỜNG 04, QUẬN 11, TPHCM                           | ADC-2019.01   | 3.882    | 388.200.000             |
| 2140 | 2.495                   | 1C          | NGUYỄN ĐOAN HÙNG      | SỐ 51 HÀNG CHUỐI, HÀ NỘI                                                | ADC-2019.01   | 9.971    | 997.100.000             |
| 2141 | 2.571                   | 1C          | TRẦN ĐÌNH ĐỨC         | 15 PHAN KẾ BÌNH, PHƯỜNG ĐA KAO, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 23.834   | 2.383.400.000           |
| 2142 | 2.572                   | 1C          | VŨ THỊ XÍU            | SỐ 204 TÔN ĐỨC THẮNG, PHƯỜNG LAM SƠN, QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG | ADC-2019.01   | 2.834    | 283.400.000             |
| 2143 | 2.574                   | 1C          | VIẾT THỊ PHƯƠNG       | NGÁCH 369 SỐ 34 NGÕ QUỲNH, QUỲNH LÔI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI              | ADC-2019.01   | 2.927    | 292.700.000             |
| 2144 | 2.580                   | 1C          | HUỶNH LÊ NHƯ TRANG    | 147 LÊ CAO LÃNG, P. PHÚ THẠNH, Q. TÂN PHÚ, TPHCM                        | ADC-2019.01   | 2.980    | 298.000.000             |
| 2145 | 2.595                   | 1C          | LÊ THỊ NGỌC DUNG      | 758/28/21 XÕ VIẾT NGHỆ TĨNH PHƯỜNG 25 BÌNH THẠNH TP HỒ CHÍ MINH         | ADC-2019.01   | 24.860   | 2.486.000.000           |
| 2146 | 2.597                   | 1C          | PHAN THỊ TOÀN         | Số 48, Tổ 25, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội                                | ADC-2019.01   | 4.837    | 483.700.000             |
| 2147 | 2.610                   | 1C          | NGUYỄN HOÀNG LONG     | NGÕ HÒA BÌNH 7, NGÁCH 33 125C MINH KHAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI           | ADC-2019.01   | 4.964    | 496.400.000             |
| 2148 | 2.622                   | 1C          | NGUYỄN THỊ NAM        | 302/193 VÂN CAO, P.ĐẮNG GIANG, Q. NGÕ QUỲNH, HẢI PHÒNG                  | ADC-2019.01   | 14.528   | 1.452.800.000           |
| 2149 | 2.634                   | 1C          | CAO THỊ PHƯƠNG VĨ     | 1161 BẾN ĐÓ, P.LONG BÌNH, QUẬN 9, TP.HCM                                | ADC-2019.01   | 3.475    | 347.500.000             |
| 2150 | 2.766                   | 1C          | TRẦN THỰC LAN         | 187/30 Minh Phụng, Phường 9, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh              | ADC-2019.01   | 50.179   | 5.017.900.000           |
| 2151 | 2.767                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HỒNG       | 228 NGÕ BÈ, PHƯỜNG 13, Q. TÂN BÌNH, TP HCM                              | ADC-2019.01   | 1.996    | 199.600.000             |
| 2152 | 2.816                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH THỦY | 105-02 QUỲNH MAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                  | ADC-2019.01   | 1.995    | 199.500.000             |
| 2153 | 2.865                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG  | 77/52 LÊ HOÀNG PHÁI, PHƯỜNG 17, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH      | ADC-2019.01   | 2.243    | 224.300.000             |
| 2154 | 2.878                   | 1C          | ĐÀM MINH DŨNG         | 110 Nguyễn Trọng Tuyển, P.15, Q. Phú Nhuận, TPHCM                       | ADC-2019.01   | 7.051    | 705.100.000             |
| 2155 | 2.891                   | 1C          | LƯƠNG THỊ HỒNG        | 102/156 LÊ TRỌNG TẤN, KHUƠNG MAI, THANH XUÂN, HÀ NỘI                    | ADC-2019.01   | 9.304    | 930.400.000             |
| 2156 | 2.898                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HOÀI ANH   | ĐẠI ĐỒNG, THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                         | ADC-2019.01   | 3.732    | 373.200.000             |
| 2157 | 2.916                   | 1C          | NGUYỄN THỊ SEN        | 197/17 NGÕ QUỲNH, PHƯỜNG 6, QUẬN 10, TP HCM                             | ADC-2019.01   | 5.976    | 597.600.000             |
| 2158 | 2.918                   | 1C          | NGUYỄN KHẮC VÂN       | 115 ĐƯỜNG CẦU GIẤY, QUAN HOA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                          | ADC-2019.01   | 4.979    | 497.900.000             |
| 2159 | 2.925                   | 1C          | NGUYỄN NGỌC QUÝ       | 430/44 NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, P4, Q3, TPHCM                                 | ADC-2019.01   | 2.988    | 298.800.000             |
| 2160 | 2.933                   | 1C          | NGUYỄN THỊ PHÒNG      | SỐ 6/414 TÔ HIỆU, PHƯỜNG TRẦN NGUYỄN HÂN, QUẬN LÊ CHÂM, TP HẢI PHÒNG    | ADC-2019.01   | 1.992    | 199.200.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                      | Mã tài liệu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------|
| 2161 | 2.959                   | 1C          | NGUYỄN KIM OANH      | Số 22 NGÕ YÊN THẾ, VÂN MIÊU, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01 | 2.000    | 200.000.000             |
| 2162 | 2.974                   | 1C          | TÙ NG                | R23/39/20 CX PHÚ LÂM A, P12, Q6, TPHCM                                       | ADC-2019.01 | 1.991    | 199.100.000             |
| 2163 | 2.983                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HỒNG THỦY | 353/7A BÌNH QUỚI, PHƯỜNG 28, BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2019.01 | 1.925    | 192.500.000             |
| 2164 | 2.985                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM THOA  | 15A, KHÓM 4, PHƯỜNG 1, TP TRÀ VINH                                           | ADC-2019.01 | 1.991    | 199.100.000             |
| 2165 | 2.990                   | 1C          | LÊ THỊ HỒNG HIẾN     | 17/66 YÊN LẠC P VINH TUY Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI                            | ADC-2019.01 | 7.122    | 712.200.000             |
| 2166 | 3.021                   | 1C          | NGUYỄN CÔNG TẬP      | TỔ 9 CỤM 2, HẠ ĐÌNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                                      | ADC-2019.01 | 5.965    | 596.500.000             |
| 2167 | 3.056                   | 1C          | NGÔ NHƯ Ý            | TỔ 5 NINH PHÚC, NHÂN CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                               | ADC-2019.01 | 8.190    | 819.000.000             |
| 2168 | 3.064                   | 1C          | ĐÀO THU HÀ           | Số 18B PHỐ 336 PHỐ HUẾ - HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI                               | ADC-2019.01 | 2.982    | 298.200.000             |
| 2169 | 3.092                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HỢP       | 82 NGÕ 92 NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01 | 2.090    | 209.000.000             |
| 2170 | 3.122                   | 1C          | LÊ QUANG CHUNG       | 1/8 ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 15, Q. GÒ VẤP, TP. HCM                                | ADC-2019.01 | 4.848    | 484.800.000             |
| 2171 | 3.142                   | 1C          | PHAN THỊ THU LINH    | 614 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG 2, QUẬN 5, TP. HCM                                 | ADC-2019.01 | 1.936    | 193.600.000             |
| 2172 | 3.153                   | 1C          | NGUYỄN PHÚ DZANH     | E40A MỸ HÒA 2, XÃ XUÂN THỜI ĐÔNG, HUYỆN HÓC MÔN, TP HỒ CHÍ MINH              | ADC-2019.01 | 4.959    | 495.900.000             |
| 2173 | 3.159                   | 1C          | NGUYỄN VĂN THUẬN     | THÔN QUÝ DƯƠNG, XÃ TÂN TRƯỞNG, HUYỆN CẨM GIANG, HẢI DƯƠNG                    | ADC-2019.01 | 1.984    | 198.400.000             |
| 2174 | 3.160                   | 1C          | Mai Thị Bích Nga     | Số 56 Ngõ 25A Phan Đình Phùng, Quận Thánh, Ba Đình, Hà Nội                   | ADC-2019.01 | 1.984    | 198.400.000             |
| 2175 | 3.194                   | 1C          | TRƯƠNG HỒ THỦY       | 176 LỘ LƯ, P TRƯỜNG THẠNH, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                                 | ADC-2019.01 | 5.451    | 545.100.000             |
| 2176 | 3.196                   | 1C          | ĐINH THỊ NGUYỆT      | P05A-21 CHUNG CƯ SAPPHIRE, SỐ 1 BẾN ĐOAN, P HỒNG GAI, TP HẠ LONG, QUẢNG NINH | ADC-2019.01 | 4.956    | 495.600.000             |
| 2177 | 3.199                   | 1C          | HOÀNG THỊ KIM LIÊN   | 27/33/90 TRUNG LỰC, AN KHÉ 1, ĐĂNG LÂM, HẢI AN, HẢI PHÒNG                    | ADC-2019.01 | 3.568    | 356.800.000             |
| 2178 | 3.201                   | 1C          | VŨ VĂN HIỆP          | 165 TỔ 5 XÓM GIỮA, NAM ĐỒNG, HÀ NỘI                                          | ADC-2019.01 | 7.929    | 792.900.000             |
| 2179 | 3.202                   | 1C          | MAI SƠN CƯỜNG        | 40 TẦNG 5 NHÀ 82 GIẢNG VỖ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01 | 2.974    | 297.400.000             |
| 2180 | 3.223                   | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN  | Số 4 NGÕ TỨC MẠC, HÀ NỘI                                                     | ADC-2019.01 | 2.477    | 247.700.000             |
| 2181 | 3.225                   | 1C          | NGUYỄN HỒNG HÀ       | 318/20 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 17, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH             | ADC-2019.01 | 3.508    | 350.800.000             |
| 2182 | 3.230                   | 1C          | HUANG, TAO-CHEN      | A16-05 CC HIM LAM PHÚ AN, P. PHƯỚC LONG A, QUẬN 9, TP. HỒ CHÍ MINH           | ADC-2019.01 | 3.468    | 346.800.000             |
| 2183 | 3.257                   | 1C          | NGUYỄN TIẾN AN       | 157 TỔ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MAI-HÀ NỘI                                           | ADC-2019.01 | 1.980    | 198.000.000             |
| 2184 | 3.258                   | 1C          | TRINH VĂN DỤC        | LIÊN THÀNH, VĨNH PHƯƠNG, NHA TRANG, KHÁNH HÒA                                | ADC-2019.01 | 3.762    | 376.200.000             |
| 2185 | 3.273                   | 1C          | NGUYỄN THÚY THUẬN    | 98, Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội                                                | ADC-2019.01 | 1.980    | 198.000.000             |
| 2186 | 3.294                   | 1C          | TRẦN MỸ PHỤNG        | 10/5D THOẠI NGỌC HẦU, PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH        | ADC-2019.01 | 2.093    | 209.300.000             |
| 2187 | 3.320                   | 1C          | HÀ THỊ HOA           | C/CƯ CẦU BƯỞU, TÁ THANH OAI, THANH TRÌ, HÀ NỘI                               | ADC-2019.01 | 2.387    | 238.700.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                                                              | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2188 | 3.337                   | 1C          | ĐỖ THỊ TÝ              | 308 C6A QUỲNH MAI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                                              | ADC-2019.01   | 6.477    | 647.700.000             |
| 2189 | 3.350                   | 1C          | ỨNG VĂN BẢO            | Tổ 28, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                                                                   | ADC-2019.01   | 5.989    | 598.900.000             |
| 2190 | 3.351                   | 1C          | TRẦN THỊ YẾN           | TT MŨI CANG CHÁI, MŨI CANG CHÁI, YẾN BÁI                                                             | ADC-2019.01   | 1.997    | 199.700.000             |
| 2191 | 3.356                   | 1C          | TIẾT DỤC ANH           | 26 ĐƯỜNG SỐ 6, CỤ XÁ BÌNH THỚI, P8, QUẬN 11, HCM                                                     | ADC-2019.01   | 1.937    | 193.700.000             |
| 2192 | 3.370                   | 1C          | VŨ BÍCH NGỌC           | NHÀ 66-128C ĐẠI LÁ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                                             | ADC-2019.01   | 3.493    | 349.300.000             |
| 2193 | 3.382                   | 1C          | VŨ THỊ CƯỜNG           | 88/46 BÌNH DƯƠNG 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG                                                                | ADC-2019.01   | 6.290    | 629.000.000             |
| 2194 | 3.398                   | 1C          | PHẠM THỊ MỸ            | KỶ BÀ, TP THÁI BÌNH, THÁI BÌNH                                                                       | ADC-2019.01   | 3.989    | 398.900.000             |
| 2195 | 3.412                   | 1C          | LƯU TUYẾT TRINH        | 45 Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                                       | ADC-2019.01   | 1.995    | 199.500.000             |
| 2196 | 3.423                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THU HẰNG    | B22 TT14 KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI                                                         | ADC-2019.01   | 1.995    | 199.500.000             |
| 2197 | 3.425                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HẢO         | 131 T361, VINH TUY, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                                             | ADC-2019.01   | 4.984    | 498.400.000             |
| 2198 | 3.464                   | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH HẢO   | 173 GIÁP BÁT, PHƯỜNG GIÁP BÁT, QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                                | ADC-2019.01   | 3.988    | 398.800.000             |
| 2199 | 3.468                   | 1C          | TRẦN THỊ XUÂN          | TÂN TRUNG, TÂN YÊN, BẮC GIANG                                                                        | ADC-2019.01   | 4.896    | 489.600.000             |
| 2200 | 3.472                   | 1C          | NGUYỄN VĂN QUÝ         | 1/140 PHỐ CẨM, LÊ LỢI, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG                                                          | ADC-2019.01   | 11.840   | 1.184.000.000           |
| 2201 | 3.473                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HƯƠNG       | SỐ 10/16 LƯƠNG KHÁNH THIÊN, HẢI PHÒNG                                                                | ADC-2019.01   | 3.192    | 319.200.000             |
| 2202 | 3.484                   | 1C          | NGUYỄN MAI SINH        | CỤM 3 HẠ MỖ - HẠ MỖ - ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI                                                            | ADC-2019.01   | 3.359    | 335.900.000             |
| 2203 | 3.490                   | 1C          | TRỊNH VĂN QUANG        | 15/70/18 HÒA BÌNH, PHƯỜNG 3 QUẬN 11 TP HỒ CHÍ MINH                                                   | ADC-2019.01   | 4.797    | 479.700.000             |
| 2204 | 3.520                   | 1C          | HUỲNH KIM LONG         | 95/82 ĐÌNH TIỀN HOÀNG PHƯỜNG 03 BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH                                           | ADC-2019.01   | 9.951    | 995.100.000             |
| 2205 | 3.527                   | 1C          | NGUYỄN THỊ DIỄM KIỆU   | 42 LẦU 1, AN ĐIỂM, PHƯỜNG 10, QUẬN 05, HCM                                                           | ADC-2019.01   | 4.180    | 418.000.000             |
| 2206 | 3.550                   | 1C          | TRỊNH VĂN CHỮ          | SỐ 250, TỔ 21, QUAN HOA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                                            | ADC-2019.01   | 6.767    | 676.700.000             |
| 2207 | 3.587                   | 1C          | VŨ VĂN THUẦN           | CĂN HỘ B2-03-05, CHUNG CƯ GIA HÒA, SỐ 523A ĐỖ XUÂN HỢP, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 3.965    | 396.500.000             |
| 2208 | 3.598                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HOÀNG HOA   | SỐ 271 KHẨM THIÊN ĐÔNG ĐA HÀ NỘI                                                                     | ADC-2019.01   | 2.983    | 298.300.000             |
| 2209 | 3.650                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG | SỐ 15B LƯƠNG KHÁNH THIÊN, TƯƠNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                               | ADC-2019.01   | 11.954   | 1.195.400.000           |
| 2210 | 3.669                   | 1C          | LÊ THỊ PHƯƠNG          | ĐỒNG NGUYÊN - TỨ SƠN - BẮC NINH                                                                      | ADC-2019.01   | 4.980    | 498.000.000             |
| 2211 | 3.682                   | 1C          | TRỊNH THỊ LAN PHƯƠNG   | 2443 QL1A KHU PHỐ 4, TÂN HƯNG THUẦN, QUẬN 12, TP. HCM                                                | ADC-2019.01   | 5.387    | 538.700.000             |
| 2212 | 3.683                   | 1C          | DƯƠNG THỊ THANH MIẾN   | ĐỒNG KÝ - TỨ SƠN - BẮC NINH                                                                          | ADC-2019.01   | 4.945    | 494.500.000             |
| 2213 | 3.756                   | 1C          | TRẦN THỊ KIM LIÊN      | 45 ĐƯỜNG SỐ 3A, BÌNH TRỊ ĐÔNG B, BÌNH TÂN, HCM                                                       | ADC-2019.01   | 15.916   | 1.591.600.000           |
| 2214 | 3.762                   | 1C          | LÊ THỊ DIỆU TÂM        | HIỆP LỢI, TX TÂN HIỆP, HẬU GIANG                                                                     | ADC-2019.01   | 9.445    | 944.500.000             |
| 2215 | 3.765                   | 1C          | PHẠM PHƯỚC THÀNH       | 59 LÊ ĐÌNH THẨM - P HÒA THUẦN ĐÔNG - HẢI CHÂU - ĐÀ NẴNG                                              | ADC-2019.01   | 7.650    | 765.000.000             |
| 2216 | 3.773                   | 1C          | NGHIÊM THỊ LOAN        | LÔ 6 TT V1 VP BCA KHƯƠNG ĐÌNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI                                                    | ADC-2019.01   | 4.425    | 442.500.000             |
| 2217 | 3.794                   | 1C          | NGUYỄN QUANG TUẤN      | 43A NGUYỄN HỮU CẦU, PHƯỜNG TÂN ĐÌNH, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH                                         | ADC-2019.01   | 2.039    | 203.900.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                    | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2218 | 3.798                   | 1C          | LÊ THỊ HOÀNG OANH     | 27 VÕ THỊ SÁU, P.ĐA KAO, QUẬN 1, TP.HCM                                    | ADC-2019.01   | 3.901    | 390.100.000             |
| 2219 | 3.801                   | 1C          | LƯƠNG NGỌC THANH      | 51/1 ĐỐC BÌNH KIỀU, P2, MỸ THO, TIỀN GIANG                                 | ADC-2019.01   | 21.110   | 2.111.000.000           |
| 2220 | 3.809                   | 1C          | TRẦN THỊ THỦY         | SỐ 53 LAM SƠN, P. LAM SƠN, Q. LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                           | ADC-2019.01   | 2.534    | 253.400.000             |
| 2221 | 3.814                   | 1C          | HỒ THỊ TOÀN           | 497/83/40 THỐNG NHẤT, PHƯỜNG 16, QUẬN GÒ VẤP, TP HỒ CHÍ MINH               | ADC-2019.01   | 3.764    | 376.400.000             |
| 2222 | 3.816                   | 1C          | MAI NHƯ NGỌC          | 58/2 THÀNH THÁI, P12, Q10, TP HCM                                          | ADC-2019.01   | 6.260    | 626.000.000             |
| 2223 | 3.821                   | 1C          | TRẦN THỊ THỦY TRANG   | 100 ẤP CHÁNH 2, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HỐC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH          | ADC-2019.01   | 7.324    | 732.400.000             |
| 2224 | 3.827                   | 1C          | DƯƠNG VĂN MINH        | 513/45 ĐIỆN BIÊN PHÚ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TPHCM                              | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 2225 | 3.841                   | 1C          | LÂM CẨM CHI           | 356E LÊ QUANG SƯNG, PHƯỜNG 6, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2019.01   | 2.633    | 263.300.000             |
| 2226 | 3.853                   | 1C          | MẠC THÚY PHƯỢNG       | K211A/12C ĐỒNG ĐA - PHƯỜNG THẠCH THANG - QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | ADC-2019.01   | 7.884    | 788.400.000             |
| 2227 | 3.868                   | 1C          | JERRY TRAN            | 45 SỐ 3 A, BTD B, BÌNH TÂN, HCM                                            | ADC-2019.01   | 35.750   | 3.575.000.000           |
| 2228 | 3.893                   | 1C          | PHẠM THỊ NGỌC THÚY    | CC Sen Xanh - 36 Trịnh Đình Thảo, p. Hòa Thạnh, q. Tân Phú, TP. HCM        | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 2229 | 3.919                   | 1C          | TRẦN THỊ HỒNG ANH     | 5N 46 YÊN DUYÊN, YÊN SỞ, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 13.932   | 1.393.200.000           |
| 2230 | 3.920                   | 1C          | TRẦN THỊ KIM ANH      | 127 TỔ 14 LẠC TRUNG A, THANH LƯƠNG, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                   | ADC-2019.01   | 2.870    | 287.000.000             |
| 2231 | 3.928                   | 1C          | ĐÀO THỊ THÚY TUYỀN    | 2186/12 PHẠM THẾ HIẾN P6, Q8 TP HCM                                        | ADC-2019.01   | 4.916    | 491.600.000             |
| 2232 | 3.937                   | 1C          | NGUYỄN THỊ MÃO        | SỐ 28B KHU A NGÕ 109 TRƯỜNG CHINH - PHƯỜNG LIỆT - THANH XUÂN - HÀ NỘI      | ADC-2019.01   | 9.002    | 900.200.000             |
| 2233 | 3.965                   | 1C          | NGUYỄN THANH HÙNG     | 509 LÊ VĂN LƯƠNG, PHƯỜNG TÂN PHONG, QUẬN 7, HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2019.01   | 4.698    | 469.800.000             |
| 2234 | 3.985                   | 1C          | LÊ VĂN VIỆT           | 13 HÀNG ĐƯỜNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                           | ADC-2019.01   | 7.992    | 799.200.000             |
| 2235 | 3.990                   | 1C          | NGUYỄN THỊ HỮU HẠNH   | 98 TỔ 28B HOÀNG VĂN THỤ, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 1.999    | 199.900.000             |
| 2236 | 3.994                   | 1C          | TRƯƠNG THỊ TUỆ        | SỐ 282B TỔ 17 PHƯƠNG LIÊN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                                 | ADC-2019.01   | 1.998    | 199.800.000             |
| 2237 | 4.005                   | 1C          | KHA MỸ TUYỀN          | 18 LÊ LAI, PHƯỜNG BẾN THÀNH, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2019.01   | 1.931    | 193.100.000             |
| 2238 | 4.009                   | 1C          | LÊ TẤN AN             | 45/8 DUY TẦN, P8, TB, TP HCM                                               | ADC-2019.01   | 4.961    | 496.100.000             |
| 2239 | 4.025                   | 1C          | NGUYỄN TẤN XUÂN TRANG | 267 VÕ VĂN TẦN, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH                           | ADC-2019.01   | 2.200    | 220.000.000             |
| 2240 | 4.043                   | 1C          | NGUYỄN THỊ ANH        | 575/16B CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, PHƯỜNG 15, QUẬN 10, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 1.991    | 199.100.000             |
| 2241 | 4.073                   | 1C          | VÕ TỬ PHI YẾN         | 26 TRƯƠNG HÁN SIÊU, ĐA KAO, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2019.01   | 2.393    | 239.300.000             |
| 2242 | 4.074                   | 1C          | PHẠM TRÍ DŨNG         | 19 TỔ 85 MINH KHAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI                                   | ADC-2019.01   | 9.968    | 996.800.000             |
| 2243 | 4.081                   | 1C          | NGUYỄN ĐÌNH LUÂN      | 26 TƯƠNG MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                            | ADC-2019.01   | 2.990    | 299.000.000             |
| 2244 | 4.097                   | 1C          | PHẠM KHẮC QUẢNG       | TỔ 1, NGHĨA ĐỒ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                           | ADC-2019.01   | 2.989    | 298.900.000             |
| 2245 | 4.120                   | 1C          | CHIANG, KUC-HUA       | G01-6, HÙNG VƯƠNG 2, PHÙ MỸ HƯNG, P TÂN HƯNG, QUẬN 7, TPHCM                | ADC-2019.01   | 4.980    | 498.000.000             |



1874 1875



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                           | Mã Trai phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2272 | 11.699                  | 1C          | NGUYỄN VINH PHÁT      | 18, Hẻm 1, Mậu Thân, Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ               | ADC-2019.01   | 6.290    | 629.000.000             |
| 2273 | 11.719                  | 1C          | PHẠM THỊ HOA          | 27 NGÕ GIA TỰ B TRUNG PHỤNG ĐỒNG ĐA HÀ NỘI                        | ADC-2019.01   | 3.870    | 387.000.000             |
| 2274 | 11.725                  | 1C          | NGUYỄN HOÀNG TUẤN     | 46A ĐAI CỎ VIỆT P LÊ ĐẠI HÀNH Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI VN         | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2275 | 11.732                  | 1C          | NGUYỄN THỠY LINH      | 474/50 NGUYỄN TRI PHƯƠNG, P.9, Q.10, TP.HCM                       | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2276 | 11.741                  | 1C          | NGUYỄN THỊ TUYẾT      | 704/44/3 HƯƠNG LỘ 2 P BÌNH TRỊ ĐỒNG A Q BÌNH TÂN TP, HỒ CHÍ MINH  | ADC-2019.01   | 8.708    | 870.800.000             |
| 2277 | 11.746                  | 1C          | PHẠM THỊ BÈN          | 933 HUỖNH TẤN PHÁT P PHÚ THUẬN QUẬN 7 TPHCM                       | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2278 | 11.755                  | 1C          | DƯƠNG THỊ KIM LÝ      | 17D, KHU PHỐ 2, P AN HỘI, TP. BẾN TRE, T. BẾN TRE                 | ADC-2019.01   | 4.838    | 483.800.000             |
| 2279 | 11.761                  | 1C          | TÔ NGỌC ANH           | ẤP TRÂM VÀNG 3, XÃ THANH PHƯỚC, H GÒ DẦU, T TÂY NINH              | ADC-2019.01   | 2.671    | 267.100.000             |
| 2280 | 11.789                  | 1C          | LÊ HOÀNG ANH          | 38/18 LAM SƠN, PHƯỜNG 2, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM                    | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2281 | 11.794                  | 1C          | ĐINH VĂN QUỐC         | 111/58 ĐƯỜNG TRÚC PHƯƠNG 13 Q BÌNH THẠNH TPHCM VN                 | ADC-2019.01   | 4.839    | 483.900.000             |
| 2282 | 11.826                  | 1C          | NGUYỄN HOÀNG TẤN      | 324 BẮC HẢI PHƯỜNG 6 QUẬN TÂN BÌNH TP HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 3.930    | 393.000.000             |
| 2283 | 11.842                  | 1C          | LÊ QUANG VIỆT         | 101 201-C18 NAM THÀNH CÔNG-LÁNG HẠ-ĐỒNG ĐA-HÀ NỘI                 | ADC-2019.01   | 2.902    | 290.200.000             |
| 2284 | 11.845                  | 1C          | PHẠM THANH HƯƠNG      | 323 NGÕ QUỲNH, THANH NHÀN P QUỲNH LÔI Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI VN | ADC-2019.01   | 14.509   | 1.450.900.000           |
| 2285 | 11.876                  | 1C          | TRẦN HỮU DUNG         | 40/50 TRẦN QUANG ĐIỀU, PHƯỜNG 14, QUẬN 3, TPHCM                   | ADC-2019.01   | 2.902    | 290.200.000             |
| 2286 | 11.878                  | 1C          | NGUYỄN THỊ BẠCH NGÀ   | 467E/83 LÊ ĐẠI HÀNH, PHƯỜNG 11, QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH    | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2287 | 11.884                  | 1C          | PHẠM DUY KHANG        | 49/20 TRẦN VĂN ĐANG, PHƯỜNG 9, QUẬN 3, TP. HCM                    | ADC-2019.01   | 2.902    | 290.200.000             |
| 2288 | 11.886                  | 1C          | NGUYỄN VĂN KHOA       | 35/6 NGUYỄN HUY LƯƠNG, PHƯỜNG 14, QUẬN BÌNH THẠNH                 | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2289 | 11.917                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THANH THỦY | 2/54 PHẠM MINH ĐỨC, MÁY TƠ, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG                  | ADC-2019.01   | 4.837    | 483.700.000             |
| 2290 | 11.918                  | 1C          | NGUYỄN THỊ MAI        | 3 Q34 TRƯƠNG ĐÌNH P TƯƠNG MAI Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI               | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2291 | 11.934                  | 1C          | NGUYỄN THỊ AN         | 171 BẠCH ĐẰNG, PHƯỜNG 2, QUẬN TÂN BÌNH, TPHCM                     | ADC-2019.01   | 2.040    | 204.000.000             |
| 2292 | 11.940                  | 1C          | NGUYỄN VĂN HOÀNG      | 97 ĐẤT THÁNH, PHƯỜNG 6, TÂN BÌNH, TPHCM                           | ADC-2019.01   | 5.401    | 540.100.000             |
| 2293 | 11.967                  | 1C          | ĐOÀN THỊ VIỆT NGÀ     | SỐ 3/533 TAM TRINH P HOÀNG VẮM THỊ Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI          | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2294 | 11.982                  | 1C          | LÊ CHÍ LONG           | 12 Trưng Nữ Vương, Phường 4, Gò Vấp, TP HCM                       | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |
| 2295 | 11.989                  | 1C          | PHẠM THỊ VĂN KIỀU     | 22 NGÕ KIẾN THIẾT THỔ QUAN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                       | ADC-2019.01   | 2.370    | 237.000.000             |
| 2296 | 12.001                  | 1C          | NGUYỄN THỊ TỪ         | 3 DÂY B16A TTQĐ 28 ĐIỆN BIÊN PHÚ, ĐIỆN BIÊN, BA ĐÌNH, HÀ NỘI      | ADC-2019.01   | 9.546    | 954.600.000             |
| 2297 | 12.004                  | 1C          | NGUYỄN LÊ MINH NGUYỆT | TỔ 5, P BÌNH HIẾN, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                         | ADC-2019.01   | 2.419    | 241.900.000             |
| 2298 | 12.006                  | 1C          | ĐINH THỊ THANH TUYẾN  | 35 NGUYỄN TIỂU LẠ PHƯỜNG 5 QUẬN 10 TP HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2019.01   | 1.935    | 193.500.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BÀN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                           | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2299 | 12.032                  | 1C          | PHÙNG THỊ ĐỨC        | 1A K1 N/M CK TRẦN HƯNG ĐẠO, ĐỒNG NHÂN, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI       | ADC-2019.01   | 2.187    | 218.700.000             |
| 2300 | 12.053                  | 1C          | TRẦN THỊ XUÂN THẨM   | 34 Đ. PHÚ ĐỔNG, K. MỸ PHÚ, P MỸ PHÚ, TP CAO LÃNH, T ĐỒNG THÁP     | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2301 | 12.073                  | 1C          | PHẠM HUY BÁCH        | 80/26 HOÀNG HOA THẨM, PHƯỜNG 07, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HỒ CHÍ MINH  | ADC-2019.01   | 4.835    | 483.500.000             |
| 2302 | 12.076                  | 1C          | VŨ THỊ NHÃ           | SỐ 17 NGÕ 139 TỔ 4, TRUNG HÒA, CẦU GIẤY, HÀ NỘI                   | ADC-2019.01   | 2.418    | 241.800.000             |
| 2303 | 12.082                  | 1C          | TRẦN VĂN ĐẾN         | TỔ 5, KHU 11, THANH SƠN, UÔNG BÍ, QUẢNG NINH                      | ADC-2019.01   | 2.998    | 299.800.000             |
| 2304 | 12.085                  | 1C          | NGUYỄN THIÊN HƯƠNG   | 938 TRẦN HƯNG ĐẠO, P.7, Q.5, HCM                                  | ADC-2019.01   | 13.538   | 1.353.800.000           |
| 2305 | 12.117                  | 1C          | NGUYỄN TRỌNG HIẾU    | 485 TÙNG THIÊN VƯƠNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 8, TP.HỒ CHÍ MINH           | ADC-2019.01   | 2.901    | 290.100.000             |
| 2306 | 12.127                  | 1C          | NGUYỄN THỊ THÁI      | 307 ĐOÀN VĂN BƠ, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, TPHCM                         | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2307 | 12.141                  | 1C          | LÊ THỊ THIẾT         | TỔ 33 KHU 5 P TRƯNG VƯƠNG TP UÔNG BÍ T QUẢNG NINH                 | ADC-2019.01   | 4.159    | 415.900.000             |
| 2308 | 12.148                  | 1C          | VŨ THỊ NHÃ           | TỔ 3, P TIỀN PHONG, TP THÁI BÌNH, T THÁI BÌNH                     | ADC-2019.01   | 2.621    | 262.100.000             |
| 2309 | 12.164                  | 1C          | HUỲNH NGỌC TRANG     | 239 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 09, QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH          | ADC-2019.01   | 4.835    | 483.500.000             |
| 2310 | 12.170                  | 1C          | TRẦN THỊ HOÀNG YẾN   | 165/25 ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 11, QUẬN 10, TPHCM                       | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2311 | 12.172                  | 1C          | PHÙNG MINH ĐỨC       | C7, LK14, PHÚ THỊNH, SƠN TÂY, HÀ NỘI                              | ADC-2019.01   | 2.901    | 290.100.000             |
| 2312 | 12.178                  | 1C          | NGUYỄN VĂN HẢI       | TDP SỐ 2, ĐỨC THẮNG, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                          | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2313 | 12.192                  | 1C          | ĐẶNG KIM TRANG       | 105 PHỐ HUẾ, PHẠM ĐÌNH HỔ, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                   | ADC-2019.01   | 11.121   | 1.112.100.000           |
| 2314 | 12.193                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG | 164 KP2A, P TÂN CHÁNH HIỆP, QUẬN 12, TPHCM                        | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2315 | 12.201                  | 1C          | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG    | TỔ 5 KHU 11 THANH SƠN TP UÔNG BÍ QUẢNG NINH                       | ADC-2019.01   | 6.769    | 676.900.000             |
| 2316 | 12.210                  | 1C          | ĐẶNG THỊ THU LAN     | TỔ 20 P MAI DỊCH Q CAU GIAY TP HA NOI                             | ADC-2019.01   | 11.479   | 1.147.900.000           |
| 2317 | 12.253                  | 1C          | NGUYỄN MẠNH LONG     | 821/9 KHU PHỐ 1, BÌNH AN, QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH           | ADC-2019.01   | 10.759   | 1.075.900.000           |
| 2318 | 12.282                  | 1C          | TRẦN VIỆT THẠCH      | 194 Đ CÁI TÔM, TỔ 33, K.4, PHƯỜNG 6, TP CAO LÃNH, T ĐỒNG THÁP     | ADC-2019.01   | 3.385    | 338.500.000             |
| 2319 | 12.287                  | 1C          | HUỲNH THỊ THU ANH    | 339/54A ĐƯỜNG LÊ VĂN SỸ, PHƯỜNG 13, QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 4.365    | 436.500.000             |
| 2320 | 12.288                  | 1C          | TẤT TUYẾT LY         | 145/39 NGUYỄN THIÊN THUẬT, PHƯỜNG 1, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH      | ADC-2019.01   | 4.820    | 482.000.000             |
| 2321 | 12.302                  | 1C          | TRẦN NGỌC BÍCH       | 12A HÀNG MÃ, HÀNG MÃ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                           | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2322 | 12.314                  | 1C          | TRẦN PHƯƠNG HỒNG     | 51/55 NGUYỄN ĐỨC CẢNH, AN BIÊN, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                | ADC-2019.01   | 2.901    | 290.100.000             |
| 2323 | 12.322                  | 1C          | HUỲNH DIỆU HƯNG      | 349/11 NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG 07, QUẬN 05, TP.HỒ CHÍ MINH            | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |



| STT  | STT PHỤ LỤC BẢN AN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                                         | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|--------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2324 | 12.356             | 1C          | LÊ ĐÌNH ĐÀN           | 195/40 NGUYỄN VĂN THƯƠNG, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HỒ CHÍ MINH                            | ADC-2019.01   | 2.514    | 251.400.000             |
| 2325 | 12.369             | 1C          | HOÀNG NHẬT KỲ         | THÔN HÀ NAM NINH XÃ ĐẮK MỎI HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG                                        | ADC-2019.01   | 2.417    | 241.700.000             |
| 2326 | 12.395             | 1C          | NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA  | 10 LÔ E3 KP2 PHƯỜNG TÂN PHONG QUẬN 7 TP HỒ CHÍ MINH                                             | ADC-2019.01   | 31.708   | 3.170.800.000           |
| 2327 | 12.410             | 1C          | NGUYỄN VĂN THOÁN      | 73 THÀNH THÁI, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, TP HCM                                                       | ADC-2019.01   | 8.890    | 889.000.000             |
| 2328 | 12.416             | 1C          | TRẦN THỊ LƯƠNG        | XÃ DUY NHẤT, H. VŨ THƯ, T. THÁI BÌNH                                                            | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2329 | 12.420             | 1C          | NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN  | 37B/T7 KP1, PHƯỜNG LONG BÌNH TÂN, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI                                            | ADC-2019.01   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2330 | 12.435             | 1C          | BÙI THỊ KIM LIÊN      | 11 PHẠM PHÚ THỨ - P. HẢI CHÂU I - QUẬN HẢI CHÂU - ĐÀ NẴNG                                       | ADC-2019.01   | 11.118   | 1.111.800.000           |
| 2331 | 12.437             | 1C          | TRẦN THỊ XUÂN MAI     | 327 LÔ C2 CHUNG CƯ PHƯỜNG 6 QUẬN 4 TP HCM                                                       | ADC-2019.01   | 6.828    | 682.800.000             |
| 2332 | 12.439             | 1C          | NGUYỄN MINH CHÍ       | SỐ 5 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, HÀ NỘI                                                                 | ADC-2019.01   | 3.543    | 354.300.000             |
| 2333 | 12.454             | 1C          | TRẦN VĂN XUÂN         | 313/9 KHU VỰC 4, P. AN BÌNH, Q. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                          | ADC-2019.01   | 2.223    | 222.300.000             |
| 2334 | 12.455             | 1C          | NGUYỄN MINH THỦY TIÊN | 590/28, PHAN VĂN TRỊ, PHƯỜNG 7, GÒ VẤP, TP HCM                                                  | ADC-2019.01   | 1.933    | 193.300.000             |
| 2335 | 12.468             | 1C          | LÊ THỊ LAN            | 200 ĐƯỜNG 3 THÁNG 2, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, TP HCM, VN                                             | ADC-2019.01   | 3.927    | 392.700.000             |
| 2336 | 12.473             | 1C          | NGUYỄN SINH NGUYỄN    | TỔ 30, THANH BÌNH, QUẬN HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                                                    | ADC-2019.01   | 1.933    | 193.300.000             |
| 2337 | 12.478             | 1C          | HUỶNH THỊ NGỌC YẾN    | 352/10G LÊ HỒNG PHONG, PHƯỜNG 01, QUẬN 10, TP HCM                                               | ADC-2019.01   | 4.833    | 483.300.000             |
| 2338 | 12.551             | 1C          | NGUYỄN VŨ HOÀI THƯƠNG | 28 TẦNG 1 TRẦN BÌNH, PHƯỜNG 02, QUẬN 06, TP. HỒ CHÍ MINH                                        | ADC-2019.01   | 9.430    | 943.000.000             |
| 2339 | 12.553             | 1C          | TRẦN BẠCH HƯƠNG       | 146A4 NGUYỄN VĂN HƯỞNG, P THẢO ĐIỀN, TP THỦ ĐỨC, TP HCM                                         | ADC-2019.01   | 1.933    | 193.300.000             |
| 2340 | 12.555             | 1C          | NGUYỄN THỊ THỦY LOAN  | 530A XÕ VIẾT NGHỆ TĨNH, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HCM                                      | ADC-2019.01   | 4.950    | 495.000.000             |
| 2341 | 12.556             | 1C          | NGUYỄN THỊ THU HÀ     | TDP SỐ 6, P TRUNG VĂN, Q NAM TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI                                                 | ADC-2019.01   | 2.223    | 222.300.000             |
| 2342 | 12.593             | 1C          | HOÀNG TRỌNG NGỌC      | CĂN 19.01, LÔ A CC THỦ THIÊM GARDEN, SỐ 269 ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG, PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC, TP HCM | ADC-2019.01   | 3.849    | 384.900.000             |
| 2343 | 12.632             | 1C          | THẠCH XUÂN            | 226/9/4 TÂN HƯƠNG P TÂN QUÝ Q TÂN PHÚ TP HCM                                                    | ADC-2019.01   | 2.409    | 240.900.000             |
| 2344 | 12.651             | 1C          | LÊ KINH LUÂN          | TỔ 20 P NGỌC THUY Q LONG BIÊN TP HÀ NỘI                                                         | ADC-2019.01   | 2.000    | 200.000.000             |
| 2345 | 12.658             | 1C          | NGUYỄN CÔNG TƯ        | P6 A18 TT THỦY LỢI, CHUÔNG DƯƠNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                                             | ADC-2019.01   | 1.932    | 193.200.000             |
| 2346 | 12.664             | 1C          | TRƯƠNG THỊ THUẬN      | TỔ 03, P AN KHÊ, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG                                                        | ADC-2019.01   | 1.932    | 193.200.000             |
| 2347 | 12.689             | 1C          | DƯƠNG VĂN TRINH       | 20 NGUYỄN AN NINH, PHƯỜNG 14, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HCM                                           | ADC-2019.01   | 6.377    | 637.700.000             |
| 2348 | 12.706             | 1C          | NGUYỄN VĂN THẠNH      | 472-473 NGUYỄN THÁI HỌC PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH QUẬN 1                                              | ADC-2019.01   | 1.931    | 193.100.000             |
| 2349 | 12.745             | 1C          | NGUYỄN THỊ THIÊN      | 22/40 CƯ XÁ LỮ GIA, PHƯỜNG 15, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH                                           | ADC-2019.01   | 2.414    | 241.400.000             |
| 2350 | 12.747             | 1C          | HOÀNG QUỐC THƯỜNG     | SN 15 NGÕ 68, P QUAN HOA, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI                                                 | ADC-2019.01   | 1.931    | 193.100.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên                  | Địa chỉ                                                                    | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2351 | 12.776                  | 1C          | TRẦN THỊ XUÂN              | CHUNG CƯ 607 P001 TRỆT, PHƯỜNG 08, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM                   | ADC-2019.01   | 2.896    | 289.600.000             |
| 2352 | 12.802                  | 1C          | PHẠM QUỐC HOÀNG            | C107 TRẦN KHÁNH DƯ, P. XUÂN KHÁNH TP. CẦN THƠ                              | ADC-2019.01   | 2.120    | 212.000.000             |
| 2353 | 12.806                  | 1C          | TRẦN QUÝ                   | ẤP PHƯỚC LỢI, X. PHƯỚC TỈNH, H. LONG ĐIỀN, T. BRVT                         | ADC-2019.01   | 4.995    | 499.500.000             |
| 2354 | 12.807                  | 1C          | ĐOÀN ĐÌNH CHI              | TỔ 50, P. HÒA MINH, Q. LIÊN CHIỂU, TP. ĐÀ NẴNG                             | ADC-2019.01   | 1.930    | 193.000.000             |
| 2355 | 12.812                  | 1C          | NGUYỄN XUÂN ANH            | K02/16 TRƯƠNG CHÍ CƯỜNG, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                                 | ADC-2019.01   | 2.895    | 289.500.000             |
| 2356 | 12.816                  | 1C          | TRẦN VĂN XUÂN              | 18/19A NGUYỄN NHỮ LÂM P. PHÚ THỌ HÒA Q. TÂN PHÚ TP HCM                     | ADC-2019.01   | 2.799    | 279.900.000             |
| 2357 | 12.830                  | 1C          | NGUYỄN HOÀNG QUÂN          | 280 PASTEUR, PHƯỜNG 8, QUẬN 3, TP HCM.                                     | ADC-2019.01   | 7.000    | 700.000.000             |
| 2358 | 12.854                  | 1C          | VÕ THỊ PHƯƠNG              | TỔ 6, P. HÒA KHÊ, Q. THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG                                | ADC-2019.01   | 1.930    | 193.000.000             |
| 2359 | 12.861                  | 1C          | ĐẶNG MAI THẢO              | 524/27/10 NGUYỄN DÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 4, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH             | ADC-2019.01   | 4.839    | 483.900.000             |
| 2360 | 12.875                  | 1C          | VÕ THỊ LÝ                  | THỊ TRẦN TIẾN LĂNG, TIẾN LĂNG, HẢI PHÒNG                                   | ADC-2019.01   | 2.410    | 241.000.000             |
| 2361 | 12.886                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN       | SỐ 1 NGÕ 111 VU TONG PHAN P. KHUỖNG TRUNG Q. THANH XUÂN TP. HÀ NỘI         | ADC-2019.01   | 2.475    | 247.500.000             |
| 2362 | 12.950                  | 1C          | NGUYỄN THỊ BÔNG            | 1838/25/22 TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM                         | ADC-2019.01   | 1.984    | 198.400.000             |
| 2363 | 12.955                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU       | LONG THANH A, LONG THANH, TÂN CHÂU, AN GIANG                               | ADC-2019.01   | 2.891    | 289.100.000             |
| 2364 | 13.019                  | 1C          | HUỶNH THỊ AN THANH         | 17/8 HOÀNG HOA THÁM, PHƯỜNG 13, Q. TÂN BÌNH, TP HCM                        | ADC-2019.01   | 4.336    | 433.600.000             |
| 2365 | 13.029                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGÂN            | 167 TRƯỜNG CHINH P. KHUỖNG MAI Q. THANH XUÂN TP. HÀ NỘI                    | ADC-2019.01   | 4.474    | 447.400.000             |
| 2366 | 13.036                  | 1C          | TRẦN THỊ OANH              | 49E BÌNH CHIỂU P. BÌNH CHIỂU TP. THỦ ĐỨC TP HCM                            | ADC-2019.01   | 1.927    | 192.700.000             |
| 2367 | 13.056                  | 1C          | HUỶNH VĂN MỘNG             | 110/20/14 BÀ HÒM, PHƯỜNG 13, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH                       | ADC-2019.01   | 2.400    | 240.000.000             |
| 2368 | 13.057                  | 1C          | HOLBRECHTS JEAN-LOUIS PIER | MƯỜNG THANH VIÊN TRIỀU, VĨNH PHƯỚC, NHA TRANG, KHÁNH HÒA                   | ADC-2019.01   | 7.107    | 710.700.000             |
| 2369 | 13.065                  | 1C          | LÝ HỒNG HẢI                | 35 LẦU 2 NGUYỄN VĂN TRẮNG, PHƯỜNG BẾN THÀNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2019.01   | 2.890    | 289.000.000             |
| 2370 | 13.076                  | 1C          | CHÂU THỊ VĂN               | 389 BÙI TRẠNG CHƯỚC, P. HÒA KHÊ, Q. THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG                 | ADC-2019.01   | 1.927    | 192.700.000             |
| 2371 | 13.092                  | 1C          | NGUYỄN THỊ KIM TƯƠI        | 61 ĐỒ ĐỐC LỘC P. TÂN QUÝ QUẬN TÂN PHÚ TP. HCM                              | ADC-2019.01   | 3.371    | 337.100.000             |
| 2372 | 13.099                  | 1C          | HUỶNH THỊ DUYÊN            | 188, Đ. 30./4, KP2, PHƯỜNG 5, THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG              | ADC-2019.01   | 1.926    | 192.600.000             |
| 2373 | 13.107                  | 1C          | NGUYỄN XUÂN DỤC            | XÓM KIM LIÊN, XÃ NGHĨ LIÊN, VINH, NGHỆ AN                                  | ADC-2019.01   | 2.209    | 220.900.000             |
| 2374 | 13.121                  | 1C          | NGUYỄN THỊ BĂNG TÂM        | 37/7 NGÕ TẮT TỔ, P. 21, Q. BÌNH THẠNH TP. HCM, VN                          | ADC-2019.01   | 2.889    | 288.900.000             |
| 2375 | 13.135                  | 1C          | PHẠM THỊ HỒNG              | 20 HỌC LẠC PHƯỜNG 14 QUẬN 5 TP HCM                                         | ADC-2019.01   | 2.795    | 279.500.000             |
| 2376 | 13.261                  | 1C          | NGÕ VĂN HƯNG               | 71/4 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG 16, QUẬN 11, TP HCM                          | ADC-2019.01   | 2.886    | 288.600.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2377 | 13.276                  | 1C          | LÂM HƯƠNG            | 206 TRUNG NỮ VƯƠNG, BÌNH THUẬN, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                      | ADC-2019.01   | 5.423    | 542.300.000             |
| 2378 | 13.282                  | 1C          | NGUYỄN DIỄM HƯƠNG    | 198 ĐÌNH PHONG PHÚ, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ 8, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TPHCM   | ADC-2019.01   | 2.885    | 288.500.000             |
| 2379 | 13.291                  | 1C          | NGUYỄN THỊ LUYẾN     | P 1107 CC AN LẠC, 368B QUANG TRUNG P LA KHÊ Q HÀ ĐÔNG TP HÀ NỘI VN     | ADC-2019.01   | 2.115    | 211.500.000             |
| 2380 | 13.301                  | 1C          | HOÀNG THUY DUNG      | 45 QUỐC TỬ GIÁM, VĂN CHƯƠNG, P QUỐC TỬ GIÁM Q ĐỐNG ĐA TP HÀ NỘI VN     | ADC-2019.01   | 1.921    | 192.100.000             |
| 2381 | 13.303                  | 1C          | NGUYỄN VĂN CƯỜNG     | ẤP 5, MỸ YÊN, BẾN LỨC, LONG AN                                         | ADC-2019.01   | 2.211    | 221.100.000             |
| 2382 | 13.329                  | 1C          | LÊ THỊ NGUYỄN        | K320/25 HOÀNG DIỆU, PHƯỜNG BÌNH HIỂN, QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | ADC-2019.01   | 1.921    | 192.100.000             |
| 2383 | 13.354                  | 1C          | TRẦN THANH DIỄM MY   | KHÓM 1, THỊ TRẤN CẦU QUAN, TIỂU CẦN, TRÀ VINH                          | ADC-2019.01   | 2.882    | 288.200.000             |
| 2384 | 13.359                  | 1C          | VÕ THỊ NGỌC CHÂU     | B11.2 PHÚ HOÀNG ANH, ẤP 5 XÃ PHƯỚC KIẾN HUYỆN NHÀ BÈ TPHCM             | ADC-2019.01   | 3.400    | 340.000.000             |
| 2385 | 13.368                  | 1C          | LÊ THỊ QUỲNH HƯƠNG   | SỐ 4 TRẦN ĐÌNH PHONG, PHƯỜNG ĐÔNG VINH, TP VINH, TỈNH NGHỆ AN          | ADC-2019.01   | 3.314    | 331.400.000             |
| 2386 | 13.378                  | 1C          | NGUYỄN THỊ NGẦN      | 830/202 MIẾU HAI XÃ, DƯ HANG KÉN, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                   | ADC-2019.01   | 2.689    | 268.900.000             |
| 2387 | 13.383                  | 1C          | NGUYỄN HỒNG HẠNH     | 29/28 ĐẶNG THUY TRÂM PHƯỜNG 13 Q BÌNH THẠNH TPHCM                      | ADC-2019.01   | 2.881    | 288.100.000             |
| 2388 | 13.404                  | 1C          | NGUYỄN THỊ CẨM       | HẠ AN HƯNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG                                        | ADC-2019.01   | 2.778    | 277.800.000             |
| 2389 | 13.405                  | 1C          | TRẦN THỊ HOA         | 307/14 ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG 8, QUẬN GÒ VẤP, TPHCM                       | ADC-2019.01   | 5.808    | 580.800.000             |
| 2390 | 13.413                  | 1C          | NGUYỄN THANH PHÚC    | SỐ 96 ĐIỆN BIÊN PHÚ, HỒNG BÀNG, TP HẢI PHÒNG                           | ADC-2019.01   | 3.120    | 312.000.000             |
| 2391 | 13.415                  | 1C          | NGUYỄN ĐÌNH SÁU      | 4 C188 TRẠI CHUỐI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG                                | ADC-2019.01   | 1.920    | 192.000.000             |
| 2392 | 12.501                  | 1D          | TRẦN VĂN QUYẾN       | P BỒ XUYẾN, TP THÁI BÌNH, T THÁI BÌNH                                  | ADC-2018.09   | 1.936    | 193.600.000             |
| 2393 | 12.508                  | 1D          | LÊ THUY DƯƠNG        | K48/20 PHAN CHU TRINH P HẢI CHÂU I Q HẢI CHÂU TP ĐÀ NẴNG VN            | ADC-2018.09   | 1.936    | 193.600.000             |
| 2394 | 12.514                  | 1D          | VÕ THỊ THANH MAI     | 722 BẠCH ĐĂNG, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09   | 1.936    | 193.600.000             |
| 2395 | 12.553                  | 1D          | ĐÌNH THỊ XUÂN BĂNG   | SỐ 96 HỒ SEN, DƯ HANG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                              | ADC-2018.09   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2396 | 12.559                  | 1D          | TRẦN ĐÌNH KHÁNH      | SỐ 646 THIÊN LÔI, VINH NIỆM, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                        | ADC-2018.09   | 2.881    | 288.100.000             |
| 2397 | 12.573                  | 1D          | LÊ THỊ HẰNG          | 129 ĐẶNG CHẤT, PHƯỜNG 02, QUẬN 08, TP HCM                              | ADC-2018.09   | 1.934    | 193.400.000             |
| 2398 | 12.590                  | 1D          | NGUYỄN THỊ TÂM       | 72 NGÕ GỐC ĐỀ, TỔ 13 HOÀNG VĂN THỤ, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                  | ADC-2018.09   | 4.830    | 483.000.000             |
| 2399 | 12.601                  | 1D          | LÊ THỊ DƯỠC          | 32/3 KHUỖNG VIỆT, PHƯỜNG PHÚ TRUNG, QUẬN TÂN PHÚ, TPHCM                | ADC-2018.09   | 1.932    | 193.200.000             |
| 2400 | 12.603                  | 1D          | TRƯƠNG THỊ HỒNG VINH | 3 NGÁCH 381/64 NGUYỄN KHANG, HÀ NỘI, P YÊN HOÀ, Q CẦU GIẤY, TP HÀ NỘI  | ADC-2018.09   | 1.932    | 193.200.000             |
| 2401 | 12.611                  | 1D          | NGUYỄN THỊ PHI       | 60 NGUYỄN HUỆ, K. MỸ PHÚ, P. MỸ PHÚ, TP CAO LÃNH, T ĐỒNG THÁP          | ADC-2018.09   | 3.800    | 380.000.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                      | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2402 | 12.660                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HUYỀN      | THÔN HỘI TRƯỜNG XÃ KHÁNH NHẬT H SƠN DƯƠNG T TUYÊN QUANG                      | ADC-2018.09   | 2.120    | 212.000.000             |
| 2403 | 12.664                  | 1D          | TRẦN VĂN QUANG        | TỔ 3 TRUNG HÒA, Q. CẦU GIẤY, HÀ NỘI                                          | ADC-2018.09   | 4.970    | 497.000.000             |
| 2404 | 12.680                  | 1D          | LÝ BỬU                | 60/7 TUỆ TÍNH PHƯỜNG 13 QUẬN 11 TP HỒ CHÍ MINH                               | ADC-2018.09   | 1.929    | 192.900.000             |
| 2405 | 12.696                  | 1D          | ĐỖ THANH THỦY         | ẤP AN THÁI, XÃ MỸ AN HƯNG A, H. LẤP VỎ, ĐỒNG THÁP                            | ADC-2018.09   | 3.000    | 300.000.000             |
| 2406 | 12.728                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THU THỦY   | 13/45 LAM SƠN, LAM SƠN, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                   | ADC-2018.09   | 3.846    | 384.600.000             |
| 2407 | 12.733                  | 1D          | BÙI THỊ NAM           | SỐ 18/17/33 TÔN ĐỨC THẮNG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                                | ADC-2018.09   | 2.211    | 221.100.000             |
| 2408 | 12.739                  | 1D          | LÊ THỊ LIÊN           | 46/27 NGO CHUA LIEN PHAI, BACH MAI P BACH MAI Q HAI BA TRUNG TP HÀ NỘI       | ADC-2018.09   | 2.211    | 221.100.000             |
| 2409 | 12.744                  | 1D          | ĐẶNG CÔNG MINH        | CH2704A - CC FLC LANDMARK, P MỸ ĐÌNH 2, Q. NAM TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI            | ADC-2018.09   | 4.805    | 480.500.000             |
| 2410 | 12.758                  | 1D          | PHẠM HÙNG VIỆT        | 125 LÔ ĐÚC, ĐỒNG MẮC, HAI BA TRUNG, HÀ NỘI                                   | ADC-2018.09   | 4.805    | 480.500.000             |
| 2411 | 12.764                  | 1D          | TRẦN TRUNG HIẾU       | 203 TRẦN XUÂN SOẠN, P TÂN THUẬN TÂY, QUẬN 7, TPHCM                           | ADC-2018.09   | 2.885    | 288.500.000             |
| 2412 | 12.765                  | 1D          | NGUYỄN THANH HẢO      | 15/14 ĐƯỜNG 37, KHU PHỐ 7 HIỆP BÌNH CHÁNH, THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH          | ADC-2018.09   | 1.943    | 194.300.000             |
| 2413 | 12.767                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÂM | 46/1/66 VƯỜN CHUỐI, PHƯỜNG 4, QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                  | ADC-2018.09   | 6.368    | 636.800.000             |
| 2414 | 12.774                  | 1D          | ĐÀO THỊ THÊU          | 24 TỔ 61 KHƯƠNG TRUNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI                                    | ADC-2018.09   | 1.921    | 192.100.000             |
| 2415 | 12.775                  | 1D          | TRẦN DUY TÂM          | 25 BÙI THỊ XUÂN, P. BẾN THÀNH, Q1, TP.HCM                                    | ADC-2018.09   | 3.695    | 369.500.000             |
| 2416 | 12.794                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HOA XUÂN   | 100/89 LÊ QUANG ĐỊNH, PHƯỜNG 14, BÌNH THẠNH, TP.HCM                          | ADC-2018.09   | 2.593    | 259.300.000             |
| 2417 | 12.800                  | 1D          | PHẠM THỊ QUẾ          | TT HVCSND, TDP HOÀNG 16, CỐ NHUẾ 1, BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI                      | ADC-2018.09   | 2.999    | 299.900.000             |
| 2418 | 12.810                  | 1D          | PHẠM THỊ HOA          | ẤP LONG ĐỊNH, XÃ LONG THẮNG, HUYỆN LAI VUNG, ĐỒNG THÁP                       | ADC-2018.09   | 2.481    | 248.100.000             |
| 2419 | 12.816                  | 1D          | NGUYỄN VIỆT THÀNH     | 506/19/27 ĐƯỜNG 3/2 PHƯỜNG 14 QUẬN 10 TP HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2018.09   | 1.917    | 191.700.000             |
| 2420 | 12.861                  | 1D          | PHẠM BÍCH HẠNH        | 60 NGÕ HOÀNG AN A TRUNG PHỤNG, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI                               | ADC-2018.09   | 2.890    | 289.000.000             |
| 2421 | 12.862                  | 1D          | THÁI NGUYỄN PHƯƠNG    | 325/26 HÒA HẢO, PHƯỜNG 4, QUẬN 10, TP.HCM                                    | ADC-2018.09   | 7.180    | 718.000.000             |
| 2422 | 12.864                  | 1D          | VŨ ANH TUẤN           | 24 PHAN HUY ƠN, P HÒA CƯỜNG BẮC, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                      | ADC-2018.09   | 1.915    | 191.500.000             |
| 2423 | 12.871                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THƠM       | 31 NGÕ 49 TỔ 38 NGHĨA ĐỒ P NGHĨA ĐỒ Q CẦU GIẤY TP HÀ NỘI                     | ADC-2018.09   | 1.915    | 191.500.000             |
| 2424 | 12.930                  | 1D          | PHẠM MINH PHƯƠNG      | 48 ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B, QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 7.647    | 764.700.000             |
| 2425 | 13.009                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NHƯ        | ẤP ĐÔNG 4, TỔ 162, XÃ THỜI TAM THÔN, H HÓC MÔN, TP HCM                       | ADC-2018.09   | 3.959    | 395.900.000             |
| 2426 | 13.069                  | 1D          | BÙI HẢI PHONG         | 80A/32 PHỐ CƠ ĐIỀU, PHƯỜNG 3, TP.VĨNH LONG, VĨNH LONG                        | ADC-2018.09   | 1.996    | 199.600.000             |
| 2427 | 13.074                  | 1D          | PHẠM THÀNH QUỚI       | 275/2A Âu Cơ, Phường 05, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh                            | ADC-2018.09   | 99.800   | 9.980.000.000           |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT PHỤ LỤC | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                      | Mã trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2428 | 13.093                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC THANH | 268/1 TRẦN PHÚ, PHƯỚC NINH, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG                                | ADC-2018.09   | 1.996    | 199.600.000             |
| 2429 | 13.095                  | 1D          | BIỆN THANH BÌNH       | 38/10 PHAN VĂN TRU, PHƯỜNG 2, QUẬN 5, TP HCM                                 | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000             |
| 2430 | 13.097                  | 1D          | NGUYỄN HUỶNH BÍCH HÀ  | 472-473 NGUYỄN THÁI HỌC, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  | ADC-2018.09   | 4.987    | 498.700.000             |
| 2431 | 13.104                  | 1D          | NGÔ THỊ DUYỀN         | 188 NGUYỄN XÍ, PHƯỜNG 26, BÌNH THẠNH, HCM                                    | ADC-2018.09   | 5.000    | 500.000.000             |
| 2432 | 13.111                  | 1D          | ĐẶNG VŨ NGỌC MAI      | 6/57 ĐƯỜNG SỐ 3, CƯ XÁ LỮ GIA, PHƯỜNG 15, QUẬN 11, TP HỒ CHÍ MINH            | ADC-2018.09   | 1.927    | 192.700.000             |
| 2433 | 13.115                  | 1D          | TRẦN VĂN TIẾN         | SỐ 48, TỔ 73, KHÓM MỸ THIÊN, PHƯỜNG 3, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP               | ADC-2018.09   | 2.992    | 299.200.000             |
| 2434 | 13.119                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MẸ         | 70 NGÁCH 349/70 MINH KHAI VĨNH TUY HAI BÀ TRƯNG HÀ NỘI                       | ADC-2018.09   | 3.990    | 399.000.000             |
| 2435 | 13.139                  | 1D          | PHẠM THỊ BẠCH MAI     | 110/15/8 BÀ HOM, PHƯỜNG 13, QUẬN 6 HCM                                       | ADC-2018.09   | 1.962    | 196.200.000             |
| 2436 | 13.140                  | 1D          | VŨ THANH HƯNG         | 46 TRƯỞNG ĐỊNH, TỔ 42, KHÓM 4, PHƯỜNG 1, TP. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP             | ADC-2018.09   | 5.974    | 597.400.000             |
| 2437 | 13.150                  | 1D          | NGUYEN VAN TIEN       | L4 21 OT11 VINHOMES CENTRAL PARK, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 3.986    | 398.600.000             |
| 2438 | 13.157                  | 1D          | ĐOÀN THỰC PHẦN        | 343/18 VĨNH VIỄN, PHƯỜNG 05, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH                            | ADC-2018.09   | 37.778   | 3.777.800.000           |
| 2439 | 13.176                  | 1D          | LÊ KIM UYÊN           | 157B TRẦN VĂN ĐANG PHƯỜNG 11, QUẬN 3, TPHCM                                  | ADC-2018.09   | 4.189    | 418.900.000             |
| 2440 | 13.178                  | 1D          | VŨ VĂN HÙNG           | 28 KP1, PHƯỜNG ĐỒNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH               | ADC-2018.09   | 9.207    | 920.700.000             |
| 2441 | 13.189                  | 1D          | NGUYỄN KIM OANH       | SỐ 5/226 HAI BÀ TRƯNG AN BIÊN, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                            | ADC-2018.09   | 1.994    | 199.400.000             |
| 2442 | 13.211                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH      | SỐ 19 CẦU ĐẤT, P CHƯƠNG DƯƠNG, Q HOÀN KIẾM, HÀ NỘI                           | ADC-2018.09   | 10.282   | 1.028.200.000           |
| 2443 | 13.218                  | 1D          | NGUYỄN NGỌC MỸ        | ÔNG ĐỊNH, TÂN AN TÂY, NGỌC HIỂN, CÀ MAU                                      | ADC-2018.09   | 4.977    | 497.700.000             |
| 2444 | 13.221                  | 1D          | LÊ THỊ KIM THOA       | 68/6 ỨT TỊCH, PHƯỜNG 4, Q TÂN BÌNH, TPHCM                                    | ADC-2018.09   | 6.968    | 696.800.000             |
| 2445 | 13.226                  | 1D          | PHẠM THỊ THANH THÚY   | 390 PHẠM VĂN CHÍ PHƯỜNG 4 QUẬN 6 TP.HCM                                      | ADC-2018.09   | 1.960    | 196.000.000             |
| 2446 | 13.231                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MINH       | SỐ 399 NGÔ QUYỄN, ĐÀ NẴNG                                                    | ADC-2018.09   | 4.972    | 497.200.000             |
| 2447 | 13.244                  | 1D          | NGUYỄN THỊ DIỄM       | 1953/37 PHẠM THẾ HIỂN, PHƯỜNG 6, QUẬN 8, TPHCM                               | ADC-2018.09   | 4.472    | 447.200.000             |
| 2448 | 13.258                  | 1D          | LÊ TIẾN TRIỂN         | CÁI TẮT, AN ĐỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG                                        | ADC-2018.09   | 3.479    | 347.900.000             |
| 2449 | 13.278                  | 1D          | NGÔ THỊ LÝ            | 32/88 PHẠM HỮU ĐIỀU, NIỆM NGHĨA, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG                          | ADC-2018.09   | 7.652    | 765.200.000             |
| 2450 | 13.279                  | 1D          | LÊ VĂN KHANG          | THÔN YÊN CẨM 2, ĐỒNG YÊN, ĐỒNG SƠN, THANH HÓA                                | ADC-2018.09   | 2.982    | 298.200.000             |
| 2451 | 13.285                  | 1D          | PHẠM THỊ HỒNG ĐÀO     | TỔ 11- SÀI ĐỒNG - LONG BIÊN - HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 4.969    | 496.900.000             |
| 2452 | 13.301                  | 1D          | TRẦN THỊ KIM HUỆ      | 13/9 LÊ THÀNH TÔN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP.HCM                           | ADC-2018.09   | 1.987    | 198.700.000             |
| 2453 | 13.316                  | 1D          | PHẠM THỊ HỒNG LIÊN    | THÔN 9 NINH HIỆP, GIA LÂM, HÀ NỘI                                            | ADC-2018.09   | 3.605    | 360.500.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên              | Địa chỉ                                                                     | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2454 | 13.332                  | 1D          | NGUYỄN VĂN PHƯỚC       | 352 NƠ TRANG LONG, PHƯỜNG 13, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HCM                       | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 2455 | 13.334                  | 1D          | NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC    | 730/55 LẠC LONG QUÂN PHƯỜNG 9 Q TÂN BÌNH TPHCM                              | ADC-2018.09   | 1.985    | 198.500.000             |
| 2456 | 13.347                  | 1D          | NGUYỄN THANH LÂM       | 46/80 HẠ LÝ - HẠ LÝ - HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG                                 | ADC-2018.09   | 9.922    | 992.200.000             |
| 2457 | 13.353                  | 1D          | TRẦN TRẦN CHÁU         | 256 MINH PHỤNG, PHƯỜNG 2, QUẬN 11, TP.HCM                                   | ADC-2018.09   | 2.360    | 236.000.000             |
| 2458 | 13.371                  | 1D          | QUẦN THỊ THANH LÝ      | 1707A MANDARIN GARDEN2 P TÂN MAI Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI                      | ADC-2018.09   | 2.451    | 245.100.000             |
| 2459 | 13.377                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HUỆ         | SỐ 56/286 HAI BÀ TRƯNG, CÁT DÀI, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG.                        | ADC-2018.09   | 4.461    | 446.100.000             |
| 2460 | 13.388                  | 1D          | LÊ NGỌC PHƯỢNG         | 22 ĐƯỜNG 16, KP4, PHƯỜNG LINH ĐÔNG, TP THỦ ĐỨC, TPHCM                       | ADC-2018.09   | 2.971    | 297.100.000             |
| 2461 | 13.392                  | 1D          | PHÙNG QUỐC TIẾN        | TỔ 28 3/8 ĐỀN LỬ 1, PHƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ, QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI         | ADC-2018.09   | 2.726    | 272.600.000             |
| 2462 | 13.413                  | 1D          | LÊ THỊ XUYẾN           | 48/2C, ẤP MỸ HUỆ, TRUNG CHÁNH, HỐC MÔN, HỒ CHÍ MINH                         | ADC-2018.09   | 1.980    | 198.000.000             |
| 2463 | 13.427                  | 1D          | TRẦN ĐỨC THÔNG         | 45 NGÁCH 12/14 NGUYỄN VĂN TRỖI, PHƯỜNG LIỆT, THANH XUÂN, HÀ NỘI             | ADC-2018.09   | 2.969    | 296.900.000             |
| 2464 | 13.437                  | 1D          | PHÙNG TIỂU VÂN         | 457A/9 NHẬT TÁO PHƯỜNG 6 QUẬN 10 TPHCM                                      | ADC-2018.09   | 4.902    | 490.200.000             |
| 2465 | 13.440                  | 1D          | NGUYỄN HỮU ĐẠT         | 397/6 ĐỖ XUÂN HỢP, P PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC TP HCM                        | ADC-2018.09   | 9.887    | 988.700.000             |
| 2466 | 13.491                  | 1D          | LÊ THỊ HOÀNG           | 3/4A KHU PHỐ 8, TT. HỐC MÔN, HỐC MÔN, TPHCM, VN                             | ADC-2018.09   | 10.050   | 1.005.000.000           |
| 2467 | 13.502                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HÒE         | 34 NGUYỄN HUY TỰ P BẠCH ĐẰNG Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI                       | ADC-2018.09   | 15.841   | 1.584.100.000           |
| 2468 | 13.529                  | 1D          | LÊ THỊ ĐEP             | 39 ĐX 49, KHU 4, PHƯỜNG PHÚ MỸ, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.     | ADC-2018.09   | 9.735    | 973.500.000             |
| 2469 | 13.545                  | 1D          | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH   | 48/106 LÊ ĐÌNH DƯƠNG, P PHƯỚC NINH, Q HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG                  | ADC-2018.09   | 4.529    | 452.900.000             |
| 2470 | 13.574                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THUẬN       | 23 TÂN PHƯỚC, PHƯỜNG 08, Q.TÂN BÌNH, TPHCM                                  | ADC-2018.09   | 4.809    | 480.900.000             |
| 2471 | 13.595                  | 1D          | NGUYỄN ĐỨC MINH        | SỐ 23 NGÕ 1 PHAN ĐÌNH GIÓT, PHƯỜNG LIỆT, THANH XUÂN, HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 2.014    | 201.400.000             |
| 2472 | 13.615                  | 1D          | ĐOÀN HUỲNH PHƯƠNG THẢO | 220/158/3 LÊ VĂN SỸ PHƯỜNG 14 QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH                        | ADC-2018.09   | 4.903    | 490.300.000             |
| 2473 | 13.623                  | 1D          | HÀ THỊ DIỄM PHÚC       | 112/25/5 NGUYỄN THÁI SƠN, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, TPHCM                      | ADC-2018.09   | 3.023    | 302.300.000             |
| 2474 | 13.667                  | 1D          | TRỊNH THỊ THỦY         | QUANG TRUNG P ĐÔNG HƯƠNG TP THANH HÓA T THANH HÓA VN                        | ADC-2018.09   | 2.648    | 264.800.000             |
| 2475 | 13.680                  | 1D          | NGUYỄN VIỆT VINH       | 21 NGO TUC MAC P CUA NAM Q HOAN KIEM TP HA NOI                              | ADC-2018.09   | 5.588    | 558.800.000             |
| 2476 | 13.692                  | 1D          | HOÀNG VĂN HƯNG         | Số 85/189 Nguyễn Ngọc Vũ, Tổ 7, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                 | ADC-2018.09   | 4.885    | 488.500.000             |
| 2477 | 13.705                  | 1D          | LƯU THỊ KIM THANH      | P3-C3 TT CTY KDVT VÀ VLXD SỐNG ĐÀ 15 TỔ 16A PHƯỜNG LIỆT, THANH XUÂN, HÀ NỘI | ADC-2018.09   | 44.117   | 4.411.700.000           |
| 2478 | 13.717                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MỸ TUYẾT    | 386/33 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 03, TPHCM                                 | ADC-2018.09   | 9.804    | 980.400.000             |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BAN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                       | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bỏ thưởng |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|------------------------|
| 2479 | 13.724                  | 1D          | NGUYỄN QUANG TUYẾN    | 21 ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 9.804    | 980.400.000            |
| 2480 | 13.725                  | 1D          | VƯƠNG THỊ NGÀ         | TỔ 14 MAI ĐỘNG, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                             | ADC-2018.09   | 5.883    | 588.300.000            |
| 2481 | 13.730                  | 1D          | MAI QUẾ ANH           | 593 LŨY BÁN BÍCH, PHƯỜNG PHÚ THỌ HÒA, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH           | ADC-2018.09   | 9.768    | 976.800.000            |
| 2482 | 13.738                  | 1D          | TỔNG NGỌC CHÍN        | 204/10 THỐNG NHẤT, PHƯỜNG 10, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09   | 4.901    | 490.100.000            |
| 2483 | 13.742                  | 1D          | TRẦN ĐOÀN HẢI HÀ      | 3F TRẦN XUÂN SOẠN, P TÂN THUẬN TÂY, QUẬN 7, TP. HCM                           | ADC-2018.09   | 1.986    | 198.600.000            |
| 2484 | 13.753                  | 1D          | NGUYỄN TRẦN HỮU HIẾU  | 606/182 ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, HCM                                    | ADC-2018.09   | 1.961    | 196.100.000            |
| 2485 | 13.797                  | 1D          | PHAN THỊ HƯƠNG        | 630 H4, P TÂN MAI, Q HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI                                     | ADC-2018.09   | 2.254    | 225.400.000            |
| 2486 | 13.827                  | 1D          | TRẦN MỸ HẢO           | 25 Kỳ Hòa, Phường 11, Quận 5, TP HCM                                          | ADC-2018.09   | 1.960    | 196.000.000            |
| 2487 | 13.856                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG | SỐ 12 NGÁCH 66 NGÕ HÒA BÌNH 7 P MINH KHAI Q HAI BÀ TRƯNG TP HÀ NỘI            | ADC-2018.09   | 2.351    | 235.100.000            |
| 2488 | 13.890                  | 1D          | BÙI THỊ KIM THU       | TỔ 9, MAI ĐỘNG, HOÀNG MAI, HÀ NỘI                                             | ADC-2018.09   | 9.796    | 979.600.000            |
| 2489 | 13.895                  | 1D          | NGUYỄN THỊ THANH YẾN  | 102 QUỐC LỘ 13 CÙ HIỆP BÌNH PHƯỚC, TP THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH                    | ADC-2018.09   | 3.027    | 302.700.000            |
| 2490 | 13.901                  | 1D          | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC  | TỔ 17 KHÔM 2, PHƯỜNG 11, THÀNH PHỐ CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP                        | ADC-2018.09   | 3.919    | 391.900.000            |
| 2491 | 13.929                  | 1D          | NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH | 259A LÝ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG 15, QUẬN 11, TPHCM                                | ADC-2018.09   | 2.449    | 244.900.000            |
| 2492 | 13.945                  | 1D          | LÊ THỊ THÙY DUNG      | 57 TRANG TỬ, P14, Q5, TPHCM                                                   | ADC-2018.09   | 4.961    | 496.100.000            |
| 2493 | 13.950                  | 1D          | NGUYỄN THỊ VÂN ANH    | TỔ 18 P TƯƠNG MAI Q HOÀNG MAI TP HÀ NỘI                                       | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000            |
| 2494 | 13.972                  | 1D          | NGUYỄN THỊ MỸ LOAN    | 900/26 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG 7, QUẬN 5 TPHCM                                  | ADC-2018.09   | 2.940    | 294.000.000            |
| 2495 | 13.983                  | 1D          | NGUYỄN THỊ NGỌC UẾU   | 4/13 ẤP NAM THỜI, THỜI TAM THÔN, HÓC MÔN, TPHCM                               | ADC-2018.09   | 5.876    | 587.600.000            |
| 2496 | 13.987                  | 1D          | LÊ THỊ HẢI YẾN        | 2F QUANG TRUNG TRẦN HƯNG ĐẠO HOÀN KIẾM HÀ NỘI                                 | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000            |
| 2497 | 13.989                  | 1D          | TRẦN THỊ THẢO         | 14/6 ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A, QUẬN BÌNH TÂN, TP HCM               | ADC-2018.09   | 2.694    | 269.400.000            |
| 2498 | 13.992                  | 1D          | NGÔ THỊ CHI           | 339A LÊ VĂN SỸ PHƯỜNG 13 QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH                                | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000            |
| 2499 | 13.994                  | 1D          | LÂM MÃN DŨNG          | 7A/75 THANH THÁI, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, TP HCM                                  | ADC-2018.09   | 9.794    | 979.400.000            |
| 2500 | 14.006                  | 1D          | LẠI THỊ THU HỒNG      | 92/89C NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG 11 QUẬN BÌNH THẠNH TPHCM                            | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000            |
| 2501 | 14.030                  | 1D          | NGUYỄN THỊ DUNG       | 3/105 TỔ VĨNH DIỆN P ĐIỆN BIÊN TP THANH HÓA T THANH HÓA                       | ADC-2018.09   | 2.645    | 264.500.000            |
| 2502 | 14.038                  | 1D          | VŨ MAI THẢO           | 544 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG 17, QUẬN 11, TP HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09   | 2.000    | 200.000.000            |
| 2503 | 14.053                  | 1D          | LÊ THỊ THANH THÙY     | 2/9/14 LƯƠNG ĐỊNH CỬA, KIM LIÊN, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI                              | ADC-2018.09   | 3.722    | 372.200.000            |
| 2504 | 14.060                  | 1D          | NGUYỄN ANH TUYẾT      | SỐ 10A17 CN AM DƯƠNG, AN DƯƠNG, LÊ CHẨN, HẢI PHÒNG                            | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000            |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN AN | STT phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                                  | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2505 | 14.066                  | 1D          | ĐINH THỊ THANH TUYỀN  | 35 NGUYỄN TIỂU LA PHƯỜNG 5 QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                 | ADC-2018.09   | 3.918    | 391.800.000             |
| 2506 | 14.076                  | 1D          | ĐINH THỊ THANH HƯƠNG  | 121 CÙ LAO PHƯỜNG 2 Q PHÚ NHUẬN TPHCM                                    | ADC-2018.09   | 7.820    | 782.000.000             |
| 2507 | 14.096                  | 1D          | HÀ VĂN DŨNG           | 554/15/18 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 4, QUẬN 3, TP HCM                    | ADC-2018.09   | 2.448    | 244.800.000             |
| 2508 | 14.097                  | 1D          | NGUYỄN THANH ĐẠT      | 56/41 THÍCH QUẢNG ĐỨC, PHƯỜNG 05, QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  | ADC-2018.09   | 6.364    | 636.400.000             |
| 2509 | 14.105                  | 1D          | TRƯƠNG VĂN BẢO        | 91/4 TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, TP HCM                   | ADC-2018.09   | 10.770   | 1.077.000.000           |
| 2510 | 14.122                  | 1D          | LÃ TIẾN ĐẠT           | 16 TÂN PHƯỚC, PHƯỜNG 08, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM                           | ADC-2018.09   | 8.029    | 802.900.000             |
| 2511 | 14.140                  | 1D          | ĐINH QUANG TIẾP       | 149 CỐNG LỖ, P 15, Q. TÂN BÌNH, TPHCM                                    | ADC-2018.09   | 31.330   | 3.133.000.000           |
| 2512 | 14.141                  | 1D          | NGUYỄN HOÀNG GIANG    | 246-278, ẤP 2, XÃ LONG THỜI, NHÀ BÈ, TP HCM                              | ADC-2018.09   | 1.959    | 195.900.000             |
| 2513 | 14.171                  | 1D          | BÙI VĂN AN            | 12/2A KP4, THỊ TRẤN HỐC MỖN, HỐC MỖN, TPHCM                              | ADC-2018.09   | 2.938    | 293.800.000             |
| 2514 | 14.181                  | 1D          | LƯƠNG VĂN DƯƠNG       | 51A QUÁCH ĐÌNH BẢO P PHÚ THẠNH Q TÂN PHÚ TPHCM                           | ADC-2018.09   | 9.792    | 979.200.000             |
| 2515 | 14.223                  | 1D          | LÊ THỊ TUYẾT VÂN      | SỐ 39, KHÓM 1, PHƯỜNG 3, TP. TRÀ VINH, TRÀ VINH                          | ADC-2018.09   | 37.847   | 3.784.700.000           |
| 2516 | 14.251                  | 1D          | TRỊNH THỊ BÍ          | 11 B1-2-7 PANORAMA, P TÂN PHONG QUẬN 7 TPHCM                             | ADC-2018.09   | 3.235    | 323.500.000             |
| 2517 | 14.256                  | 1D          | LÂM THUẬN NGHI        | 35/6 CAO VĂN LÃU, P.01, Q.06, TPHCM                                      | ADC-2018.09   | 1.958    | 195.800.000             |
| 2518 | 14.280                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIM THUYẾT | TỔ 17, P HOÀ HẢI, Q NGŨ HÀNH SƠN, TP ĐÀ NẴNG                             | ADC-2018.09   | 1.960    | 196.000.000             |
| 2519 | 14.281                  | 1D          | PHẠM THỊ TẦN          | F09 T.1, ẤP PHƯỚC LỢI, XÃ PHƯỚC TÍNH, H. LONG ĐIỀN, T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU | ADC-2018.09   | 5.384    | 538.400.000             |
| 2520 | 14.284                  | 1D          | DIỆC MỸ HƯNG          | 231/4 NGUYỄN DUY DƯƠNG PHƯỜNG 4 QUẬN 10 TPHCM                            | ADC-2018.09   | 1.958    | 195.800.000             |
| 2521 | 14.312                  | 1D          | MAI VĂN CẦN           | 55 NGÕ 93 HOÀNG VĂN THÁI P KHƯƠNG TRUNG Q THANH XUÂN TP HÀ NỘI           | ADC-2018.09   | 3.916    | 391.600.000             |
| 2522 | 14.313                  | 1D          | NGÔ THỊ MỸ LINH       | 1/22 BẮC Đẩu P THANH BÌNH Q HẢI CHÂU TP ĐÀ NẴNG                          | ADC-2018.09   | 2.937    | 293.700.000             |
| 2523 | 14.319                  | 1D          | HUỖNH HIỆP THẢO NGHI  | 48G TRẦN VĂN ĐANG PHƯỜNG 9, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH                      | ADC-2018.09   | 9.843    | 984.300.000             |
| 2524 | 14.345                  | 1D          | NGUYỄN THỊ KIỀU ANH   | A002 LÔ A C/C NHIỀU TỨ 1 PHƯỜNG 7 Q PHÚ NHUẬN TPHCM                      | ADC-2018.09   | 9.790    | 979.000.000             |
| 2525 | 14.354                  | 1D          | NGUYỄN THỊ VĂN        | 67 BÙI VĂN NGŨ, PHƯỜNG TÂN CHÁNH HIỆP, QUẬN 12, TPHCM VN                 | ADC-2018.09   | 1.958    | 195.800.000             |
| 2526 | 14.358                  | 1D          | PHAN THỊ NHUNG        | 372/36 CÁCH MẠNG THÁNG 8, PHƯỜNG 10, QUẬN 3, TPHCM                       | ADC-2018.09   | 21.534   | 2.153.400.000           |
| 2527 | 14.362                  | 1D          | MAI THỊ PHƯƠNG DUNG   | 237/54/17 HOÀNG DIỆU, PHƯỜNG 8 QUẬN 4 TPHCM                              | ADC-2018.09   | 9.790    | 979.000.000             |
| 2528 | 14.377                  | 1D          | NGUYỄN THỊ BÍCH SƠN   | 5M CƯ XÁ PHAN ĐĂNG LƯU PHƯỜNG 3 Q BÌNH THẠNH TPHCM                       | ADC-2018.09   | 13.132   | 1.313.200.000           |
| 2529 | 14.380                  | 1D          | NGUYỄN VĂN THOÁN      | 73 THÀNH THÁI, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, TPHCM                                 | ADC-2018.09   | 2.834    | 283.400.000             |
| 2530 | 14.389                  | 1D          | NGUYỄN HOÀNG LIÊN     | 173A VÕ VĂN TẦN, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TPHCM                                 | ADC-2018.09   | 2.937    | 293.700.000             |
| 2531 | 14.446                  | 1D          | TÔ THỊ THIÊN LÝ       | 171 NGÕ THỊNH QUANG, THỊNH QUANG, ĐỒNG ĐA, PÀ MỘT                        | ADC-2018.09   | 19.571   | 1.957.100.000           |



| STT  | SET THEO<br>PHỤ LỤC<br>BẢN A/N | SET<br>phụ lục | Họ và tên             | Địa chỉ                                                            | Mã Trại phiếu | Số lượng | Số tiền được<br>bồi thường |
|------|--------------------------------|----------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------------------|
| 2532 | 14.450                         | 1D             | LÊ THỊ PHƯƠNG HÀ      | 831 HƯNG PHÚ, P9, QUẬN 8, TP. HỒ<br>CHÍ MINH                       | ADC-2018.09   | 2.457    | 245.700.000                |
| 2533 | 14.467                         | 1D             | PHẠM XUÂN THANH       | 35 NGÕ 2 HÀM LONG P PHAN CHU<br>TRINH Q HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI VN     | ADC-2018.09   | 19.571   | 1.957.100.000              |
| 2534 | 14.473                         | 1D             | TRẦN THỊ NGỌC LOAN    | W1 1501 CC SUNRISE CITY, P TÂN<br>HƯNG, QUẬN 7, TP HCM             | ADC-2018.09   | 17.614   | 1.761.400.000              |
| 2535 | 14.474                         | 1D             | DƯƠNG ĐẠI PHÁT        | 18A/101 NGUYỄN THỊ MINH KHAI,<br>PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP HCM     | ADC-2018.09   | 4.895    | 489.500.000                |
| 2536 | 14.488                         | 1D             | LÊ THỊ LAN            | 200 ĐƯỜNG 3 THÁNG 2, PHƯỜNG 12,<br>QUẬN 10, TPHCM, VN              | ADC-2018.09   | 5.872    | 587.200.000                |
| 2537 | 14.494                         | 1D             | NGUYỄN VĂN CHINH      | A13/11 HD 9 QUỐC LỘ 50, ẤP 2, XÃ<br>BÌNH HƯNG, H BÌNH CHÁNH ,TPHCM | ADC-2018.09   | 3.000    | 300.000.000                |
| 2538 | 14.498                         | 1D             | NGUYỄN THỊ LAN        | SỐ 42 TỔ 8 P ĐỨC GIANG Q LONG<br>BIÊN TP HÀ NỘI                    | ADC-2018.09   | 5.334    | 533.400.000                |
| 2539 | 14.518                         | 1D             | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỊ | 14/13 LÊ VĂN LƯƠNG, KP2, P. TÂN<br>HƯNG, QUẬN 7, TP. HCM           | ADC-2018.09   | 14.678   | 1.467.800.000              |
| 2540 | 14.519                         | 1D             | NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG | 280 PASTEUR, PHƯỜNG 8, QUẬN 3, TP<br>HCM                           | ADC-2018.09   | 14.893   | 1.489.300.000              |
| 2541 | 14.530                         | 1D             | HOÀNG THỊ TUYẾT TRINH | 227 HUYNH VĂN BÀNH PHƯỜNG 12 Q<br>PHÚ NHUẬN TPHCM                  | ADC-2018.09   | 1.960    | 196.000.000                |
| 2542 | 14.541                         | 1D             | NGUYỄN THỊ KIM CÚC    | 86/8 TÊN LỬA, P AN LẠC A Q BÌNH TÂN<br>TPHCM                       | ADC-2018.09   | 3.910    | 391.000.000                |
| 2543 | 14.546                         | 1D             | HỒ THỊ PHƯƠNG         | SỐ 9 LÊ LÂM P PHÚ THẠNH Q TÂN PHÚ<br>TPHCM                         | ADC-2018.09   | 3.915    | 391.500.000                |
| 2544 | 14.552                         | 1D             | TRẦN HUỆ NHI          | 15/18 ĐƯỜNG HÒA BÌNH, PHƯỜNG 3,<br>QUẬN 11, TPHCM                  | ADC-2018.09   | 1.933    | 193.300.000                |
| 2545 | 14.556                         | 1D             | NGUYỄN ĐỨC TIẾN       | 10 ĐẶNG LỘ PHƯỜNG 7 Q TÂN BÌNH<br>TPHCM                            | ADC-2018.09   | 1.958    | 195.800.000                |
| 2546 | 14.585                         | 1D             | LƯU THỊ BÍCH CHÂU     | 376/4 BÌNH ĐÔNG, PHƯỜNG 15,<br>QUẬN 8, TP. HỒ CHÍ MINH             | ADC-2018.09   | 1.958    | 195.800.000                |
| 2547 | 14.626                         | 1D             | LÝ NGỌC LONG          | 445/8/10, ĐT 743A, KP ĐÔNG TÂN, P<br>DĨ AN, TP DĨ AN, BÌNH DƯƠNG   | ADC-2018.09   | 3.472    | 347.200.000                |
| 2548 | 14.700                         | 1D             | LÊ THỊ LƯƠNG          | TỔ 9 LĨNH NAM, Q. HOÀNG MAI, HÀ<br>NỘI.                            | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000                |
| 2549 | 14.708                         | 1D             | Trần Ngọc Lê          | 36/45/32/49/13/27, BÙI TƯ TOÀN, AN<br>LẠC, BÌNH TÂN, TP HCM        | ADC-2018.09   | 2.934    | 293.400.000                |
| 2550 | 14.721                         | 1D             | NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI  | 05 PHAN HUY ÔN PHƯỜNG 19 Q BÌNH<br>THẠNH TPHCM                     | ADC-2018.09   | 4.047    | 404.700.000                |
| 2551 | 14.729                         | 1D             | VŨ THỊ HẰNG           | SỐ 04 LỘ 11 LÂM TƯỜNG, HỒ NAM,<br>LÊ CHÂM, HẢI PHÒNG               | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000                |
| 2552 | 14.734                         | 1D             | LÂM MINH NGUYỆT       | 92B HÙNG VƯƠNG PHƯỜNG 9 QUẬN<br>5 TPHCM                            | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000                |
| 2553 | 14.738                         | 1D             | TRẦN THỊ NGÀ          | SỐ 7, NGÕ 29 P DỊCH VỌNG Q CẦU<br>GIẤY TP HÀ NỘI                   | ADC-2018.09   | 3.521    | 352.100.000                |
| 2554 | 14.741                         | 1D             | HOÀNG QUỐC THƯỜNG     | SN 15 NGÕ 68, P QUAN HOA, Q CẦU<br>GIẤY, TP HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000                |
| 2555 | 14.746                         | 1D             | NGUYỄN THANH HẢI      | SỐ 25 NGÕ 93 HOÀNG VĂN THÁI<br>THẠNH XUÂN HÀ NỘI                   | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000                |
| 2556 | 14.750                         | 1D             | PHẠM THỊ NGỌC GIAO    | SỐ 341 ĐÀ NẴNG, VẠN MỸ, NGÕ<br>QUYỀN, HẢI PHÒNG                    | ADC-2018.09   | 1.956    | 195.600.000                |
| 2557 | 14.762                         | 1D             | PHẠM THUY LINH        | TỔ 2, KHU 3 ĐÔNG TRIỀU, THỊ XÃ<br>ĐÔNG TRIỀU, QUẢNG NINH           | ADC-2018.09   | 2.443    | 244.300.000                |
| 2558 | 14.777                         | 1D             | NGUYỄN MINH PHƯƠNG    | 104 TÔN ĐỨC THẮNG, QUỐC TỬ<br>GIÁM, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI                | ADC-2018.09   | 4.886    | 488.600.000                |
| 2559 | 14.802                         | 1D             | NGUYỄN HOÀNG QUÂN     | 280 PASTEUR, PHƯỜNG 8, QUẬN 3, TP<br>HCM.                          | ADC-2018.09   | 5.811    | 581.100.000                |



| STT  | STT THEO PHỤ LỤC BẢN ÁN | STT phụ lục | Họ và tên                  | Địa chỉ                                                                    | Mã Trái phiếu | Số lượng | Số tiền được bồi thường |
|------|-------------------------|-------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------|
| 2560 | 14.818                  | 1D          | TỔNG THỊ MINH TRANG        | 47 LÊ VĂN THIÊM P NHÃN CHÍNH Q THANH XUÂN TP HÀ NỘI                        | ADC-2018.09   | 1.950    | 195.000.000             |
| 2561 | 14.828                  | 1D          | TRẦN THUY GIA UYÊN         | 339/54A2 LÊ VĂN SỸ, PHƯỜNG 13, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH                     | ADC-2018.09   | 4.539    | 453.900.000             |
| 2562 | 14.849                  | 1D          | NGÔ THỊ THU HÀ             | TAM SƠN, TỨ SƠN, BẮC NINH                                                  | ADC-2018.09   | 3.906    | 390.600.000             |
| 2563 | 14.877                  | 1D          | NGUYỄN THỊ BÔNG            | 183B/25/22 TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM                         | ADC-2018.09   | 1.948    | 194.800.000             |
| 2564 | 14.888                  | 1D          | NGUYỄN THỊ HIỀN            | P201 CT8 P. ĐÌNH CÔNG HÀ NỘI                                               | ADC-2018.09   | 1.952    | 195.200.000             |
| 2565 | 14.893                  | 1D          | BÙI THUY PHƯƠNG            | NHÀ 10 NGÁCH 35 NGÕ 81 LINH LANG, CỐNG VI, BA ĐÌNH, HÀ NỘI                 | ADC-2018.09   | 6.734    | 673.400.000             |
| 2566 | 14.897                  | 1D          | ĐÌNH TẤN LỘC               | 69A1 CMT8 P AN HÒA Q NINH KIỀU TP CẦN THƠ                                  | ADC-2018.09   | 2.440    | 244.000.000             |
| 2567 | 14.898                  | 1D          | HÀ THỊ HƯƠNG LOAN          | 101/5 CHUÔNG DƯƠNG KP2 P LINH CHIỂU TP THỦ ĐỨC TP HCM                      | ADC-2018.09   | 9.760    | 976.000.000             |
| 2568 | 14.909                  | 1D          | NGUYỄN THỊ LAN             | TỔ 25 NGỌC THUY, LONG BIÊN, HÀ NỘI                                         | ADC-2018.09   | 1.951    | 195.100.000             |
| 2569 | 14.938                  | 1D          | HOLBRECHTS JEAN-LOUIS PIER | MƯỜNG THANH VIỄN TRIỀU, VĨNH PHƯỚC, NHA TRANG, KHÁNH HÒA                   | ADC-2018.09   | 12.474   | 1.247.400.000           |
| 2570 | 14.941                  | 1D          | LÝ HỒNG HẢI                | 35 LẦU 2 NGUYỄN VĂN TRÁNG, PHƯỜNG BẾN THÀNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | ADC-2018.09   | 1.951    | 195.100.000             |
| 2571 | 14.956                  | 1D          | BÙI THỊ THẨM               | TỔ 20, P KỲ BÀ, TP THÁI BÌNH, T THÁI BÌNH                                  | ADC-2018.09   | 1.951    | 195.100.000             |
| 2572 | 14.976                  | 1D          | NGUYỄN THỊ BĂNG TÂM        | 37/7 NGÕ TẮT TỔ, P.21, Q.BÌNH THẠNH TP.HCM ,VN                             | ADC-2018.09   | 1.950    | 195.000.000             |
| 2573 | 14.980                  | 1D          | VÕ THỊ DIỆU                | 354/76 PHAN VĂN TRỊ, PHƯỜNG 11, QUẬN BÌNH THẠNH, TP HCM                    | ADC-2018.09   | 2.900    | 290.000.000             |